PHẦN IV

NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

(111) **4-0095221**
(210) 4-2005-13566
(181) 22.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 22.12.2005

(531) A1.1.10; A1.11.8
(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT TIÊU CHUẨN HOA KỲ (VN)
Số 10 ngõ 30 Nguyễn Trung Trực, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh lọc, nước có gaz, đồ uống không chứa cồn, nước ép trái cây, nước khoáng (đồ uống), nước ép rau quả (đồ uống).

---

(111) **4-0095222**
(210) 4-2006-02926
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 02.03.2006

(531) A1.5.3
(731) CƠ SỞ TÂN TÂN (VN)
1488D1 Khuông Việt, phường 19, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

(511) Nhóm 29: Mực tẩm gia vị.

---

(111) **4-0095223**
(210) 4-2006-02743
(181) 29.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FOLITAT DẠ DÀY

(151) 25.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI (VN)
521 đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

(511) Nhóm 05: Thuốc và dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0095224**
(210) 4-2006-02927
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DOFIX

(151) 25.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0095225**
(210) 4-2006-17446
(181) 17.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SC PERFUME

(151) 25.01.2008
(220) 17.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN (VN)
930 Nguyễn Thị Định, khu công nghiệp Cát Lái 2, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nước hoa; kem dưỡng da; nước dưỡng da; chất khử mùi dùng cho cá nhân; sữa tắm; sữa rửa mặt.

---

(111) **4-0095226**
(210) 4-2006-16707
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KEFODOX

(151) 25.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu; dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0095227**
(210) 4-2006-16708
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ULTIROM

(151) 25.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu, dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0095228**
(210) 4-2006-16709
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TENCEFIN

(151) 25.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu; dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0095229**
(210) 4-2006-16720
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PENCIMOX

(151) 25.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu; dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0095230**
(210) 4-2006-16721
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PENTOXIB

(151) 25.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu; dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0095231**
(210) 4-2006-16723
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PENTAZIDIN

(151) 25.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu; dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0095232**
(210) 4-2006-16724
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PENCEFTIN

(151) 25.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu; dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0095233**
(210) 4-2006-17040
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KUFAXN PLUS

(151) 25.01.2008
(220) 11.10.2006

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD (IN)
L-2 Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharastra, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và sản phẩm dược.

---

(111) **4-0095234**
(210) 4-2006-17041
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TAXIMCURE

(151) 25.01.2008
(220) 11.10.2006

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD (IN)
L-2 Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharastra, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và sản phẩm dược.

---

(111) **4-0095235**
(210) 4-2006-17083
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TAIGA

(151) 25.01.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÂN Á (VN)
Số nhà 41, lô 2A, đường 11, khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095236**
(210) 4-2006-17084
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CHEMGAT

(151) 25.01.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THĂNG LONG (VN)
127 đường Quốc Bảo, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0095237**
(210) 4-2006-17665
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

OXEDEP

(151) 25.01.2008
(220) 20.10.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095238**
(210) 4-2006-17666
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ESSERM

(151) 25.01.2008
(220) 20.10.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

(111) **4-0095239**
(210) 4-2006-17667
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NEASYN

(151) 25.01.2008
(220) 20.10.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095240**
(210) 4-2006-16960
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HRC®

(151) 25.01.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÀ NỘI (VN)
Thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Giầy dép các loại.

---

(111) **4-0095241**
(210) 4-2006-09469
(181) 19.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HIỆP HÒA

(151) 25.01.2008
(220) 19.06.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH HIỆP HOÀ (VN)
80 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến- Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095242**
(210) 4-2006-10602
(181) 06.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 06.07.2006

(531) 26.1.2
(591) Trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TRÀ GIA NHƯ (VN)
S.0.1 đường số 9A, khu 5, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Keo dán tổng hợp dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0095243**
(210) 4-2006-12300
(181) 01.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 01.08.2006

(531) 26.4.2; 25.12.25; 5.5.16; 1.7.1
(591) Đỏ, vàng, hồng phấn, hồng nâu, hồng đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0095244**
(210) 4-2006-12301
(181) 01.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 01.08.2006

(531) 5.5.23; 5.5.16; 25.12.25; 1.7.6; 3.7.16
(591) Đỏ, vàng, ghi nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0095245**
(210) 4-2006-12302
(181) 01.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 01.08.2006

(531) 1.7.6; 5.5.16; 3.7.16
(591) Đỏ, vàng, vàng nhạt, trắng, nâu vàng, đỏ mận chín
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0095246**
(210) 4-2006-14578
(181) 01.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 01.09.2006

(531) 2.9.14; 5.7.13
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HUYNH ĐỆ (VN)
20 Nguyễn Thiện Thuật, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng ăn uống, nhà hàng ăn nhanh, quán cà phê, quán rượu, nhà hàng giải khát.

---

(111) **4-0095247**
(210) 4-2006-15995
(181) 22.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CATALAN

(151) 25.01.2008
(220) 22.09.2006

(731) CAO VIẾT XỨNG (VN)
Tổ 56, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Gạch; gạch ốp lát ceramic; gạch lát nền granit.

Nhóm 35: Dịch vụ thương mại: mua bán hàng hóa.
Nhóm 36: Quản lý mua bán, cho thuê bất động sản.

---

(111) **4-0095248**
(210) 4-2006-16473
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SAFEPIM

(151) 25.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095249**
(210) 4-2006-16512
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LANAM

(151) 25.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM (VN)
Số 4, đường 30/4, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095250**
(210) 4-2006-16513
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CLAMINAT

(151) 25.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM (VN)
Số 4, đường 30/4, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095251**
(210) 4-2006-16529
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 02.10.2006

(531) 26.1.6; A26.11.25; A26.11.8
(591) Vàng đất, xanh lam
(731) NGUYỄN THỊ LOAN (VN)
Hoà Loan, xã Lũng Hoà, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 30: Tương.

---

(111) **4-0095252**
(210) 4-2006-16725
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SPARDROPS

(151) 25.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu; dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0095253**
(210) 4-2006-08824
(181) 08.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HANWHA

(151) 25.01.2008
(220) 08.06.2006

(731) HANWHA CORPORATION (KR)
1, Changgyo-dong, Chung-ku, Seoul 100-220, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ đầu tư vốn; kinh doanh chứng khoán; môi giới chứng khoán; mua trái phiếu; hoạt động kinh doanh tiền tệ của ngân hàng với chức năng là đầu tư, dịch vụ tư vấn về đầu tư chứng khoán.

---

(111) **4-0095254**
(210) 4-2006-09190
(181) 14.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Nuti IQ - Mum

(151) 25.01.2008
(220) 14.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG ĐỒNG TÂM (VN)
208 Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm làm từ sữa; đồ uống có sữa là chủ yếu; thịt; cá (không phải là cá sống); chất chiết ra từ thịt.

---

(111) **4-0095255**
(210) 4-2006-14925
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SOFY
Thoải mái mỗi ngày

(151) 25.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) UNI-CHARM CORPORATION (JP)
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho mục đích y tế, băng vệ sinh, miếng lót (dùng cho mục đích vệ sinh); băng vệ sinh phụ nữ dùng trong kỳ kinh nguyệt; quần lót vệ sinh; tã lót dùng trong trường hợp không kiềm chế được; miếng thấm dùng trong trường hợp không kiềm chế được; quần lót dùng trong trường hợp không kiềm chế được; mặt nạ vệ sinh có chứa dược phẩm; bông thấm; miếng lót ngực để thấm sữa chảy dùng cho phụ nữ đang cho con bú; chất khử mùi không dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0095256**
(210) 4-2006-15753
(181) 19.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Vert & Vert

(151) 25.01.2008
(220) 19.09.2006

(531) A25.3.7; A5.3.14
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỸ THUẬT ỨNG DỤNG MẶT NẠ VÀNG (VN)
Số 6 Lê Tuấn Mậu, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 31: Cây; cây cảnh; cây giống; hạt giống; hoa tự nhiên (hoa tươi); hoa khô dùng để trang trí.

---

(111) **4-0095257**
(210) 4-2006-15996
(181) 22.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NHÀ SANG

(151) 25.01.2008
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH XUÂN LỘC THỌ (VN)
Xóm 4, thôn Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị điện, đồ điện gia dụng, vật liệu xây dựng, đồ nội thất, đồ trang trí nội thất, đồ trang trí ngoại thất.

---

(111) **4-0095258**
(210) 4-2006-15997
(181) 22.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NHÀ VƯỢNG

(151) 25.01.2008
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH XUÂN LỘC THỌ (VN)
Xóm 4, thôn Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị điện, đồ điện gia dụng, vật liệu xây dựng, đồ nội thất, đồ trang trí nội thất, đồ trang trí ngoại thất.

---

(111) **4-0095259**
(210) 4-2006-16527
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SÔNG KIÊN

(151) 25.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH GIANG PHƯƠNG (VN)
Số 27B5, đường 2L, khu lấn biển, phường Vĩnh Bảo, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dầu gió.

---

(111) **4-0095260**
(210) 4-2006-16642
(181) 04.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SÉU

(151) 25.01.2008
(220) 04.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIM PHƯỚC (VN)
B02-1, khu công nghiệp Đức Hoà 1, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 32: Nước giải khát có ga; nước giải khát không ga; nước uống đóng chai; bia; nước ép hoa quả; nước uống tăng lực (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0095261**
(210) 4-2006-01441
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DOMIJECT

(151) 25.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HOÀ (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095262**
(210) 4-2006-02584
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 24.02.2006

(531) 26.1.1
(591) Xám, da cam, xanh lá cây, đen
(731) SURBANA INTERNATIONAL CONSULTANTS PTE LTD (SG)
168 Jalan Bukit Merah # 01 - 01, Singapore 150168
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 42: Kiến trúc; đo vẽ thiết kế, thiết kế và quy hoạch đô thị; lập bản đồ địa chính; thiết lập bản vẽ (xây dựng); vẽ (kỹ thuật); kỹ thuật xây dựng; thiết kế kiến trúc, thiết kế kỹ thuật, dịch vụ thiết kế nội thất và cảnh quan; dịch vụ tư vấn và cố vấn về thiết kế nội thất và cảnh quan, kỹ thuật, kiến trúc; thiết kế cảnh quan; quản lý đất đai và trang thiết bị (dịch vụ kỹ thuật liên quan đến: xây dựng; tư vấn về bảo vệ môi trường, lập quy hoạch; quản lý và tư vấn về đô thị, cao ốc, đất đai); tiến hành khảo sát nghiên cứu và nghiên cứu về xây dựng và quy hoạch thành phố; tiến hành thử nghiệm hoặc nghiên cứu khả thi trong lĩnh vực xây dựng dân dụng; nghiên cứu công nghệ cho ngành công nghiệp xây dựng nhà cao tầng; nghiên cứu dự án kỹ thuật liên quan đến quy hoạch thành phố, xây dựng nhà cao tầng, hệ thống dịch vụ xây dựng, kiến trúc, xây dựng dân dụng, toàn bộ dự án và quản lý trang thiết bị của dự án; khảo sát và nghiên cứu địa chất; tiến hành khảo sát, giám định và nghiên cứu về đất và lòng đất; tất cả nằm trong nhóm này.

---

(111) **4-0095263**
(210) 4-2006-01490
(181) 27.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HỘI LONG GROUP
会龙

(151) 25.01.2008
(220) 27.01.2006

(731) DOANH NGHIỆP HOÀNG LONG (VN)
241 Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0095264**
(210) 4-2006-01491
(181) 27.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 27.01.2006

(531) A1.1.10; A1.11.8; 26.1.1
(591) Đỏ, vàng, xanh dương, xanh lá cây nhạt
(731) DOANH NGHIỆP HOÀNG LONG (VN)
241 Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0095265**
(210) 4-2006-07548
(181) 17.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 17.05.2006

(531) 26.11.1; A26.11.6; A26.11.12
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ - XÂY DỰNG KHÔNG GIAN ĐẸP (VN)
23 Chấn Hưng, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng công trình dân dụng.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng.

---

(111) **4-0095266**
(210) 4-2006-02580
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

COBRA

(151) 25.01.2008
(220) 24.02.2006

(731) COBRA GOLF INCORPORATED (US)
1812 Aston Avenue Carlsbad, California, 92008 United States Of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 28: Trò chơi, đồ chơi; dụng cụ thể dục và thể thao không xếp trong các nhóm khác, cụ thể là dụng cụ chơi gôn; đồ trang hoàng cây thông noel (trừ bánh mứt kẹo và thiết bị chiếu sáng).

---

(111) **4-0095267**
(210) 4-2006-02581
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 24.02.2006

(531) 3.11.1; 24.9.1
(731) COBRA GOLF INCORPORATED (US)
1812 Aston Avenue Carlsbad, California, 92008 United States Of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón.

Nhóm 28: Trò chơi, đồ chơi; dụng cụ thể dục và thể thao không xếp trong các nhóm khác, cụ thể là dụng cụ chơi gôn; đồ trang hoàng cây thông noel (trừ bánh mứt kẹo và thiết bị chiếu sáng).

---

(111) **4-0095268**
(210) 4-2006-07943
(181) 23.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

EFFIXENT

(151) 25.01.2008
(220) 23.05.2006

(731) ANTIBIOTICE S.A (RO)
1, Valea Lupului Street, 707410 IASI, Romania
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người.

---

(111) **4-0095269**
(210) 4-2006-01492
(181) 27.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Zitrazol

(151) 25.01.2008
(220) 27.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM ĐỒNG (VN)
Số nhà 2, ngõ 164/117 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095270**
(210) 4-2006-01514
(181) 03.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

新飞

(151) 25.01.2008
(220) 03.02.2006

(531) 3.7.1
(591) Xanh nước biển, đen, trắng
(731) HENAN XINFEI ELECTRIC CO. LTD., (CN)
No. 370, Beigan Road, Xinxiang City, Henan, People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy giặt; máy nén dùng cho tủ lạnh, thiết bị làm lạnh; chi tiết và phụ tùng của tất cả các sản phẩm nói trên.

Nhóm 11: Tủ lạnh, thiết bị làm lạnh; máy, tủ đông lạnh; lò vi sóng; thiết bị điều hòa không khí; máy, thiết bị và côngtenơ làm mát và đông lạnh; thiết bị thông gió và làm mát không khí; lò, bếp nấu ăn; thiết bị và máy, dụng cụ dùng để nấu nướng; dụng cụ nấu nướng bằng điện; lò sưởi (thiết bị sưởi nóng); lò, không phải loại dùng cho thí nghiệm; chi tiết và phụ tùng của tất cả các sản phẩm nói trên.

---

(111) **4-0095271**
(210) 4-2006-01515
(181) 03.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 03.02.2006

(531) 3.7.1
(591) Xanh nước biển, đen, trắng
(731) HENAN XINFEI ELECTRIC CO. LTD., (CN)
No. 370, Beigan Road, Xinxiang City, Henan People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy giặt; máy nén dùng cho tủ lạnh, thiết bị làm lạnh; chi tiết và phụ tùng của tất cả các sản phẩm nói trên.

Nhóm 11: Tủ lạnh, thiết bị làm lạnh; máy, tủ đông lạnh; lò vi sóng; thiết bị điều hòa không khí; máy, thiết bị và côngtenơ làm mát và đông lạnh; thiết bị thông gió và làm mát không khí; lò, bếp nấu ăn; thiết bị và máy, dụng cụ dùng để nấu nướng; dụng cụ nấu nướng bằng điện; lò sưởi (thiết bị sưởi nóng); lò, không phải loại dùng cho thí nghiệm; chi tiết và phụ tùng của tất cả các sản phẩm nói trên.

---

(111) **4-0095272**
(210) 4-2006-07812
(181) 22.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ACADIAN

(151) 25.01.2008
(220) 22.05.2006

(731) ACADIAN SEAPLANTS LIMITED (CA)
30 Brown Avenue, Dartmouth, Nova Scotia, Canada B3B 1X8
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 01: Phân bón dùng cho đất.

---

(111) **4-0095273**
(210) 4-2006-01455
(181) 26.01.2016
(300) 2005/02315 09.11.2005 IE
(450) 25.03.2008 240
(540)

AVEXITE

(151) 25.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) TIBOTEC PHARMACEUTICALS LTD. (IE)
Little Island, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095274**
(210) 4-2006-05639
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HIMAX

(151) 25.01.2008
(220) 12.04.2006

(731) NIHON TABAKO SANGYO KABUSHIKI KAISHA (JAPAN TOBACCO INC.) (JP)
2-1, Toranomon 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Mật ong nước mật dùng cho thực phẩm đường, gia vị tạo ngọt, men thực phẩm tinh chế; bột nướng; muối nấu nướng; muối cần tây; muối dùng trong nấu ăn; nước xốt cà chua và nấm; may-on-ne; nước xốt chiết xuất từ thịt; muối dùng để bảo quản thực phẩm; nước xốt (gia vị); bột ngọt; tương (xì dầu); nước xốt cà chua; giấm; mù tạc; gia vị.

---

(111) **4-0095275**
(210) 4-2006-02989
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Blue's Pro

(151) 25.01.2008
(220) 03.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỄN THÔNG VIỆT HỒNG HÀ (VN)
4531-4533-4535 Nguyễn Cửu Phú, khu phố 4, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các thiết bị viễn thông, mua bán đồng hồ nước, mua bán hàng kim khí điện máy.

---

(111) **4-0095276**
(210) 4-2006-02991
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

JANSOUNG® ELECTRONICS

(151) 25.01.2008
(220) 03.03.2006

(731) CƠ SỞ SƠN TÙNG (VN)
12/11 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Máy tăng âm (ampli); đầu máy đọc đĩa kỹ thuật số, loa; đầu máy hát karaoke; ống nói (micrô); bộ trộn âm (mixer).

---

(111) **4-0095277**
(210) 4-2006-03101
(181) 06.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SORBASID

(151) 25.01.2008
(220) 06.03.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095278**
(210) 4-2006-03102
(181) 06.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

OPEROXI

(151) 25.01.2008
(220) 06.03.2006

(731) O.P.V. INTERNATIONAL, INC. (US)
40 Central Park South, Suite 12 H, New York, New York 10019 USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095279**
(210) 4-2006-06480
(181) 26.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 26.04.2006

(531) 26.3.23; A26.11.12; A7.1.12; 7.1.24; 7.1.25
(591) Xanh, trắng
(731) TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM (VN)
Số 1, phố Đào Duy Anh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Cho thuê không gian quảng cáo.

Nhóm 36: Cho thuê bất động sản; quản lý tòa nhà; quản lý tài sản bất động sản.

---

(111) **4-0095280**
(210) 4-2006-02163
(181) 16.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 25.01.2008
(220) 16.02.2006

(731) HAATZ. INC (KR)
67 Galgot-ri, Jinwi-myeon, Pyoungtaek-shi, Gyounggi-do, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy hút mùi bằng điện, máy sấy bát bằng điện, bếp gas, chậu rửa, máy rửa bát bằng điện, thùng gạo.

---

(111) **4-0095281**
(210) 4-2005-15526
(181) 17.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 17.11.2005

(731) HOÀNG THỊ HỒNG HOA (VN)
38 Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bếp ga; dây của bếp ga; van của bếp ga; thiết bị khử mùi dùng trong nhà bếp.

---

(111) **4-0095282**
(210) 4-2006-00807
(181) 16.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 16.01.2006

(531) 24.15.1; 26.3.23; A26.11.12; A5.3.14
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
Ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền; mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0095283**
(210) 4-2006-00808
(181) 16.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HELLO TRÀ XANH

(151) 28.01.2008
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
Ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0095284**
(210) 4-2006-01020
(181) 19.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Emultex

(151) 28.01.2008
(220) 19.01.2006

(731) REVERTEX (MALAYSIA) SDN. BHD. (MY)
1 1/2 Miles, Jalan Batu Pahat, K.B. 508, 86009 Kluang, Johor, Malaysia
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 01: Nhựa acrylic ở trạng thái thô; chất dính dùng trong công nghiệp; chất dính dùng cho lớp gạch bông lát tường; hoá chất dùng trong công nghiệp; hoá chất dùng để chế tạo chất màu; nhựa tổng hợp ở trạng thái thô.

---

(111) **4-0095285**
(210) 4-2006-01021
(181) 19.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Revacryl

(151) 28.01.2008
(220) 19.01.2006

(731) REVERTEX (MALAYSIA) SDN. BHD. (MY)
1 1/2 Miles, Jalan Batu Pahat, K.B. 508, 86009 Kluang, Johor, Malaysia
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 01: Nhựa acrylic ở trạng thái thô; chất dính dùng trong công nghiệp; chất dính dùng cho lớp gạch bông lát tường; hoá chất dùng trong công nghiệp; hoá chất dùng để chế tạo chất màu; nhựa tổng hợp ở trạng thái thô.

---

(111) **4-0095286**
(210) 4-2006-01466
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 26.01.2006

(531) 26.3.1; 26.7.25
(591) Xanh dương đậm, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM QUỐC TẾ SÀI GÒN (VN)
Kho số 3, lô MN2, đường số 10, khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Sữa tươi tiệt trùng; sữa tiệt trùng; sữa chua; sữa chua uống.

---

(111) **4-0095287**
(210) 4-2006-02723
(181) 27.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TESCO

(151) 28.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.11.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
Ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0095288**
(210) 4-2006-02724
(181) 27.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.11.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0095289**
(210) 4-2006-04812
(181) 31.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 31.03.2006

(531) 24.15.1; 26.1.1; 26.11.2
(591) Đỏ, vàng, trắng, xanh lá cây, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TIẾN MINH (VN)
136 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095290**
(210) 4-2006-00578
(181) 12.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FIMATADIN

(151) 28.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095291**
(210) 4-2006-01116
(181) 20.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PHƯƠNG THOA

(151) 28.01.2008
(220) 20.01.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ÁO CƯỚI PHƯƠNG THOA (VN)
Số 8 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ chụp ảnh nghệ thuật.

Nhóm 45: Dịch vụ cho thuê áo cưới.

---

(111) **4-0095292**
(210) 4-2006-01413
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIJA Light

(151) 28.01.2008
(220) 26.01.2006

(531) 1.3.1; 13.1.6; A13.1.15
(731) CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VIỆT NHẬT (VN)
Số 18, ngõ 251 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Thiết bị báo hiệu đường thuỷ cụ thể là: đèn báo hiệu đường thuỷ.

---

(111) **4-0095293**
(210) 4-2006-02602
(181) 27.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KL
Kim Linh

(151) 28.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.1.2; A26.1.18
(731) CÔNG TY TNHH KIM LINH (VN)
Lô E8, khu công nghiệp An Phú, tỉnh Phú Yên
(740) Trung tâm Tư vấn đầu tư và Công nghệ (VIETBID)

(511) Nhóm 19: Kính dùng trong trang trí nội thất.

---

(111) **4-0095294**
(210) 4-2006-02983
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BUSHMILLS

(151) 28.01.2008
(220) 03.03.2006

(731) THE "OLD BUSHMILLS" DISTILLERY CO. LIMITED (IE)
Bushmills, Co. Antrim, Northern Ireland
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 33: Các đồ uống có cồn (trừ bia); whisky; các loại rượu có thành phần chính là whisky.

---

(111) **4-0095295**
(210) 4-2006-05610
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SCARLESS

(151) 28.01.2008
(220) 12.04.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095296**
(210) 4-2006-05611
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ECOZIX

(151) 28.01.2008
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095297**
(210) 4-2006-05634
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 12.04.2006

(531) 26.4.1; 7.1.24
(591) Đỏ, vàng, xanh nhạt, xanh
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT PHÁP (VN)
27 phố Nguyễn Thiệp, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Thịt thuộc nhóm này; chiết xuất của thịt thuộc nhóm này; thức ăn làm từ cá; nước mắm; mắm tôm; mắm tép.

Nhóm 30: Gia vị; dấm, nước tương; tương ớt, gạo; chế phẩm của ngũ cốc thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095298**
(210) 4-2006-00894
(181) 18.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TIMNADI

(151) 28.01.2008
(220) 18.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH NAM DƯỢC (VN)
Lô M13, (C4-9), khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095299**
(210) 4-2006-00897
(181) 18.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Tunacan

(151) 28.01.2008
(220) 18.01.2006

(731) CƠ SỞ VIỆT HƯƠNG (VN)
29 đường 3/2, phường Hưng Lợi, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem dưỡng da; dầu gội đầu; sữa rửa mặt.

Nhóm 30: Chè (trà); cà phê chế biến; gia vị.

Nhóm 32: Nước giải khát không có cồn; nước giải khát có ga.

---

(111) **4-0095300**
(210) 4-2003-05958
(181) 17.07.2013
(450) 25.03.2008 240
(540)

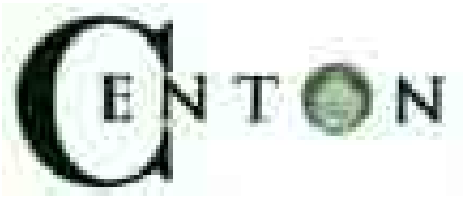

(151) 28.01.2008
(220) 17.07.2003

(531) 1.15.15
(591) Xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt, trắng
(731) IPIX INDUSTRIAL PRODUCTS IMPORT EXPORT PTY. LTD. (AU)
80 Sherwood Street Revesby 2212, Australia
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 11: Bình làm nóng nước chạy điện.

---

(111) **4-0095301**
(210) 4-2006-09844
(181) 23.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 23.06.2006

(531) 3.1.16
(731) CÔNG TY TNHH MAY MẶC THĂNG LONG (VN)
62/4 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Túi xách, ví thuộc nhóm này.

Nhóm 20: Đệm ngủ, gối, đệm các loại (bằng vải), gối có hình con thú, khung ảnh (bằng vải) thuộc nhóm này.

Nhóm 24: Rèm cửa bằng vải, chăn, vỏ đệm, vỏ gối, khăn trải bàn, khăn trải giường thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo, giày dép bằng vải và mũ đội đầu bằng vải thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095302**
(210) 4-2006-09526
(181) 19.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

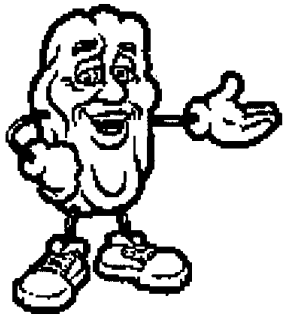

(151) 28.01.2008
(220) 19.06.2006

(531) 2.1.1; A2.1.23; 4.5.21
(731) CALIFORNIA RAISIN MARKETING BOARD, AN INSTRUMENTALITY OF THE STATE OF CALIFORNIA, DEPARTMENT OF FOOD AND AGRICULTURE (a California State agency) (US)
1220 N Street Room A-247, Sacramento, California 94271-0001, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Nho khô và nho khô đã được chế biến.

Nhóm 35: Các dịch vụ liên quan đến hiệp hội, cụ thể là thúc đẩy sự quan tâm của những người trồng, những người đóng gói, những người chế biến và những người sản xuất nho khô thông qua quảng cáo thương mại bằng hình thức truyền hình, in ấn và truyền thông điện tử; các chương trình tiếp thị bao gồm phân phát các vật phẩm quảng cáo, trình bày và trưng bày sản phẩm; dịch vụ tư vấn, và phân phát các tài liệu in ấn liên quan đến hiệp hội trồng nho nhằm mục đích giới thiệu và quảng cáo hoạt động của hiệp hội.

---

(111) **4-0095303**
(210) 4-2006-09376
(181) 16.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 16.06.2006

(531) 2.1.11
(591) Trắng, đỏ
(731) CƠ SỞ HỚN PHONG (VN)
1175 đường 3/2, phường 6, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: nguyên vật liệu, thiết bị và dụng cụ làm bánh.

---

(111) **4-0095304**
(210) 4-2006-09680
(181) 21.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PACTAM

(151) 28.01.2008
(220) 21.06.2006

(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2 U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shatin, NT- Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095305**
(210) 4-2006-09681
(181) 21.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PAXCAM

(151) 28.01.2008
(220) 21.06.2006

(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2 U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shatin, NT- Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095306**
(210) 4-2006-09682
(181) 21.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ALTCAM

(151) 28.01.2008
(220) 21.06.2006

(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2 U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shatin, NT- Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095307**
(210) 4-2006-09198
(181) 14.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NGỌC DẦN

(151) 28.01.2008
(220) 14.06.2006

(531) 26.1.2; A26.11.13
(731) CÔNG TY TNHH NGỌC DẦN (VN)
Số 45D phố Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Thép định hình, thép U, thép hộp, khuôn mẫu cơ khí, tấm lợp bằng kim loại, tấm lợp mạ màu (bằng kim loại), kết cấu thép, khung nhà thép.

Nhóm 11: Ấm đun nước siêu tốc, nồi áp suất điện, bếp từ chạy bằng điện, bình lọc nước điện, thiết bị làm nóng lạnh nước bằng điện, quạt điện, máy điều hoà không khí.

Nhóm 35: Buôn bán tư liệu tiêu dùng, buôn bán vật tư từ phế liệu, phế phẩm, dịch vụ thương mại, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0095308**
(210) 4-2006-09266
(181) 15.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

OFTAPRED

(151) 28.01.2008
(220) 15.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ (VN)
Số 15 dãy D, lô 18, khu đô thị mới Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095309**
(210) 4-2006-09267
(181) 15.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BISROCAIN

(151) 28.01.2008
(220) 15.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ (VN)
Số 15 dãy D, lô 18, khu đô thị mới Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095310**
(210) 4-2006-15027
(181) 08.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 08.09.2006

(531) 26.1.2; 26.4.9; 3.7.17; 26.11.3; A26.11.8
(591) Trắng, xanh dương, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT- THƯƠNG MẠI VÂN SƠN (VN)
1458 Nguyễn Duy, phường 14, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 02: Sơn nước.

---

(111) **4-0095311**
(210) 4-2006-15028
(181) 08.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT ĐỒ CHƠI NGỌC THẠCH (VN)
1066 tổ 7A Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Phần mềm trò chơi.

Nhóm 35: Mua bán: đồ dùng trẻ sơ sinh, đồ chơi trẻ em, quà lưu niệm.

Nhóm 41: Khu vui chơi giải trí dành cho trẻ em.

---

(111) **4-0095312**
(210) 4-2007-07345
(181) 25.04.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 25.04.2007

(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUYỀN THÔNG HOA MẶT TRỜI (VN)
259 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 16: Sách; tạp chí; ấn phẩm; áp phích quảng cáo.

Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền thông.

Nhóm 41: Xuất bản sách và tạp chí.

---

(111) **4-0095313**
(210) 4-2006-00574
(181) 12.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NEFIDOXIME

(151) 28.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095314**
(210) 4-2006-00575
(181) 12.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FIMASULIDE

(151) 28.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095315**
(210) 4-2006-00576
(181) 12.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NEFIGATI

(151) 28.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095316**
(210) 4-2006-09195
(181) 14.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 14.06.2006

(531) 26.1.6; 4.5.2; 4.5.3
(591) Trắng, đen, vàng da cam, đỏ nâu, xanh lá cây
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NGHIÊM NGỌC MỸ (VN)
Phòng 607 nhà 27 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Kem lạnh.

---

(111) **4-0095317**
(210) 4-2006-09287
(181) 15.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 15.06.2006

(531) 26.1.2; 18.3.21; 26.3.23
(591) Xanh nước biển, đỏ nâu, trắng
(731) CÔNG TY TNHH HIỀN ĐỨC (VN)
Tầng 2, nhà số 23, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Buôn bán hàng hoá tại trung tâm thương mại; xuất nhập khẩu các mặt hàng sau: vật liệu xây dựng, xe máy, ô tô, đồ thủ công mỹ nghệ, giày dép, quần áo, đồ nội thất, máy móc thiết bị ngành xây dựng, thuỷ hải sản.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường.

Nhóm 39: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách.

Nhóm 41: Tư vấn du học; dịch vụ khu vui chơi giải trí.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn.

---

(111) **4-0095318**
(210) 4-2006-13495
(181) 17.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 17.08.2006

(531) 26.1.2
(591) Trắng, vàng, vàng nhạt, đỏ, xanh da trời, xanh da trời đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN RƯỢU, NƯỚC GIẢI KHÁT TÂY ĐÔ (VN)
Km 5 đường Phạm Văn Đồng, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095319**
(210) 4-2006-16228
(181) 27.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 27.09.2006

(531) 26.1.2; A26.11.13
(731) BEST DENKI CO., LTD (SG)
1 Kim Seng Promenade #09-06, Great World City East Tower, Singapore 237994
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 35: Giới thiệu các loại sản phẩm (không kể vận chuyển) vì lợi ích của khách hàng để họ dễ xem và mua các sản phẩm này; mua bán: máy tính, phần mềm máy tính.

Nhóm 37: Lắp đặt và sửa chữa điện và thiết bị điện; lắp đặt và sửa chữa hệ thống sưởi ấm; lắp đặt thiết bị dùng trong nhà bếp.

Nhóm 42: Cho thuê truy cập vào cơ sở dữ liệu máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; lập chương trình máy tính; cho thuê máy tính; cập nhật chương trình phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0095320**
(210) 4-2005-16503
(181) 06.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

RETARCLOR

(151) 28.01.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095321**
(210) 4-2006-06249
(181) 21.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KISDI

(151) 28.01.2008
(220) 21.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KI DO (VN)
Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Kem ăn các loại (kem lạnh).

---

(111) **4-0095322**
(210) 4-2006-08483
(181) 01.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 01.06.2006

(531) 11.3.14
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÚC LONG (VN)
42/24 - 42/26 đường 643 Tạ Quang Bửu, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Chè (chè để uống).

---

(111) **4-0095323**
(210) 4-2006-08729
(181) 07.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

YẾN TIỆC

(151) 28.01.2008
(220) 07.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0095324**
(210) 4-2006-08009
(181) 24.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

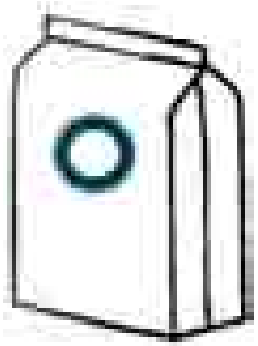

(151) 28.01.2008
(220) 24.05.2006

(531) 26.1.1; 26.1.5; 19.3.3; A19.3.5
(591) Xanh lá cây, đen, trắng
(731) STARBUCKS CORPORATION D/B/A STARBUCKS COFFEE COMPANY (US)
2401 Utah Avenue South, Seattle, Washington 98134, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê hạt và xay, cacao, chè (thảo mộc hoặc không phải thảo mộc không dùng cho mục đích y tế); nước giải khát cà phê, chè, cacao và cà phê hơi; nước giải khát có cơ sở là cà phê và/hoặc cà phê hơi; nước giải khát có cơ sở là trà, sôcôla và vani bột; sản phẩm nướng bằng lò bao gồm cả bánh nướng xốp, bánh nướng, bánh quy mặn, bánh quy, bánh ngọt và bánh mì, bánh mì lát, các mặt hàng sôcôla và bánh kẹo; thức ăn ngũ cốc 100% và chứa hoa quả sẵn sàng để ăn nóng hoặc lạnh; cà phê sẵn sàng để uống; trà sẵn sàng để uống; kem lạnh, thức uống kem và sữa khuấy và bánh kẹo đông lạnh; sôcôla, kẹo và bánh kẹo.

Nhóm 32: Nước, nước khoáng, nước có ga; các thức uống không có cồn khác như nước ngọt giải khát, nước giải khát hương vị hoa quả và nước ép hoa quả, chất lỏng và bột trộn sẵn để pha nước giải khát; xi rô có mùi vị để pha nước giải khát; nước đóng chai có mùi vị hoặc không có mùi vị như các loại nước có ga, nước khoáng, nước ép hoa quả, nước giải khát có cơ sở là nước ép hoa quả và nước hoa quả có ga và các nước giải khát có xô đa; nước giải khát hoa quả đông lạnh và nước giải khát đông lạnh có cơ sở là hoa quả.

Nhóm 35: Quản trị kinh doanh; quản lý kinh doanh; nhượng quyền thương mại, cụ thể là cung cấp sự hỗ trợ kỹ thuật trong việc thành lập và/hoặc hoạt động nhà hàng, quán ăn, quán cà phê và quán rượu có ăn nhẹ; các dịch vụ bán lẻ trong lĩnh vực: cà phê, trà, cacao,

thức ăn đóng gói và chuẩn bị sẵn, đồ điện gia dụng, đồ gia dụng không chạy bằng điện, đồ dùng gia đình, đồ dùng nấu bếp, đồng hồ, đồng hồ đeo tay, thiết bị bấm giờ dùng trong nhà bếp, đồng hồ bấm giờ, nữ trang, sách, băng đĩa thu âm nhạc, miếng đệm lót chuột (máy tính), ví, bóp, túi xách, túi xách tay phụ nữ, cái cặp, túi đựng sách, va li (túi du lịch) và ô (tất cả đều làm bằng vải, nhựa hoặc da), dây chìa khóa bằng da, quần áo, mũ và nón, đồ chơi, bao gồm cả gấu bông, đồ chơi nhồi bông, đồ chơi nhồi bông mềm, búp bê và phụ kiện cho các mặt hàng đó, đồ trang trí cho giáng sinh; phân phối bán buôn, cửa hàng bán buôn và các dịch vụ đặt mua hàng bán buôn, tất cả đều trong lĩnh vực: cà phê, trà, cacao, thức ăn đóng gói và chuẩn bị sẵn, đồ gia dụng chạy bằng điện, đồ gia dụng không chạy bằng điện, đồ dùng gia đình, đồ dùng nấu bếp, đồng hồ, đồng hồ đeo tay, thiết bị bấm giờ dùng trong nhà bếp, đồng hồ bấm giờ, nữ trang, sách, băng đĩa thu âm nhạc, miếng đệm lót chuột (máy tính), ví, bóp, túi xách, túi xách tay phụ nữ, cái cặp, túi đựng sách, va li (túi du lịch) và ô (tất cả đều làm bằng vải, nhựa hoặc da), dây chìa khóa bằng da, quần áo, mũ và nón, đồ chơi, bao gồm cả gấu bông, đồ chơi nhồi bông, đồ chơi nhồi bông mềm, búp bê và phụ kiện cho các mặt hàng đó, đồ trang trí cho giáng sinh; dịch vụ đặt mua hàng qua đường bưu điện và dịch vụ đặt mua hàng bằng ca-ta-lô qua đường bưu điện, dịch vụ đặt hàng trực tuyến bằng máy vi tính, dịch vụ bán lẻ trực tuyến bằng máy vi tính tất cả đều trong lĩnh vực: cà phê, trà, cacao, thức ăn đóng gói và chuẩn bị sẵn, đồ gia dụng chạy bằng điện, đồ gia dụng không chạy bằng điện, đồ dùng gia đình, đồ dùng nấu bếp, đồng hồ, đồng hồ đeo tay, thiết bị bấm giờ dùng trong nhà bếp, đồng hồ bấm giờ, nữ trang, sách, băng đĩa thu âm nhạc, miếng đệm lót chuột (máy tính), ví, bóp, túi xách, túi xách tay phụ nữ, cái cặp, túi đựng sách, va li (túi du lịch) và ô (tất cả đều làm bằng vải), nhựa hoặc da, dây chìa khóa bằng da, quần áo, mũ và nón, đồ chơi, bao gồm cả gấu bông, đồ chơi nhồi bông, đồ chơi nhồi bông mềm, búp bê và phụ kiện cho các mặt hàng đó, đồ trang trí cho giáng sinh; dịch vụ đăng ký và đặt mua quà tặng trực tuyến bằng máy vi tính.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống, quán ăn, quán ăn tự phục vụ, quán rượu có bán thức ăn nhẹ, hiệu cà phê giải khát và quán cà phê, nhà hàng bán thức ăn mang về, và dịch vụ nhà hàng bán thức ăn mang về; dịch vụ cung cấp thực phẩm (cho liên hoan, tiệc) do nhà hàng thực hiện; dịch vụ cung cấp cà phê cho văn phòng do nhà hàng thực hiện; dịch vụ cung cấp cà phê văn phòng; dịch vụ cung cấp thức ăn theo hợp đồng do nhà hàng thực hiện; chuẩn bị thức ăn do nhà hàng thực hiện; chuẩn bị và bán thức ăn và thức uống để mang về do nhà hàng thực hiện.

---

(111) **4-0095325**
(210) 4-2006-07490
(181) 16.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 16.05.2006

(531) 2.3.1; 5.5.1; 1.15.21
(591) Vàng đậm, vàng nhạt, đỏ nhạt, tím nhạt, đen, trắng
(731) DKT INTERNATIONAL (US)
1120 Nineteenth Street, NW, Suite 610, Washington, DC 20036, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc uống ngừa thai dạng viên dùng cho phụ nữ.

---

(111) **4-0095326**
(210) 4-2006-08585
(181) 02.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 02.06.2006

(531) 1.5.1; A1.5.2; 3.1.14
(731) XU ZIGEN (CN)
D38-39, 23 Heliu Street, Nanan Road, Guangzhou City, Guangdong Province, People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất tẩy vết bẩn; chế phẩm dùng để đánh bóng; giấy ráp; vải ráp; mỹ phẩm; kem đánh răng.

---

(111) **4-0095327**
(210) 4-2006-08586
(181) 02.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 02.06.2006

(531) 26.1.2; A5.1.12
(731) XU ZIGEN (CN)
D38-39, 23 Heliu Street, Nanan Road, Guangzhou City, Guangdong Province, People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất tẩy vết bẩn; chế phẩm dùng để đánh bóng; giấy ráp; vải ráp; mỹ phẩm; kem đánh răng.

---

(111) **4-0095328**
(210) 4-2006-07367
(181) 12.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NUTRI PARTY

(151) 28.01.2008
(220) 12.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hoá, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh (bánh snack); kẹo; đậu phộng bọc sô cô la.

---

(111) **4-0095329**
(210) 4-2006-07476
(181) 16.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Tamvox

(151) 28.01.2008
(220) 16.05.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095330**
(210) 4-2006-08480
(181) 01.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PHÚ HẢO

(151) 28.01.2008
(220) 01.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TANI (VN)
Km 32, quốc lộ 22, khu công nghiệp Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; bún khô; cháo ăn liền làm từ gạo; gia vị (bột canh, bột nêm).

---

(111) **4-0095331**
(210) 4-2006-07477
(181) 16.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 16.05.2006

(531) 26.1.2; A25.7.21
(591) Xanh lam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - XUẤT NHẬP KHẨU PHÙNG VY NAM (VN)
161/1/15 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 24: Khăn mặt, khăn tắm (tất cả làm bằng vải).

---

(111) **4-0095332**
(210) 4-2006-07478
(181) 16.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 16.05.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2
(591) Xanh lá cây, vàng, trắng
(731) CÔNG TY LE LONG VIỆT NAM (VN)
Lô 1, ấp Chợ, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Bình ắc quy.

---

(111) **4-0095333**
(210) 4-2006-09177
(181) 13.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BÌNH DÂN

(151) 28.01.2008
(220) 13.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI SAO MAI (VN)
189 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 21: Cây bông lau tai.

---

(111) **4-0095334**
(210) 4-2006-09178
(181) 13.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VÌ DÂN

(151) 28.01.2008
(220) 13.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI SAO MAI (VN)
189 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 21: Cây bông lau tai.

---

(111) **4-0095335**
(210) 4-2006-06929
(181) 05.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 05.05.2006

(531) 3.2.1; 1.15.15; 26.5.1; A5.3.14
(591) Trắng, xanh lục, xanh lá cây, xanh lam
(731) D.K.T. CO., LTD. (TH)
5/33 Soi Phaholyothin 3, Phaholyothin Rd., Bangkok 10400, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Hoá chất sử dụng trong nông nghiệp, cụ thể là hoá chất để cải tạo đất.

---

(111) **4-0095336**
(210) 4-2006-07499
(181) 16.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NICAZAGIN

(151) 28.01.2008
(220) 16.05.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM N.I.C (NIC-PHARMA) (VN)
Lô 11D đường C, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095337**
(210) 4-2006-08486
(181) 01.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 01.06.2006

(531) 26.1.2; 26.4.2; A5.5.22; A5.13.9; 25.7.25
(591) Đỏ, hồng, vàng, vàng đậm, xanh dương, xanh lá cây, xanh tím, trắng, đen, nâu, tím
(731) CƠ SỞ HUỲNH ĐỨC PHÁT (VN)
64/6 đường 702 Hồng Bàng, phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chi Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nhang (hương thắp, thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0095338**
(210) 4-2006-08487
(181) 01.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 01.06.2006

(531) 5.5.16; A5.13.8; 7.1.5; 2.3.22; A2.5.24; 2.7.10
(591) Đỏ, vàng, đen, trắng, xanh dương, xanh da trời, xanh tím, xanh lá cây, vàng nhạt, nâu đỏ, hồng, hồng đậm, trắng ngà
(731) CƠ SỞ HUỲNH ĐỨC PHÁT (VN)
64/6 đường 702 Hồng Bàng, phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nhang (hương thắp, thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0095339**
(210) 4-2006-08609
(181) 05.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LECAO

(151) 28.01.2008
(220) 05.06.2006

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THIẾT KẾ VÀ TẠO MẪU QUẢNG CÁO LÊ CAO (VN)
345 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 42: Thiết kế và tạo mẫu kiểu dáng công nghiệp.

---

(111) **4-0095340**
(210) 4-2006-06645
(181) 28.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

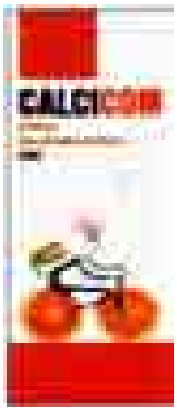

(151) 28.01.2008
(220) 28.04.2006

(531) 4.5.2; A2.1.23; 26.7.25; A5.7.22; 18.1.1; 18.1.21
(591) Vàng, vàng cam, xanh lá cây, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ (VN)
Số 15 dãy D, lô 18, khu đô thị mới Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095341**
(210) 4-2006-06248
(181) 21.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MASUNI

(151) 28.01.2008
(220) 21.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KI DO (VN)
Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Kem ăn các loại (kem lạnh).

---

(111) **4-0095342**
(210) 4-2006-00852
(181) 17.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CIRRUS

(151) 28.01.2008
(220) 17.01.2006

(731) CIRRUS SYSTEM, LLC (US)
2000 Purchase Street, Purchase, New York 10577-2509
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ khoa học; vật mang dữ kiện từ tính, đĩa ghi; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hay thẻ; máy tính tiền; thiết bị xử lý các dữ kiện; máy vi tính, phần cứng máy vi tính, phần mềm máy vi tính và chương trình máy vi tính; thiết bị và dụng cụ viễn thông; máy kế toán; thiết bị dùng để

đăng ký, truyền, tái tạo âm thanh và hình ảnh; thiết bị hỗ trợ việc ghi dữ kiện từ tính; thiết bị dùng để quản lý và phân tích các tài khoản tài chính thông qua mạng máy tính toàn cầu; phần cứng và phần mềm máy tính dùng cho việc phát triển, duy trì và sử dụng mạng máy tính nội bộ và rộng khắp; hệ thống đọc thẻ nhớ và hệ thống đọc dữ liệu dạng dữ kiện, bao gồm dữ kiện dạng tích hợp và dữ kiện dạng thẻ ngân hàng; ấn phẩm điện tử có thể tải xuống được; thiết bị dùng để in dùng cho máy tính, bao gồm thiết bị in dùng cho hệ thống xử lý dữ kiện và hệ thống giao dịch tài chính; máy thiết lập giao dịch ngân hàng; máy ghi mật mã và máy giải mật mã; môđem; phần cứng và phần mềm máy tính nhằm tạo thuận lợi cho các giao dịch thanh toán bằng các phương tiện điện tử; phần cứng và phần mềm dùng để lập mật mã, khoá mật mã, giấy chứng nhận kỹ thuật số, chữ ký điện tử, phần mềm nhằm bảo đảm cho việc lưu trữ và phục hồi dữ kiện và việc truyền các thông tin bí mật của khách hàng được sử dụng bởi các cá nhân, các tổ chức tài chính và ngân hàng; thẻ được lập mật mã dạng từ tính và thẻ mang con chip mạch tích hợp (thẻ thông minh); thẻ chi tiêu được mã hoá dưới dạng từ tính; thẻ ngân hàng được mã hoá dưới dạng từ tính, thẻ tín dụng được mã hoá dưới dạng từ tính, thẻ ghi nợ được mã hoá dưới dạng từ tính, thẻ chip, thẻ lưu trữ giá trị được mã hoá dưới dạng từ tính, thẻ mang dữ kiện điện tử, thẻ thanh toán được mã hoá dưới dạng từ tính và thẻ thanh toán có mật mã; thẻ ngân hàng, bao gồm thẻ ngân hàng sử dụng dữ kiện từ tính và dữ kiện mạch tích hợp; thiết bị đọc dạng thẻ, thiết bị đọc dạng thẻ được mã hoá từ tính, thẻ mang dữ liệu điện tử, thiết bị lập mật mã điện tử, phần cứng máy tính, thiết bị đầu cuối máy tính, phần mềm máy tính dùng cho các dịch vụ tài chính, ngân hàng và viễn thông; phần mềm máy tính được thiết kế để cho phép thẻ thông minh tương tác với các thiết bị đầu cuối và các thiết bị đọc; con chip máy tính được gắn vào điện thoại và các thiết bị liên lạc khác; thiết bị viễn thông; các thiết bị đầu cuối dùng cho các giao dịch bán lẻ và phần mềm máy tính dùng để truyền, hiển thị và lưu trữ các giao dịch, thẻ và các thông tin tài chính sử dụng trong các dịch vụ tài chính, lĩnh vực ngân hàng và viễn thông; thiết bị nhận dạng tần số radiô (hệ thống nhận và phát tín hiệu); thiết bị kiểm tra điện tử dùng cho việc kiểm tra việc xác nhận thẻ chi tiêu, thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ và thẻ thanh toán; thiết bị dùng cho thẻ giảng dạy; máy rút tiền mặt; máy bán hàng tự động; thiết bị ngoại vi dùng cho máy vi tính và hàng hoá điện tử, cụ thể là máy tính, lịch bỏ túi, máy trợ giúp cá nhân dùng kỹ thuật số (máy tính cầm tay), đồng hồ báo thức và đèn flát (đèn nháy).

Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ kinh doanh tài chính; dịch vụ tiền tệ; dịch vụ tài chính; dịch vụ ngân hàng và tín dụng; dịch vụ cung cấp thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ chi tiêu, thẻ chi trả và thẻ trả trước có giá trị; dịch vụ ngân hàng, thanh toán, tín dụng, ghi nợ, chi tiêu, chi tiêu tiền mặt, dịch vụ bảo quản giá trị tiền gửi, dịch vụ thanh toán hối phiếu; dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ chi tiêu, thẻ trả trước và thẻ bảo quản giá trị; dịch vụ kiểm soát séc và kiểm tra tiền mặt; dịch vụ máy rút tiền tự động; dịch vụ xử lý các giao dịch tài chính trực tuyến qua dữ liệu máy tính hoặc mạng viễn thông và tại điểm bán; dịch vụ xử lý các giao dịch tài chính bởi người nắm giữ thẻ thông qua máy rút tiền tự động; dịch vụ cung cấp chi tiết số dư, số tiền gửi, số tiền rút từ người nắm giữ thẻ thông qua máy rút tiền tự động; dịch vụ uỷ quyền và thanh toán; dịch vụ bảo hiểm du lịch; dịch vụ phát hành và mua lại séc du lịch và hoá đơn du lịch; dịch vụ uỷ quyền trả tiền; dịch vụ xác minh thông tin tài chính; lập và giải mã dữ liệu các thông tin tài chính; quản lý hồ sơ tài chính; dịch vụ chuyển khoản quỹ điện tử và đổi ngoại hối; dịch vụ phổ biến thông tin tài chính qua mạng internet và các mạng máy tính khác; dịch vụ thanh toán từ xa; dịch vụ thanh toán giá trị quỹ điện tử; dịch vụ ngân quỹ điện tử giá trị lưu trữ; dịch vụ cung cấp quỹ điện tử và đổi ngoại hối, dịch vụ thanh toán điện tử, dịch vụ thẻ điện thoại trả trước, dịch vụ chi tiêu tiền mặt, dịch vụ xử lý uỷ quyền và thanh toán; cung cấp các dịch vụ hỗ

trợ tín dụng qua phương tiện thiết bị nhận dạng tần số rađiô (hệ thống tiếp sóng); cung cấp các dịch vụ tín dụng và ghi nợ qua các phương tiện liên lạc và thiết bị viễn thông, dịch vụ bảo hiểm du lịch; dịch vụ kiểm tra séc; dịch vụ phát hành và mua lại séc du lịch và hoá đơn du lịch; cung cấp các dịch vụ tài chính hỗ trợ cho dịch vụ bán lẻ cung cấp qua các phương tiện viễn thông di động, bao gồm cả dịch vụ thanh toán qua các thiết bị không dây; cung cấp các dịch vụ tài chính hỗ trợ cho dịch vụ bán lẻ trực tuyến, qua mạng hoặc các phương tiện điện tử khác có sử dụng thông tin số hoá điện tử; dịch vụ trao đổi giá trị, cụ thể là, bảo đảm trao đổi giá trị, bao gồm tiền điện tử, qua mạng máy tính có thể sử dụng phương tiện thẻ thông minh; dịch vụ thanh toán hoá đơn cung cấp qua websites; dịch vụ ngân hàng trực tuyến; dịch vụ tài chính cung cấp qua điện thoại và qua phương tiện mạng máy tính toàn cầu hoặc internet; cung cấp các dịch vụ tài chính qua phương tiện mạng máy tính toàn cầu hoặc internet; dịch vụ bất động sản; dịch vụ sở hữu bất động sản; dịch vụ bảo hiểm bất động sản; dịch vụ bảo hiểm chủ tài sản; dịch vụ bảo hiểm liên quan đến tài sản; dịch vụ tài chính bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ đánh giá bất động sản; dịch vụ đại lý bất động sản; định giá bất động sản; quản lý bất động sản; quản lý công việc tài chính liên quan đến bất động sản; cung cấp các khoản vay bất động sản; dịch vụ tài chính liên quan đến phát triển bất động sản; dịch vụ môi giới tài chính cho bất động sản; dịch vụ tài chính liên quan đến tài sản là bất động sản và xây dựng; dịch vụ tài chính liên quan đến việc mua bất động sản; sắp xếp các thoả thuận vay liên quan đến bất động sản; sắp xếp việc phân chia quyền sở hữu bất động sản; sắp xếp việc cung cấp tài chính cho việc mua bất động sản; trợ giúp trong việc mua và đem lại lợi nhuận từ bất động sản; đầu tư vốn vào bất động sản; dịch vụ đầu tư tài sản thương mại; dịch vụ tài chính liên quan đến việc mua tài sản; dịch vụ tài chính liên quan đến việc bán tài sản; định giá tài chính sở hữu nhà; định giá tài chính cho thuê tài sản; sắp xếp cho thuê bất động sản; sắp xếp hợp đồng cho thuê bất động sản; cho thuê tài sản; cho thuê bất động sản; cho thuê quyền sở hữu bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản liên quan đến các giao dịch sở hữu thực tế; định giá tài sản; quản lý danh mục tài sản; quản lý tài sản; dịch vụ tư vấn liên quan đến sở hữu bất động sản; dịch vụ tư vấn liên quan đến định giá bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản của doanh nghiệp; dịch vụ thông tin máy tính hoá liên quan đến bất động sản; dịch vụ tư vấn liên quan đến bất động sản; cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu bất động sản; cung cấp thông tin liên quan đến thị trường tài sản; dịch vụ nghiên cứu liên quan đến việc mua bất động sản; dịch vụ nghiên cứu liên quan đến đấu giá bất động sản.

---

(111) **4-0095343**
(210) 4-2006-04401
(181) 27.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 27.03.2006

(531) 26.4.3; A5.11.19
(591) Vàng nhạt, xanh, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỌ SINH (VN)
4/8 tổ 19, khu phố I, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn nước dùng trong xây dựng (thuộc nhóm này và không phải là sơn cách điện, cách nhiệt); sơn dầu (thuộc nhóm này và không phải là sơn cách điện, cách nhiệt); chất tạo màu (thuộc nhóm này); vecni (thuộc nhóm này); chất nhuộm màu cho gỗ (thuộc nhóm này); mát tit (nhựa tự nhiên) thuộc nhóm này.

Nhóm 19: Bột trét tường dùng trong xây dựng; vật liệu xây dựng phi kim loại; chất để trát (vật liệu xây dựng); vữa dùng cho xây dựng; lớp áo tường, không bằng kim loại dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0095344**
(210) 4-2006-05612
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BIOFRANCEC

(151) 28.01.2008
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP. JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược; thuốc kháng sinh chống viêm; thuốc bổ tăng lực; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0095345**
(210) 4-2006-05613
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIDOBIO

(151) 28.01.2008
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược; thuốc kháng sinh chống viêm; thuốc bổ tăng lực; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0095346**
(210) 4-2006-05591
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FENIDEL

(151) 28.01.2008
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC (VN)
Số 10 đường Tô Hiệu, phường Đống Đa, thị xã Vĩnh Yên
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095347**
(210) 4-2006-04081
(181) 22.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KEY
MỞ KHÓA CÔNG NGHỆ

(151) 28.01.2008
(220) 22.03.2006

(531) 26.1.2; A1.13.10
(731) CÔNG TY TNHH TIN HỌC K.E.Y (VN)
409 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 37: Lắp đặt/cài đặt, bảo trì và sửa chữa phần cứng máy tính, linh kiện và các thiết bị đi kèm máy vi tính; lắp đặt mạng viễn thông.

Nhóm 41: Đào tạo; giải trí; các hoạt động thể thao và văn hóa.

Nhóm 42: Các dịch vụ nghiên cứu và phân tích công nghiệp; thiết kế và phát triển phần mềm và phần cứng máy tính; các dịch vụ pháp lý, cài đặt và bảo trì phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0095348**
(210) 4-2006-04515
(181) 28.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VISGERPHARM

(151) 28.01.2008
(220) 28.03.2006

(531) 3.11.1; 26.1.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC (VN)
Số 16, ngõ 42, phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hóa mỹ phẩm, dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, trang thiết bị y tế, thực phẩm, đồ uống cá nhân và dụng cụ gia đình.

---

(111) **4-0095349**
(210) 4-2006-05593
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 12.04.2006

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ (VN)
25 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo.

---

(111) **4-0095350**
(210) 4-2006-05594
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 12.04.2006

(531) 26.4.2; 26.1.1
(731) CÒNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ (VN)
25 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo.

---

(111) **4-0095351**
(210) 4-2006-05595
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 12.04.2006

(531) 26.1.2; 25.1.25
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh dương, xanh da trời
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC VĂN CHƯƠNG (VN)
8/7 đường số 10, khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Tượng làm bằng nhựa, bằng thạch cao, bằng gỗ.

---

(111) **4-0095352**
(210) 4-2006-17914
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

UMELEXIB

(151) 28.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) UMEDICA LABORATORIES PVT LTD., (IN)
Plot. No.221, G.I.D.C, Vapi - 396 195, Gujarat, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0095353**
(210) 4-2006-01562
(181) 06.02.2016
(300) 78/689,180 09.08.2005 US
78/689,181 09.08.2005 US
78/689,177 09.08.2005 US
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 06.02.2006

(531) 1.15.5
(731) SK-EARTHLINK LLC (US)
10960 Wilshire Blvd, Suite 600, Los Angeles, California, 90024 United States
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Chương trình phần mềm sử dụng trong các thiết bị liên lạc không dây để tạo ra và truyền phát tiếng nói, hình ảnh nhìn thấy được, chương trình audio, chương trình và dữ liệu video; phần mềm để phát tiếng nói, hình ảnh nhìn thấy được, chương trình audio, chương trình và dữ liệu video; phần mềm để tiến hành các giao dịch tài chính và thương mại; phần mềm cung cấp các phương tiện để quảng cáo, tin tức, thông tin và giải trí; phần mềm trò chơi máy tính; phần mềm xử lý từ, phần mềm vẽ bản đồ thế giới; phần mềm kiểm tra máy móc; các tiện ích phần mềm; các thiết bị điện tử tiêu dùng, bao gồm máy trợ lý cá nhân dùng kỹ thuật số, điện thoại, bộ ống nghe cho điện thoại, máy vi tính và máy ảnh.

Nhóm 38: Dịch vụ thông tin, cụ thể là truyền phát tiếng nói, chương trình audio, chương trình video, dữ liệu và hình ảnh nhìn thấy được qua mạng viễn thông, mạng liên lạc không dây, mạng liên lạc toàn cầu, mạng dịch vụ thông tin và mạng dữ liệu; cung cấp đường truy cập vào mạng máy tính toàn cầu cho nhiều người sử dụng; dịch vụ thư điện tử; dịch vụ tin

nhắn; cung cấp đường truy cập thông tin tương tác để tiến hành các giao dịch thương mại, giao dịch tài chính; cung cấp đường truy cập thông tin tương tác trong mảng dữ liệu lớn.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí và giáo dục, cụ thể là cung cấp thông tin và các chương trình giải trí và thông tin qua mạng viễn thông, mạng liên lạc không dây, mạng liên lạc toàn cầu, mạng dịch vụ thông tin và mạng dữ liệu.

---

(111) **4-0095354**
(210) 4-2006-04775
(181) 31.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BARONET

(151) 28.01.2008
(220) 31.03.2006

(731) BARONET INC. (CA)
234, Rue Baronet CP 580, Sainte-Marie, Québec G6E 3B8, Canada
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ (nội thất).

---

(111) **4-0095355**
(210) 4-2005-15634
(181) 18.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 18.11.2005

(531) A5.11.13
(591) Đen, trắng, vàng, xanh lá cây
(731) CƠ SỞ CÁT KHÁNH (VN)
372/2B Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp đồ uống và đồ ăn của nhà hàng.

---

(111) **4-0095356**
(210) 4-2006-04490
(181) 28.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 28.03.2006

(531) 26.4.2; 2.5.6; A2.5.17; 26.11.1
(591) Đen, trắng, xanh đậm, xanh da trời, xanh tím than, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ (VN)
Số 15, dãy D, lô 18, khu đô thị mới Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095357**
(210) 4-2006-04758
(181) 31.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VĂN NHIỀU

(151) 28.01.2008
(220) 31.03.2006

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ VĂN NHIỀU (VN)
60 Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Mắt kính.

---

(111) **4-0095358**
(210) 4-2006-05592
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 28.01.2008
(220) 12.04.2006

(531) A5.3.14; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ (VN)
25 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo.

---

(111) **4-0095359**
(210) 4-2006-18018
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NARIGI

(151) 28.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095360**
(210) 4-2006-17932
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PYZACAR

(151) 28.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095361**
(210) 4-2006-21490
(181) 08.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LOVOL

(151) 29.01.2008
(220) 08.12.2006

(531) 26.5.1; A25.3.7
(731) HEBEI AULION HEAVY INDUSTRIES CO., LTD (CN)
Xuanhua High-Development Zone, Hebei Province, China
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 07: Máy gặt; máy nông nghiệp; xe lăn đường; máy đào, xúc; máy dùng để xếp hàng; xe ủi đất; máy trộn bê tông; máy cần trục; máy đập lúa; máy cấy lúa.

Nhóm 12: Xe ô tô; xe cộ dùng để vận chuyển sử dụng trong nông nghiệp; xe mô tô; xe ô tô có cần trục; xe ô tô nhỏ ba bánh chạy bằng xích; xe đạp; xe cộ chạy điện; động cơ cho xe cộ đi lại trên mặt đất; xe dùng để vận chuyển hàng và nâng hàng lên vị trí cao hơn; xe tải trộn bê tông; xe gắn động cơ dùng để kéo thiết bị nặng.

---

(111) **4-0095362**
(210) 4-2006-22221
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

IRON AID

(151) 29.01.2008
(220) 19.12.2006

(731) AKTIEBOLAGET ELECTROLUX (SE)
SE- 105 45 Stockholm, Sweden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy rửa bát đĩa và bộ phận của máy rửa bát đĩa như: giỏ đựng rác; máy giặt; máy làm khô quần áo; máy vắt quần áo; máy cán là vải; máy là; máy trộn thức ăn; máy chế biến thức ăn; máy cắt lát mỏng; máy xay.

Nhóm 11: Tủ lạnh; máy ướp lạnh; lò bếp nấu ăn; máy nướng (thiết bị nấu nướng); lò nướng bánh; lò vi sóng; máy điều hoà không khí; quạt điện (dùng cho cá nhân và/hoặc bộ phận của thiết bị điều hoà không khí); máy hút mùi dùng cho bếp ăn; ngăn lò nướng dùng để hâm nóng thức ăn; thiết bị làm sạch nước, ấm điện dùng để đun nước; máy pha cà phê chạy điện; máy làm sạch không khí; máy làm ẩm không khí; lò nướng bánh chạy điện; máy làm bánh quế (bánh xốp giòn) chạy điện; thiết bị sấy khô; buồng sấy; thiết bị sấy quần áo.

---

(111) **4-0095363**
(210) 4-2006-02739
(181) 29.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SAVVY

(151) 29.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) NEW PARADIGM TECHNOLOGIES SDN BHD (MY)
18-36, Jalan Tujuh, Taman Delima, 86000 Kluang, Johor, Malaysia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Bộ xử lý trung tâm; vi mạch điện tử; chương trình vận hành máy vi tính ghi sẵn; chương trình máy vi tính ghi sẵn; phần mềm máy tính ghi sẵn; thiết bị xử lý dữ liệu; thẻ điện tử dùng trên sản phẩm; bảng mạch in.

---

(111) **4-0095364**
(210) 4-2006-21306
(181) 06.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 06.12.2006

(531) 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU KHẢI PHÀM (VN)
745 Lũy Bán Bích, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị máy móc, linh kiện văn phòng (máy in, máy fotocopy, máy fax, mực in).

---

(111) **4-0095365**
(210) 4-2006-21307
(181) 06.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 06.12.2006

(531) 1.5.1; A1.5.2; 25.1.6
(591) Đen, đỏ, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ TÍN ĐẠT (VN)
Tổ 7, ấp Hoá Nhựt, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị chuyên ngành nước, thiết bị nước thải, thiết bị xử lý môi trường, vật liệu xây dựng, hoá chất, vật liệu chuyên ngành môi trường.

Nhóm 37: Giám sát thi công công trình xây dựng, hệ thống công nghệ thiết bị xử lý khí, lỏng, rắn; xây dựng hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xử lý chất thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý khí thải, tiếng ồn, lọc bụi, hệ thống xử lý chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện, lò đốt rác công nghiệp và y tế); xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thi công cơ giới.

Nhóm 40: Xử lý rác, khí thải, nước thải sinh hoạt; xử lý nước cấp, nước thải cho sinh hoạt, dân dụng và công nghiệp.

Nhóm 42: Thiết kế các công trình xử lý chất thải, công trình nước cấp, thoát nước; tư vấn kiểm soát ô nhiễm để đề ra các giải pháp xử lý môi trường.

---

(111) **4-0095366**
(210) 4-2006-21498
(181) 08.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 08.12.2006

(531) A1.1.10; A1.1.20
(591) Xanh, vàng, đỏ, đen, trắng, tím
(731) CÔNG TY TNHH MẪU GIÁO NGÔI SAO NHỎ (VN)
38 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ về giáo dục giảng dạy.

---

(111) **4-0095367**
(210) 4-2006-21736
(181) 12.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THEMAT

(151) 29.01.2008
(220) 12.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước khoáng uống, nước ép trái cây, nước uống chế biến từ hoa quả đóng chai, nước uống chế biến từ hoa quả đóng hộp, đồ uống không có cồn.

---

(111) **4-0095368**
(210) 4-2006-21737
(181) 12.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BLUSKY

(151) 29.01.2008
(220) 12.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu các loại như: rượu vodka, rượu whisky, rượu brandy, rượu gạo, rượu vang, rượu hoa quả.

---

(111) **4-0095369**
(210) 4-2006-21738
(181) 12.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BLUWISKY

(151) 29.01.2008
(220) 12.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu các loại như: rượu vodka, rượu whisky, rượu brandy, rượu gạo, rượu vang, rượu hoa quả.

---

(111) **4-0095370**
(210) 4-2006-22189
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ODBANKIN

(151) 29.01.2008
(220) 19.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ MINH PHÁT (VN)
Số 20/67 ngõ 61, Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0095371**
(210) 4-2006-22200
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HIGHTAMINE

(151) 29.01.2008
(220) 19.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0095372**
(210) 4-2006-22201
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ELOVESS

(151) 29.01.2008
(220) 19.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095373**
(210) 4-2006-22228
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 19.12.2006

(531) 26.5.1; 26.1.2; A1.1.10; 1.17.11; 5.5.16; 5.7.3; 25.1.6
(591) Đỏ, đỏ tím, vàng, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DẠY NGHỀ BẢO VỆ CHUYÊN NGHIỆP VĂN NHÂN (VN)
Số 1/133, ấp Hòa Lân 1, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 45: Dịch vụ bảo vệ.

(111) **4-0095374**
(210) 4-2006-22245
(181) 12.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

AmealPeptide

(151) 29.01.2008
(220) 12.01.2007

(531) 26.4.4; 26.3.23; A26.11.9
(731) CALPIS CO., LTD. (JP)
4-1, 2-chome, Ebisu-Minami, Shibuya-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 01: Hóa chất phụ gia cho thực phẩm cụ thể là axít.

Nhóm 05: Chất ăn kiêng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0095375**
(210) 4-2006-22246
(181) 12.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 12.01.2007

(531) A1.1.10; 1.5.1; A1.5.2; 1.1.15; A1.1.5
(591) Vàng, da cam, trắng, đỏ, xanh dương đậm, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGỌC THẠCH (VN)
Số 339 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 35: Buôn bán gỗ và buôn bán các sản phẩm làm từ gỗ như: gỗ dân dụng, gỗ xây dựng, đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp; buôn bán đồ gỗ trang trí nội thất bao gồm: sàn nhà, trần nhà, cửa bằng gỗ, bàn ghế, tủ giường, khung tranh.

---

(111) **4-0095376**
(210) 4-2006-23037
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MEBIPHARAVUDIN

(151) 29.01.2008
(220) 29.12.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ MEBIPHAR (VN)
Số 31 Ngô Thời Nhiệm, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095377**
(210) 4-2006-22208
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

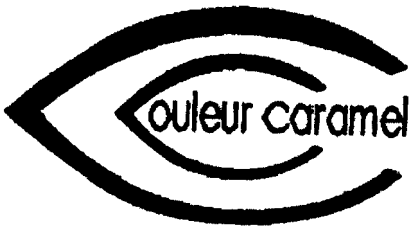

(151) 29.01.2008
(220) 19.12.2006

(531) 26.1.2; 2.9.4
(731) CÔNG TY TNHH CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ SẮC ĐẸP PHÁP VIỆT (VN)
Gian hàng 12 trong TTTM Big C, 222 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, mỹ phẩm.

Nhóm 14: Đồ nữ trang, đồ kim hoàn.

---

(111) **4-0095378**
(210) 4-2006-02778
(181) 29.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PASOXIME

(151) 29.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TÂN PHÁT (VN)
Nhà 15, ngách 91/45 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095379**
(210) 4-2006-02939
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GEL-TIOXI 10

(151) 29.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095380**
(210) 4-2006-01123
(181) 20.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

POVED

(151) 29.01.2008
(220) 20.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH TRƯỜNG SƠN (VN)
12 ngách 84/24 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095381**
(210) 4-2005-16258
(181) 01.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 01.12.2005

(531) 26.1.1; A1.1.2
(731) LÊ VĂN THANH (VN)
9/1B quốc lộ 22, ấp Tân Định, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh tráng, bánh phở, bún khô.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu sản phẩm: bánh tráng, chả giò, gỏi cuốn, bánh phở, bún khô; quảng cáo, tiếp thị sản phẩm chế biến từ ngũ cốc.

---

(111) **4-0095382**
(210) 4-2005-16259
(181) 01.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 01.12.2005

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN QUANG MINH (VN)
Lô C21/I, đường 2F, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Thạch rau câu hương vị trái cây.

Nhóm 32: Nước ngọt có ga và không có ga mang hương vị trái cây, nước uống đóng chai, nước yến ngân nhĩ, nước ép trái cây, nước giải khát từ quả bí đao và nhân sâm.

---

(111) **4-0095383**
(210) 4-2005-15564
(181) 17.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 17.11.2005

(531) 26.4.2; 26.3.1
(591) Xanh, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TONE (VN)
Số 10/8/196 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Buôn bán ô tô, máy xây dựng, máy công nghiệp, sắt thép và vật tư xây dựng.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông và thủy lợi.

---

(111) **4-0095384**
(210) 4-2005-16018
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

HEPADEVIR

(151) 29.01.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HOÀ (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095385**
(210) 4-2005-16629
(181) 08.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

NHẬT HÀ

(151) 29.01.2008
(220) 08.12.2005

(731) CƠ SỞ VIỆT ĐỨC (VN)
Số 48, ngõ Tô Hoàng, Bạch Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 06: Chìa khoá; khoá bằng kim loại dùng cho túi sách, khoá (ngoài loại khoá điện) bằng kim loại.

---

(111) **4-0095386**
(210) 4-2005-16361
(181) 02.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BAKER TILLY

(151) 29.01.2008
(220) 02.12.2005

(731) ARRANDCO INVESTMENTS LIMITED (GB)
2 Bloomsbury Street, London, United Kingdom WC1B 3ST
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ kế toán doanh nghiệp; tư vấn quản lý kinh doanh; kiểm toán; kế toán; chuẩn bị sổ sách kế toán; quản lý sổ sách kinh doanh; tư vấn kinh doanh liên quan đến kế toán; chuẩn bị và lưu giữ sổ sách kế toán trên máy tính; kế toán quản trị; chuẩn bị bản thống kê tài khoản; cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản; cung cấp các báo cáo liên quan đến thông tin kế toán; dịch vụ làm sổ sách kế toán về học phí và chi phí học phí; biên tập, cung cấp và tư vấn về thông tin thương mại, kinh doanh; tư vấn thuế và mức thuế ấn định; chuẩn bị mức thuế ấn định; hướng dẫn, lập kế hoạch và tư vấn thuế; tư vấn kinh doanh liên quan đến phá sản doanh nghiệp; tư vấn quản trị kinh doanh; nghiên cứu và thông tin liên quan đến kế toán; tư vấn về nghiệp vụ liên quan đến kế toán, kiểm toán, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp, phục hồi doanh nghiệp; tư vấn quản lý liên quan đến kinh doanh; chuẩn bị các báo cáo liên quan đến tất cả các dịch vụ trên; môi giới thương mại; dịch vụ thư ký; cung cấp dịch vụ thư ký ban đầu khi thành lập công ty; tư vấn bảng lương; dịch vụ thư ký doanh nghiệp; dịch vụ trả lương; dịch vụ tuyển dụng nhân sự; dịch vụ tuyển dụng và quản lý nhân sự; tư vấn chiến lược kinh doanh; cung cấp nhân lực để bổ nhiệm cho vị trí giám đốc công ty; cung cấp nhân lực cho vị trí giám đốc công ty (không phải là giám đốc điều hành); tư vấn kinh doanh liên quan đến quản trị và xử lý tài sản (không bao gồm bất động sản) đang tranh chấp để thu hồi nợ; dịch vụ thành lập doanh nghiệp; dịch vụ tư vấn chuyên môn liên quan đến kiểm toán, thuế, phục hồi doanh nghiệp và các vấn đề về kế toán.

Nhóm 36: Cung cấp dịch vụ tư vấn viên về tài chính độc lập; dịch vụ tài chính; lập kế hoạch tài chính; quản lý tài chính; tư vấn tài chính; quản trị tài chính; môi giới tài chính; môi giới bảo hiểm; dịch vụ môi giới bảo hiểm doanh nghiệp và bảo hiểm cá nhân; phân tích tài chính; tư vấn đầu tư; dịch vụ về trợ cấp; tư vấn và lập kế hoạch trợ cấp; dịch vụ thống kê bảo hiểm; dịch vụ bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; cung cấp thông tin về tài chính và bảo hiểm; tư vấn quản lý liên quan đến bảo hiểm; tư vấn tài chính liên quan đến quản trị và xử lý tài sản đang tranh chấp để thu hồi nợ; dịch vụ giải quyết phá sản; dịch vụ tài chính liên quan đến phá sản doanh nghiệp và phá sản cá nhân; quản lý đất đai; quản lý bất động sản; quản lý rủi ro tài chính; quản lý tài sản; thành lập quỹ tương hỗ; quản lý đầu tư và chiến lược đầu tư; tư vấn đầu tư; tư vấn về nghiệp vụ liên quan đến tài chính doanh nghiệp; tư vấn chuyên môn liên quan đến tài chính, đầu tư, bảo hiểm; gây quỹ đầu tư; quản lý quỹ; uỷ thác đầu tư; đầu tư tín thác; tài trợ các khoản vay; cho vay trên cơ sở thế chấp; dịch vụ liên quan đến thế chấp trong thương mại và tiêu dùng; cung cấp tư vấn liên quan đến trợ cấp, đầu tư, bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kế hoạch về học phí và thế chấp;

tư vấn thừa kế tài sản; chuẩn bị các báo cáo liên quan đế tất cả các dịch vụ trên; biên tập và cung cấp những thông tin tài chính và phân tích tài chính cho mục đích kinh doanh; cung cấp dịch vụ uỷ thác và thi hành di chúc; dịch vụ uỷ thác; dịch vụ thông tin và tư vấn, tất cả liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 42: Dịch vụ pháp lý; dịch vụ thiết kế và lập trình phần mềm máy tính; dịch vụ tư vấn chuyên môn (phi kinh doanh); tư vấn các vấn đề pháp lý của doanh nghiệp; cung cấp truy cập vào cơ sở dữ liệu máy tính bao gồm cả thông tin tài chính; tư vấn tranh tụng; hỗ trợ tranh tụng; dịch vụ pháp luật về kế toán; dịch vụ làm chứng trong lĩnh vực chuyên môn (là dịch vụ trong đó các chuyên gia đưa ra ý kiến chuyên môn khi được trưng cầu để chứng nhận hoặc làm chứng về một vấn đề trong quá trình xét xử hoặc giải quyết tranh chấp); dịch vụ tư vấn liên quan đến công nghệ thông tin; tư vấn pháp lý liên quan đến quản trị và xử lý tài sản đang tranh chấp để thu hồi nợ; dịch vụ pháp lý liên quan đến quản trị và xử lý tài sản đang tranh chấp để thu hồi nợ.

---

(111) **4-0095387**
(210) 4-2005-16363
(181) 02.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 02.12.2005

(531) 3.7.16; A3.7.24
(731) ARRANDCO INVESTMENTS LIMITED (GB)
2 Bloomsbury Street, London, WC1B 3ST, United Kingdom.
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ kế toán doanh nghiệp; tư vấn quản lý kinh doanh; kiểm toán; kế toán; chuẩn bị sổ sách kế toán; quản lý sổ sách kinh doanh; tư vấn kinh doanh liên quan đến kế toán; chuẩn bị và lưu giữ sổ sách kế toán trên máy tính; kế toán quản trị; chuẩn bị bản thống kê tài khoản; cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản; cung cấp các báo cáo liên quan đến thông tin kế toán; dịch vụ làm sổ sách kế toán về học phí và chi phí học phí; biên tập, cung cấp và tư vấn về thông tin thương mại, kinh doanh; tư vấn thuế và mức thuế ấn định; chuẩn bị mức thuế ấn định; hướng dẫn, lập kế hoạch và tư vấn thuế; tư vấn kinh doanh liên quan đến phá sản doanh nghiệp; tư vấn quản trị kinh doanh; nghiên cứu và thông tin liên quan đến kế toán; tư vấn về nghiệp vụ liên quan đến kế toán, kiểm toán, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp, phục hồi doanh nghiệp; tư vấn quản lý liên quan đến kinh doanh; chuẩn bị các báo cáo liên quan đến tất cả các dịch vụ trên; môi giới thương mại; dịch vụ thư ký; cung cấp dịch vụ thư ký ban đầu khi thành lập công ty; tư vấn bảng lương; dịch vụ thư ký doanh nghiệp; dịch vụ trả lương; dịch vụ tuyển dụng nhân sự; dịch vụ tuyển dụng và quản lý nhân sự; tư vấn chiến lược kinh doanh; cung cấp nhân lực để bổ nhiệm cho vị trí giám đốc công ty; cung cấp nhân lực cho vị trí giám đốc công ty (không phải là giám đốc điều hành); tư vấn kinh doanh liên quan đến quản trị và xử lý tài sản (không bao gồm bất động sản) đang tranh chấp để thu hồi nợ; dịch vụ thành lập doanh nghiệp; dịch vụ tư vấn chuyên môn liên quan đến kiểm toán, thuế, phục hồi doanh nghiệp và các vấn đề về kế toán.

Nhóm 36: Cung cấp dịch vụ tư vấn viên về tài chính độc lập; dịch vụ tài chính; lập kế hoạch tài chính; quản lý tài chính; tư vấn tài chính; quản trị tài chính; môi giới tài chính; môi giới bảo hiểm; dịch vụ môi giới bảo hiểm doanh nghiệp và bảo hiểm cá nhân; phân tích tài chính; tư vấn đầu tư; dịch vụ về trợ cấp; tư vấn và lập kế hoạch trợ cấp; dịch vụ thống kê bảo hiểm; dịch vụ bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; cung cấp thông tin về tài chính và bảo hiểm; tư vấn quản lý liên quan đến bảo hiểm; tư vấn tài chính liên quan đến quản trị và xử lý tài sản đang tranh chấp để thu hồi nợ; dịch vụ giải quyết phá sản; dịch vụ tài chính liên quan đến phá sản doanh nghiệp và phá sản cá nhân; quản lý đất đai; quản lý bất động sản; quản lý rủi ro tài chính; quản lý tài sản; thành lập quỹ tương hỗ; quản lý đầu tư và chiến lược đầu tư; tư vấn đầu tư; tư vấn về nghiệp vụ liên quan đến tài chính doanh nghiệp; tư vấn chuyên môn liên quan đến tài chính, đầu tư, bảo hiểm; gây quỹ đầu tư; quản lý quỹ; uỷ thác đầu tư; đầu tư tín thác; tài trợ các khoản vay; cho vay trên cơ sở thế chấp; dịch vụ liên quan đến thế chấp trong thương mại và tiêu dùng; cung cấp tư vấn liên quan đến trợ cấp, đầu tư, bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kế hoạch về học phí và thế chấp; tư vấn thừa kế tài sản; chuẩn bị các báo cáo liên quan đế tất cả các dịch vụ trên; biên tập và cung cấp những thông tin tài chính và phân tích tài chính cho mục đích kinh doanh; cung cấp dịch vụ uỷ thác và thi hành di chúc; dịch vụ uỷ thác; dịch vụ thông tin và tư vấn, tất cả liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 42: Dịch vụ pháp lý; dịch vụ thiết kế và lập trình phần mềm máy tính; dịch vụ tư vấn chuyên môn (phi kinh doanh); tư vấn các vấn đề pháp lý của doanh nghiệp; cung cấp truy cập vào cơ sở dữ liệu máy tính bao gồm cả thông tin tài chính; tư vấn tranh tụng; hỗ trợ tranh tụng; dịch vụ pháp luật về kế toán; dịch vụ làm chứng trong lĩnh vực chuyên môn (là dịch vụ trong đó các chuyên gia đưa ra ý kiến chuyên môn khi được trưng cầu để chứng nhận hoặc làm chứng về một vấn đề trong quá trình xét xử hoặc giải quyết tranh chấp); dịch vụ tư vấn liên quan đến công nghệ thông tin; tư vấn pháp lý liên quan đến quản trị và xử lý tài sản đang tranh chấp để thu hồi nợ; dịch vụ pháp lý liên quan đến quản trị và xử lý tài sản đang tranh chấp để thu hồi nợ.

---

(111) **4-0095388**
(210) 4-2005-14888
(181) 07.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SETAFLU

(151) 29.01.2008
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG (PHARIMEXCO) (VN)
Số 150 đường 14/9, phường 5, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095389**
(210) 4-2003-10653
(181) 18.11.2013
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 18.11.2003

(531) A26.11.12
(731) MEASAT BROADCAST NETWORK SYSTEMS SDN. BHD. (MY)
3rd Floor, Administration Building, All Asia Broadcast Center, Technology Park Malaysia, Lebuhraya Puchong -Sungai Besi, Bukit Jalil, 57000 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Các sản phẩm thuộc nhóm này, bao gồm lịch; bìa kẹp hồ sơ, tài liệu dùng cho văn phòng; thiếp chúc mừng; tạp chí; ảnh chụp; áp phích, tranh in khổ lớn; các ấn phẩm in; đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ, trang thiết bị máy móc); giấy viết thư có tiêu đề; phong bì; giấy tiêu đề dạng danh thiếp để ghi lời tán tụng; nhãn dán (tên/địa chỉ) lên thư tín; danh thiếp; sách mỏng dùng để hướng dẫn hoặc cung cấp thông tin (pamfơlê); sách chứa hình ảnh và thông tin về sản phẩm để bán; bản đồ, biểu đồ, đồ thị; bảng hiệu bằng giấy và bằng các tông, sản phẩm in ấn dùng để bao gói; ấn phẩm quảng cáo.

Nhóm 25: Các sản phẩm thuộc nhóm này, bao gồm mũ (đồ đội đầu); áo vét, áo vét tông; áo len nịt, áo làm bằng vật liệu mềm dùng cho cầu thủ bóng đá hoặc bóng bầu dục; áo choàng ngoài không tay (phần choàng phía trước của áo sơ mi); trang phục bằng hàng dệt mặc khi chơi thể thao và thư giãn; đồ đội đầu và áo thun ngắn tay.

Nhóm 38: Các dịch vụ thuộc nhóm này, bao gồm truyền hình cáp; phát thanh; truyền hình; thông tin liên lạc qua thiết bị đầu cuối máy vi tính; truyền tin và hình ảnh có sự trợ giúp của máy vi tính; thư điện tử; gửi tin nhắn; thông tấn xã; thông tin về viễn thông.

Nhóm 41: Các dịch vụ thuộc nhóm này, bao gồm vui chơi giải trí; sắp xếp và tiến hành các cuộc hội nghị; sắp xếp và tiến hành các cuộc hội thảo; xuất bản sách; cho thuê phim nhựa; cung cấp trang thiết bị chiếu phim; tổ chức các cuộc thi (mang tính giáo dục hoặc giải trí); tổ chức các cuộc thi thể thao; thông tin giáo dục; các dịch vụ giáo dục; dịch vụ người làm trò tiêu khiển; dịch vụ giải trí; thông tin giải trí; sản xuất phim; đánh bạc; thông tin về các hoạt động vui chơi giải trí, nghỉ ngơi, thư giãn; dịch vụ hướng dẫn; trình diễn các chương trình biểu diễn trực tiếp; làm mẫu cho hoạ sĩ; cho thuê phim điện ảnh; cho thuê máy chiếu phim và phụ kiện kèm theo; cho thuê xưởng phim; cung cấp trang thiết bị cho nhà hát, rạp chiếu phim; dịch vụ cung cấp dàn nhạc; tổ chức các cuộc triển lãm về văn hóa hoặc giáo dục; lập chương trình cho các buổi liên hoan, tiệc tùng (mang tính giải trí); đào tạo thực hành (thao diễn); sản xuất phim băng viđêô; sản xuất các chương trình truyền thanh và truyền hình; sản xuất các chương trình biểu diễn; cho thuê máy thu thanh và thu hình; giải trí trên đài phát thanh; cho thuê đầu máy viđêô; dịch vụ phòng thu, ghi (âm thanh, hình ảnh); cho thuê băng viđêô; tính toán thời gian cho các sự kiện thể thao; sắp xếp và tiến hành các cuộc hội nghị chuyên đề; giải trí trên tryền hình; sản xuất các chương trình sân khấu; đại lý bán vé xem các chương trình sân khấu; sản xuất phim viđêo.

(111) **4-0095390**
(210) 4-2005-00953
(181) 25.01.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

KANGAROO

(151) 29.01.2008
(220) 25.01.2005

(731) CÔNG TY TNHH ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC (VN)
Số 13 ngõ 333 phố Vọng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy và máy công cụ; động cơ, các bộ phận ghép nối và truyền động, nông cụ khác với loại thủ công; máy ấp trứng trong nhóm này.

Nhóm 11: Thiết bị để chiếu sáng, sưởi nóng, sinh hơi nước, nấu nướng, làm lạnh, sấy khô, thông gió, phân phối nước và thiết bị vệ sinh trong nhóm này.

---

(111) **4-0095391**
(210) 4-2003-06967
(181) 15.08.2013
(450) 25.03.2008 240
(540)

APISTAN

(151) 29.01.2008
(220) 15.08.2003

(731) VITA (EUROPE) LIMITED (GB)
21/23 Wote Street, Basingstoke, Hampshire RG21 7NE, England
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và dược chất dùng cho thú y, tất cả thuốc và dược chất này dùng để điều trị bệnh cho ong mật.

---

(111) **4-0095392**
(210) 4-2005-00040
(181) 04.01.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 04.01.2005

(531) 1.5.1; A1.1.10; 26.1.1
(591) Xanh da trời, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI - ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG HỢP THÀNH (VN)
Số 488/6 đường 3/2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Ăng-ten có trụ.

Nhóm 35: Mua bán thiết bị viễn thông, điện, điện tử, phát thanh, truyền hình, mua bán phần mềm, máy vi tính, thiết bị cho máy vi tính, trang thiết bị phục vụ giáo dục đào tạo, môi giới thương mại, quảng cáo thương mại.

Nhóm 37: Dịch vụ lắp đặt bảo trì thiết bị viễn thông, điện, điện tử, phát thanh truyền hình, lắp đặt trụ ăng-ten.

Nhóm 38: Dịch vụ mạng nội bộ, mạng diện rộng (LAN, WAN), đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông cho phép một người liên lạc với người khác bằng phương tiện cảm biến thuộc nhóm này.

Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo dạy nghề.

Nhóm 42: Tư vấn, môi giới triển khai thực hiện các dự án về công nghệ thông tin, ứng dụng kỹ thuật mới trên mạng Internet; thiết kế và phát triển phần mềm tin học; đại lý cung cấp dịch vụ Internet

---

(111) **4-0095393**
(210) 4-2005-00559
(181) 14.01.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 14.01.2005

(731) CARLSBERG A/S (DK)
Ny Carlsberg Vej 100 1760 Copenhagen V, Denmark
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 32: Bia.

---

(111) **4-0095394**
(210) 4-2005-04776
(181) 26.04.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

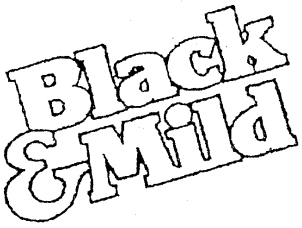

(151) 29.01.2008
(220) 26.04.2005

(731) JMTM, INC. (US)
1105 North Market Street, Suite 1028, Wilmington, DE 19899, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Xì gà.

---

(111) **4-0095395**
(210) 4-2005-05795
(181) 19.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ĐẠI AN TÍN

(151) 29.01.2008
(220) 19.05.2005

(731) CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XÍ NGHIỆP IN - QUẢNG CÁO ĐẠI AN TÍN TẠI TP. HẢI PHÒNG (VN)
Số 206 C Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

(511) Nhóm 40: In ấn các loại: tờ rơi, tờ gấp, thiệp cưới, bao bì, mác nhãn, biển quảng cáo.

---

(111) **4-0095396**
(210) 4-2006-03344
(181) 10.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PG BANK

(151) 29.01.2008
(220) 10.03.2006

(531) A24.5.3; 26.1.2
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NÔNG THÔN ĐỒNG THÁP MƯỜI (VN)
Số 16, quốc lộ 30, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng.

Nhóm 36: Hoạt động ngân hàng: huy động vốn; hoạt động tín dụng và bảo lãnh; hoạt động thanh toán và ngân quỹ; dịch vụ uỷ thác trong tín dụng; kinh doanh ngoại hối; nhận giữ các hiện vật quí và các giấy tờ có giá.

---

(111) **4-0095397**
(210) 4-2006-14943
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

I-CILLIN

(151) 29.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0095398**
(210) 4-2006-06742
(181) 03.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

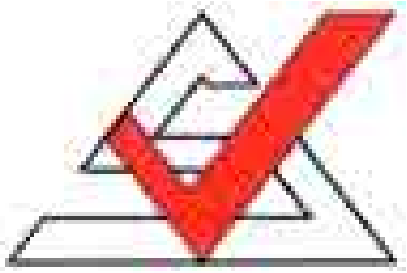

(151) 29.01.2008
(220) 03.05.2006

(531) 26.3.1; 26.3.23; 3.7.17
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THANG MÁY HỮU DUY (VN)
G17, khu gia cư Bàu Cát Nội Bộ, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Thang máy.

---

(111) **4-0095399**
(210) 4-2006-06743
(181) 03.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THANG MÁY SAO VIỆT

(151) 29.01.2008
(220) 03.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH THANG MÁY HỮU DUY (VN)
G17, khu gia cư Bàu Cát Nội Bộ, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Thang máy.

---

(111) **4-0095400**
(210) 4-2006-06744
(181) 03.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

V-STAR ELEVATOR

(151) 29.01.2008
(220) 03.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH THANG MÁY HỮU DUY (VN)
G17, khu gia cư Bàu Cát Nội Bộ, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Thang máy.

---

(111) **4-0095401**
(210) 4-2005-14748
(181) 04.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 04.11.2005

(531) A3.11.2
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÀNH ĐẠT (VN)
90A/B63 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095402**
(210) 4-2005-14749
(181) 04.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 04.11.2005

(531) 26.2.7
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHONG (VN)
Số 16, ngõ 200/15/3 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Keo dính dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0095403**
(210) 4-2005-14751
(181) 04.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LICINCAP

(151) 29.01.2008
(220) 04.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÀNH ĐẠT (VN)
90A/B63 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095404**
(210) 4-2005-14752
(181) 04.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

RENIFORT

(151) 29.01.2008
(220) 04.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÀNH ĐẠT (VN)
90A/B63 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095405**
(210) 4-2005-14292
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

HYPERAM

(151) 29.01.2008
(220) 26.10.2005

(731) PT DEXA MEDICA., (ID)
JI.RS Fatmawati Kav.33, Jakarta Selatan 12430, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095406**
(210) 4-2005-14296
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Nga Phụ Khang

(151) 29.01.2008
(220) 26.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á-ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ Y tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095407**
(210) 4-2005-14297
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

EPOFUMINTA

(151) 29.01.2008
(220) 26.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095408**
(210) 4-2005-14298
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

EPOGLUR

(151) 29.01.2008
(220) 26.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHÁP ÂU (VN)
22 ngõ 85, đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095409**
(210) 4-2005-14299
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

EPOORACAL

(151) 29.01.2008
(220) 26.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095410**
(210) 4-2005-14300
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

EPOBOMINTA

(151) 29.01.2008
(220) 26.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095411**
(210) 4-2005-14574
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

NUMARK

(151) 29.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095412**
(210) 4-2005-14575
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LISALER B

(151) 29.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095413**
(210) 4-2005-14576
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

PERIPLUM

(151) 29.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095414**
(210) 4-2005-14577
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DORPIEL

(151) 29.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095415**
(210) 4-2005-14578
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

KITACNE

(151) 29.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095416**
(210) 4-2005-14581
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

JAPSEW

(151) 29.01.2008
(220) 01.11.2005

(531) A25.3.3
(731) JAPAN INDUSTRIAL MACHINE LIMITED (HK)
Rm 106, Block S, 33 Wai Yip Street, Kowloon Bay Kowloon, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy may; máy móc dùng trong công nghiệp dệt may; bàn đạp dùng trong máy may; máy khâu; suốt chỉ (một phần của máy móc); khung dùng cho máy thêu; máy vắt sổ; máy là (ủi); máy ép xoay dùng hơi, dạng vận chuyển được, dùng cho vải vóc; máy dệt kim; ống suốt chỉ dùng trong khung dệt; guồng xe sợi; khung đỡ dùng trong máy dệt kim; bánh răng dùng trong khung dệt; trục khung dệt; máy dệt; khung dệt; máy dùng để mạng (vá); con thoi (một phần máy móc); máy tạo nếp xoăn (trên vải); máy chải len; máy nén (để làm bóng mịn vải); máy tạo đường viền ren (đăng ten); mô tơ phụ dùng cho máy may; thiết bị máy may; ống chỉ không bằng kim loại (một phần của máy may); ống chỉ bằng kim loại (một phần của máy may).

---

(111) **4-0095417**
(210) 4-2005-14875
(181) 07.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BEAUTY SLEEP

(151) 29.01.2008
(220) 07.11.2005

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; chất tẩy rửa; các chế phẩm dùng để tẩy trắng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; nước dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm; các chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa colonhơ; tinh dầu, mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc và da đầu; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; thuốc nhuộm tóc; chất tạo kiểu tóc; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; các chế phẩm chăm sóc răng miệng; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau

dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

---

(111) **4-0095418**
(210) 4-2005-14231
(181) 25.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BARREL OF LUCK

(151) 29.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; mứt; kẹo; trà; cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0095419**
(210) 4-2005-14627
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

TEHA

(151) 29.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) CƠ SỞ VIỆT HÒA (VN)
134/4S, khu phố 5, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Loa; thùng loa; máy tăng âm (ampli); đầu máy karaoke; đầu đọc đĩa kỹ thuật số.

---

(111) **4-0095420**
(210) 4-2005-14656
(181) 02.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

OCINEYE

(151) 29.01.2008
(220) 02.11.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095421**
(210) 4-2006-18019
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PANCLAZ

(151) 29.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095422**
(210) 4-2006-18239
(181) 27.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HAIREXIL

(151) 29.01.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095423**
(210) 4-2006-18392
(181) 30.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 30.10.2006

(531) A1.13.10; A26.11.12
(591) Nâu đỏ, xanh da trời, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ITG VIỆT NAM (VN)
P908 toà nhà B3D Nam Trung Yên, Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0095424**
(210) 4-2006-20790
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

OCEAN KING

(151) 29.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh kẹo; bánh xốp; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt (pies); bánh pút đinh; kem lạnh (sherbets); kem ăn (ice creams); kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0095425**
(210) 4-2006-21152
(181) 04.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Lobby Comm

(151) 29.01.2008
(220) 04.12.2006

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNH LANG TRUYỀN THÔNG (VN)
P3 -2, tập thể 49b Quốc Tử Giám, Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo và xúc tiến quảng cáo; môi giới thương mại; giới thiệu sản phẩm mục đích thương mại; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; tổ chức hội chợ thương mại nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; dịch vụ đặt mua báo chí.

Nhóm 41: Tổ chức các sự kiện cụ thể là: khiêu vũ, hội thảo, hội nghị; cung cấp thông tin trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, nghệ thuật, âm nhạc, thể thao, vui chơi và giải trí; tổ chức, sắp xếp và thực hiện các hội chợ nhằm mục đích văn hoá và giáo dục; dịch vụ biểu diễn, diễn kịch, hoà nhạc, giới thiệu các buổi biểu diễn nhạc sống và biểu diễn ca nhạc; dịch vụ sản xuất các trương trình giải trí phát thanh và truyền hình; xuất bản các ấn phẩm, tạp chí xuất bản định kỳ và sách.

---

(111) **4-0095426**
(210) 4-2005-07370
(181) 21.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

PHỤNG CÔNG

(151) 29.01.2008
(220) 21.06.2005

(731) HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ TỔNG HỢP NÔNG NGHIỆP XÃ PHỤNG CÔNG (VN)
Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh tẻ.

---

(111) **4-0095427**
(210) 4-2005-07372
(181) 21.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

NESTRAZAR

(151) 29.01.2008
(220) 21.06.2005

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người, cụ thể là thuốc chống ung thư.

---

(111) **4-0095428**
(210) 4-2006-19419
(181) 10.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DEPECTIN

(151) 29.01.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG TÂM (VN)
47 đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095429**
(210) 4-2006-20597
(181) 24.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

RAFFLES RESIDENCES

(151) 29.01.2008
(220) 24.11.2006

(731) RAFFLES INTERNATIONAL LIMITED (SG)
2 Stamford Road, #06-01 Raffles City Convention Centre, Singapore 178882
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ mua bán nhà ở; quản lý toà nhà (bất động sản); dịch vụ quản lý nhà ở; cho thuê nhà ở; cho thuê căn hộ, phòng ở, nhà ở, khu chung cư và nhà riêng; mua bán bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; bán nhà ở; cho thuê nhà ở nhân danh người khác.

---

(111) **4-0095430**
(210) 4-2006-20753
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THIÊN NHÂN HỢP NHẤT

(151) 29.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (VN)
Số 7 phố Trần Thánh Tông, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 33: Rượu vang.

---

(111) **4-0095431**
(210) 4-2006-20770
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FIBERMATE

(151) 29.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) UNITED LABORATORIES, INC., (PH)
66 United Street, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095432**
(210) 4-2006-20771
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CALCIUMADE

(151) 29.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) UNITED LABORATORIES, INC., (PH) 66 United Street, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095433**
(210) 4-2006-20772
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

STRESSVIT

(151) 29.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) UNITED LABORATORIES, INC., (PH) 66 United Street, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095434**
(210) 4-2006-20776
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 28.11.2006

(531) 25.5.1; 26.4.2
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THƯỢNG ĐỈNH (VN)
DT743, Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 35: Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành chế biến gỗ; mua bán các mặt hàng gỗ gia dụng.

Nhóm 36: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Nhóm 37: Sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ ngành chế biến gỗ.

Nhóm 39: Cho thuê kho bãi.

Nhóm 40: Sản xuất, gia công, lắp ráp máy móc thiết bị phục vụ ngành chế biến gỗ; sản xuất các mặt hàng gỗ gia dụng; sản xuất, gia công, cắt dán giấy nhám, vải nhám.

---

(111) **4-0095435**
(210) 4-2006-18653
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ALDROMAX

(151) 29.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN VY (VN)
541/24 Sư Vạn Hạnh, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095436**
(210) 4-2006-19044
(181) 07.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 07.11.2006

(531) 26.4.9; 26.7.25
(591) Xanh lá cây đậm, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOA PHƯỢNG (VN)
116 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Đồ dùng văn phòng bằng nhựa; túi nilông để bao gói; màng mỏng bằng nhựa để bao gói thực phẩm.

Nhóm 36: Cho thuê văn phòng, nhà đất, môi giới bất động sản, quản lý toà nhà cho thuê (bất động sản), dịch vụ cung cấp thông tin về tài chính và bất động sản.

Nhóm 37: Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy; xây dựng dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; cho thuê máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành xây dựng; tổng thầu xây dựng công trình, giám sát, điều hành thi công công trình và lắp đặt thiết bị, xử lý nền móng công trình.

Nhóm 39: Vận tải, dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách đường thuỷ - bộ; dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế, giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi; bốc xếp, tháo dỡ và sắp xếp hàng hoá; đại lý vận tải và tàu biển.

---

(111) **4-0095437**
(210) 4-2006-19361
(181) 10.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 10.11.2006

(531) 18.1.5; 18.1.23; 26.11.3; A26.11.12
(731) CÔNG TY HONDA VIỆT NAM (VN)
Xã Phúc Thắng, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Xe máy và ô tô.

---

(111) **4-0095438**
(210) 4-2006-19363
(181) 10.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 10.11.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÔNG NAM Á (VN)
226 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán sách giáo khoa và vật tư trang thiết bị cho trường học; nghiên cứu thị trường; tư vấn về quản lý kinh doanh.

Nhóm 41: Đào tạo dạy nghề; giáo dục phổ thông.

Nhóm 42: Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên; nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ; nghiên cứu và phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

---

(111) **4-0095439**
(210) 4-2006-20773
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) MIURA CO., LTD. (JP)
7, Horie-cho, Matsuyama-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 10: Thiết bị sát trùng dùng để sát trùng núm vú giả cho trẻ em ngậm; thiết bị sát trùng dùng để sát trùng đầu vú cao su ở bình sữa trẻ con; thiết bị sát trùng dùng để sát trùng dụng cụ y tế; thiết bị sát trùng dùng để sát trùng dụng cụ tránh thai; máy móc và dụng cụ y tế, thiết bị sát trùng dùng để sát trùng máy móc và dụng cụ y tế; thiết bị sát trùng dùng để sát trùng găng tay y tế; thiết bị sát trùng dùng để sát trùng lọ đựng nước tiểu; thiết bị sát trùng dùng để sát trùng bồn rửa mặt (lavabô) cho bệnh nhân.

---

(111) **4-0095440**
(210) 4-2006-20774
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ZFOOZMAKER

(151) 29.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) MIURA CO., LTD. (JP)
7, Horie-cho, Matsuyama-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Máy sấy khô; thiết bị thu hồi nhiệt; nồi đun hơi; thiết bị làm bay hơi; máy chưng cất; bộ trao đổi nhiệt; thiết bị tiệt trùng sữa; máy điều hoà không khí; máy móc và thiết bị làm đông lạnh; máy móc và thiết bị nấu nướng dùng trong công nghiệp; thiết bị và dụng cụ sấy khô bát đĩa dùng trong công nghiệp; thiết bị khử trùng bát đĩa dùng trong công nghiệp; thiết bị làm tan băng thức ăn đông lạnh dùng trong công nghiệp; thiết bị đun nước sử dụng năng lượng mặt trời; thiết bị làm sạch nước.

---

(111) **4-0095441**
(210) 4-2006-02950
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MOCOVIUM M

(151) 29.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TẤN (VN)
487 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP.HCM.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095442**
(210) 4-2006-02951
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DEATEXNIOD

(151) 29.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TẤN (VN)
487 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095443**
(210) 4-2006-02952
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PAVADO

(151) 29.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TẤN (VN)
487 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095444**
(210) 4-2006-04256
(181) 23.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 23.03.2006

(531) 26.4.2; 26.4.4
(591) Nâu đậm
(731) CÔNG TY TNHH THIÊN PHỤNG (VN)
938 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe gắn máy, cụ thể là: piston (pít tông), ổ khoá, bạc séc măng, guốc phanh, nhông và đĩa.

---

(111) **4-0095445**
(210) 4-2006-04419
(181) 27.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

COLDOLTAC

(151) 29.01.2008
(220) 27.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TẤN (VN)
487 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095446**
(210) 4-2006-04420
(181) 27.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MAGNSI B6

(151) 29.01.2008
(220) 27.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TẤN (VN)
487 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095447**
(210) 4-2006-06326
(181) 24.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HƯƠNG QUÊ

(151) 29.01.2008
(220) 24.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH PHONG NAM (VN)
Lô đất số 40G, khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Nước chè (trà) xanh đóng chai.

---

(111) **4-0095448**
(210) 4-2006-17942
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 24.10.2006

(531) 3.9.1; 5.7.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY HẢI SẢN HIỆP THANH (VN)
Quốc lộ 91, ấp Thới An, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Cá (không còn sống), thực phẩm chế biến từ cá, động vật giáp xác (không còn sống), thực phẩm chế biến từ động vật giáp xác, thịt.

Nhóm 30: Bột gạo, gạo, chế phẩm từ ngũ cốc.

Nhóm 31: Thức ăn gia súc, hoa quả tươi, động vật sống.

Nhóm 35: Mua bán lương thực, thực phẩm, các loại nông sản, thủy hải sản; mua bán thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0095449**
(210) 4-2006-22162
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 19.12.2006

(531) 26.4.1; 5.13.25
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THẾ NGUYÊN (VN)
Tổ 18, ấp An Hoà, xã Hoá An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Chân đèn.

Nhóm 20: Khung gương, khung hình, phù điêu, tượng (bằng nhựa).

Nhóm 21: Bình hoa, chậu hoa, giá đỡ nến (không làm bằng kim loại quý).

---

(111) **4-0095450**
(210) 4-2006-02940
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GEL-TIOXI 5

(151) 29.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095451**
(210) 4-2006-02941
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DITRICANVIC

(151) 29.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095452**
(210) 4-2006-02942
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NOCAPGINE

(151) 29.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0095453**
(210) 4-2006-02948
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Baihu Huoluogao

(151) 29.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÔNG NAM DƯỢC BẢO LINH (VN)
Lô 32, khu công nghiệp Đà Nẵng, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, cao xoa bóp dùng để chữa bệnh, cao xoa bóp dùng trong y tế.

---

(111) **4-0095454**
(210) 4-2006-02979
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

1000 Thousand

(151) 29.01.2008
(220) 03.03.2006

(591) Xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THÁI NGUYÊN (VN)
Khu công nghiệp Sông Công Thái Nguyên.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 09: Pin, ắc quy, dây điện, bảng điện.

Nhóm 11: Đèn pin.

---

(111) **4-0095455**
(210) 4-2006-02999
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 03.03.2006

(531) 1.15.15
(591) Xanh dương, xanh tím, đỏ, vàng, vàng cam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH C & T (VN)
365 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết đóng chai.

(111) **4-0095456**
(210) 4-2006-03000
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 03.03.2006

(531) 2.9.10; 4.5.2; 4.5.3
(591) Xanh cổ vịt, trắng
(731) NHA KHOA HOÀNG LÊ (VN)
515 An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám và chữa răng hàm mặt.

---

(111) **4-0095457**
(210) 4-2006-05637
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 12.04.2006

(591) Xanh lá cây, xanh da trời, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP LIÊN VIỆT (VN)
186/13/12/9 Nguyễn Suý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các loại van công nghiệp, thiết bị đo và phân tích, phụ tùng, phụ kiện đường ống dùng trong công nghiệp và dân dụng, thiết bị công nghiệp.

---

(111) **4-0095458**
(210) 4-2006-05638
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 12.04.2006

(591) Xanh lá cây, xanh da trời, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP LIÊN VIỆT (VN)
186/13/12/9 Nguyễn Suý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Van bằng kim loại (không là bộ phận của máy).

Nhóm 09: Thiết bị đo và phân tích, cụ thể là: đồng hồ đo lưu lượng chất lỏng, đồng hồ đo mức chất lỏng, đồng hồ đo nhiệt độ, đồng hồ đo áp suất, thiết bị đo và kiểm soát độ PH, thiết bị đo và kiểm soát oxy hoà tan.

---

(111) **4-0095459**
(210) 4-2006-17859
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 24.10.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Đỏ, đen, xanh, vàng, trắng
(731) TRẦN XUÂN HUY (VN)
29 Lê Thế Hiếu, phường 1, thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

(511) Nhóm 39: Tổ chức các tour du lịch cho khách quốc tế vào Việt Nam, tổ chức cho khách du lịch quốc tế và người nước ngoài ở Việt Nam đi du lịch nước ngoài.

---

(111) **4-0095460**
(210) 4-2006-22165
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

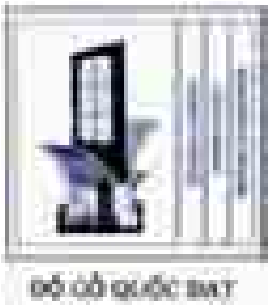

(151) 29.01.2008
(220) 19.12.2006

(531) 26.4.1; 26.4.2; 7.3.1; 7.15.5; 7.15.8
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC ĐẠT (VN)
360C, phố Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Cửa sổ hai cánh không phải bằng kim loại; khung cửa không phải bằng kim loại; cửa không phải bằng kim loại; ván sàn; cửa gấp không phải bằng kim loại; gỗ làm đường gờ, chỉ; gỗ lát tường.

Nhóm 20: Ghế dài; ghế ngồi; tủ treo quần áo; tủ; bàn làm việc (đồ gỗ); cửa cho đồ gỗ; bàn trang điểm; ghế có tay dựa; tủ nhiều ngăn; đồ gỗ nội thất; đồ gỗ văn phòng; đồ gỗ trường học; tủ có khoá; bàn máy tính.

---

(111) **4-0095461**
(210) 4-2006-06627
(181) 27.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 27.04.2006

(531) 3.1.4; 26.1.1; A26.1.15
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI LỢI (VN)
1325/E ĐT 746, khu 6, ấp Hóa Nhựt, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón vô cơ, hữu cơ và hỗn hợp.

---

(111) **4-0095462**
(210) 4-2006-16701
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 05.10.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; A5.3.14
(591) Nâu, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG XANH (VN)
Cụm công nghiệp dốc 47, xã Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Nhóm 42: Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng.

Nhóm 44: Dịch vụ về nghề làm vườn hoa, cây cảnh.

---

(111) **4-0095463**
(210) 4-2006-10080
(181) 29.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 29.06.2006

(731) TRẦN THANH TUẤN (VN)
Tổ 32, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống, nước giải khát (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0095464**
(210) 4-2006-07432
(181) 15.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ENAVIT C

(151) 29.01.2008
(220) 15.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CHÂU ÂU (VN)
ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095465**
(210) 4-2006-08248
(181) 28.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIỆT Ý

(151) 29.01.2008
(220) 28.07.2006

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ ĐOÀN KIỀU HOA (VN)
Thôn Đại Tự, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Két bạc.

---

(111) **4-0095466**
(210) 4-2006-12925
(181) 08.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 08.08.2006

(531) 26.1.1; 2.1.1; A16.1.6; 16.3.15
(591) Xanh sẫm, xanh nhạt, xanh dương, vàng, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN (TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN) (VN)
Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095467**
(210) 4-2006-13652
(181) 18.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

OK 歐克

(151) 29.01.2008
(220) 18.08.2006

(531) A25.7.21
(731) GOOD CAR BON PAPER CO., LTD. (TW)
No. 57, Sec. 2, Chung Shan Road, Changhua, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 17: Giấy cách điện; giấy cách điện dùng cho xe cộ; giấy cách điện dùng cho kính xây dựng.

---

(111) **4-0095468**
(210) 4-2006-14707
(181) 05.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 05.09.2006

(591) Đen, tím, vàng đất
(731) LƯU THỊ THẢO (VN)
P101B, A8, tập thể Khương Thượng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Quán cà phê, giải khát.

---

(111) **4-0095469**
(210) 4-2006-15060
(181) 08.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CEFAVINA

(151) 29.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ASEAN (VN)
Tổ 17, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095470**
(210) 4-2006-15061
(181) 08.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CEFRAVIN

(151) 29.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ASEAN (VN)
Tổ 17, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095471**
(210) 4-2006-15067
(181) 08.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NASASTAR

(151) 29.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU NĂM NGÔI SAO (VN)
105D Ngô Quyền, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước khoáng, nước ép trái cây, nước uống chế biến từ hoa quả đóng chai, nước uống chế biến từ hoa quả đóng hộp, đồ uống không chứa cồn.

Nhóm 33: Rượu các loại như: rượu vodka, rượu whisky, rượu brandy, rượu gạo, rượu vang, rượu hoa quả.

---

(111) **4-0095472**
(210) 4-2006-15998
(181) 22.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 22.09.2006

(531) 5.13.4; 5.7.3; 26.4.3
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 Quốc Lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 40: Sản xuất các loại bao bì từ giấy, và nhựa (có in nội dung thông tin); sản xuất các loại bao bì - chai nhựa.

---

(111) **4-0095473**
(210) 4-2006-16517
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 02.10.2006

(531) A24.15.13
(591) Xanh da trời, trắng, nâu đỏ
(731) CAFE TÁM THÁI (VN)
128 Trần Phú, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà, cà phê.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, quảng cáo, tiếp thị sản phẩm: trà, cà phê.

---

(111) **4-0095474**
(210) 4-2006-16589
(181) 03.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 03.10.2006

(531) 26.1.1; A26.11.8; A26.11.13; 26.2.1
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh lam, xanh dương
(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng và nước có ga và các đồ uống không cồn khác; đồ uống trái cây và nước trái cây ép; xirô và chế phẩm khác để pha đồ uống.

---

(111) **4-0095475**
(210) 4-2006-16892
(181) 09.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 29.01.2008
(220) 09.10.2006

(531) 5.3.20
(591) Trắng, đỏ sẫm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO THÁI DƯƠNG (VN)
Số 92, phố Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095476**
(210) 4-2006-17043
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LEFRANIL

(151) 29.01.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001 khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095477**
(210) 4-2006-17064
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

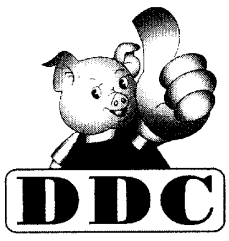

(151) 29.01.2008
(220) 11.10.2006

(531) 2.9.14; 3.4.18; 3.4.20; A3.4.25
(731) LI XIAOBING (CN)
No. 9 Kehua Mid-road, Chengdu, Sichuan, P.R. China (1001-1006 Tianfu Mass City)
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Chất bổ sung vào thức ăn cho vật nuôi không dùng cho ngành y; thực phẩm cho vật nuôi; bã rượu bia; chế phẩm để vỗ béo vật nuôi; thức ăn vỗ béo dùng cho vật nuôi; prôtêin dùng làm thức ăn cho vật nuôi.

---

(111) **4-0095478**
(210) 4-2006-17080
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FIXLOBA

(151) 29.01.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NAM VINH (VN)
104 E2 khu tập thể 7,2 hécta - Vĩnh Phúc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095479**
(210) 4-2006-17081
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FIXLION

(151) 29.01.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NAM VINH (VN)
104 E2 khu tập thể 7,2 hécta - Vĩnh Phúc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095480**
(210) 4-2006-17082
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FIXTRIOL

(151) 29.01.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NAM VINH (VN)
104 E2 khu tập thể 7,2 hécta - Vĩnh Phúc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0095481**
(210) 4-2005-03881
(181) 11.04.2015
(300) VA2004 04096 18.10.2004 DK
(450) 25.03.2008 240
(540)

DUGRO

(151) 30.01.2008
(220) 11.04.2005

(731) INTERNATIONAL NUTRITION CO. LTD. A/S (DK)
Indiakaj 20, 2100 Copenhagen, Denmark
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Chất ăn kiêng và đồ uống kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; thực phẩm cho trẻ sơ sinh và người bệnh; thực phẩm bổ sung chất dinh dưỡng dùng cho ngành y.

Nhóm 29: Sữa bột; các sản phẩm sữa; sữa và kem đánh từ bơ sữa; đồ uống có sữa (sữa là chủ yếu); chất đạm (protein) dùng làm thức ăn cho người.

---

(111) **4-0095482**
(210) 4-2005-05137
(181) 05.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MELTING POT STUDIO

(151) 30.01.2008
(220) 05.05.2005

(731) ROMANO S.p.A. (IT)
Zona Industriale, 73046 Matino (Lecce), Italy
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 25: Quần áo; quần ngắn bó ống; áo dệt kim cộc tay; áo lót thấm mồ hôi; áo may ô thể thao; găng tay (đi kèm quần áo); bít tất ngắn cổ (đi kèm quần áo); thắt lưng (đi kèm quần áo); đồ đi chân; giầy thể thao; giày ủng để leo núi; khăn trùm đầu của phụ nữ; mũ lưỡi trai; mũ có vành.

---

(111) **4-0095483**
(210) 4-2005-05791
(181) 19.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CALCAP

(151) 30.01.2008
(220) 19.05.2005

(731) MEDICAP LIMITED (TH)
384 Soi 6, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095484**
(210) 4-2005-06953
(181) 10.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Victoria

(151) 30.01.2008
(220) 10.06.2005

(731) EEM VICTORIA (HK) LIMITED (HK)
1802 Edinburgh Tower, the Landmark, 15 Queen's Road, Hongkong
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải; dịch vụ đóng gói và lưu trữ hàng hoá; dịch vụ du lịch.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; dịch vụ trợ giúp thể thao; dịch vụ trại tập luyện thể thao; dịch vụ hộp đêm; dịch vụ tổ chức hội thảo; dịch vụ câu lạc bộ sức khoẻ.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng; dịch vụ quầy rượu; dịch vụ quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ chuồng nhốt trọ cho gia súc; dịch vụ chỗ ở tạm thời.

---

(111) **4-0095485**
(210) 4-2005-07310
(181) 20.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

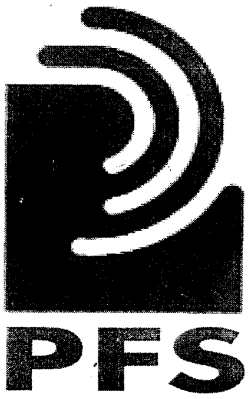

(151) 30.01.2008
(220) 20.06.2005

(531) A26.11.12; 1.15.23
(731) CÔNG TY THÉP TẤM LÁ PHÚ MỸ (VN)
Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Thép tấm; thép lá cán nguội; thép mạ (kẽm, màu và hợp kim).

Nhóm 35: Mua bán: các loại thép tấm, thép lá, máy móc thiết bị, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất thép tấm, thép lá.

---

(111) **4-0095486**
(210) 4-2005-08119
(181) 04.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

OZIMETAL

(151) 30.01.2008
(220) 04.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2c Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0095487**
(210) 4-2005-08120
(181) 04.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CARABENA

(151) 30.01.2008
(220) 04.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2c Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0095488**
(210) 4-2005-08121
(181) 04.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

OZINETRON

(151) 30.01.2008
(220) 04.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2c Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0095489**
(210) 4-2005-08122
(181) 04.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

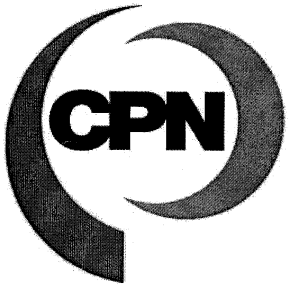

(151) 30.01.2008
(220) 04.07.2005

(531) A26.11.12; 1.15.23
(731) CENTRAL PATTANA PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
31st-33rd Floors, Central World Building, 999/9 Rama I Road, Pathumwan, Bangkok 10330, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ phát triển tài sản cụ thể là dịch vụ tài sản liên quan tới tiện ích công cộng; dịch vụ cho thuê tài sản cụ thể là dịch vụ cho thuê tài sản hữu hình dùng cho các cửa hàng bán lẻ, rạp chiếu phim, phòng họp, nhà hàng, văn phòng, cửa hàng bách hoá, sàn chơi bowling, trung tâm thể dục thẩm mỹ, các quầy bán thực phẩm, sân chơi và công viên.

---

(111) **4-0095490**
(210) 4-2005-08125
(181) 04.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 04.07.2005

(531) A26.11.12; 1.15.23
(731) CENTRAL PATTANA PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
31st-33rd Floors, Central World Building, 999/9 Rama I Road, Pathumwan, Bangkok 10330, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ phát triển tài sản cụ thể là dịch vụ tài sản liên quan tới tiện ích công cộng; dịch vụ cho thuê tài sản cụ thể là dịch vụ cho thuê tài sản hữu hình dùng cho các cửa hàng bán lẻ, rạp chiếu phim, phòng họp, nhà hàng, văn phòng, cửa hàng bách hoá, sàn chơi bowling, trung tâm thể dục thẩm mỹ, các quầy bán thực phẩm, sân chơi và công viên.

---

(111) **4-0095491**
(210) 4-2005-10400
(181) 17.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

FAINI

(151) 30.01.2008
(220) 17.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX (VN)
114 Vũ Xuân Thiều, Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ, thuốc trừ chuột, thuốc trừ bệnh dùng cho thực vật.

---

(111) **4-0095492**
(210) 4-2005-10524
(181) 07.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MACPOWER

(151) 30.01.2008
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VINH NGUYÊN (VN)
776/18B Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095493**
(210) 4-2006-06843
(181) 04.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 04.05.2006

(531) 26.1.2; 26.4.2; 26.4.10
(731) AJETHAI COMPANY LIMITED. (TH)
700/318, Moo 6, Amata Nakorn Industrial Estate, Soi 14, Donhualoh, Muang, Chonburi Province, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước để uống, nước uống chứa các bon nát, nước uống có ga, đồ uống không chứa cồn, nước ép hoa quả, nước xi -rô, nước uống tăng lực (không dùng cho mục đích y tế), đồ uống bổ dưỡng (không dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0095494**
(210) 4-2005-05793
(181) 19.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MASTRO LINDO

(151) 30.01.2008
(220) 19.05.2005

(731) THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati Ohio 45202-3315, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Các chế phẩm để tẩy rửa xe ô tô; các chất tẩy rửa; các loại xà phòng khác; các chế phẩm tẩy rửa, đánh bóng xe.

---

(111) **4-0095495**
(210) 4-2005-05901
(181) 23.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MHA

(151) 30.01.2008
(220) 23.05.2005

(731) NOVUS INTERNATIONAL, INC. (US)
530 Maryville Centre Drive, St. Louis, MO 63141, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm bổ sung cho thức ăn động vật dùng cho mục đích thú y.

---

(111) **4-0095496**
(210) 4-2006-06795
(181) 04.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

COMFYDE

(151) 30.01.2008
(220) 04.05.2006

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095497**
(210) 4-2006-06796
(181) 04.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SAIKOZUMI

(151) 30.01.2008
(220) 04.05.2006

(591) Xanh tím, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI AN KHÁNH (VN)
Số 2, ngõ 185, phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước khoáng (đồ uống), nước giải khát, bia, nước ngọt, nước ép hoa quả.

---

(111) **4-0095498**
(210) 4-2006-06835
(181) 04.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

INDOPLEX

(151) 30.01.2008
(220) 04.05.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095499**
(210) 4-2006-06836
(181) 04.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BIMOCLAV

(151) 30.01.2008
(220) 04.05.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095500**
(210) 4-2006-22626
(181) 25.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TORANAX

(151) 30.01.2008
(220) 25.12.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

(111) **4-0095501**
(210) 4-2006-16518
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TRƯỜNG THỊNH

(151) 30.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) TRẦN THỊ HƠN (VN)
27/2 đường Phạm Thái Bường, phường 4, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh mì.

---

(111) **4-0095502**
(210) 4-2006-16520
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LẠC VIÊN

(151) 30.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) LÂM MAI LAN (VN)
Số 03, đường Phạm Hùng, phường 2, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Cửa hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095503**
(210) 4-2006-16522
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 02.10.2006

(531) 26.4.1; 26.1.1; A17.2.2
(591) Đỏ, xanh lá cây đậm, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SINH DIỄN - (TNHH) (VN)
Số 451, đường Ngô Gia Tự, phường Tiền An, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 14: Vàng, bạc, đá quý.

Nhóm 35: Mua bán: vàng, bạc, đá quý.

---

(111) **4-0095504**
(210) 4-2006-16702
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VINAPEANUTS

(151) 30.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hoá, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Đậu phộng chiên, đậu phộng chiên muối, đậu phộng rang.

---

(111) **4-0095505**
(210) 4-2006-16703
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VINANUTS

(151) 30.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hoá, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Đậu phộng chiên, đậu phộng chiên muối, đậu phộng rang.

---

(111) **4-0095506**
(210) 4-2006-16704
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VINAPEA

(151) 30.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hoá, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Đậu phộng chiên, đậu phộng chiên muối, đậu phộng rang.

---

(111) **4-0095507**
(210) 4-2006-21947
(181) 14.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

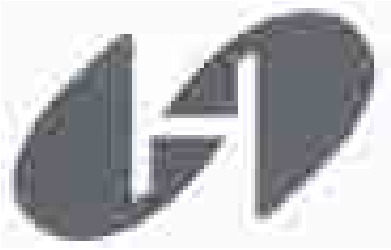

(151) 30.01.2008
(220) 14.12.2006

(531) 26.2.1; 26.7.25
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT T.T.H (VN)
8C Hiền Vương, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0095508**
(210) 4-2006-11887
(181) 25.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 25.07.2006

(531) 7.1.8; 7.3.11; 18.5.1; 26.3.1; 26.4.1; 26.7.25
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÔNG HỒNG 2 (VN)
Số 21, phố Bát Đàn, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Khách sạn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095509**
(210) 4-2006-16584
(181) 03.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HỢP NGUỒN SỨC MẠNH

(151) 30.01.2008
(220) 03.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM - VINAVICO (VN)
Tầng 1, nhà 17 T5, khu đô thị mới Trung Hoà - Nhân Chính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 37: Thi công, xây dựng các công trình ngầm dân dụng, các công trình giao thông công nghiệp, các công trình thuỷ lợi, các công trình thủy điện, các công trình cấp thoát nước, các trạm biến áp điện; lắp đặt máy móc công nghiệp.

---

(111) **4-0095510**
(210) 4-2006-16666
(181) 04.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 04.10.2006

(531) 26.1.2; 3.7.10; 3.7.16
(731) THE COCA-COLA COMPANY (US)
One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 32: Bia; nước khoáng; nước có ga; đồ uống không chứa cồn; đồ uống hoa quả; nước ép hoa quả; xi rô và chế phẩm để làm đồ uống.

---

(111) **4-0095511**
(210) 4-2006-16747
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GROWZINC

(151) 30.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BÁCH KỲ PHƯƠNG (VN)
Số nhà 11, dãy 9, tổ 44B, tập thể 361, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0095512**
(210) 4-2006-16780
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

REXOMAL

(151) 30.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) GLAXO GROUP LIMITED (GB)
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex UB6 0NN, United Kingdom
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Thuốc chống bệnh sốt rét và/hoặc kháng khuẩn.

---

(111) **4-0095513**
(210) 4-2006-16969
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 10.10.2006

(531) 1.5.1; A1.5.2; 3.7.17; A26.11.13
(591) Trắng, xanh dương đậm, xanh dương nhạt, xanh da trời, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIETLINK (VN)
98 Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hàng hoá và giao nhận hàng hoá.

---

(111) **4-0095514**
(210) 4-2006-16986
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NEWBAVITA

(151) 30.01.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095515**
(210) 4-2006-16987
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

EUNEORIN

(151) 30.01.2008
(220) 10.10.2006

(731) UMEDICA LABORATORIES PVT LTD., (IN)
Plot. No.221, G.I.D.C, Vapi - 396 195, Gujarat, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095516**
(210) 4-2006-17936
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

COUGHTEX-D

(151) 30.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG TÂM (VN)
47 đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095517**
(210) 4-2006-20716
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FLUIFORT

(151) 30.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số E2 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thành phẩm thuốc đông dược, tân dược, sinh học (trừ thuốc gây nghiện), dụng cụ y tế thông thường được bộ y tế cho phép, mua bán trang thiết bị y tế.

---

(111) **4-0095518**
(210) 4-2006-14437
(181) 30.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

EAST-A

(151) 30.01.2008
(220) 30.08.2006

(731) DONG-A PENCIL CO., LTD. (KR)
4th Floor, ParkLand B/D, 237-11 Nonhyeon-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Sổ tay; bút máy; bút bi; bút chì; bút chì màu; keo (hồ) dính dùng cho văn phòng; cái gọt bút chì; mực viết (đồ dùng văn phòng); chất lỏng để xoá (đồ dùng văn phòng); hộp và hộp có ngăn để đựng bút và bút chì.

(111) **4-0095519**
(210) 4-2006-17662
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

RABEVIG

(151) 30.01.2008
(220) 20.10.2006

(731) VIGBHA (Asia) Pte. Ltd (SG)
1, North Bridge Road # 07-10, High Street Centre, Singapore 179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095520**
(210) 4-2006-17663
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIGNESH

(151) 30.01.2008
(220) 20.10.2006

(731) VIGBHA (Asia) PTE. LTD (SG)
1, North Bridge Road # 07-10, High Street Centre, Singapore 179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095521**
(210) 4-2006-06487
(181) 26.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 26.04.2006

(531) 26.1.1; 26.2.1; 3.9.21
(591) Đen, đỏ, tím, xanh lá cây, xanh biển, màu gạch
(731) CÔNG TY TNHH VN GREEN (VN)
90A/B 73-74-75-76-77 đường Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Bột canxi thiên nhiên (dùng để bảo quản thực phẩm, khử mùi chất hữu cơ và phân huỷ chất hữu cơ) và hóa chất cải tạo đất.

---

(111) **4-0095522**
(210) 4-2006-06488
(181) 26.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 26.04.2006

(531) 26.4.2; 5.7.24; 5.9.24; A6.19.9
(591) Đỏ, tím, xanh lá cây, xanh da trời, đỏ gạch
(731) CÔNG TY TNHH VN GREEN (VN)
90A/B 73-74-75-76-77 đường Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Bột canxi thiên nhiên (dùng để bảo quản thực phẩm, khử mùi chất hữu cơ và phân huỷ chất hữu cơ) và hóa chất cải tạo đất.

---

(111) **4-0095523**
(210) 4-2006-18086
(181) 26.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 26.10.2006

(531) 2.1.1
(591) Đen, trắng, xám
(731) NGÔ LONG THÀNH (VN)
52 A phố Châu Long, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Bột đậu tương uống liền; bột tổng hợp (thành phần chủ yếu là ngũ cốc); cháo tấm.

---

(111) **4-0095524**
(210) 4-2006-01191
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LILY

(151) 30.01.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán bao bì các loại; dịch vụ thương mại nghiên cứu và phân tích thị trường.

---

(111) **4-0095525**
(210) 4-2006-01228
(181) 01.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FREEZETONE

(151) 30.01.2008
(220) 01.08.2006

(731) FREEZETONE PRODUCT INC. (US)
2795 NW 105th. Miami FL 33172, USA
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 01: Chất phụ gia làm tản nhiệt dùng cho động cơ xăng (hóa chất); chất phụ gia làm tản nhiệt dùng cho động cơ điêzen (hóa chất); chất chống đông dùng cho động cơ xăng; chất chống đông dùng cho động cơ điêzen; chất tẩy nhờn (dùng trong sản xuất).

---

(111) **4-0095526**
(210) 4-2006-01230
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CTA

(151) 30.01.2008
(220) 23.01.2006

(731) YAO HUA TOOL ENTERPRISE CO., LTD. (TW)
1F., No. 407, Zhong Xing Rd., Guishan Shiang, Taoyuan County 33346, Taiwan
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy gia công kim loại; dụng cụ (bộ phận của máy gia công kim loại); máy cắt kim loại; thiết bị khoan cho máy gia công kim loại; thiết bị định vị (bộ phận cho máy móc gia công); bàn máy; bàn kẹp (bộ phận của máy móc); mâm cặp (bộ phận của máy móc); thiết bị kẹp (bộ phận của máy móc).

---

(111) **4-0095527**
(210) 4-2006-01429
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BT
BẢO TUẤN

(151) 30.01.2008
(220) 26.01.2006

(531) 15.7.1
(731) CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BẢO TUẤN (VN)
Thôn 2, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Bu lông và đai ốc bằng thép.

---

(111) **4-0095528**
(210) 4-2006-02777
(181) 29.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CELOCEF

(151) 30.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TÂN PHÁT (VN)
Nhà 15, ngách 91/45 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095529**
(210) 4-2006-02937
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CEPFACEX

(151) 30.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095530**
(210) 4-2006-02938
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HOMNAPHAR

(151) 30.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095531**
(210) 4-2006-17128
(181) 12.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 12.10.2006

(531) 26.4.1; 26.4.2
(591) Đen, trắng, xanh lá cây, xanh rêu đậm
(731) NGUYỄN HỒNG HẠNH (VN)
56 và 11 ấu Triệu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ mát xa (xoa bóp) chân; dịch vụ mát xa tay; dịch vụ mát xa toàn thân.

---

(111) **4-0095532**
(210) 4-2006-17129
(181) 12.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

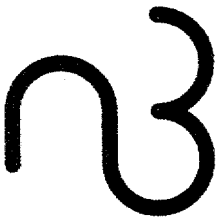

(151) 30.01.2008
(220) 12.10.2006

(531) A26.11.13
(731) NATURAL BEAUTY COSMETICS CO., LTD. (TW)
9F, No. 76, Sec. 2, Tunhwa S. Rd., Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; xi dùng để đánh giầy; mỹ phẩm; nước hoa; dầu gội đầu; chất tẩy vết bẩn trên quần áo; tinh dầu; chế phẩm mỹ phẩm dùng để chăm sóc da; nước thơm dùng cho mặt (mỹ phẩm); chế phẩm dùng để rửa sạch mặt (mỹ phẩm); kem dưỡng da (mỹ phẩm); kem dùng để tắm (mỹ phẩm); chế phẩm mỹ phẩm dùng để tắm; mỹ phẩm dạng nước dùng để tẩy trang; chế phẩm tẩy sạch dùng cho gia đình.

---

(111) **4-0095533**
(210) 4-2006-22067
(181) 18.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

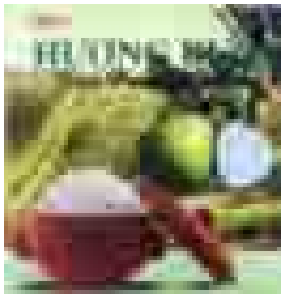

(151) 30.01.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.4.1; 11.3.18; 5.7.3; 5.7.11
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI (VN)
Số 23 Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Gạo.

---

(111) **4-0095534**
(210) 4-2006-22672
(181) 25.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DUBECORT

(151) 30.01.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0095535**
(210) 4-2006-22673
(181) 25.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

OPEVERIN

(151) 30.01.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0095536**
(210) 4-2006-22674
(181) 25.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ELECTRON

(151) 30.01.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0095537**
(210) 4-2006-17664
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIGBHA

(151) 30.01.2008
(220) 20.10.2006

(731) VIGBHA (Asia) PTE. LTD (SG)
1, North Bridge Road # 07-10, High Street Centre, Singapore 179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095538**
(210) 4-2006-20968
(181) 30.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CEFTALIFE

(151) 30.01.2008
(220) 30.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095539**
(210) 4-2006-20969
(181) 30.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PERAZLIFE

(151) 30.01.2008
(220) 30.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095540**
(210) 4-2006-22627
(181) 25.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TORPRAZ

(151) 30.01.2008
(220) 25.12.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095541**
(210) 4-2005-14250
(181) 25.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 25.10.2005

(531) 26.4.2; 26.4.9; A26.4.15; A5.5.21
(591) Đen, trắng, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ - TẠO MẪU - QUẢNG CÁO TƯƠNG PHẢN (VN)
186 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Đồ dùng văn phòng gồm: giấy, bút, mực, sổ để viết, tập giấy, hồ dán, băng keo văn phòng, phong bì, kẹp dùng cho văn phòng; danh thiếp, thiếp chúc mừng, thiếp mời, các.

---

(111) **4-0095542**
(210) 4-2005-14273
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 26.10.2005

(531) 6.1.2; A26.11.13; 26.1.2; 25.7.20; 26.3.23
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỆT LONG (VN)
Số 187 Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Ti vi mầu; hệ thống stereo hi-fi; loa; âm ly; đầu DVD.

---

(111) **4-0095543**
(210) 4-2005-14743
(181) 04.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 04.11.2005

(531) 26.4.2; 26.4.3
(591) Đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH PHÚ TRUNG SƠN (VN)
845/4 quốc lộ 1A khu phố 1, phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Thép các loại như là thép tấm, thép lá, thép định hình.

---

(111) **4-0095544**
(210) 4-2005-13106
(181) 05.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

FORRVITA B

(151) 30.01.2008
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ PHÁP (VN)
Số 6, ngõ 45 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095545**
(210) 4-2005-13108
(181) 05.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SONAL

(151) 30.01.2008
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9, H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095546**
(210) 4-2005-16608
(181) 08.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 08.12.2005

(531) 26.3.1; 25.7.20
(591) Đỏ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH BÍCH HỢP (VN)
Số 241 quốc lộ 1, phường 8, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

(511) Nhóm 06: Tôn, thép xà gồ các loại, lưới rào B40.

---

(111) **4-0095547**
(210) 4-2005-14291
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 26.10.2005

(531) 25.1.6; A1.1.10; A1.1.5; A26.11.13
(591) Xanh nước biển đậm, xanh nước biển nhạt, trắng
(731) TIỆM BÁNH HƯƠNG NAM (VN)
109 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Bánh quy; bánh ngọt; bánh xốp; bánh kẹo để trang trí cây Noel; kẹo; bánh qui mặn.

---

(111) **4-0095548**
(210) 4-2005-14512
(181) 31.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BARMINWA

(151) 30.01.2008
(220) 31.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SUỐI NGHỆ (VN)
Số 07 Lê Hồng Phong, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng.

---

(111) **4-0095549**
(210) 4-2005-16700
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

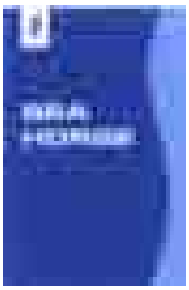

(151) 30.01.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.4.2; A26.11.13; 3.9.14
(591) Xanh nước biển đậm, xanh dương, trắng
(731) TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM (VN)
Số 25A, phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0095550**
(210) 4-2005-13053
(181) 05.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MARKLEEN UNIBOOM

(151) 30.01.2008
(220) 05.10.2005

(731) MARKLEEN TERRA S.L.U (ES)
Pol. Rio Gàllego, C/E, no 22, 50840 San Mateo de Gàllego, Zaragoza, Spain
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 17: Hàng rào làm từ sợi tổng hợp dùng để chống dầu loang; tất nhồi sợi tổng hợp dùng để thấm rò rỉ trong công nghiệp; gối nhồi sợi tổng hợp dùng để thấm rò rỉ trong công nghiệp; hàng rào làm từ chất pôli-urêtan (nhựa tổng hợp) dùng để chắn sự rò rỉ của máy móc.

---

(111) **4-0095551**
(210) 4-2005-14489
(181) 31.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 31.10.2005

(531) A5.5.21; 26.4.1; A26.11.13
(591) Đen, trắng, ghi đậm, xanh lá mạ, vàng da cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GIA PHÚC (VN)
Thôn Trung, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Buôn bán vật liệu xây dựng, hàng nội thất, hàng may mặc, hàng điện tử.

---

(111) **4-0095552**
(210) 4-2006-01231
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ZECUF

(151) 30.01.2008
(220) 23.01.2006

(731) J.B. CHEMICALS & PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
"Neelam Centre" 'B' Wing, 4th Floor, Hind Cycle Road, Worli, Mumbai - 400 025 - India
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm: kem dưỡng da, sữa rửa mặt, dầu gội đầu.

Nhóm 29: Chiết xuất từ thịt, chiết xuất từ tảo dùng làm thực phẩm, tổ yến (yến sào), sữa.

Nhóm 30: Bánh quy, bột ngũ cốc, kẹo ngậm dạng viên.

---

(111) **4-0095553**
(210) 4-2006-00896
(181) 18.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PN phuongnguyen

(151) 30.01.2008
(220) 18.01.2006

(531) 26.3.23; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP (VN)
207 Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc cắn mầu cho hạt giống.

Nhóm 31: Động vật sống; thức ăn cho động vật; thức ăn gia súc; tôm (sống); cá (còn sống); cây.

Nhóm 42: Tư vấn kiến trúc; thiết kế nội thất; khai thác nước ngầm; kiến trúc; nghiên cứu sinh học; nghiên cứu kỹ thuật.

---

(111) **4-0095554**
(210) 4-2006-00169
(181) 05.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MEDOTASE

(151) 30.01.2008
(220) 05.01.2006

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3 Canada.

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095555**
(210) 4-2006-00722
(181) 16.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TZS FIRST

(151) 30.01.2008
(220) 16.01.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH PHÚ ĐIỀN KINH BẮC (VN)
Số 6, tổ 2, khối 7B, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố chạy bằng điện; máy hút bụi chạy bằng điện; máy ép nước rau quả chạy bằng điện; máy xay cà phê chạy bằng điện.

Nhóm 09: Bàn là chạy bằng điện; đầu máy DVD; tivi.

Nhóm 11: Lò vi sóng; máy pha cà phê chạy bằng điện; ấm đun nước điện; lò sưởi điện; máy sấy tóc; nồi cơm điện; quạt điện; máy điều hoà không khí; lò nướng bằng điện.

---

(111) **4-0095556**
(210) 4-2006-01093
(181) 20.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TIN TIN SUPRA

(151) 30.01.2008
(220) 20.01.2006

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3, Canada

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0095557**
(210) 4-2006-01094
(181) 20.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MEDOXANALIN

(151) 30.01.2008
(220) 20.01.2006

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095558**
(210) 4-2006-01270
(181) 24.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HAI PHONG KTV

(151) 30.01.2008
(220) 24.01.2006

(531) 26.3.23
(731) BÙI ĐỨC LONG (VN)
Số 152 Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ karaoke.

---

(111) **4-0095559**
(210) 4-2006-02479
(181) 23.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SongHnn
CCTV&Security System

(151) 30.01.2008
(220) 23.02.2006

(531) 26.1.1; 26.1.5; A26.11.12
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SÔNG HÀN (VN)
Số 647A, phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị giám sát an ninh, thiết bị bảo vệ.

---

(111) **4-0095560**
(210) 4-2004-13169
(181) 25.11.2014
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 30.01.2008
(220) 25.11.2004

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHÁNH XƯƠNG (VN)
Lô số 30 Tân Tạo, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em.

---

(111) **4-0095561**
(210) 4-2005-14014
(181) 21.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

METAVINA

(151) 31.01.2008
(220) 21.10.2005

(731) TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHÒNG TRỪ MỐI (VN)
267 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt trừ mối.

---

(111) **4-0095562**
(210) 4-2005-13290
(181) 10.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LOBSTER

Extra Shield

(151) 31.01.2008
(220) 10.10.2005

(531) 3.9.16; 26.1.2
(731) URAI PHANICH CO., LTD. (TH)
26/18 Soi Pichai 1, St. Louis 3 Road, Yannawa, Sathorn, Bangkok 10120, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 02: Sơn nhũ tương; sơn tráng men; sơn dùng trong công nghiệp (trừ sơn cách điện); sơn vécni.

---

(111) **4-0095563**
(210) 4-2005-14092
(181) 24.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

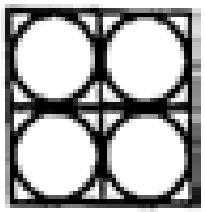

(151) 31.01.2008
(220) 24.10.2005

(531) 26.4.1; 26.4.10; 25.5.25
(731) CHAROEN POKPHAND GROUP CO., LTD (TH)
313 C.P.Tower, Silom Road, Bangrak District, Bangkok 10500, Thailand.
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 35: Hỗ trợ việc điều hành kinh doanh; tư vấn điều hành kinh doanh; hỗ trợ bán hàng; trang trí các quầy kính cửa hàng; dịch vụ trưng bày hàng hoá; dịch vụ triển lãm hàng hoá; phân phát hàng mẫu; quảng cáo, dịch vụ đẩy mạnh việc bán hàng; phân phối tài liệu quảng cáo; hãng xuất nhập khẩu; xuất bản quảng cáo; dịch vụ tiếp thị; dịch vụ điều hành bán hàng; dịch vụ điều hành bán buôn và bán lẻ; dịch vụ điều hành siêu thị; dịch vụ sắp xếp và trưng bày hàng hoá; dịch vụ điều hành kiểm kê; dịch vụ giới thiệu sản phẩm.

---

(111) **4-0095564**
(210) 4-2005-14094
(181) 24.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

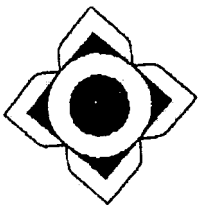

(151) 31.01.2008
(220) 24.10.2005

(531) A5.5.20; 26.4.1; A26.4.6; 26.4.10
(731) CHAROEN POKPHAND GROUP CO., LTD (TH)
313 C.P.Tower, Silom Road, Bangrak District, Bangkok 10500, Thailand
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 35: Hỗ trợ việc điều hành kinh doanh; tư vấn điều hành kinh doanh; hỗ trợ bán hàng; trang trí các quầy kính cửa hàng; dịch vụ trưng bày hàng hoá; dịch vụ triển lãm hàng hoá; phân phát hàng mẫu; quảng cáo, dịch vụ đẩy mạnh việc bán hàng; phân phối tài liệu quảng cáo; hãng xuất nhập khẩu; xuất bản quảng cáo; dịch vụ tiếp thị; dịch vụ điều hành bán hàng; dịch vụ điều hành bán buôn và bán lẻ; dịch vụ điều hành siêu thị; dịch vụ sắp xếp và trưng bày hàng hoá; dịch vụ điều hành kiểm kê; dịch vụ giới thiệu sản phẩm.

---

(111) **4-0095565**
(210) 4-2005-14213
(181) 25.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 25.10.2005

(531) 26.1.2
(731) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm thú y và vắc xin thú y.

Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ thú y.

---

(111) **4-0095566**
(210) 4-2005-14214
(181) 25.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

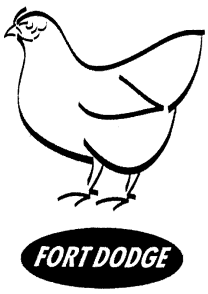

(151) 31.01.2008
(220) 25.10.2005

(531) 26.1.2; 3.7.3
(731) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm thú y và vắc xin thú y, kể cả vắc xin dùng cho gia cầm.

Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ thú y kể cả tủ đựng vắc xin gia cầm dùng cho cả gà con.

---

(111) **4-0095567**
(210) 4-2005-14090
(181) 24.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

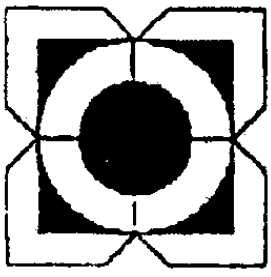

(151) 31.01.2008
(220) 24.10.2005

(531) A5.5.20; 26.4.1; A26.4.6; 26.4.10
(731) CHAROEN POKPHAND GROUP CO., LTD (TH)
313 C.P.Tower, Silom Road, Bangrak District, Bangkok 10500, Thailand
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 35: Hỗ trợ việc điều hành kinh doanh; tư vấn điều hành kinh doanh; hỗ trợ bán hàng; trang trí các quầy kính cửa hàng; dịch vụ trưng bày hàng hoá; dịch vụ triển lãm hàng hoá; phân phát hàng mẫu; quảng cáo, dịch vụ đẩy mạnh việc bán hàng; phân phối tài liệu quảng cáo; hãng xuất nhập khẩu; xuất bản quảng cáo; dịch vụ tiếp thị; dịch vụ điều hành bán hàng; dịch vụ điều hành bán buôn và bán lẻ; dịch vụ điều hành siêu thị; dịch vụ sắp xếp và trưng bày hàng hoá; dịch vụ điều hành kiểm kê; dịch vụ giới thiệu sản phẩm.

---

(111) **4-0095568**
(210) 4-2006-05373
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(531) A1.1.5; A1.1.10; 26.4.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY VŨ THÀNH (VN)
Xóm 6, xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0095569**
(210) 4-2006-05374
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY VŨ THÀNH (VN)
Xóm 6, xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0095570**
(210) 4-2006-05378
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(731) LG ELECTRONICS INC. (KR)
20, Yoido-dong, Yongdungpo-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Máy bộ đàm dùng để thu và nhận thông tin cầm tay; điện thoại không dây; điện thoại có đường dây qua hệ thống vệ tinh nhân tạo; điện thoại mạng kỹ thuật số; điện thoại di động; đầu máy nghe nhạc kỹ thuật số; máy tính cá nhân kỹ thuật số.

(111) **4-0095571**
(210) 4-2006-19362
(181) 10.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 10.11.2006

(531) 3.1.1; 3.1.14; 3.1.16; A3.1.24
(591) Trắng, hồng, vàng, xanh, đen, kem, nâu, nâu nhạt
(731) Wyeth (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940 - 0874, U.S.A
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ em và người tàn tật và sữa bột pha chế theo công thức dùng cho trẻ em và người tàn tật.

Nhóm 29: Sữa và sản phẩm từ sữa dành cho trẻ em và dùng làm chất bổ sung dinh dưỡng (thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0095572**
(210) 4-2006-05312
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

IBUVISTA

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095573**
(210) 4-2006-05313
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SILIVISTA

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095574**
(210) 4-2006-05314
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GATWELL

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095575**
(210) 4-2006-05316
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GINKOVISTA

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095576**
(210) 4-2006-05317
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PENZILO

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095577**
(210) 4-2006-05318
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

RICODOL

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095578**
(210) 4-2006-05351
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PENCER

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095579**
(210) 4-2006-05352
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ULPERAZ

(151) 31.01.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095580**
(210) 4-2006-06794
(181) 04.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

COMFIDE

(151) 31.01.2008
(220) 04.05.2006

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095581**
(210) 4-2005-13284
(181) 10.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ORAL-B FRESH CLEAN

(151) 31.01.2008
(220) 10.10.2005

(731) PROCTER & GAMBLE BUSINESS SERVICES CANADA COMPANY (CA)
c/o Stewart McKelvey Stirling Scales, Suite 900, 1959 Upper Water Street, P.O.Box 997, Halifax, Nova Scotia, Canada B3J 2X2
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 21: Bàn chải đánh răng và tơ sồi dùng cho nha khoa.

---

(111) **4-0095582**
(210) 4-2006-17028
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 11.10.2006

(531) A26.4.6
(591) Đỏ, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU - RUBIMEX (VN)
18D Ngô Quyền, phường 6, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể là, chế phẩm sinh học đa chức năng có công dụng: trừ cỏ, trừ sâu và cải tạo đất.

---

(111) **4-0095583**
(210) 4-2006-22209
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

WELKIN

(151) 31.01.2008
(220) 19.12.2006

(591) Xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH BIN GA (VN)
59 Bàu Cát 4, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0095584**
(210) 4-2006-17087
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 11.10.2006

(531) 26.1.1; A1.1.10; A1.1.3; 26.3.4; A26.3.6
(591) Đỏ, xanh lá mạ non, đen, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH THIÊN HÓA (VN)
Xóm 22, thôn Đông Kết, xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: IC điện; rơ le điện; rơ le nháy (bằng điện); cuộn dây điện cao áp; khoá điện; cuộn dây điện; bộ nạp điện; bộ dây điện.

Nhóm 35: Mua bán ký gửi linh kiện thiết bị điện tử, phụ tùng ô tô xe máy; quảng cáo; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xuất nhập khẩu; thông tin về thương mại; bán đấu giá.

---

(111) **4-0095585**
(210) 4-2005-05771
(181) 18.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

METAZYDYNA

(151) 31.01.2008
(220) 18.05.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIA MINH (VN)
76/2 ngách 25/7, Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095586**
(210) 4-2005-07807
(181) 28.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 28.06.2005

(531) 19.7.1
(591) Nâu, nâu nhạt, vàng, đỏ, trắng, xanh nước biển
(731) CHIVAS BROTHERS (AMERICAS) LIMITED (GB)
111/113 Renfrew Road, Paisley PA3 4DY, Scotland, United Kingdom
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn; rượu mạnh, rượu vang, rượu mùi; đồ uống được chưng cất; rượu whisky; rượu whisky từ mạch nha; rượu mùi whisky; đồ uống làm từ hay chứa whisky; rượu khai vị; rượu cocktail.

---

(111) **4-0095587**
(210) 4-2005-16622
(181) 08.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 08.12.2005

(531) 2.9.1
(591) Xanh nước biển, đỏ
(731) FRASER AND NEAVE LIMITED (SG)
#21-00 Alexandra Point, 438 Alexandra Road, Singapore 119958
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Sữa, các sản phẩm sữa, các sản phẩm bơ sữa, đồ uống được làm chủ yếu từ bơ sữa, đồ uống được chế trên cơ sở sữa (sữa là thành phần chủ yếu); sữa có hương vị; sữa đặc, sữa đặc không đường, các sản phẩm bơ sữa chứa lactosa enzyme; món mousse (làm chủ yếu từ sữa, trứng và các thành phần khác đánh nhuyễn có gelatin), đồ tráng miệng lạnh, cụ thể là: sa lát trái cây, sa lát rau quả, thạch quả; nước quả nấu đông, chất phủ lên món ăn có vị ngọt, cụ thể là: mứt, pho mát, mỡ thực vật lấy từ cacao, chất béo bao gồm hỗn hợp dùng để phết bánh mì lát; mứt trái cây, sữa chua đông lạnh, đồ uống làm từ sữa chua.

Nhóm 32: Nước khoáng và nước có ga và các loại đồ uống không cồn khác, đồ uống không cồn có cacbonat được chế trên cơ sở đậu nành và đồ uống không cồn không có cacbonat; xirô; các chế phẩm để pha đồ uống; đồ uống trái cây và nước trái cây ép, chất cô đặc từ trái cây được dùng để pha đồ uống không cồn có cacbonat và không có cacbonat; sữa đậu nành.

---

(111) **4-0095588**
(210) 4-2006-16561
(181) 03.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 03.10.2006

(591) Xanh tím, xanh lá cây nhạt, vàng
(731) ĐẶNG MAI ĐÔNG (VN)
Phòng 103, đường 6, tổ 97, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ luyện viết chữ đẹp.

---

(111) **4-0095589**
(210) 4-2006-16563
(181) 03.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MAESTROSUISSE

(151) 31.01.2008
(220) 03.10.2006

(731) P.T SARI INCOFOOD CORPORATION (ID)
Desa Tanjung Morawa B, Kabupaten Deli Serdang, Medan, Sumatera Utara, Indonesia
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 32: Bia; nước khoáng (đồ uống); nước có ga; đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả; nước ép trái cây; xi rô (đồ uống).

---

(111) **4-0095590**
(210) 4-2006-17605
(181) 19.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

QUAPHACLOR

(151) 31.01.2008
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH (VN)
Đường Hữu Nghị, phường Bắc Lý, thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095591**
(210) 4-2006-17606
(181) 19.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

QUAPHACEF

(151) 31.01.2008
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH (VN)
Đường Hữu Nghị, phường Bắc Lý, thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095592**
(210) 4-2006-17608
(181) 19.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

QUAFAMOX

(151) 31.01.2008
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH (VN)
Đường Hữu Nghị, phường Bắc Lý, thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095593**
(210) 4-2006-18672
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BEAUTEEN

(151) 31.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) HOYU KABUSHIKI KAISHA (also trading as Hoyu Co., Ltd.) (JP)
501, Tokugawa 1-chome, Higashi-Ku, Nagoya-Shi, Aichi-Ken, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm nhuộm màu tóc; chế phẩm tẩy trắng dành cho tóc; chế phẩm tẩy mầu dùng cho tóc; dầu gội đầu; dầu xả tóc; kem dưỡng dùng cho tóc hư; nước thơm xức tóc; keo xịt tóc; chế phẩm để uốn quăn tóc; nước dưỡng tóc, kem dùng cho tóc, thuốc nhuộm tóc.

---

(111) **4-0095594**
(210) 4-2006-19008
(181) 06.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CHAMOIS

(151) 31.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO SILICAT (VN)
Tổ 7, cụm Tư Đình, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn các loại như: sơn dầu, sơn nước, sơn chống thấm, sơn dùng để bảo quản, chất dùng làm lớp phủ công nghiệp (tương tự như sơn); chế phẩm dùng làm sơn lót (chế phẩm từ sơn).

Nhóm 19: Bột trét tường (matít), keo dán gạch (hỗn hợp xi măng và phụ gia), phụ gia xây dựng, phụ gia chống thấm (không phải là hóa chất) dùng trong xây dựng, phụ gia bê tông.

---

(111) **4-0095595**
(210) 4-2006-20553
(181) 24.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.4.2; 26.3.23
(591) Đỏ, trắng
(731) KUMHO TIRE CO., INC. (KR)
57, 1 - ga, Sinmunlo, Jonglo - Gu, Seoul , Republic of Korea
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè; ca cao; đường; gạo; bột sắn; bột cọ; cà phê nhân tạo (chất thay thế cà phê); bột mỳ và bột ngũ cốc; bánh mỳ; bánh ngọt và mứt kẹo, kem lạnh (kem ăn); mật ong; nước mật đường; men thực phẩm (không dùng cho ngành y); bột nở; muối (để ăn hoặc nấu nướng); tương mù tạc (tương hạt cải); giấm; nước xốt (làm gia vị); gia vị.

---

(111) **4-0095596**
(210) 4-2006-20557
(181) 24.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 24.11.2006

(531) 6.1.2
(731) FUJI CARBON MFG. CO., (JP)
1 - 11, Nishiki - machi, Anjo - shi, Aichi, 446 - 0035 Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Chổi than (bộ phận của máy); hộp đựng khối than của chổi than (bộ phận của máy).

---

(111) **4-0095597**
(210) 4-2006-20750
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 28.11.2006

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH PHƯƠNG MAI (VN)
Số 87 Cát Cụt, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095598**
(210) 4-2006-20752
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TÂY PHƯƠNG

(151) 31.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) LÊ QUANG TÙNG (VN)
Số nhà 63, tổ 20, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095599**
(210) 4-2006-20755
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

I'ZEN

(151) 31.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) KUMHO TIRE CO ., INC. (KR)
57, 1 - ga, Sinmunlo, Jonglo - Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 12: Lốp xe ôtô; săm xe; vành bánh xe.

---

(111) **4-0095600**
(210) 4-2007-05181
(181) 28.03.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 31.01.2008
(220) 28.03.2007

(531) A5.3.15
(591) Xanh lá cây, xanh lá mạ, trắng
(731) TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH CHÈ (VN)
102 - 92 Võ Thị Sáu, Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Chè.

---

(111) **4-0095601**
(210) 4-2005-12427
(181) 23.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 23.09.2005

(531) 25.1.6; 26.2.7
(591) Trắng, đỏ, xanh da trời, xanh nước biển đậm, xanh dương đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU (VN)
18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Sắt lá, các loại bao bì bằng kim loại.

Nhóm 35: Mua bán sắt lá, nhôm lá, các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá; mua bán các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong lĩnh vực in, tráng verni trên sắt lá.

Nhóm 36: Cho thuê nhà xưởng để sản xuất (không lưu trữ hàng hoá).

Nhóm 39: Cho thuê kho tàng, sân bãi (để chứa hàng hoá).

Nhóm 40: In, tráng verni trên sắt lá; gia công các loại bao bì bằng kim loại (theo đơn đặt hàng của người khác).

---

(111) **4-0095602**
(210) 4-2005-06712
(181) 06.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 06.06.2005

(531) A26.11.12
(591) Xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt, vàng cam, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ DU LỊCH ĐẤT XANH (VN)
40 Đặng Thị Nhu, phường Nguyễn Thái Bình, quận I, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý bán vé máy bay; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và vận tải hành khách; dịch vụ giao nhận hàng hóa.

---

(111) **4-0095603**
(210) 4-2005-07031
(181) 14.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 14.06.2005

(591) Đen, trắng, đỏ, xanh dương, xanh da trời
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI HOA VIỆT MỸ (VN)
179 Hùng Vương, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Chất tẩy rửa dùng trong nhà tắm; nước lau sàn nhà.

---

(111) **4-0095604**
(210) 4-2005-10503
(181) 18.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CRUSTEX

(151) 01.02.2008
(220) 18.08.2005

(731) BIO SOLUTIONS CO., LTD (TH)
2532 Rama III Tower, #506 Ratchada - Rama III Rd., Bangkok 10120, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Các chất hoá học sử dụng trong nông nghiệp và thuỷ sản bao gồm cả các chất hoá học dùng để xử lý nước.

---

(111) **4-0095605**
(210) 4-2005-10506
(181) 18.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

HON HAI

(151) 01.02.2008
(220) 18.08.2005

(731) HON HAI PRECISION INDUSTRY CO., LTD. (TW)
2, Tzu Yu Street, Tu-Cheng City, Taipei Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ khoa học, hàng hải, trắc địa, nhiếp ảnh, quang học, cân đo, báo hiệu, kiểm tra, cấp cứu và giảng dạy; thiết bị và dụng cụ dùng để dẫn, chuyển mạch, biến đổi, tích, điều chỉnh hoặc điều khiển năng lượng điện; thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính; đĩa ghi; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hay thẻ; máy tính tiền; máy tính, thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính; thiết bị dập lửa.

Nhóm 35: Quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản lý giao dịch; hoạt động văn phòng.

Nhóm 42: Các dịch vụ khoa học và công nghệ và nghiên cứu, thiết kế liên quan đến chúng; các dịch vụ nghiên cứu và phân tích công nghiệp; thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính; các dịch vụ pháp lý.

---

(111) **4-0095606**
(210) 4-2005-10136
(181) 11.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

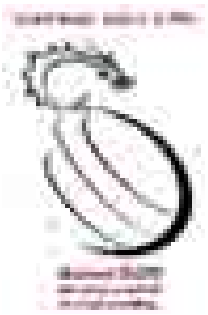

(151) 01.02.2008
(220) 11.08.2005

(531) 4.3.3; A26.11.12
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH LỐI ĐI VIỆT (VIETWAY COMPANY LIMITED) (VN)
67/119 Bùi Đình Tuý, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ cung cấp chỗ quảng cáo trên mạng internet; dịch vụ xúc tiến thương mại qua mạng internet, điện thoại, máy fax; dịch vụ cung cấp thông tin thương mại qua mạng internet, điện thoại, máy fax; dịch vụ cung cấp thông tin, tư vấn, cố vấn liên quan đến dịch vụ cung cấp chỗ quảng cáo trên mạng internet; dịch vụ cung cấp thông tin, tư vấn, cố vấn liên quan đến dịch vụ xúc tiến thương mại qua mạng internet, điện thoại, máy fax; dịch vụ tư vấn, cố vấn liên quan đến dịch vụ cung cấp thông tin thương mại qua mạng internet, điện thoại, máy fax.

Nhóm 38: Dịch vụ nhận và truyền hình ảnh, âm thanh, thông tin, cơ sở dữ liệu bằng máy tính; dịch vụ thông tin bằng mạng máy tính; dịch vụ cho thuê thiết bị, hệ thống thiết bị viễn thông; dịch vụ thư, thiệp điện tử; dịch vụ tin nhắn điện tử; dịch vụ truyền tin và hình ảnh có hỗ trợ của máy tính.

Nhóm 42: Dịch vụ cho phép truy cập cơ sở dữ liệu qua mạng máy tính; dịch vụ cho phép truy nhập cơ sở dữ liệu qua mạng máy tính; cho thuê máy tính để truy cập cơ sở dữ liệu qua mạng máy tính; cho thuê máy tính để truy nhập cơ sở dữ liệu qua mạng máy tính; dịch vụ cung cấp năng lực xử lý, lưu trữ, sắp xếp cơ sở dữ liệu điện tử bằng mạng máy tính; dịch vụ kết nối, phục hồi và tra cứu: cơ sở dữ liệu mạng máy tính.

---

(111) **4-0095607**
(210) 4-2006-04918
(181) 03.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LONG TÂM

(151) 01.02.2008
(220) 03.04.2006

(731) TRẦN THỊ TUỲ (VN)
199 đường Giải Phóng (11 Đồng Tâm cũ), phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Bán buôn, bán lẻ, phân phối các loại dược phẩm.

(111) **4-0095608**
(210) 4-2006-04991
(181) 05.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 05.04.2006

(531) 26.4.4; 25.5.25
(731) EASY JOY TRADING CO., LTD. (TW)
No.22, Industrial 16th Rd., Tai-Ping City, Taichung Hsian, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 20: Bàn học sinh; tủ đựng bát đĩa (không bằng kim loại); tủ (không bằng kim loại); tủ bày hàng (đồ gỗ); cái bàn; ghế; ghế tràng kỷ; giường; giá để sách bằng gỗ; giá để giày dép bằng gỗ (đồ đạc trong nhà).

---

(111) **4-0095609**
(210) 4-2006-04992
(181) 05.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TAIHO

(151) 01.02.2008
(220) 05.04.2006

(731) EASY JOY TRADING CO., LTD. (TW)
No. 22, Industrial 16th Rd., Tai - Ping City, Taichung Hsian, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 20: Bàn học sinh; tủ đựng bát đĩa (không bằng kim loại); tủ (không bằng kim loại); tủ bày hàng (đồ gỗ); cái bàn; ghế; ghế tràng kỷ; giường; giá để sách bằng gỗ; giá để giày dép bằng gỗ (đồ đạc trong nhà).

---

(111) **4-0095610**
(210) 4-2006-17933
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

COUGHTEX

(151) 01.02.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG TÂM (VN)
47 đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095611**
(210) 4-2006-17934
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

XEPARIDON

(151) 01.02.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG TÂM (VN)
47 đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095612**
(210) 4-2006-20080
(181) 20.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 20.11.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TUẤN (VN)
84 Đinh Tiên Hoàng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Giày, dép và đồ đi chân.

---

(111) **4-0095613**
(210) 4-2006-20081
(181) 20.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 20.11.2006

(531) 26.1.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TUẤN (VN)
84 Đinh Tiên Hoàng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Giày, dép và đồ đi chân.

---

(111) **4-0095614**
(210) 4-2006-04996
(181) 05.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PAMISOL

(151) 01.02.2008
(220) 05.04.2006

(731) MAYNE PHARMA LIMITED (AU)
Level 21, 390 St Kilda Road, Melbourne, Victoria 3004, Australia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược phẩm bao gồm các chế phẩm để điều trị loãng xương, ung thư và ngăn chặn tiêu xương.

---

(111) **4-0095615**
(210) 4-2006-05310
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PAFENOL

(151) 01.02.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095616**
(210) 4-2006-05311
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ULCILO

(151) 01.02.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095617**
(210) 4-2006-18020
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

QUARA

(151) 01.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095618**
(210) 4-2006-18021
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ZOFUN

(151) 01.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095619**
(210) 4-2006-20835
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HIBUN

(151) 01.02.2008
(220) 29.11.2006

(731) HITACHI SOFTWARE ENGINEERING CO., LTD. (JP)
1-43, 1-Chome, Suehiro Cho, Tsurumi-ku, Yokohama, Kanagawa-ken, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy vi tính; phần mềm máy tính để mã hoá và giải mã dữ liệu.

---

(111) **4-0095620**
(210) 4-2006-20964
(181) 30.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CHLORLIFE

(151) 01.02.2008
(220) 30.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095621**
(210) 4-2005-17888
(181) 30.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 30.12.2005

(531) 26.1.1; 2.9.10; 2.9.14
(591) Đỏ, xanh da trời nhạt, vàng nhạt, tím, đen, trắng
(731) PHÒNG KHÁM CHỮA BỆNH BS. PHẠM HỒNG TRÁNG (VN)
429C Nguyễn Kiệm, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa răng miệng.

---

(111) **4-0095622**
(210) 4-2005-16781
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MACRABERIN-M

(151) 01.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) UNIVERSAL MEDICARE LIMITED (IN)
Sion - Trombay Road, Deonar, Mumbai - 400 088, India
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095623**
(210) 4-2005-17880
(181) 30.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 30.12.2005

(531) 26.1.1; 5.3.17; 5.3.20
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THỊNH BẢO (VN)
ấp Nội Hoá, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 21: Tô; bát (chén); đĩa; nồi; khay; cốc (ly).

---

(111) **4-0095624**
(210) 4-2005-10507
(181) 18.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

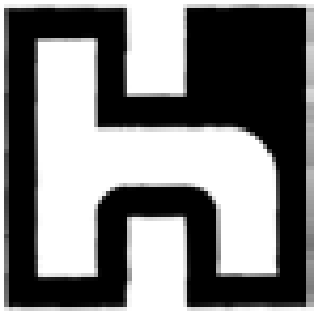

(151) 01.02.2008
(220) 18.08.2005

(731) HON HAI PRECISION INDUSTRY CO., LTD. (TW)
2, Tzu Yu Street, Tu-Cheng City, Taipei Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ khoa học, hàng hải, trắc địa, nhiếp ảnh, quang học, cân đo, báo hiệu, kiểm tra, cấp cứu và giảng dạy; thiết bị và dụng cụ dùng để dẫn, chuyển mạch, biến đổi, tích, điều chỉnh hoặc điều khiển năng lượng điện; thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính; đĩa ghi; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hay thẻ; máy tính tiền; máy tính; thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính; thiết bị dập lửa.

Nhóm 35: Quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản lý giao dịch; hoạt động văn phòng.

Nhóm 42: Các dịch vụ khoa học và công nghệ và nghiên cứu, thiết kế liên quan đến chúng; các dịch vụ nghiên cứu và phân tích công nghiệp; thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính; các dịch vụ pháp lý.

(111) **4-0095625**
(210) 4-2005-14215
(181) 25.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

AMBER HOUSE

(151) 01.02.2008
(220) 25.10.2005

(731) YAMATO INTERNATIONAL INC. (JP)
3-9, Bakuro-machi 2-chome, Chuo-ku, Osaka, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giầy dép, đồ đội đầu.

---

(111) **4-0095626**
(210) 4-2005-14216
(181) 25.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

PÉRIPHÉRIQUE

(151) 01.02.2008
(220) 25.10.2005

(731) YAMATO INTERNATIONAL INC. (JP)
3-9, Bakuro-machi 2-chome, Chuo-ku, Osaka, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giầy dép, đồ đội đầu.

---

(111) **4-0095627**
(210) 4-2005-15429
(181) 15.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

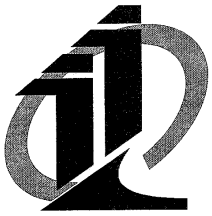

(151) 01.02.2008
(220) 15.11.2005

(531) 26.1.2; 24.15.1; 26.7.25
(731) CÔNG TY TNHH TÂN QUANG THÀNH (VN)
20/48 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, gỗ và các sản phẩm gỗ, hàng trang trí nội-ngoại thất, thiết bị viễn thông, máy vi tính và linh kiện, thiết bị điện lạnh, điện gia dụng, ô tô, xe máy, hàng trang trí nội -ngoại thất; đại lý ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0095628**
(210) 4-2005-15660
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 21.11.2005

(531) 26.2.7; 26.3.4; 1.3.1; 10.3.7
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh nước biển
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT DỊCH VỤ BỐN NGHIỆP (VN)
335 Luỹ Bán Bích, phường Hoà Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 40: Gia công cán màng nhựa OPP; bế, ép, mạ nhũ, nhuộm màu bìa sách.

Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu.

---

(111) **4-0095629**
(210) 4-2005-15662
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 21.11.2005

(531) 26.1.6
(591) Đỏ, trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT - DỊCH VỤ VIỄN THÁI (VN)
177/7A Luỹ Bán Bích, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 02: Mực in.

Nhóm 35: Mua bán mực in, vật tư ngành in, thiết bị, máy móc ngành bao bì giấy - nhựa - kim loại.

---

(111) **4-0095630**
(210) 4-2005-15663
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 21.11.2005

(591) Nâu vàng, trắng
(731) CƠ SỞ TÚ LOA (VN)
012 lô M, chung cư Nguyễn Kim, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Bộ tiết kiệm xăng (bộ tiết kiệm chất đốt cho động cơ).

Nhóm 09: Bộ tiết kiệm điện.

---

(111) **4-0095631**
(210) 4-2005-16044
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DIGIMAX

(151) 01.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) SAMSUNG TECHWIN CO., LTD. (KR)
28, Seongju-dong, Changwon-si, Kyeongsangnam-do, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 09: Camera kĩ thuật số dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0095632**
(210) 4-2005-16878
(181) 12.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.3; 26.4.8
(591) Trắng, xanh nước biển, da cam, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT (VN)
89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Khôi phục dữ liệu máy tính; lập chương trình máy tính; cho thuê máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; bảo trì phần mềm máy tính, cập nhật phần mềm máy tính; phân tích hệ thống máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; chuyển nhượng lixăng về quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ phần mềm máy tính; cho thuê phần mềm máy tính;

thiết kế chương trình máy tính; cho thuê chương trình máy tính; cập nhật chương trình phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0095633**
(210) 4-2005-14703
(181) 03.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 03.11.2005

(531) 1.15.5; 3.9.16; 26.4.2
(591) Đỏ cam, vàng, xanh lá cây, đen
(731) TỪ PHI (VN)
285/20 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống phục vụ hải sản nướng không khói.

---

(111) **4-0095634**
(210) 4-2005-14719
(181) 03.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 03.11.2005

(531) 26.3.3; 24.15.3
(731) CÔNG TY TNHH THĂNG HOA (VN)
Số 69 đường số 20, khu dân cư Bình Phú, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Tủ điện công nghiệp và dân dụng; cầu dao ngắt điện tự động.

Nhóm 11: Đèn cao áp, đèn neon; đèn trang trí dùng cho công nghiệp và dân dụng.

---

(111) **4-0095635**
(210) 4-2005-14720
(181) 03.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 01.02.2008
(220) 03.11.2005

(531) 26.3.3; 24.15.1
(731) CÔNG TY TNHH THĂNG HOA (VN)
Số 69 đường số 20, khu dân cư Bình Phú, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Tủ điện công nghiệp và dân dụng; cầu dao ngắt điện tự động.

Nhóm 11: Đèn cao áp, đèn neon; đèn trang trí dùng cho công nghiệp và dân dụng.

---

(111) **4-0095636**
(210) 4-2005-14721
(181) 03.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

AZIMEX

(151) 01.02.2008
(220) 03.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ NÔNG LÚA VÀNG (VN)
E98 ấp Mỹ Hoà 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0095637**
(210) 4-2005-15277
(181) 14.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Tamilack

(151) 01.02.2008
(220) 14.11.2005

(531) 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH NHẬT BẢN (VN)
Tổ 3, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 06: Khóa (ngoài loại khóa điện) bằng kim loại.

Nhóm 35: Mua bán các loại khóa.

---

(111) **4-0095638**
(210) 4-2006-20965
(181) 30.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AMPILIFE

(151) 01.02.2008
(220) 30.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095639**
(210) 4-2006-20966
(181) 30.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CEFOLIFE

(151) 01.02.2008
(220) 30.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095640**
(210) 4-2006-20967
(181) 30.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CEFTRIALIFE

(151) 01.02.2008
(220) 30.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095641**
(210) 4-2006-17379
(181) 17.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 04.02.2008
(220) 17.10.2006

(531) 26.4.3; 26.1.2
(591) Vàng lúa, trắng, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HÀ THANH (VN)
Số 3, tổ 2B phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Giấy vở học sinh, giấy dùng cho văn phòng phẩm (giấy sao chụp), bìa, giấy bọc.

---

(111) **4-0095642**
(210) 4-2005-12929
(181) 04.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

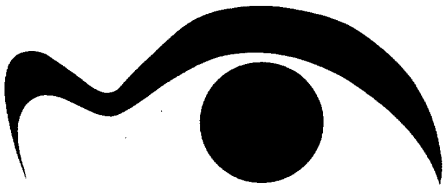

(151) 04.02.2008
(220) 04.10.2005

(531) 26.1.1; A26.11.12
(731) ARIAFINA KABUSHIKI KAISHA (JP)
1-9, Fuchinobe 2-chome, Sagamihara-shi, Kanagawa-ken, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Ống hút mùi (khói) cho bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun, ống hút mùi (khói) cho bếp, quạt cho ống hút mùi (khói) cho bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun, quạt thông gió, bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun chạy điện, lò nấu nướng chạy điện, bếp lò nấu nướng chạy điện, bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun dùng khí ga, lò nấu nướng dùng khí ga, bếp lò nấu nướng dùng khí ga.

---

(111) **4-0095643**
(210) 4-2005-09731
(181) 03.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CHILDREN'S SMILE

(151) 04.02.2008
(220) 03.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH B&O (VN)
317/38 Hà Huy Giáp, phường Thạnh Xuân, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo, nón.

---

(111) **4-0095644**
(210) 4-2005-12633
(181) 28.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

VISIT

(151) 04.02.2008
(220) 28.09.2005

(731) DONGKWANG INTERNATIONAL CO., LTD. (KR)
459-14, Kasan-Dong, Keumcheon-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 18: Ba lô đeo vai, dây da, túi đi biển, cặp đựng tài liệu, hộp đựng thẻ (ví tiền), vỏ bao (làm bằng da để đóng gói đồ dùng), da thú, túi xách tay, túi dết, giả da, dây buộc chó làm bằng da, ví đựng tiền, cặp sách đi học, túi mua hàng, túi du lịch, ô, gậy chống.

Nhóm 25: Quần trẻ em, quần áo bơi liền mảnh của phụ nữ, thắt lưng (quần áo), dây đeo quần, mũ lưỡi trai (đồ đội đầu), mũ đội đầu, quần áo làm bằng da, đồ đi chân, găng tay (trang phục), áo vét tông, áo chui đầu, quần áo đan (quần áo dệt kim), ca vát, quần lót (quần đùi), áo paca, xăng đan, khăn choàng, khăn quàng cổ, tất ngắn, váy ngắn, áo thể thao, bộ comlê, áo len dài tay (áo vệ sinh), áo phông, quần áo lót, áo lót, dép lê, quần áo may sẵn.

Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo bán hàng quần áo, quảng cáo, đại lý quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, phân phối hàng mẫu dùng cho mục đích quảng cáo, đại lý xuất - nhập khẩu, nghiên cứu thị trường, dịch vụ thu mua hàng hóa cho người khác.

---

(111) **4-0095645**
(210) 4-2004-01137
(181) 18.02.2014
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 04.02.2008
(220) 18.02.2004

(531) 5.3.1; A5.3.15
(591) Xanh lá cây, nâu nhạt, nâu đậm, đen
(731) IMPERIAL TOBACCO LIMITED (GB)
P O Box 244, Southville, Bristol B S 9 9 7 U J, UNITED KINGDOM
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá đã chế biến hoặc chưa chế biến; các sản phẩm thuốc lá; các chất thay thế thuốc lá không dùng cho mục đích y tế hoặc chữa bệnh; thuốc lá điếu; thuốc lá cuốn bằng tay; diêm và vật dụng cho người hút thuốc.

---

(111) **4-0095646**
(210) 4-2006-16662
(181) 04.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 04.02.2008
(220) 04.10.2006

(531) 24.1.3; 5.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU HẢI ĐÀ (VN)
Đường Ngô Quyền, khu phố 4, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Bia, nước có gaz; đồ uống không chứa cồn; nước ép trái cây; xi-rô dùng cho đồ uống; nước khoáng (đồ uống).

Nhóm 33: Đồ uống chứa cồn (trừ bia).

---

(111) **4-0095647**
(210) 4-2005-11279
(181) 01.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 04.02.2008
(220) 01.09.2005

(531) 26.11.3; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VIEN DONG PHARMA., JSC) (VN)
Số 411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thuốc đông y; sản phẩm vệ sinh cá nhân chứa thuốc; thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0095648**
(210) 4-2005-15512
(181) 16.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Viễn Đông
Vien Dong., JSC

(151) 04.02.2008
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VIEN DONG PHARMA., JSC) (VN)
Số 411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, thuốc đông y, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế, bánh kẹo, nước giải khát.

---

(111) **4-0095649**
(210) 4-2005-15513
(181) 16.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Tập đoàn Viễn Đông Châu Á
(Vien Dong Asia Group., JSC)

(151) 04.02.2008
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VIEN DONG PHARMA., JSC) (VN)
Số 411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, thuốc đông y, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế, bánh kẹo, nước giải khát.

---

(111) **4-0095650**
(210) 4-2005-16508
(181) 06.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ROVAHADIN

(151) 04.02.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095651**
(210) 4-2005-16509
(181) 06.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

HADICLACIN

(151) 04.02.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095652**
(210) 4-2005-16741
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CADIROXOL

(151) 04.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095653**
(210) 4-2005-16742
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CADITRIVIT

(151) 04.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095654**
(210) 4-2005-17459
(181) 22.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Lục Lạc

(151) 04.02.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KINH DOANH VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HÀ VIỆT (VN)
Số nhà 217, tổ 38, đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Mỳ ăn liền.

---

(111) **4-0095655**
(210) 4-2005-17462
(181) 22.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

HP BEE BOOK

(151) 04.02.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG PHÁT (VN)
CT1A, đơn nguyên II, Mỹ Đình II, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Sách điện tử.

---

(111) **4-0095656**
(210) 4-2005-17633
(181) 27.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

GETEK

(151) 04.02.2008
(220) 27.12.2005

(731) SHENZHEN GAOKE ELECTRONICS CO., LTD. (CN)
Gaoke Industrial Park, No.8, Tangkeng Road, Shiyan Town, Shenzhen, P.R. China
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Bật lửa; lò vi sóng (thiết bị nấu nướng); tủ lạnh; hệ thống lắp đặt điều hoà không khí; hệ thống lắp đặt làm nóng (nước); linh kiện nhỏ cho bồn tắm; tủ bếp có khử trùng; lò sưởi chạy điện; thiết bị tiệt trùng; vật dụng để nấu nướng chạy điện; đèn ga (khí đốt); thiết bị điều hoà không khí; quạt hút gió; thiết bị làm nóng nước; nồi hấp (nồi áp suất chạy điện); nồi hơi (không phải là bộ phận của máy); nồi cơm điện.

---

(111) **4-0095657**
(210) 4-2005-17712
(181) 27.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SANBEZELIRIS

(151) 04.02.2008
(220) 27.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095658**
(210) 4-2006-18627
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

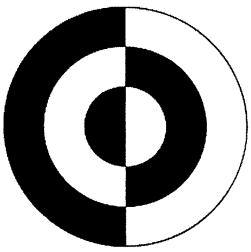

(151) 04.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.1.1; 26.2.1
(731) ABDI IBRAHIM ILAC SANAYI VE TICARET A.S. (TR)
Kore Sehitleri Cad. No:19 Zincirlikuyu, Istanbul, Turkey
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và chế phẩm thú y; các sản phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế, cụ thể là miếng đệm vệ sinh và nước rửa vệ sinh phụ nữ; chất ăn kiêng dùng cho mục đích y tế, thức ăn dùng cho trẻ em; cao dán dùng cho mục đích y tế, vật liệu dùng để

băng bó dùng cho mục đích y tế, vật liệu để hàn răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0095659**
(210) 4-2007-02736
(181) 07.02.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

CATBI PLAZA

(151) 04.02.2008
(220) 07.02.2007

(731) CÔNG TY THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (VN)
Số 52 đường Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng hoá trong trung tâm thương mại, siêu thị, đại siêu thị.

---

(111) **4-0095660**
(210) 4-2006-19041
(181) 07.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

JEIL ...just energy in life

(151) 04.02.2008
(220) 07.11.2006

(531) A5.3.14
(591) Xanh lá cây, xanh nước biển, đen
(731) CÔNG TY TNHH NGỌC KHÁNH (VN)
Số 37, phố Nguyễn Sơn, Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Dây và cáp điện, các khí cụ điện (phích cắm, ổ cắm, công tắc).

---

(111) **4-0095661**
(210) 4-2005-16354
(181) 02.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

PARAFEVER

(151) 04.02.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095662**
(210) 4-2005-14583
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 04.02.2008
(220) 01.11.2005

(591) Đỏ, hồng đậm, hồng nhạt, vàng, xanh lá cây, xanh da trời
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KI DO (VN)
Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa chua, sữa và sản phẩm sữa.

---

(111) **4-0095663**
(210) 4-2005-14586
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 04.02.2008
(220) 01.11.2005

(531) 2.1.1; 2.1.11; 26.1.1
(591) Trắng, đen,vàng, nâu, nâu đen, xám
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hoá, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Đậu phộng chiên; đậu Hà Lan chiên muối; đậu rang; hạt điều chiên thuộc nhóm này.

Nhóm 30: Đậu phộng bọc sôcôla; bánh các loại; kẹo các loại.

---

(111) **4-0095664**
(210) 4-2005-11584
(181) 08.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 04.02.2008
(220) 08.09.2005

(531) 26.4.2
(731) FLIGHT CENTRE LIMITED (AU)
Level 13, 316 Adelaide Street, Brisbane, Queensland, 4000, Australia
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Các dịch vụ do các đại lý du lịch cung cấp trong nhóm này bao gồm dịch vụ du lịch, bán vé máy bay quốc tế và nội địa, sắp xếp các chuyến du lịch và các cuộc đi chơi biển, hộ tống và vận chuyển khách du lịch.

---

(111) **4-0095665**
(210) 4-2005-14590
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SYNCOPEP

(151) 04.02.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NAM SINH (VN)
Số 45, ngõ 346 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095666**
(210) 4-2005-14592
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ANERGYJET

(151) 04.02.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NAM SINH (VN)
Số 45, ngõ 346 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095667**
(210) 4-2005-14989
(181) 08.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 04.02.2008
(220) 08.11.2005

(531) 2.1.20; 3.3.1; 26.1.1
(731) INDUSTRIAS PAMPERO, C.A. (VE)
AV San Felipe, Centro COINASA, Piso 6, Urb. La Castellana, Caracas 1060, Venezuela
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia).

(111) **4-0095668**
(210) 4-2005-15404
(181) 15.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

REDPHARKIT

(151) 04.02.2008
(220) 15.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095669**
(210) 4-2005-15744
(181) 22.11.2015
(300) 1080340 12.10.2005 AU
(450) 25.03.2008 240
(540)

MODERN LIVING

(151) 04.02.2008
(220) 22.11.2005

(731) TARGET AUSTRALIA PTY LTD (AU)
12 - 14 Thompson Road, North Geelong, Victoria 3125, Australia
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ hàng hải; thiết bị và dụng cụ trắc địa; thiết bị và dụng cụ quang học; thiết bị và dụng cụ cân; thiết bị và dụng cụ đo; thiết bị và dụng cụ cấp cứu; thiết bị và dụng cụ giảng dạy; thiết bị và dụng cụ dùng để điều chỉnh năng lượng điện; thiết bị dùng để ghi âm thanh hoặc hình ảnh; thiết bị dùng để truyền âm thanh hoặc hình ảnh; thiết bị dùng để tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính; đĩa ghi; máy bán hàng tự động; cơ cấu dùng cho thiết bị hoạt động khi bỏ vào đó xu hay thẻ; máy tính tiền; máy tính; thiết bị xử lý các dữ liệu; máy vi tính; thiết bị dập lửa; đồng hồ (thiết bị ghi thời gian); máy chụp ảnh; bàn là điện.

Nhóm 11: Thiết bị chiếu sáng; máy sưởi ấm; thiết bị sinh hơi nước; thiết bị nấu nướng; thiết bị làm lạnh; thiết bị sấy khô; thiết bị thông gió; thiết bị phân phối nước; thiết bị vệ sinh; đèn; chao đèn; các thiết bị điện dùng trong gia đình thuộc nhóm này, cụ thể là lò nướng bánh, ấm đun nước, lò vi ba, máy khuấy trộn dùng để chuẩn bị thức ăn và nấu nướng (dụng cụ nấu nướng), vỉ nướng (dụng cụ nấu nướng); lò (không dùng cho mục đích thí nghiệm), quạt gió (điều hoà không khí), thiết bị làm nóng, tủ lạnh, máy pha cà phê.

Nhóm 27: Thảm; thảm chùi chân; chiếu thảm; vải sơn lót nền nhà; tấm phủ sàn; trương treo tường (không làm bằng hàng dệt); giấy dán tường.

(111) **4-0095670**
(210) 4-2005-16029
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

GOLDCIF

(151) 04.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095671**
(210) 4-2005-16030
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

PREZINTON

(151) 04.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) PT DEXA MEDICA., (IN)
JI.RS Fatmawati Kav.33, Jakarta Selatan 12430, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095672**
(210) 4-2005-16192
(181) 30.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 04.02.2008
(220) 30.11.2005

(531) A1.5.3; A26.11.12
(591) Xanh dương, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH VẬN TẢI AN THÁI (VN)
Cụm công nghiệp Đồng Hành Cầu, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường thủy và đường bộ; dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy và đường bộ; cho thuê kho; cho thuê bãi đỗ xe; dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa; dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế.

---

(111) **4-0095673**
(210) 4-2005-16449
(181) 06.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CRUZ

(151) 04.02.2008
(220) 06.12.2005

(731) THE NATORI COMPANY INCORPORATED (US)
180 Madison Avenue, City Of New York, State Of New York 10016, United States Of America
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo mặc để tắm biển và quần áo mặc để bơi; áo jắckét; áo cộc tay (và thường có đính biểu trưng của một tổ chức nào đó); áo choàng (áo bờ-lu); khăn quàng bằng lông của phụ nữ; đồ lót phụ nữ mặc ôm sát người từ ngực đến hông; đồ lót phụ nữ mặc bó sát thân liền mảnh; áo bôlêrô (loại áo khoác của phụ nữ có hay không có tay); áo nịt ngực; đồ lót bó sát thân trên của phụ nữ (thường không có quai và tay); áo caftan (của người Thổ Nhĩ Kỳ, có thắt ngang lưng); áo coóc-xê ngoài; áo choàng không tay; quần capri lửng đến nửa bắp chân của phụ nữ; mũ lưỡi trai; mũ đội khi tắm vòi hoa sen; mũ; áo lót phụ nữ; yếm vải; trang phục quấn quanh người và mở ở cạnh; áo choàng; quần soóc rộng; váy; mũ len che tai; áo dài của phụ nữ mặc trong những dịp đặc biệt; áo len chui đầu; quần soóc; giày dép; bao tay lông; dây đeo nịt bít tất; thắt lưng cho trang phục; găng tay cho trang phục; găng tay hở ngón; khăn choàng cổ (có thể che được cả mũi và miệng) và bao tay lông của phụ nữ; đồ mặc khi tập thể dục; mũ trùm đầu; hàng dệt kim (bít tất, đồ lót); quần áo mặc ở nhà của phụ nữ; quần áo của trẻ em; áo nịt len; bộ đồ mặc khi chạy bộ; áo ngoài mặc chui đầu của phụ nữ; khăn vuông trùm đầu của phụ nữ; áo kimônô; quần lót chẽn gối của phụ nữ; tã lót; giày cao cổ mềm của trẻ em thường bằng len; quần bó chân (ôm sát chân); xà cạp; quần áo lót phụ nữ; quần áo mặc trong nhà; váy muu muu (váy rộng, sặc sỡ, kiểu đơn giản thường là của phụ nữ ở Hawaii mặc); cổ áo; quần áo xuềnh xoàng mặc ở nhà; áo ngủ (của phụ nữ, trẻ em); áo ngủ của đàn ông; mũ ngủ; váy ngủ; bộ pyjama; quần bó (quần chẽn); quần áo lót; đồ nịt của phụ nữ; áo nịt ngực của phụ nữ; bộ quần và áo khoác phụ nữ mặc vào những dịp trang trọng; áo parka (có mũ trùm đầu); quần đùi phụ nữ; áo choàng tắm của phụ nữ; quần áo mặc để chơi; miếng vải nhét vào túi ngực, để lộ một phần ra ngoài (dùng cho áo); quần áo đi mưa; áo choàng; quần yếm trẻ em; xà-rông; khăn quàng vai hay khăn thắt lưng; khăn quàng cổ; khăn choàng; áo váy hẹp thẳng đuột của phụ nữ; áo sơ mi; quần đùi đàn ông; áo shrug che vai, tay và ngực (thường của phụ nữ); mặt nạ che mặt khi ngủ; đồ mặc khi ngủ; quần xi-líp; khăn choàng vai phụ nữ; bộ quần áo (hay váy áo) may cùng một loại vải; quần; quần rộng với gấu bằng chất liệu co giãn; áo chui đầu tay dài với chất liệu từ sợi cotton; bộ quần rộng với gấu bằng chất liệu co giãn và áo chui đầu tay dài với chất liệu từ sợi cotton; áo len dài tay; quần rộng của phụ nữ giống như quần soóc; đồ lót teddies của phụ nữ gồm áo nịt ngực và quần lót; áo của phụ nữ che phần trên của cơ thể (tops); quần dài; áo dài thắt ngang lưng; áo cổ cao (cổ lọ); bộ áo cổ chui và áo len cài cúc dài tay của phụ nữ mặc hợp với nhau; áo

phông (T-shirt); áo gi-lê; cạp (dải vải tạo thành chỗ eo lưng của quán áo); thắt lưng cho trang phục; áo gi-lê mặc trong áo vét hay áo khoác; bộ đồ mặc khi khởi động; tạp dề.

---

(111) **4-0095674**
(210) 4-2005-16504
(181) 06.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

PROFYTUS

(151) 04.02.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095675**
(210) 4-2005-16505
(181) 06.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LEXCINTOP

(151) 04.02.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095676**
(210) 4-2005-16745
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

VOKTAILS

(151) 04.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) VOK BEVERAGES PTY LTD (AU)
34 Starr Avenue, North Plympton, South Australia 5037, Australia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Cốc tay có cồn pha sẵn và đồ uống có thành phần chủ yếu là rượu vang.

---

(111) **4-0095677**
(210) 4-2005-16746
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

VOK

(151) 04.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) VOK BEVERAGES PTY LTD (AU)
34 Starr Avenue, North Plympton, South Australia 5037, Australia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu vang, rượu mạnh và rượu mùi.

---

(111) **4-0095678**
(210) 4-2005-16751
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

IMPRESSA

(151) 04.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, hóa chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu, thuốc diệt ký sinh), chất điều hòa sinh trưởng cây trồng.

---

(111) **4-0095679**
(210) 4-2005-16753
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

GROWEL

(151) 04.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, hóa chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu, thuốc diệt ký sinh), chất điều hòa sinh trưởng cây trồng.

---

(111) **4-0095680**
(210) 4-2005-16754
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

NUTRIMIX

(151) 04.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, hóa chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu, thuốc diệt ký sinh), chất điều hòa sinh trưởng cây trồng.

---

(111) **4-0095681**
(210) 4-2005-14221
(181) 25.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 25.10.2005

(531) A1.1.2; A1.1.10; A24.15.13
(731) CARTRIDGE WORLD PTY LTD (AU)
39 Charles Street, Norwood, South Australia, 5067, Australia
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 35: Bán buôn và bán lẻ máy in và máy sao chụp bao gồm cả bán buôn và bán lẻ các mặt hàng sau: hộp mực in, giấy, mực dùng cho máy sao chụp, ống mực và giấy cuộn dùng cho máy fax.

---

(111) **4-0095682**
(210) 4-2005-14587
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

GOLDTROPIN

(151) 05.02.2008
(220) 01.11.2005

(731) KOLON INTERNATIONAL CORP. (KR)
Kolon Tower, Annex 1-22, Byeolyang-Dong Kwacheon City, Kyonggi-Do 427-040, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095683**
(210) 4-2005-14588
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

TIPHADELTACIL

(151) 05.02.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ TIỀN GIANG (VN)
15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095684**
(210) 4-2005-14589
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SAMFIXIME

(151) 05.02.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NAM SINH (VN)
Số 45, ngõ 346 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095685**
(210) 4-2005-16355
(181) 02.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

TOPCALCI

(151) 05.02.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM QUANG ANH (VN)
68 Hòa Hưng, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0095686**
(210) 4-2005-16026
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ALPHACALCI

(151) 05.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Y HỌC QUỐC TẾ (VN)
Số nhà 24, ngõ 61/23 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095687**
(210) 4-2005-16027
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DENIOCAL

(151) 05.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM GIA THỊNH (VN)
Số 36, phố Thủy Lợi, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095688**
(210) 4-2005-16028
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

PESCEF

(151) 05.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095689**
(210) 4-2005-16735
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

TOPCANYL

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095690**
(210) 4-2005-16736
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

NITRO-SPASMINE

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095691**
(210) 4-2005-16737
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

GYNO-UPHAC

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 25 (VN)
120 Hai Bà Trưng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095692**
(210) 4-2005-16738
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ENDINAT 400

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
Số 234A, quốc lộ 30, xã Mỹ Trà, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095693**
(210) 4-2005-16739
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DOLOVERA

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
Số 234A, quốc lộ 30, xã Mỹ Trà, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095694**
(210) 4-2005-16740
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LAFONPHARM

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHÁP ÂU (EUROPHARM FRANCE., JSC) (VN)
Số 143, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế, nước súc miệng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0095695**
(210) 4-2005-16755
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BM NUTRI-GRO

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, hóa chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu, thuốc diệt ký sinh), chất điều hòa sinh trưởng cây trồng.

---

(111) **4-0095696**
(210) 4-2005-16757
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

PERLKA

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, hóa chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu, thuốc diệt ký sinh), chất điều hòa sinh trưởng cây trồng.

---

(111) **4-0095697**
(210) 4-2005-16758
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

FLOWNEB

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, thuốc diệt cỏ, chế phẩm để diệt cây có hại.

---

(111) **4-0095698**
(210) 4-2005-16761
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

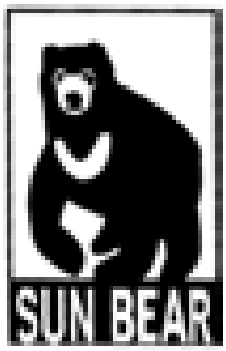

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(531) 3.1.14
(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, hóa chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu, thuốc diệt ký sinh), chế phẩm làm màu mỡ đất, chất điều hòa sinh trưởng cây trồng.

Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, thuốc diệt cỏ, chế phẩm để diệt cây có hại.

---

(111) **4-0095699**
(210) 4-2005-16762
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

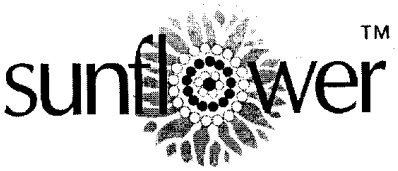

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(531) A5.5.21
(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, hóa chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu, thuốc diệt ký sinh), chế phẩm làm màu mỡ đất, chất điều hòa sinh trưởng cây trồng.

Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, thuốc diệt cỏ, chế phẩm để diệt cây có hại.

---

(111) **4-0095700**
(210) 4-2005-16763
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(531) 7.11.1; 26.1.1; A5.1.5
(591) Xanh da trời đậm, nâu đen, trắng
(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, hóa chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu, thuốc diệt ký sinh), chế phẩm làm màu mỡ đất, chất điều hòa sinh trưởng cây trồng.

Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, thuốc diệt cỏ, chế phẩm để diệt cây có hại.

---

(111) **4-0095701**
(210) 4-2005-16626
(181) 08.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

VITAFOOD

(151) 05.02.2008
(220) 08.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (VN)
Số 7 phố Trần Thánh Tông, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm có nguồn gốc từ dược liệu.

---

(111) **4-0095702**
(210) 4-2005-14594
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ORTACEF

(151) 05.02.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NAM SINH (VN)
Số 45, ngõ 346 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095703**
(210) 4-2005-16061
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 28.11.2005

(531) 1.3.1; A5.5.20; A5.5.21; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH HƯỚNG DƯƠNG (VN)
Tổ 19, khu 4, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch.

---

(111) **4-0095704**
(210) 4-2005-16304
(181) 02.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 02.12.2005

(531) 3.5.15; 26.4.4; A19.3.21
(591) Đỏ, xanh dương, đen, xám đen, trắng, cam
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI HƯNG THUẬN (VN)
45 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Keo dán dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0095705**
(210) 4-2005-16357
(181) 02.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MATRIX

(151) 05.02.2008
(220) 02.12.2005

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG HOÀN MỸ A.R.C (VN)
213/1 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Khóa; chặn cửa; bản lề; tay đẩy hơi của cửa (không phải là bộ phận của máy); chốt cửa; móc cửa (tất cả đều bằng kim loại).

---

(111) **4-0095706**
(210) 4-2005-16358
(181) 02.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 02.12.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MẶT TRỜI VÀNG (VN)
Lô CN7, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Van gas bằng kim loại.

Nhóm 07: Máy xay sinh tố.

Nhóm 09: Thiết bị điều hoà áp lực gas.

Nhóm 11: Bếp điện từ, nồi cơm điện, ấm đun nước siêu tốc bằng inox dùng điện, chậu rửa bằng inox dùng trong nhà bếp.

---

(111) **4-0095707**
(210) 4-2005-16861
(181) 12.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SUNXIM

(151) 05.02.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MẶT TRỜI (VN)
34/97 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095708**
(210) 4-2005-16864
(181) 12.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ZINGASTIF

(151) 05.02.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH HẢI (VN)
322 Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095709**
(210) 4-2005-16865
(181) 12.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

PALUTONIC

(151) 05.02.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH HẢI (VN)
322 Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095710**
(210) 4-2005-16868
(181) 12.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

RASEVON

(151) 05.02.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH HẢI (VN)
322 Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095711**
(210) 4-2005-16050
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BIVILANS

(151) 05.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095712**
(210) 4-2005-16051
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BIVIFLU

(151) 05.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095713**
(210) 4-2005-17445
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 16.03.2006

(531) 26.4.2; 5.1.1; 7.1.25; A7.1.11
(591) Xanh nước biển, xanh da trời, xanh lá cây, trắng, đỏ, vàng, vàng nâu
(731) STEPHEN COLLINS (GB)
5 Wembley Road, Liverpool 18, L18 2 DP, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục.

---

(111) **4-0095714**
(210) 4-2005-17446
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 16.03.2006

(531) 26.1.1; 21.3.1; 26.7.25
(591) Xanh nước biển, xanh da trời, trắng, đỏ.
(731) STEPHEN COLLINS (GB)
5 Wembley Road, Liverpool 18, L18 2 DP, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095715**
(210) 4-2005-17482
(181) 22.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ZIK

(151) 05.02.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN LẠC TIÊN SƠN (VN)
Khu công nghiệp Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Khoai tây chiên.

---

(111) **4-0095716**
(210) 4-2005-17483
(181) 22.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ZIK ZIK

(151) 05.02.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN LẠC TIÊN SƠN (VN)
Khu công nghiệp Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Khoai tây chiên.

---

(111) **4-0095717**
(210) 4-2005-17494
(181) 18.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 18.01.2006

(531) 5.5.16; 5.1.1; A5.1.6
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THIÊN THÀNH (VN)
Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 24: Khăn mặt, khăn tắm, khăn ăn, khăn tay, khăn trải giường, khăn trải bàn (tất cả làm bằng vải).

Nhóm 35: Mua bán: khăn mặt, khăn tắm, khăn ăn, khăn tay, khăn trải giường, khăn trải bàn.

---

(111) **4-0095718**
(210) 4-2006-01313
(181) 24.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CEFSOLAXE

(151) 05.02.2008
(220) 24.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU. (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095719**
(210) 4-2005-16764
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MYSCAN

(151) 05.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) A.C. NIELSEN COMPANY (US)
150 North Martingale Road, Schaumburg, Illiois, 60173, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ nghiên cứu thị trường; thực hiện nghiên cứu thị trường và nghiên cứu sức mua, nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng và nghiên cứu quảng cáo.

---

(111) **4-0095720**
(210) 4-2005-17811
(181) 30.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 30.12.2005

(531) 26.4.2; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH MAY MẶC LÊ PHƯỚC (VN)
Số 2, D1B, Quỳnh Mai, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0095721**
(210) 4-2005-12493
(181) 23.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

KỀM NGHĨA

(151) 05.02.2008
(220) 23.09.2005

(531) A25.3.3; A26.4.6
(731) CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ KỀM NGHĨA (VN)
10/20 Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 08: Kềm cắt da; kềm bấm móng tay; dũa móng tay; kéo cắt tóc; nhíp nhổ chân mày.

---

(111) **4-0095722**
(210) 4-2005-14144
(181) 24.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Yb@fix

(151) 05.02.2008
(220) 24.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI (VN)
521, đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095723**
(210) 4-2005-15267
(181) 11.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MOTORCYCLETUBE
Cenkyny

(151) 05.02.2008
(220) 11.11.2005

(731) CƠ SỞ CAO SU TÂN TIẾN (VN)
576 ấp Ninh Trung, xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Săm xe máy; săm xe đạp; lốp xe máy; lốp xe đạp.

---

(111) **4-0095724**
(210) 4-2005-15635
(181) 18.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

GTG
Global Trading Group

(151) 05.02.2008
(220) 18.11.2005

(531) A1.5.6
(591) Trắng, đen, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP G.T.G (VN)
2/64C Đất Thánh, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị công nghiệp; mua bán hóa chất công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng phi kim loại; mua bán vật liệu xây dựng bằng kim loại.

---

(111) **4-0095725**
(210) 4-2005-15638
(181) 18.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CHINH HIEP

(151) 05.02.2008
(220) 18.11.2005

(531) 26.4.1
(591) Xanh dương đậm, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHỰA CHÍNH HIỆP (VN)
K10-11 khu K300 Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Bao bì nhựa hút chân không PP; bao bì nhựa hút chân không PET; bao bì nhựa hút chân không PS.

Nhóm 20: Tủ; kệ.

---

(111) **4-0095726**
(210) 4-2005-15678
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BC
BASIC CLASSIC

(151) 05.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CƠ SỞ TỐT (VN)
308 Phan Đình Phùng, phường 1, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; váy.

---

(111) **4-0095727**
(210) 4-2005-15864
(181) 24.11.2015
(300) 2393082 28.05.2005 GB
(450) 25.03.2008 240
(540)

TRIZONE

(151) 05.02.2008
(220) 24.11.2005

(531) 26.15.7
(591) Đen, trắng, xanh ngọc
(731) CASTROL LIMITED (GB)
Wakefield House, Pipers Way, Swindon, Wiltshire, SN3 1RE, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 04: Chất bôi trơn; dầu bôi trơn dùng cho xe cộ có động cơ; phụ gia (không phải là phụ gia hoá học) dùng cho nhiên liệu và chất bôi trơn.

---

(111) **4-0095728**
(210) 4-2005-14258
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 26.10.2005

(531) 26.4.2; A26.11.13; A2.1.16; A2.3.16
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh dương, xanh lam, xanh nhạt
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚC NHUNG (VN)
175 Trương Vĩnh Ký, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Máy làm nóng và lạnh nước, có gắn thiết bị lọc (chạy điện).

---

(111) **4-0095729**
(210) 4-2005-13189
(181) 07.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 07.10.2005

(531) 1.5.1; A26.11.12
(591) Đỏ đen, trắng, xanh, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÔNG THĂNG (VN)
39/17A Kênh Hiệp Tân, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Bộ giảm xóc (phuộc nhún) dùng cho xe máy; bộ giảm xóc treo dùng cho xe cộ; lò xo giảm xóc dùng cho xe cộ; trục truyền động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; dây phanh dùng cho xe cộ; xích truyền động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ.

---

(111) **4-0095730**
(210) 4-2005-14264
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 26.10.2005

(531) A1.1.5; A1.1.10; 1.1.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP ABN (VN)
Số 44, ngõ 120, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Buôn bán kinh doanh các thiết bị đo lường, tự động hóa, buôn bán máy công nghiệp: bơm, máy nén khí, biến tần, van, máy nghiền, xy lanh thuỷ lực; buôn bán các

thiết bị chiếu sáng chuyên dụng dùng trong ngành dầu khí và than: buôn bán xe và phụ tùng xe dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0095731**
(210) 4-2005-14455
(181) 28.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 28.10.2005

(731) SANYANG INDUSTRY Co., Ltd (TW)
No. 3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 12: Ô tô, mô tô và xe máy, các phương tiện giao thông có bánh xe, đông cơ cho phương tiện giao thông trên bộ, các bộ phận ghép nối và truyền động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ.

Nhóm 35: Quảng cáo và kinh doanh.

---

(111) **4-0095732**
(210) 4-2005-14758
(181) 04.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DAKINA

(151) 05.02.2008
(220) 04.11.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095733**
(210) 4-2005-14759
(181) 04.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DAENASE

(151) 05.02.2008
(220) 04.11.2005

(731) PHARMAUNITY CO., LTD. (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095734**
(210) 4-2005-14238
(181) 25.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

AGE MIRACLE

(151) 05.02.2008
(220) 25.10.2005

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

---

(111) **4-0095735**
(210) 4-2005-15014
(181) 09.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Standard

(151) 05.02.2008
(220) 09.11.2005

(531) 3.7.17; 26.5.1; A26.11.8
(731) TSAI CHENG CHIEN (TW)
No.470. Sec.1. Situn Road. North District - Taichung - Taiwan
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 07: Máy công cụ.

---

(111) **4-0095736**
(210) 4-2005-15015
(181) 09.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

TAKIO

(151) 05.02.2008
(220) 09.11.2005

(531) A26.11.8; A26.3.5
(731) TSAI CHENG CHIEN (TW)
No.470. Sec.1. Situn Road. North District - Taichung - Taiwan
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 07: Máy công cụ.

(111) **4-0095737**
(210) 4-2005-15286
(181) 14.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 14.11.2005

(531) 19.9.1; A11.3.7
(591) Xanh dương, trắng
(731) CƠ SỞ THẠCH CAO MINH CƯỜNG (VN)
556 xã Hưng Định, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng gốm mỹ nghệ, thạch cao, men màu.

---

(111) **4-0095738**
(210) 4-2005-15291
(181) 14.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 14.11.2005

(531) 26.4.1
(731) CÔNG TY TNHH MAY THỜI TRANG NAM PHƯƠNG (VN)
6N7-TT5 đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo lót nam nữ.

---

(111) **4-0095739**
(210) 4-2005-15413
(181) 15.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ZEMAX SX

(151) 05.02.2008
(220) 15.11.2005

(731) MEGA LIFESCIENCES LTD. (TH)
384 Soi 6, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Thực phẩm bổ sung có chứa chủ yếu axit amin (protêin) và chế phẩm bổ dưỡng khác dùng cung cấp dinh dưỡng cho người chơi thể thao (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0095740**
(210) 4-2005-07198
(181) 16.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 16.06.2005

(531) A5.1.5; A26.11.12
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH TÀI NGUYÊN (VN)
Khu 6, đại lộ Bình Dương, phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0095741**
(210) 4-2005-10535
(181) 19.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

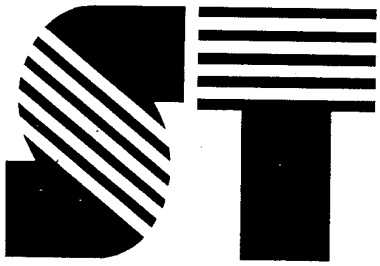

(151) 05.02.2008
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HUY MINH (VN)
1/3 Đoàn Thị Điểm, phường 1, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán mực in.

---

(111) **4-0095742**
(210) 4-2005-11607
(181) 08.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

HIỆP THÀNH

(151) 05.02.2008
(220) 08.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HIỆP THÀNH (VN)
ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ.

---

(111) **4-0095743**
(210) 4-2006-05671
(181) 13.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 13.04.2006

(531) 26.4.2
(591) Trắng, xanh lá cây, đỏ, xám
(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI (VN)
Số 65 đường Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước ép trái cây.

---

(111) **4-0095744**
(210) 4-2006-10901
(181) 12.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DOPROCA

(151) 05.02.2008
(220) 12.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG NAM (VN)
Lô 2A, đường 1A, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095745**
(210) 4-2006-06034
(181) 19.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 19.04.2006

(531) 26.4.2; A26.11.12
(731) THE GRAND ICON COMPANY PTE LTD (SG)
101 Cecil Street, #14-13 Tong Eng Building, Singapore 069533
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Các chế phẩm vệ sinh không dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0095746**
(210) 4-2006-13514
(181) 17.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MIMI MUM

(151) 05.02.2008
(220) 17.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI HOÀNG KHANG. (VN)
2A 107A tỉnh lộ 10, ấp 2, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Sữa bột.

---

(111) **4-0095747**
(210) 4-2005-07316
(181) 20.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

金 通 迪

(151) 05.02.2008
(220) 20.06.2005

(731) ZHANG WEICAI (CN)
75 Beizheng Road, Chengqu, Dongguan City, Guangdong, China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Ô tô; màn cửa che nắng dùng cho xe ô tô; đèn xi nhan dùng cho xe cộ; bộ báo hiệu chống lấy cắp dùng cho xe cộ; lưới đựng hành lý dùng cho xe cộ; đèn báo hiệu lùi dùng cho xe cộ; ô tô có lắp các tiện nghi để có thể sinh hoạt như ở gia đình.

---

(111) **4-0095748**
(210) 4-2005-07387
(181) 21.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BIG MAC

(151) 05.02.2008
(220) 21.06.2005

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Thức ăn được chế biến từ thịt, thịt lợn, cá và các sản phẩm gia cầm, thịt làm nhân bánh xăng-đuých, cá để làm nhân bánh xăng-đuých, thịt lợn để làm nhân bánh xăng-đuých, thịt gà để làm nhân bánh xăng-đuých, rau và quả đã được bảo quản và đã được nấu, trứng, pho mát, sữa, các sản phẩm làm từ sữa, các loại rau củ đem ngâm (rau dầm, hoa quả dầm, dưa góp), các món ăn tráng miệng được chế biến dựa trên cơ sở các thực phẩm có trong nhóm này.

(111) **4-0095749**
(210) 4-2005-07388
(181) 21.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BIG MAC

(151) 05.02.2008
(220) 21.06.2005

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh xăng đuých ăn được, bánh xăng đuých nhân thịt, bánh xăng đuých nhân thịt lợn, bánh xăng đuých nhân cá, bánh xăng đuých nhân thịt gà, bánh quy, bánh mỳ, bánh ngọt, bánh dẹt nhỏ, sô cô la, cà phê, các chất thay thế cà phê, trà, mù tạc, bột yến mạch, bột nhồi, nước sốt, gia vị, đường.

---

(111) **4-0095750**
(210) 4-2006-06323
(181) 24.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 05.02.2008
(220) 24.04.2006

(531) A26.4.18; 26.4.1; 26.3.23
(591) Xanh da trời, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ Á ĐÔNG (VN)
33A/5 khu phố 2, Nguyễn ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Thiết bị nấu nướng gồm tủ hấp cơm, bếp xào, bếp nấu.

---

(111) **4-0095751**
(210) 4-2006-07551
(181) 17.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

demontec

(151) 05.02.2008
(220) 17.05.2006

(531) 3.1.6; 3.1.16
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VIỆT HỒNG (VN)
Số 3C, phố Vọng Đức, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị văn phòng.

---

(111) **4-0095752**
(210) 4-2005-08129
(181) 04.07.2015
(300) 76/626,830 04.01.2005 US
(450) 25.03.2008 240
(540)

MRI NETWORK

(151) 05.02.2008
(220) 04.07.2005

(731) BROWNS CANYON CORPORATION (US)
103 Foulk Road, Suite 222, Wilmington, Delaware 19803, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ đại lý thuê nhân công, dịch vụ tư vấn hướng nghiệp; dịch vụ tư vấn quản lý nhân sự, cụ thể là dịch vụ đánh giá nhân sự, kiểm tra thư giới thiệu, điều tra báo cáo tài chính, quản lý và tham vấn trong lĩnh vực thuê người, ngoại trừ lĩnh vực khoa học quản lý sinh, lý học, công trình và kinh tế, dịch vụ bố trí nhân sự và điều chuyển nhân sự.

---

(111) **4-0095753**
(210) 4-2005-08198
(181) 05.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LACTOCIP

(151) 05.02.2008
(220) 05.07.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095754**
(210) 4-2005-12406
(181) 22.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

சக்தி
Shakthi

(151) 05.02.2008
(220) 22.09.2005

(531) 1.3.1; 1.7.6; A1.3.16; A26.3.6
(731) THE MAHARAJA ORGANIZATION LIMITED (LK)
No. 146, Dawson Street, Colombo 2, Sri Lanka
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ thông tin cụ thể là truyền các chương trình truyền hình; phát sóng chương trình truyền hình bao gồm phát sóng chương trình truyền hình về giáo dục, giải trí, các hoạt động vui chơi và thi đấu; phát các chương trình truyền hình cáp bao gồm phát

các chương trình truyền hình về giáo dục, giải trí, các hoạt động vui chơi và thi đấu; dịch vụ truyền sóng radio và dịch vụ truyền phát sóng; dịch vụ phát thanh qua radio bao gồm phát các chương trình radio về giáo dục, giải trí, các hoạt động vui chơi và thi đấu.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục, giảng dạy và giải trí; sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình về giáo dục, văn hoá và giải trí; khai thác các tiện ích giải trí gồm khai thác các tiện ích thể thao và nhà hát.

---

(111) **4-0095755**
(210) 4-2005-12498
(181) 10.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CEFDYVAX

(151) 05.02.2008
(220) 10.10.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095756**
(210) 4-2006-07518
(181) 16.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TAKARA

(151) 05.02.2008
(220) 16.05.2006

(731) TAKARA SHOYU KABUSHIKI KAISHA (also trading as TAKARA SHOYU CO., LTD.) (JP)
2-3, Koami-Cho Nihonbashi Chuo-Ku Tokyo, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Nước canh thịt; nước canh thịt cô đặc; chế phẩm để làm nước canh thịt; nước xuýt; nước xốt cô đặc; nước xốt làm từ cây nam việt quất (dạng mứt quả); thực phẩm được làm từ cá; cá đã bảo quản; bột cá dùng cho người; thực phẩm được chế biến từ cá; rau thơm đã được bảo quản; thịt đã được bảo quản; thịt giăm bông; chất chiết ra từ thịt; thịt lợn; chế phẩm để làm súp; chế phẩm làm súp rau củ; súp; cà chua nghiền; rau củ đã nấu chín; rau củ đã làm khô; vỏ trái cây; nấm đã bảo quản; miếng khoai tròn bọc vụn bánh mỳ và rán mỡ; dầu ô-liu dùng để chế biến thực phẩm; rau củ dầm.

Nhóm 30: Nước xốt đậu nành; muối ăn; hạt tiêu (gia vị); hạt tiêu Gia-mai-ca; nước xốt (gia vị); nước xốt cà chua nấm; nước xốt cà chua; bột nhão làm từ đậu nành đã lên men; nước xốt mayonnaise; nước xốt thịt; dấm; đường; mật đường dùng để chế biến thực phẩm; đồ gia vị như nước chấm - nước xốt (gia vị); rong (gia vị); đồ gia vị; gia vị; gia vị có vị

(mùi) gắt dưới dạng bột; nước xốt (đồ gia vị) để trộn xa-lát; bột; bột mỳ dùng để chế biến thực phẩm; các sản phẩm bột xay; thực phẩm dạng bột; bột nhão từ thực phẩm dạng bột; vụn bánh mỳ; mỳ sợi; bánh ngô; chế phẩm tạo hương thơm cho thực phẩm; mật ong; keo ong dùng cho người; bánh quy giòn làm từ gạo; nước xốt gồm rau thái nhỏ được dầm trong tương mù tạt.

---

(111) **4-0095757**
(210) 4-2006-14410
(181) 30.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BETALAF

(151) 05.02.2008
(220) 30.08.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM ĐÔNG NAM (VN)
Phòng 304, tòa nhà 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, thực phẩm chức năng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0095758**
(210) 4-2006-14412
(181) 30.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DIASANTÉ

(151) 05.02.2008
(220) 30.08.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINAMEDIC (VN)
Số 30, ngõ 179, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, chế phẩm thú y và chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế, chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, dầu gội đầu, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, xà phòng, nước rửa chén, bánh, kẹo, gạo, bột ngũ cốc, chè, cà phê, cao cao, sữa và các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, gia cầm, trứng, nước giải khát, nước uống tinh khiết, bia, rượu.

---

(111) **4-0095759**
(210) 4-2006-14430
(181) 30.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HOSEOLAC

(151) 05.02.2008
(220) 30.08.2006

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5, Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095760**
(210) 4-2006-14433
(181) 30.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

3-ZERO

(151) 05.02.2008
(220) 30.08.2006

(731) DONG-A PENCIL CO., LTD. (KR)
4th Floor, ParkLand B/D, 237-11 Nonhyeon-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Sổ tay; bút máy; bút bi; bút chì; bút chì màu; keo (hồ) dính dùng cho văn phòng; cái gọt bút chì; mực viết (đồ dùng văn phòng); chất lỏng để xoá (đồ dùng văn phòng); hộp và hộp có ngăn để đựng bút và bút chì.

---

(111) **4-0095761**
(210) 4-2006-00544
(181) 11.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 13.02.2008
(220) 11.01.2006

(531) 2.9.14; 26.13.25
(591) Cam, đen, đen nhạt, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAY MẶC SƠN PHÚC (VN)
12/10 Cách Mạng Tháng Tám, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; nón (mũ); khăn choàng; cà vạt.

---

(111) **4-0095762**
(210) 4-2006-00547
(181) 11.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 13.02.2008
(220) 11.01.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; 26.1.1; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KIM ĐÔ (VN)
68 Lương Nhữ Học, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán thực phẩm; mua bán sản phẩm chế biến từ sâm.

---

(111) **4-0095763**
(210) 4-2006-00830
(181) 17.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ACTIV X-TRA

(151) 13.02.2008
(220) 17.01.2006

(731) CASTROL LIMITED (GB)
Wakefield House, Pipers Way, Swindon, Wiltshire, SN3 1RE, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 04: Chất bôi trơn cho xe mô tô.

---

(111) **4-0095764**
(210) 4-2006-00801
(181) 16.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PHASEOLA

(151) 13.02.2008
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐỒNG NAI (VN)
221B quốc lộ 15, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095765**
(210) 4-2006-00802
(181) 16.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HEPARGITOL

(151) 13.02.2008
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095766**
(210) 4-2006-01050
(181) 19.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

WIPEFIB

(151) 13.02.2008
(220) 19.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI THIÊN TRƯỜNG (VN)
Số 112, nhà I 17, tập thể IF Thành Công, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095767**
(210) 4-2006-01051
(181) 19.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NEO-MYXIDIN

(151) 13.02.2008
(220) 19.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9, H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095768**
(210) 4-2006-01053
(181) 19.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LACTULON

(151) 13.02.2008
(220) 19.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9, H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095769**
(210) 4-2006-01955
(181) 13.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 13.02.2008
(220) 13.02.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5; 3.9.16; 26.1.2
(591) Đen, trắng, hồng nhạt, hồng đậm, vàng, xanh dương, xanh cốm, xanh lá cây, đỏ, nâu đỏ, da cam
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Hạt dinh dưỡng ăn liền chế biến từ tôm, thịt, cá, trứng.

---

(111) **4-0095770**
(210) 4-2006-01959
(181) 13.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 13.02.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH C.L (VN)
77 Tân Vĩnh, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Kem đánh răng; xà phòng; sữa tắm; nước xả vải; nước tẩy quần áo; nước thơm dùng để ủi quần áo; mỹ phẩm chăm sóc da.

---

(111) **4-0095771**
(210) 4-2006-02910
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BECOVACINE

(151) 13.02.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095772**
(210) 4-2006-02911
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BECOCALCID

(151) 13.02.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095773**
(210) 4-2006-02912
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MEYERPANZOL

(151) 13.02.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095774**
(210) 4-2006-02913
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MEYERDONAL

(151) 13.02.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095775**
(210) 4-2006-02914
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MULTIFERRO

(151) 13.02.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095776**
(210) 4-2006-02915
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MEYERFLU

(151) 13.02.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095777**
(210) 4-2006-02916
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MEYERGORIC

(151) 13.02.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095778**
(210) 4-2006-02917
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SPAS-MEYER

(151) 13.02.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095779**
(210) 4-2006-02918
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VOMITAMINE

(151) 13.02.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095780**
(210) 4-2006-02977
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

RPLINK

(151) 13.02.2008
(220) 03.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VINH HIỂN (VN)
38 Xuân Diệu, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Chương trình máy tính ghi sẵn, thiết bị để xử lý thông tin, thiết bị liên lạc, bộ điều biến (mô đem), thiết bị an toàn giao thông đường sắt, máy phát tín hiệu điện tử.

---

(111) **4-0095781**
(210) 4-2006-00885
(181) 18.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

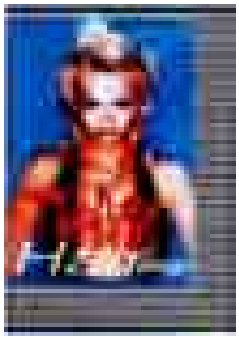

(151) 14.02.2008
(220) 18.01.2006

(531) 2.3.1; A25.7.21; A26.11.8
(591) Xanh dương, đỏ, nâu, vàng trắng, đen
(731) CƠ SỞ NGUYỄN KHÁNH LINH (VN)
102 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Cắt tóc; uốn tóc; chăm sóc tóc; tạo mẫu tóc.

---

(111) **4-0095782**
(210) 4-2006-18690
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Club
888

(151) 14.02.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU QUỐC TẾ (VN)
258/9b ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0095783**
(210) 4-2006-01168
(181) 20.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 20.01.2006

(531) 5.5.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MIRA (VN)
116/10/13 Hoàng Hoa Thám, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; dầu gội đầu; dầu xả; sữa rửa mặt; sữa tắm; chất tẩy rửa.

---

(111) **4-0095784**
(210) 4-2006-17724
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TECHJOB

(151) 14.02.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Bút viết; tập vở học sinh; mực bút máy; phấn viết bảng; keo dán dùng cho văn phòng hoặc cho gia đình; văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0095785**
(210) 4-2006-17996
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

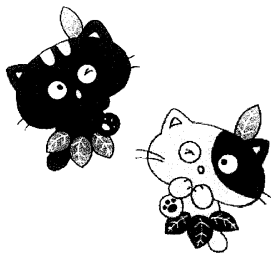

(151) 14.02.2008
(220) 25.10.2006

(531) 3.1.6; A3.1.24
(731) CÔNG TY TNHH MAY MẶC THĂNG LONG (VN)
62/4 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Vali, ba lô, túi du lịch, túi xách, ví các loại thuộc nhóm này.

Nhóm 20: Gối, đệm ngủ, đệm có hình thú vật, đệm các loại bằng vải, khung ảnh bằng vải thuộc nhóm này.

Nhóm 24: Rèm cửa bằng vải, chăn, bao đệm, bao gối, khăn trải bàn, khăn trải giường bằng vải thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo, giầy dép, mũ đội đầu các loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095786**
(210) 4-2006-17997
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

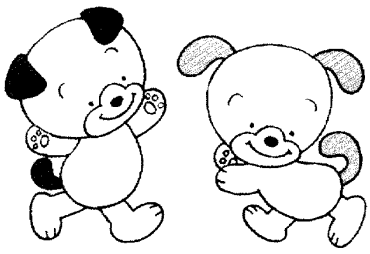

(151) 14.02.2008
(220) 25.10.2006

(531) 3.1.8; A3.1.24
(731) CÔNG TY TNHH MAY MẶC THĂNG LONG (VN)
62/4 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Vali, ba lô, túi du lịch, túi xách, ví các loại thuộc nhóm này.

Nhóm 20: Gối, đệm ngủ, đệm có hình thú vật, đệm các loại bằng vải, khung ảnh bằng vải thuộc nhóm này.

Nhóm 24: Rèm cửa bằng vải, chăn, bao đệm, bao gối, khăn trải bàn, khăn trải giường bằng vải thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo, giầy dép, mũ đội đầu các loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095787**
(210) 4-2006-19367
(181) 10.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DEOPROCE

디오프러스

(151) 14.02.2008
(220) 10.11.2006

(731) KIM, YONG-IN (KR)
603-102, Bongcheon Byuksan Blooming Apt., Bongcheon-dong, Gwanak-gu, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Kem tẩy sạch (mỹ phẩm); chế phẩm tẩy sạch dạng bọt; chế phẩm tẩy sạch cơ thể (mỹ phẩm); nước thơm bôi da; son môi; thuốc bôi mi mắt (mascara); mỹ phẩm kẻ viền mắt; kem bôi lên mi mắt (mỹ phẩm); phấn trang điểm dạng bột dùng để thoa mặt; mỹ phẩm bôi vào mi mắt; kem mỹ phẩm chống nắng; phấn nền trang điểm.

---

(111) **4-0095788**
(210) 4-2006-20777
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIPERIL

(151) 14.02.2008
(220) 28.11.2006

(731) NGUYỄN THANH HẢI (VN)
Số 45, ngõ 79 đường Cầu Giấy, tổ 10, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095789**
(210) 4-2006-20779
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MYRISON

(151) 14.02.2008
(220) 28.11.2006

(731) NGUYỄN THANH HẢI (VN)
Số 45, ngõ 79 đường Cầu Giấy, tổ 10, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095790**
(210) 4-2006-17912
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CLOWDUP

(151) 14.02.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095791**
(210) 4-2006-18570
(181) 31.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AMETSUGER

(151) 14.02.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095792**
(210) 4-2006-18571
(181) 31.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MISARON

(151) 14.02.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095793**
(210) 4-2006-19365
(181) 10.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TheraHerb

(151) 14.02.2008
(220) 10.11.2006

(531) 2.9.1; 5.7.13; A5.3.15
(731) SPLASH PHARMACEUTICAL CORPORATION (PH)
HBC Corporate Centre, 548 Mindanao Avenue cor. Quirino Highway Novaliches, Quezon City, Philippines
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược tổng hợp, tự nhiên, thảo dược, tất cả dùng để đắp và thức ăn bổ sung dùng qua đường miệng (dùng cho y tế).

Nhóm 29: Dầu thực vật và mỡ ăn.

---

(111) **4-0095794**
(210) 4-2006-19366
(181) 10.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VITRESS

(151) 14.02.2008
(220) 10.11.2006

(731) SPLASH PHARMACEUTICAL CORPORATION (PH)
HBC Corporate Centre, 548 Mindanao Avenue cor. Quirino Highway Novaliches, Quezon City, Philippines
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm và chế phẩm chăm sóc dùng cho mục đích cá nhân.

---

(111) **4-0095795**
(210) 4-2006-21343
(181) 06.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AFZOLINE

(151) 14.02.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095796**
(210) 4-2006-21344
(181) 06.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BANIF

(151) 14.02.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095797**
(210) 4-2006-21345
(181) 06.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BETTAM

(151) 14.02.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095798**
(210) 4-2006-21346
(181) 06.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CARPOV

(151) 14.02.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

(111) **4-0095799**
(210) 4-2006-21347
(181) 06.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DEPLESS

(151) 14.02.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095800**
(210) 4-2006-19087
(181) 07.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AMIZEPIN

(151) 14.02.2008
(220) 07.11.2006

(731) PHARMACEUTICAL WORKS POLPHARMA S.A (PL)
Pelplinska 19 Street, 83-200 Starogard Gdanski, Poland
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0095801**
(210) 4-2006-01481
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KHANH DAT Co.,LTD

(151) 14.02.2008
(220) 26.01.2006

(531) 26.3.23
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KHÁNH ĐẠT (VN)
159 Bis Nguyễn Thượng Hiền, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Loa; thùng loa; máy tăng âm (ampli); đầu đọc đĩa kỹ thuật số; đầu máy karaoke.

---

(111) **4-0095802**
(210) 4-2006-01482
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GOODTON*Audio*

(151) 14.02.2008
(220) 26.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KHÁNH ĐẠT (VN)
159 Bis Nguyễn Thượng Hiền, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Loa; thùng loa; máy tăng âm (ampli); đầu đọc đĩa kỹ thuật số; đầu máy karaoke.

---

(111) **4-0095803**
(210) 4-2006-01483
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

JACKBO*Audio*

(151) 14.02.2008
(220) 26.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KHÁNH ĐẠT (VN)
159 Bis Nguyễn Thượng Hiền, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Loa; thùng loa; máy tăng âm (ampli); đầu đọc đĩa kỹ thuật số; đầu máy karaoke.

---

(111) **4-0095804**
(210) 4-2006-01495
(181) 27.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HYFIN
CANNING-LIPPERT

(151) 14.02.2008
(220) 27.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯNG LIÊN THỊNH (VN)
2H Hưng Phú, phường 9, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Sáp để đánh bóng.

---

(111) **4-0095805**
(210) 4-2006-03729
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NARITON-GINSENG

(151) 14.02.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095806**
(210) 4-2006-00738
(181) 16.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AMFALVIC

(151) 14.02.2008
(220) 16.01.2006

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095807**
(210) 4-2006-01444
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CAPITACOMMERCIAL

(151) 14.02.2008
(220) 26.01.2006

(731) CAPITALAND LIMITED (SG)
168 Robinson Road, #30-01 Capital Tower, Singapore 068912
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 35: Quản lý và điều hành kinh doanh; nghiên cứu kinh doanh; quản lý và điều hành kinh doanh bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn và bán lẻ, chỗ ở tạm thời, khách sạn, khách sạn có chỗ để ô tô, khu nghỉ mát, căn hộ du lịch, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà kho, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; tổ chức triển lãm cho các mục đích kinh doanh và thương mại; hợp tác cùng có lợi với các đối tác khác, các cửa hàng bách hoá, các đại lý bán lẻ và buôn, các

nhà hàng và nhà cung cấp các dịch vụ; hợp tác cùng có lợi với các đối tác khác trong lĩnh vực hàng hoá, dịch vụ, giúp khách hàng thuận lợi trong việc quan sát và mua bán các hàng hoá và dịch vụ đó trong cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn bán lẻ, khách sạn, đại lý thực phẩm và đồ uống,trong catalô mua và bán thông thường qua đơn đặt hàng bằng thư hoặc qua các phương tiện viễn thông, qua website mạng lưới thông tin mua và bán toàn cầu thông thường; biên soạn các danh mục thư tín; quảng cáo trực tiếp bằng thư; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ trưng bày hàng hoá; dịch vụ rao hàng; dịch vụ tiếp thị và quảng cáo để bán hàng, phân tích và nghiên cứu thị trường, tổ chức cuộc thi về kinh doanh, dịch vụ tư vấn và cố vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 36: Dịch vụ bất động sản; dịch vụ đại lý bất động sản; cho thuê và cho thuê theo hợp đồng bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán lẻ và bán buôn, căn hộ cho thuê, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; quản lý bất động sản, tư vấn phát triển liên quan đến bất động sản, định giá bất động sản, điều phối bất động sản; tất cả liên quan đến bất động sản; dịch vụ tài chính; quản lý tài sản; quản lý quỹ, quản lý quỹ vốn, quản lý quỹ tập thể, quản lý quỹ tài chính và quản lý quỹ đầu tư; dịch vụ tín thác, dịch vụ quản lý tín thác, dịch vụ đầu tư tín thác; dịch vụ thông tin thị trường tài chính; tổ chức thị trường mua bán cho dịch vụ tài chính; tài chính doanh nghiệp; môi giới chứng khoán; quản lý chứng khoán; giao dịch và mua bán chứng khoán; dịch vụ đầu tư chứng khoán; môi giới cổ phiếu và trái phiếu; dịch vụ uỷ thác đầu tư, quản trị uỷ thác; dịch vụ uỷ thác trong kinh doanh và quản lý uỷ thác trong kinh doanh; dịch vụ bảo đảm trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ uỷ trị trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ uỷ thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ quản lý uỷ thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ thiết lập ủy thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ tư vấn, quản lý và cố vấn tài chính; đánh giá và phân tích tài chính; bảo hiểm tài chính; dịch vụ tài chính; dịch vụ tín dụng; dịch vụ bảo lãnh tài chính; lắp đặt quỹ và chứng khoán; dịch vụ cố vấn và tư vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng; xây dựng, nâng cấp, tân trang; bảo trì và sửa chữa bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn và bán lẻ, chỗ ở tạm thời, khách sạn, khách sạn có chỗ để ô tô, khu nghỉ mát, căn hộ cho thuê, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà kho, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; phát triển bất động sản; dịch vụ tư vấn và cố vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 42: Dịch vụ kho sát, thiết kế, vẽ và kiến trúc; dịch vụ kiến trúc liên quan đến phát triển đất đai; thiết kế và quy hoạch bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán lẻ và bán buôn, chỗ ở tạm thời, khách sạn, khách sạn có chỗ để ô tô, khu nghỉ mát, căn hộ cho thuê, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà kho, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; quy hoạch và sắp đặt toà nhà mới xây dựng tư nhân và thương mại; dịch vụ tư vấn và tham vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp chỗ ở tạm thời; dịch vụ cung cấp phòng nghỉ; dịch vụ khách sạn, khách sạn có chỗ để xe ô tô và khu nghỉ mát; căn hộ cho thuê tạm thời có các dịch vụ kèm theo; dịch vụ đặt chỗ cho chỗ ở tạm thời, phòng ở, khách sạn, khu nghỉ mát và căn hộ cho thuê, dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống do nhà hàng thực hiện; dịch vụ nhà

hàng ăn uống, quán bar, và dịch vụ cung cấp lương thực, thực phẩm do nhà hàng thực hiện; dịch vụ cốc-tai trong phòng đợi, cho thuê phòng họp, chỗ ở tạm thời, nhà và lều di động; cho thuê ghế, bàn, khăn trải bàn, đồ dùng bằng thuỷ tinh; cung cấp trang thiết bị hội nghị; dịch vụ tư vấn và tham vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

---

(111) **4-0095808**
(210) 4-2006-01445
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CAPITARETAIL

(151) 14.02.2008
(220) 26.01.2006

(731) CAPITALAND LIMITED (SG)
168 Robinson Road, #30-01 Capital Tower, Singapore 068912
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 35: Quản lý và điều hành kinh doanh; nghiên cứu kinh doanh; quản lý và điều hành kinh doanh bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn và bán lẻ, chỗ ở tạm thời, khách sạn, khách sạn có chỗ để ô tô, khu nghỉ mát, căn hộ du lịch, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà kho, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; tổ chức triển lãm cho các mục đích kinh doanh và thương mại; hợp tác cùng có lợi với các đối tác khác, các cửa hàng bách hoá, các đại lý bán lẻ và buôn, các nhà hàng và nhà cung cấp các dịch vụ; hợp tác cùng có lợi với các đối tác khác trong lĩnh vực hàng hoá, dịch vụ, giúp khách hàng thuận lợi trong việc quan sát và mua bán các hàng hoá và dịch vụ đó trong cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn bán lẻ, khách sạn, đại lý thực phẩm và đồ uống,trong catalô mua và bán thông thường qua đơn đặt hàng bằng thư hoặc qua các phương tiện viễn thông, qua website mạng lưới thông tin mua và bán toàn cầu thông thường; biên soạn các danh mục thư tín; quảng cáo trực tiếp bằng thư; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ trưng bày hàng hoá; dịch vụ rao hàng; dịch vụ tiếp thị và quảng cáo để bán hàng, phân tích và nghiên cứu thị trường, tổ chức cuộc thi về kinh doanh, dịch vụ tư vấn và cố vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 36: Dịch vụ bất động sản; dịch vụ đại lý bất động sản; cho thuê và cho thuê theo hợp đồng bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán lẻ và bán buôn, căn hộ cho thuê, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; quản lý bất động sản, tư vấn phát triển liên quan đến bất động sản, định giá bất động sản, điều phối bất động sản; tất cả liên quan đến bất động sản; dịch vụ tài chính; quản lý tài sản; quản lý quỹ, quản lý quỹ vốn, quản lý quỹ tập thể, quản lý quỹ tài chính và quản lý quỹ đầu tư; dịch vụ tín thác, dịch vụ quản lý tín thác, dịch vụ đầu tư tín thác; dịch vụ thông tin thị trường tài chính; tổ chức thị trường mua bán cho dịch vụ tài chính; tài chính doanh nghiệp; môi giới chứng khoán; quản lý chứng khoán; giao dịch và mua bán chứng khoán; dịch vụ đầu tư chứng khoán; môi giới cổ phiếu và trái phiếu; dịch vụ uỷ thác đầu tư, quản trị uỷ thác; dịch vụ uỷ thác trong kinh doanh và quản lý uỷ thác trong kinh doanh; dịch vụ bảo đảm trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ uỷ trị trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ uỷ thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ quản lý uỷ thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài

chính, ngân hàng; dịch vụ thiết lập ủy thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ tư vấn, quản lý và cố vấn tài chính; đánh giá và phân tích tài chính; bảo hiểm tài chính; dịch vụ tài chính; dịch vụ tín dụng; dịch vụ bảo lãnh tài chính; lắp đặt quỹ và chứng khoán; dịch vụ cố vấn và tư vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng; xây dựng, nâng cấp, tân trang; bảo trì và sửa chữa bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn và bán lẻ, chỗ ở tạm thời, khách sạn, khách sạn có chỗ để ô tô, khu nghỉ mát, căn hộ cho thuê, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà kho, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; phát triển bất động sản; dịch vụ tư vấn và cố vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 42: Dịch vụ kho sát, thiết kế, vẽ và kiến trúc; dịch vụ kiến trúc liên quan đến phát triển đất đai; thiết kế và quy hoạch bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán lẻ và bán buôn, chỗ ở tạm thời, khách sạn, khách sạn có chỗ để ô tô, khu nghỉ mát, căn hộ cho thuê, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà kho, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; quy hoạch và sắp đặt toà nhà mới xây dựng tư nhân và thương mại; dịch vụ tư vấn và tham vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp chỗ ở tạm thời; dịch vụ cung cấp phòng nghỉ; dịch vụ khách sạn, khách sạn có chỗ để xe ô tô và khu nghỉ mát; căn hộ cho thuê tạm thời có các dịch vụ kèm theo; dịch vụ đặt chỗ cho chỗ ở tạm thời, phòng ở, khách sạn, khu nghỉ mát và căn hộ cho thuê, dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống do nhà hàng thực hiện; dịch vụ nhà hàng ăn uống, quán bar, và dịch vụ cung cấp lương thực, thực phẩm do nhà hàng thực hiện; dịch vụ cốc-tai trong phòng đợi, cho thuê phòng họp, chỗ ở tạm thời, nhà và lều di động; cho thuê ghế, bàn, khăn trải bàn, đồ dùng bằng thuỷ tinh; cung cấp trang thiết bị hội nghị; dịch vụ tư vấn và tham vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

---

(111) **4-0095809**
(210) 4-2006-01446
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CAPITAMALL

(151) 14.02.2008
(220) 26.01.2006

(731) CAPITALAND LIMITED (SG)
168 Robinson Road, #30-01 Capital Tower, Singapore 068912
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 35: Quản lý và điều hành kinh doanh; nghiên cứu kinh doanh; quản lý và điều hành kinh doanh bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn và bán lẻ, chỗ ở tạm thời, khách sạn, khách sạn có chỗ để ô tô, khu nghỉ mát, căn hộ du lịch, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà kho, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; tổ chức triển lãm cho các mục đích kinh doanh và thương mại; hợp tác cùng có lợi với các đối tác khác, các cửa hàng bách hoá, các đại lý bán lẻ và buôn, các nhà hàng và nhà cung cấp các dịch vụ; hợp tác cùng có lợi với các đối tác khác trong lĩnh

vực hàng hoá, dịch vụ, giúp khách hàng thuận lợi trong việc quan sát và mua bán các hàng hoá và dịch vụ đó trong cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn bán lẻ, khách sạn, đại lý thực phẩm và đồ uống,trong catalô mua và bán thông thường qua đơn đặt hàng bằng thư hoặc qua các phương tiện viễn thông, qua website mạng lưới thông tin mua và bán toàn cầu thông thường; biên soạn các danh mục thư tín; quảng cáo trực tiếp bằng thư; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ trưng bày hàng hoá; dịch vụ rao hàng; dịch vụ tiếp thị và quảng cáo để bán hàng, phân tích và nghiên cứu thị trường, tổ chức cuộc thi về kinh doanh, dịch vụ tư vấn và cố vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 36: Dịch vụ bất động sản; dịch vụ đại lý bất động sản; cho thuê và cho thuê theo hợp đồng bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán lẻ và bán buôn, căn hộ cho thuê, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; quản lý bất động sản, tư vấn phát triển liên quan đến bất động sản, định giá bất động sản, điều phối bất động sản; tất cả liên quan đến bất động sản; dịch vụ tài chính; quản lý tài sản; quản lý quỹ, quản lý quỹ vốn, quản lý quỹ tập thể, quản lý quỹ tài chính và quản lý quỹ đầu tư; dịch vụ tín thác, dịch vụ quản lý tín thác, dịch vụ đầu tư tín thác; dịch vụ thông tin thị trường tài chính; tổ chức thị trường mua bán cho dịch vụ tài chính; tài chính doanh nghiệp; môi giới chứng khoán; quản lý chứng khoán; giao dịch và mua bán chứng khoán; dịch vụ đầu tư chứng khoán; môi giới cổ phiếu và trái phiếu; dịch vụ uỷ thác đầu tư, quản trị uỷ thác; dịch vụ uỷ thác trong kinh doanh và quản lý uỷ thác trong kinh doanh; dịch vụ bảo đảm trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ uỷ trị trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ uỷ thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ quản lý uỷ thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ thiết lập ủy thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ tư vấn, quản lý và cố vấn tài chính; đánh giá và phân tích tài chính; bảo hiểm tài chính; dịch vụ tài chính; dịch vụ tín dụng; dịch vụ bảo lãnh tài chính; lắp đặt quỹ và chứng khoán; dịch vụ cố vấn và tư vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng; xây dựng, nâng cấp, tân trang; bảo trì và sửa chữa bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn và bán lẻ, chỗ ở tạm thời, khách sạn, khách sạn có chỗ để ô tô, khu nghỉ mát, căn hộ cho thuê, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà kho, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; phát triển bất động sản; dịch vụ tư vấn và cố vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 42: Dịch vụ kho sát, thiết kế, vẽ và kiến trúc; dịch vụ kiến trúc liên quan đến phát triển đất đai; thiết kế và quy hoạch bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán lẻ và bán buôn, chỗ ở tạm thời, khách sạn, khách sạn có chỗ để ô tô, khu nghỉ mát, căn hộ cho thuê, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà kho, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; quy hoạch và sắp đặt toà nhà mới xây dựng tư nhân và thương mại; dịch vụ tư vấn và tham vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp chỗ ở tạm thời; dịch vụ cung cấp phòng nghỉ; dịch vụ khách sạn, khách sạn có chỗ để xe ô tô và khu nghỉ mát; căn hộ cho thuê tạm thời có các dịch vụ kèm theo; dịch vụ đặt chỗ cho chỗ ở tạm thời, phòng ở, khách sạn, khu nghỉ mát và căn hộ cho thuê, dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống do nhà hàng thực hiện; dịch vụ nhà hàng ăn uống, quán bar, và dịch vụ cung cấp lương thực, thực phẩm do nhà hàng thực

hiện; dịch vụ cốc-tai trong phòng đợi, cho thuê phòng họp, chỗ ở tạm thời, nhà và lều di động; cho thuê ghế, bàn, khăn trải bàn, đồ dùng bằng thuỷ tinh; cung cấp trang thiết bị hội nghị; dịch vụ tư vấn và tham vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên.

---

(111) **4-0095810**
(210) 4-2006-02775
(181) 29.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 28.02.2006

(531) 5.7.24; 5.9.24; 1.5.1; 26.4.2
(591) Trắng, xanh lá cây, đỏ, vàng, nâu đỏ, xanh lá mạ, xanh lam, ghi
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095811**
(210) 4-2006-02974
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Heco

(151) 14.02.2008
(220) 03.03.2006

(591) Đỏ
(731) CỬA HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ HOÀNG THÀNH (VN)
411 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Đèn, đèn trần, đèn chiếu sáng (đốt nóng), đèn chùm treo, quạt điện.

---

(111) **4-0095812**
(210) 4-2006-03537
(181) 14.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ACOFIT SUPER

(151) 14.02.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095813**
(210) 4-2006-03538
(181) 14.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FUKMIN

(151) 14.02.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095814**
(210) 4-2006-03539
(181) 14.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FUJIMIN

(151) 14.02.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095815**
(210) 4-2006-00553
(181) 11.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PHƯỚC HẠNH

(151) 14.02.2008
(220) 11.01.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHƯỚC HẠNH (DNTN PHƯỚC HẠNH) (VN)
Số 2836 khu phố 4, phường Phước Nguyên, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

(511) Nhóm 35: Mua bán xăng, dầu, nhớt.

---

(111) **4-0095816**
(210) 4-2006-05375
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 10.04.2006

(531) 26.4.1; A26.11.12
(591) Đen, xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ PHẦN MỀM VIỆT NAM (VN)
Số 24 Hoàng Ngọc Phách, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy tính; phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0095817**
(210) 4-2006-07649
(181) 18.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AVIC

(151) 14.02.2008
(220) 18.05.2006

(731) ADTEC ENGINEERING CO., LTD (JP)
3-4-30 Shiba-Koen, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 09: Thiết bị phân tích không dùng cho ngành y.

---

(111) **4-0095818**
(210) 4-2006-09264
(181) 14.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 14.06.2006

(531) 1.3.1; A26.11.13; A5.3.15; 26.2.5
(731) SUNFRESH SINGAPORE PTE LTD (SG)
No. 25, Chin Bee Avenue, Singapore 619944
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng (đồ uống); nước có ga; nước uống có hương vị (đồ uống không chứa cồn); đồ uống (không chứa cồn); nước ép trái cây dùng để uống (không chứa cồn); nước quả nguyên chất (không chứa cồn); nước soda; đồ uống có chứa muối khoáng (không dùng cho mục đích y tế); đồ uống dùng cho các vận động viên (không dùng cho mục đích y tế); nước sinh tố hoa quả (không chứa cồn); nước uống đóng chai; si rô và các chế phẩm khác để làm đồ uống.

---

(111) **4-0095819**
(210) 4-2006-14139
(181) 28.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VUSTIN

(151) 14.02.2008
(220) 28.08.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095820**
(210) 4-2006-16025
(181) 22.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 22.09.2006

(531) 26.4.3; 26.7.25; 25.5.1
(591) Đỏ, vàng, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI GIỚI AN TÂM (VN)
162 Lê Lư, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng cầu đường.

---

(111) **4-0095821**
(210) 4-2006-15171
(181) 11.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MITAFIX

(151) 14.02.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ QUÂN ĐỘI (VN)
Số 1 Trần Thánh Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0095822**
(210) 4-2006-16705
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

JACK COBRA

(151) 14.02.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÀM PHÚC (VN)
Số 219B Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón.

---

(111) **4-0095823**
(210) 4-2005-17652
(181) 27.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MINERO

(151) 14.02.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SUỐI NGHỆ (VN)
07 Lê Hồng Phong, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng thiên nhiên (đồ uống).

---

(111) **4-0095824**
(210) 4-2006-15994
(181) 22.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BACDOCO

(151) 14.02.2008
(220) 22.09.2006

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ BẮC ĐÔ (VN)
Tổ 7, khối 7A, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 12: Nhông trước và nhông sau xe gắn máy.

---

(111) **4-0095825**
(210) 4-2006-16509
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 02.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TIN HỌC HƯNG PHÚ (VN)
Thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Loa; âm li; tivi; đầu đĩa, máy vi tính; ăng ten.

---

(111) **4-0095826**
(210) 4-2006-11274
(181) 18.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KAMAI

(151) 14.02.2008
(220) 18.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095827**
(210) 4-2006-14901
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NITE TIME

(151) 14.02.2008
(220) 07.09.2006

(731) F.C.P. COMPANY LIMITED (TH)
23 Soi Sukhumvit 62 Yaek 4 (Soi Tadpring), Sukhumvit Road, Bangchark, Prakanong, Bangkok 10260, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0095828**
(210) 4-2006-15174
(181) 11.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AGROFIT SUPER

(151) 14.02.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095829**
(210) 4-2006-15176
(181) 11.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NOMIRIUS SUPER

(151) 14.02.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095830**
(210) 4-2006-15177
(181) 11.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

STARFIT

(151) 14.02.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095831**
(210) 4-2006-15178
(181) 11.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FITMY

(151) 14.02.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095832**
(210) 4-2006-15179
(181) 11.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NEWRIUS

(151) 14.02.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095833**
(210) 4-2006-17696
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MEMOLIFE

(151) 14.02.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÚC CHÂU (VN)
74/18 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm sử dụng cho ngành y; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng cho trẻ em (dùng cho mục đích y tế); thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng cho người già (dùng cho mục đích y tế); chất bổ sung dinh dưỡng (dùng cho mục đích y tế); thực phẩm y tế - dinh dưỡng dành cho điều trị bệng lý.

---

(111) **4-0095834**
(210) 4-2005-17883
(181) 30.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Oritaren

(151) 14.02.2008
(220) 30.12.2005

(731) KWAN STAR CO., LTD (TW)
21F-1, No. 268, Sec. 1, Wen Hwa Road, Pan Chiao City, Taipei Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095835**
(210) 4-2005-17624
(181) 26.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SIUGUANDEXARON

(151) 14.02.2008
(220) 26.12.2005

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224, Nanhsing Rd., Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095836**
(210) 4-2005-17625
(181) 26.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SIUGUANQUARDISONE

(151) 14.02.2008
(220) 26.12.2005

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224, Nanhsing Rd., Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095837**
(210) 4-2005-17626
(181) 26.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SIUGUANATENOL

(151) 14.02.2008
(220) 26.12.2005

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224, Nanhsing Rd., Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095838**
(210) 4-2005-17627
(181) 26.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SIUNUROTIN

(151) 14.02.2008
(220) 26.12.2005

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224, Nanhsing Rd., Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095839**
(210) 4-2005-17628
(181) 26.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SIUGUANSERRA

(151) 14.02.2008
(220) 26.12.2005

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224, Nanhsing Rd., Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095840**
(210) 4-2005-17629
(181) 26.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SIUGUANGINTECIN

(151) 14.02.2008
(220) 26.12.2005

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224, Nanhsing Rd., Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095841**
(210) 4-2006-04956
(181) 04.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 04.04.2006

(531) 2.1.1; 6.1.2; A25.1.10
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, xanh sẫm, xanh lá cây, xanh da trời, nâu đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÔNG NAM DƯỢC TRƯỜNG SƠN (VN)
159 A-B Lê Đại Hành, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, dầu gió, dầu nóng, dầu cù là.

---

(111) **4-0095842**
(210) 4-2006-04957
(181) 04.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 04.04.2006

(531) 2.1.1; 6.1.2; A25.1.10
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, xanh sẫm, xanh lá cây, xanh da trời, nâu đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÔNG NAM DƯỢC TRƯỜNG SƠN (VN)
159 A-B Lê Đại Hành, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, dầu gió, dầu nóng, dầu cù là.

---

(111) **4-0095843**
(210) 4-2006-06169
(181) 20.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ZOOM

(151) 14.02.2008
(220) 20.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH GIÀY DA TĂNG NGUYỄN (VN)
F10/51B khu phố 7, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 18: Túi xách tay làm bằng da và giả da; va li; ba lô; cặp; ví.

Nhóm 25: Quần áo may sẵn; giày da; dép.

---

(111) **4-0095844**
(210) 4-2006-08371
(181) 30.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AQUATTÉ

(151) 14.02.2008
(220) 30.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH YAHON (VN)
Thôn Tây Lạc, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 16: Khăn tắm bằng giấy; khăn giấy ướt; khăn giấy; tã giấy; khăn giấy dùng để tẩy trang; khẩu trang bằng giấy (không dùng trong phòng mổ).

---

(111) **4-0095845**
(210) 4-2006-08374
(181) 30.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AQUAFACE

(151) 14.02.2008
(220) 30.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH YAHON (VN)
Thôn Tây Lạc, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Bông tẩy trang dùng khi trang điểm; mặt nạ dưỡng da; dầu gội đầu; xà phòng; sữa tắm; phấn thơm em bé.

---

(111) **4-0095846**
(210) 4-2006-08375
(181) 30.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KEEPS

(151) 14.02.2008
(220) 30.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH YAHON (VN)
Thôn Tây Lạc, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 21: Giẻ lau.

---

(111) **4-0095847**
(210) 4-2006-08376
(181) 30.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NEED

(151) 14.02.2008
(220) 30.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH YAHON (VN)
Thôn Tây Lạc, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 16: Khăn tắm bằng giấy; khăn giấy ướt; khăn giấy; tã giấy; khăn giấy dùng để tẩy trang; khẩu trang bằng giấy (không dùng trong phòng mổ).

---

(111) **4-0095848**
(210) 4-2006-04978
(181) 04.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 04.04.2006

(531) A5.5.21
(591) Đen, xanh lá cây nhạt, xanh lá cây đậm
(731) HỒ THỊ UYÊN LY (VN)
Số 140 đường Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 18: Các sản phẩm bằng da và giả da thuộc nhóm này như va li; túi xách; ba lô; cặp học sinh; ô (dù); đệm dùng để mang trẻ em.

Nhóm 25: Quần áo; giầy; dép; thắt lưng; mũ (nón); cà vạt, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095849**
(210) 4-2006-08226
(181) 29.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 29.05.2006

(531) 5.3.11; 5.3.16; 5.13.3
(731) CÔNG TY TNHH PHI CHÂU (VN)
Khu phố 12, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095850**
(210) 4-2006-09465
(181) 19.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THÀNH ĐẠT

(151) 14.02.2008
(220) 19.06.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÀNH ĐẠT (VN)
547/1 Thủ Khoa Huân, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 09: Phao bơi, áo bơi, phao cứu hộ.

Nhóm 21: Dụng cụ và đồ gia dụng dùng trong gia đình hoặc bếp núc làm bằng nhựa như: thùng rác, cây lau nhà.

---

(111) **4-0095851**
(210) 4-2006-09466
(181) 19.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 19.06.2006

(531) 26.1.1; 7.5.2
(731) TRẦN THỊ THU LOAN (VN)
Khu phố 13, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 29: Nước mắm các loại.

---

(111) **4-0095852**
(210) 4-2006-09467
(181) 19.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HẢI THẮNG

(151) 14.02.2008
(220) 19.06.2006

(731) TRẦN THỊ THU LOAN (VN)
Khu phố 13, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 29: Nước mắm các loại.

---

(111) **4-0095853**
(210) 4-2006-04993
(181) 05.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 05.04.2006

(531) 1.5.1; A25.3.7
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP DOANH NGHIỆP VIỆT NAM (VN)
Phòng 6 nhà F6, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Chất tẩy trắng dùng để giặt; chất tẩy rửa; chất để đánh bóng; dung dịch để làm sạch; chất tẩy dầu mỡ và mài mòn.

---

(111) **4-0095854**
(210) 4-2006-00744
(181) 16.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 16.01.2006

(531) 24.1.1; 26.4.2
(591) Trắng, đen, đen nhạt
(731) BRITISH AMERICAN TOBACCO (BRANDS) INC. (US)
2711 Centerville Road, Suite 300, Wilmington, Delaware 19808, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, thuốc lá, thuốc lá sợi, thuốc lá để nhai, thuốc lá cuốn từ lá thuốc lá, thuốc lá để hít, xì gà, hộp đựng thuốc lá không bằng kim loại quý, gạt tàn thuốc lá không bằng kim loại quý, tẩu hút thuốc lá không bằng kim loại quý, bật lửa dùng cho người hút thuốc lá, diêm.

---

(111) **4-0095855**
(210) 4-2006-01211
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 23.01.2006

(531) 26.4.2; 3.7.17
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐIỆN TỬ VIỆT (VN)
99 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính; linh kiện máy vi tính; phần mềm máy tính; phần mềm ứng dụng; bảng thông báo điện tử; máy đếm lượt người.

Nhóm 35: Mua bán: phần mềm ứng dụng, máy vi tính, linh kiện máy vi tính, máy văn phòng, thiết bị điện tử, thiết bị tin học, thiết bị tự động hoá, thiết bị viễn thông, thiết bị đo lường, thiết bị an toàn, thiết bị phòng hộ, thiết bị máy móc dùng trong các ngành công nghiệp, y tế, hàng không, hàng hải, dầu khí.

Nhóm 37: Lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa: máy móc, thiết bị văn phòng, thiết bị điện; cài đặt, bảo trì và sửa chữa: máy vi tính, hệ thống mạng.

Nhóm 42: Dịch vụ cài đặt, bảo trì và sửa chữa phần mềm ứng dụng,

---

(111) **4-0095856**
(210) 4-2006-02566
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BONIMUS

(151) 14.02.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, Lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095857**
(210) 4-2006-04555
(181) 29.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

USALEXIN

(151) 14.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược, thuốc bổ tăng lực, thuốc kháng sinh chống viêm, thuốc cảm cúm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0095858**
(210) 4-2006-04557
(181) 29.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

USACOM

(151) 14.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược, thuốc bổ tăng lực, thuốc kháng sinh chống viêm, thuốc cảm cúm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0095859**
(210) 4-2006-04569
(181) 29.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MIDA

(151) 14.02.2008
(220) 29.03.2006

(531) 26.3.23; 24.15.21
(591) Trắng, đỏ, xám
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHUÔN CHÍNH XÁC MINH ĐẠT (VN)
Quốc lộ 1A, ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Khuôn mẫu bằng kim loại (không dùng cho máy móc).

Nhóm 07: Máy thổi nhựa; máy in lụa.

Nhóm 09: Vỏ phích cắm điện bằng nhựa; vỏ công tắc điện bằng nhựa; vỏ ti vi; vỏ màn hình máy tính; vỏ điện thoại bằng nhựa.

Nhóm 21: Đồ gia dụng bằng nhựa như: thau; rổ; hộp; hũ đựng; sọt rác; xô; thùng; chai; ca; đĩa.

Nhóm 35: Mua bán máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư phục vụ ngành nhựa và cơ khí.

---

(111) **4-0095860**
(210) 4-2006-08704
(181) 06.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 06.06.2006

(531) A7.1.12; 7.1.24
(591) Xanh dương xẫm, trắng, vàng gạch
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BẮC THĂNG LONG (VN)
B7 Giảng Võ, số 9, phố Trần Huy Liệu, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; môi giới thương mại; tư vấn quản lý kinh doanh; nghiên cứu, phân tích và cung cấp thông tin thị trường; bán buôn, bán lẻ: động vật sống, trứng ấp, thực phẩm có nguồn gốc động vật tươi hoặc đã qua chế biến, nông, lâm sản thô hoặc đã qua chế biến, đồ dùng cá nhân và gia đình, vật liệu xây dựng, xe có động cơ.

Nhóm 36: Tư vấn đầu tư; kinh doanh bất động sản; môi giới bất động sản; quản lý bất động sản (khu đô thị, khu du lịch).

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng; cho thuê máy xây dựng; bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hoá; du lịch lữ hành (tour); cho thuê phương tiện vận chuyển.

Nhóm 41: Dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo; dịch vụ giải trí phục vụ khách du lịch.

Nhóm 43: Cho thuê chỗ ở tạm thời, nhà nghỉ dưỡng du lịch; dịch vụ khách sạn; dịch vụ cung cấp thực phẩm, đồ uống (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0095861**
(210) 4-2005-04171
(181) 13.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 13.11.2006

(531) 3.1.1; 3.1.16
(731) SINGAPORE EXAMINATIONS AND ASSESSMENT BOARD (SG)
298 Jalan Bukit Ho Swee, Singapore 169565
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ kiểm tra và đánh giá giáo dục; cung cấp các khoá học đánh giá kỹ năng; dịch vụ tổ chức thi cử/kiểm tra kiến thức; thiết kế các khoá học, kiểm tra và cấp chứng chỉ giáo dục; thông tin liên quan đến dịch vu thi cử trong ngành giáo dục; tổ chức

các kỳ thi (trong ngành giáo dục); tổ chức các kỳ thi để xếp loại; cung cấp trang thiết bị cho việc thi cử; cung cấp dịch vụ điều tra giáo dục; các khoá học trong trường nhằm chuẩn bị cho việc thi cử; dịch vụ liên quan đến đào tạo, hướng dẫn, giảng dạy và tạo kỹ năng, cụ thể là thiết kế, phát triển và quản lý các khoá học nghiên cứu, các kỳ thi và thủ tục thi cử; tổ chức và quản lý các khoá học và hội thảo, hướng dẫn, kiểm tra và các dịch vụ đánh giá có liên quan; lập ra bộ chuẩn giáo dục; tổ chức và quản lý các kỳ kiểm tra, đánh giá việc thi cử và phân loại; các dịch vụ liên quan đến việc giảng dạy khác bao gồm việc cung cấp bài thi, tổ chức và chỉ đạo việc đánh giá, đóng vai trò là chuyên gia cho việc đánh giá này; xuất bản các tài liệu giáo dục; xuất bản các sách về đào tạo; thiết kế, phát triển và lên kế hoạch thi cử và cấp chứng chỉ quốc gia; sắp xếp và chỉ đạo các kỳ thi trong ngành giáo dục; xuất bản và phổ biến các tài liệu giáo dục; cung cấp trang thiết bị cho mục đích giáo dục và đào tạo; dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực giáo dục; dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc từ Internet; xuất bản các bài báo điện tử về giáo dục; cung cấp dịch vụ truy cập bài thi và bài đánh giá thông qua Internet (không phải là nhà cung cấp dịch vụ Internet); tổ chức và quản lý các bài kiểm tra và đánh giá trên mạng; dịch vụ giáo dục, đào tạo được cung cấp trực tuyến từ một cơ sở dữ liệu máy tính hoặc từ Internet; cung cấp các xuất bản phẩm điện tử trực tuyến từ một cơ sở dữ liệu máy tính hoặc từ Internet; cung cấp các xuất bản phẩm điện tử trực tuyến, tất cả đều thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095862**
(210) 4-2005-17552
(181) 23.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 23.12.2005

(531) A1.1.9; 4.1.2; A12.1.25
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHÁNH NHƯ (VN)
90A/B72B Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 21: Tăm bông (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0095863**
(210) 4-2005-14568
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 01.11.2005

(531) 26.1.1; 26.3.1
(591) Đỏ, xanh
(731) CÔNG TY TNHH IN & THƯƠNG MẠI TÂY ĐÔ (VN)
Số 1A Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Đại lý kinh doanh mua bán xuất bản phẩm được phép lưu hành; đại lý mua bán ký gửi hàng hoá (không bao gồm nguyên phụ liệu, thiết bị ngành may và các sản phẩm may); buôn bán hàng tư liệu sản xuất, hàng tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là vật tư, thiết bị, máy móc phục vụ ngành in, không bao gồm nguyên phụ liệu, thiết bị ngành may và các sản phẩm may); môi giới thương mại; mua bán lương thực, thực phẩm chế biến; dịch vụ quảng cáo thương mại.

Nhóm 40: In bao bì; in khắc gỗ; dịch vụ in; chế biến lương thực, thực phẩm công nghệ.

---

(111) **4-0095864**
(210) 4-2006-02795
(181) 29.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 20: Đệm không khí dùng khi cắm trại; cái nôi; giường (làm bằng gỗ hoặc các chất dẻo không thuộc các nhóm khác); ghế dài (đồ gỗ); tủ sách; tủ (đồ gỗ); ghế ngồi; giá treo áo; đồ để máy tính (đồ gỗ); khay để bàn phím máy tính; giường cũi cho trẻ con; ghế trường kỷ; miếng vật liệu lấp lánh dùng để trang trí trong nhóm này; đồ trang trí có thể di chuyển được; bàn học sinh; ống hút nước (ống mút); tấm đá được cắt và chạm trổ dùng để trang trí; bức tượng và bức tượng nhỏ làm từ ngà voi, thạch cao, chất dẻo, sáp hoặc gỗ; cột cờ; ghế để chân; đồ gỗ nội thất; đồ trang trí để gói quà làm từ chất dẻo; quạt tay; gương có cán cầm tay; hộp đựng đồ trang sức không làm bằng kim loại; đồ trang trí nhỏ đi kèm chìa khoá làm bằng vật liệu thuộc nhóm này; đồ gỗ đặt trên cỏ hoặc trong vườn; ghế sofa đôi; giá để báo; đệm; gương; đồ trang trí không dùng cho lễ giáng sinh làm từ ngà voi, thạch cao, chất dẻo, sáp hoặc gỗ; ghế dài có đệm; đồ trang trí bữa tiệc làm từ chất dẻo; cái đôn; khung tranh; gối; giá để cây cối làm bằng dây và kim loại (đồ nội thất); bức phù điêu dùng để trang trí treo trên tường không làm bằng vải (đồ nội thất); cờ làm bằng chất dẻo; bảng tên cài áo làm bằng chất dẻo; bảng đăng ký xe ô tô có gắn đồ trang trí rẻ tiền làm bằng nhựa; cờ trang trí làm bằng chất dẻo; đồ trang trí bánh bằng chất dẻo; vỏ sò dùng để trang trí; túi ngủ; bàn; tủ đồ chơi; giá để ô; rèm che cửa (cái mành) làm bằng vật liệu thuộc nhóm này; chuông gió.

---

(111) **4-0095865**
(210) 4-2006-16515
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DRESDNER KLEINWORT

(151) 14.02.2008
(220) 02.10.2006

(731) DRESDNER BANK AG (DE)
Juergen-Ponto-Platz 1, Frankfurt am Main, Germany
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính; phần mềm ứng dụng trong tài chính và đầu tư; phần mềm máy tính sử dụng trong các giao dịch tài chính và đầu tư; phần mềm máy tính và các chương trình máy tính sử dụng cho các giao dịch về tài chính, cổ phần, cổ phiếu, chứng khoán, tiền tệ, hàng hoá và đầu tư; các sản phẩm/phần mềm/chương trình/tiện ích thanh toán thông qua trang web; phần mềm và hệ thống thông tin, thương mại và thanh toán về tài chính thông qua internet/trang web; phần mềm và hệ thống thông tin, thương mại, thanh toán trực tuyến và có thể tải xuống được về tài chính; hệ thống giao dịch tài chính điện tử.

Nhóm 35: Dịch vụ thông tin doanh nghiệp; dịch vụ quản lý kinh doanh; dịch vụ tư vấn kinh doanh; dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho các nhà đầu tư; dịch vụ quản lý thông tin về doanh nghiệp cho các nhà đầu tư; dịch vụ nghiên cứu kinh doanh; cung cấp thông tin kinh doanh qua internet; dịch vụ tiếp thị (marketing); phân tích và đánh giá về kinh doanh và kinh tế; dịch vụ tư vấn về kinh doanh và kinh tế.

Nhóm 36: Dịch vụ tài chính và tiền tệ; dịch vụ phân tích và nghiên cứu tài chính; tư vấn tài chính; dịch vụ về tài chính bao gồm dịch vụ cung cấp thông tin về các nhà đầu tư (dịch vụ về tài chính); dịch vụ gọi vốn đầu tư; dịch vụ gọi vốn đầu tư được cung cấp qua internet, qua trang web, hoặc qua cơ sở dữ liệu trực tuyến trên máy tính; dịch vụ thông tin tài chính và đầu tư được cung cấp qua internet, qua trang web, hoặc qua cơ sở dữ liệu trực tuyến trên máy tính; cung cấp thông tin tài chính qua internet; cung cấp thông tin giao dịch tài chính và giao dịch tài chính đa chiều qua internet; kinh doanh chứng khoán; đại diện cho người khác mua bán cổ phần, cổ phiếu, tiền tệ, chứng khoán và hàng hoá; thực hiện các đơn hàng về mua và bán cổ phần, cổ phiếu, tiền tệ, chứng khoán và hàng hoá; tư vấn giá cả thị trường về cổ phần, cổ phiếu, tiền tệ, chứng khoán và hàng hoá; dịch vụ thanh toán và tạo lập thị trường tài chính; giám sát và ghi lại các giao dịch tài chính trực tuyến và trên trang web; dịch vụ đầu tư; dịch vụ tư vấn đầu tư; dịch vụ quản lý tài chính và các khoản vay qua trang web và internet; dịch vụ tư vấn về thị trường vốn; tư vấn về sáp nhập và mua bán lại doanh nghiệp (dịch vụ về tài chính).

Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông phục vụ cho các dịch vụ tài chính và đầu tư; dịch vụ truyền thông phục vụ cho các dịch vụ tài chính và đầu tư; dịch vụ truyền thông qua máy tính; dịch vụ truyền thông điệp và dữ liệu có sự trợ giúp của máy tính; dịch vụ truyền dữ liệu; thư điện tử; dịch vụ cung cấp đường truyền internet; cung cấp quyền truy cập vào các hệ thống và các phương tiện cung cấp thông tin tài chính thông qua Internet; dịch vụ truyền thông mạng toàn cầu; cung cấp quyền truy cập vào hệ thống thông tin tài chính qua internet; cung cấp quyền sử dụng các dịch vụ tài chính qua internet; cung cấp quyền truy cập vào hệ thống kinh doanh tài chính qua internet; cung cấp phương tiện, hệ thống và sàn giao dịch kinh doanh tài chính trên Internet/trang web, và cung cấp quyền truy cập/các đường kết nối đến các phương tiện, hệ thống và sàn giao dịch kinh doanh tài chính nói trên; cung cấp quyền truy cập vào các cơ sở dữ liệu, phương tiện, hệ thống và sàn giao dịch tài chính thông qua internet/các phương tiện truyền thông/viễn thông; dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin cho các dịch vụ trên.

(111) **4-0095866**
(210) 4-2006-16959
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÀ NỘI (VN)
Thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Giầy dép.

---

(111) **4-0095867**
(210) 4-2006-15647
(181) 18.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KLENCARE

(151) 14.02.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT LÀM SẠCH VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (INTERNATIONAL CLEANING TECHNOLOGY AND TRADING COMPANY LIMITED) (VN)
Số 54/51, phố Thái Thịnh, phường Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Thiết bị hút bụi dùng để làm sạch; máy và thiết bị để làm sạch (dùng điện); máy đánh bóng sàn; máy quét đường tự vận hành; thiết bị rửa; máy và thiết bị để giặt thảm.

Nhóm 21: Thùng rác; chậu (thuộc nhóm này); thiết bị lau bụi không dùng điện; giẻ lau sàn, đồ chứa đựng trong nhà vệ sinh, dụng cụ vệ sinh.

---

(111) **4-0095868**
(210) 4-2006-15648
(181) 18.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SEACLEAN

(151) 14.02.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT LÀM SẠCH VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (INTERNATIONAL CLEANING TECHNOLOGY AND TRADING COMPANY LIMITED) (VN)
Số 54/51, phố Thái Thịnh, phường Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Thiết bị hút bụi dùng để làm sạch; máy và thiết bị để làm sạch (dùng điện); máy đánh bóng sàn; máy quét đường tự vận hành; máy và thiết bị để giặt thảm.

Nhóm 21: Thùng rác; chậu (thuộc nhóm này); thiết bị lau bụi không dùng điện; giẻ lau sàn; đồ chứa đựng trong nhà vệ sinh, dụng cụ vệ sinh.

---

(111) **4-0095869**
(210) 4-2006-01468
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 26.01.2006

(531) 3.7.7; A3.7.24; 24.17.15
(591) Vàng, đen, trắng
(731) VIỆN Y DƯỢC HỌC DÂN TỘC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (VN)
273-275 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học cổ truyền; thực phẩm chức năng sử dụng như thuốc.

Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh.

---

(111) **4-0095870**
(210) 4-2006-01947
(181) 13.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CODESCO

(151) 14.02.2008
(220) 13.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH TIẾN (VN)
ấp Phú Sơn, quốc lộ 1A, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Bàn cầu (bệ xí); lavabo (bồn rửa mặt); chân lavabo; vòi hoa sen; bộ xả vòi nước.

(111) **4-0095871**
(210) 4-2006-01949
(181) 13.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 13.02.2006

(531) 2.3.1; A2.3.24
(591) Xanh lá cây, hồng nhạt, trắng
(731) PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA GIẢI PHẪU THẨM MỸ VIỆT HÀN (VN)
58 Trương Công Định, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 44: Khám chuyên khoa giải phẫu thẩm mỹ.

---

(111) **4-0095872**
(210) 4-2006-09057
(181) 12.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SCPL

(151) 14.02.2008
(220) 12.06.2006

(731) MOTOROLA, INC. (US)
1303 East Algonquin Road, Schaumburg, IL 60196, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 09: Máy điện thoại; điện thoại tế bào; máy nhắn tin; máy thu thanh hai chiều; máy phát radiô; máy thu radiô; máy thu phát vô tuyến; sổ tay điện tử (thiết bị máy tính cầm tay với cơ sở dữ liệu đơn giản) và các phụ tùng của các hàng hoá kể trên, cụ thể là, bộ ống nghe điện đài, micrô, loa phóng thanh; phần mềm và chương trình máy tính được sử dụng cho việc truyền hoặc tái tạo hoặc thu nhận âm thanh, hình ảnh, video hoặc dữ liệu trên mạng hoặc trên hệ thống viễn thông giữa các thiết bị đầu cuối dùng cho việc tăng cường và sử dụng thuận lợi và truy cập mạng máy tính và mạng điện thoại; phần mềm máy tính thương mại điện tử cho phép người sử dụng đặt hàng và thanh toán an toàn trong lĩnh vực giao dịch thương mại điện tử thông qua mạng máy tính hay mạng viễn thông toàn cầu; phần mềm máy tính dùng để phân phối thông tin chứa văn bản, hình ảnh, video và âm thanh cho người sử dụng trong lĩnh vực truyền thông; phần mềm và chương trình máy tính dùng cho việc quản lý và điều hành các thiết bị viễn thông không dây; phần mềm máy tính dùng cho việc truy cập, tìm kiếm, chỉ mục và khôi phục thông tin và dữ liệu từ mạng máy tính và mạng truyền thông toàn cầu, và dùng cho việc duyệt và điều hướng thông qua trang web trên các mạng máy tính và mạng truyền thống toàn cầu; phần mềm máy tính dùng cho việc gửi và nhận các thông báo ngắn và thu điện tử và dùng cho việc lọc thông tin phi văn bản từ dữ liệu; máy quay, cụ thể là máy chụp ảnh, máy chụp ảnh số, máy chụp ảnh động, máy quay phim, thẻ thông minh; thẻ đọc thông minh; máy tính; thẻ dùng cho mục đích truyền thông, cụ thể là, thẻ dữ liệu, thẻ modem và thẻ modem fax, tất cả sử dụng cùng với các thiết bị truyền thông; modem, thiết bị định vị toàn cầu.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền thông không dây và dịch vụ truyền các dữ liệu và tài liệu điện tử qua thiết bị đầu cuối của máy tính.

---

(111) **4-0095873**
(210) 4-2006-17246
(181) 13.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Erela Dextromethorphan

(151) 14.02.2008
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG PHÚC (VN)
139 Thành Mỹ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095874**
(210) 4-2006-17247
(181) 13.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

RIZINAL

(151) 14.02.2008
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG PHÚC (VN)
139 Thành Mỹ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095875**
(210) 4-2006-01538
(181) 06.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

UTRASYLINE

(151) 14.02.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095876**
(210) 4-2006-01539
(181) 06.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CLOGYNAZ

(151) 14.02.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095877**
(210) 4-2006-01578
(181) 07.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 07.02.2006

(531) 26.15.7
(591) Xanh lá cây, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH TÂN PHÚ HOÀ (VN)
Cụm công nghiệp chế biến gỗ, KP.4, phường Tân Hoà, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Động cơ dùng cho máy lạng tre thuộc nhóm này.

Nhóm 19: Các sản phẩm làm từ gỗ và tre dùng làm vật liệu trong xây dựng bao gồm: ván ôcan, ván sàn, ván tre thuộc nhóm này.

Nhóm 20: Hàng thủ công mỹ nghệ làm từ gỗ và tre bao gồm: khung ghế, mặt ghế, đệm ghế, đĩa và khay (không phải đồ gia dụng), thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095878**
(210) 4-2006-01946
(181) 13.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HACOSAMIN

(151) 14.02.2008
(220) 13.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095879**
(210) 4-2006-16761
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 05.10.2006

(531) A26.11.13
(591) Trắng, đen, xám
(731) GENEREACH BIOTECHNOLOGY CORP. (TW)
No.2- 1, 7th Road, Taichung Industrial Park, Taichung 407, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Chế phẩm hoá học dùng cho mục đích khoa học (không dùng cho mục đích y tế và thú y); thuốc thử hoá học (không dùng cho mục đích y tế và thú y); chế phẩm hóa học dùng cho việc phân tích trong phòng thí nghiệm (không dùng cho mục đích y tế và thú y); hoá chất dùng để phân tích trong phòng thí nghiệm (không dùng cho mục đích y tế và thú y); chế phẩm hoá học dùng cho việc chẩn đoán (không dùng cho mục đích y tế và thú y); giấy thử hoá học; chế phẩm sinh học (không dùng cho mục đích y tế và thú y); chế phẩm vi khuẩn (không dùng cho mục đích y tế và thú y); chế phẩm vi sinh (không dùng cho mục đích y tế và thú y).

---

(111) **4-0095880**
(210) 4-2006-01511
(181) 03.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 03.02.2006

(531) 26.4.2; 26.3.1; A25.3.3
(731) ANVIL KNITWEAR, INC. (US)
228 East 45 Street, New York, New York 10017, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095881**
(210) 4-2005-03360
(181) 29.03.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 29.03.2005

(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO VẠN TÍN ANH MINH (VN)
506/15/25 đường 3 - 2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo.

---

(111) **4-0095882**
(210) 4-2006-01054
(181) 19.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

EPICOTIL

(151) 14.02.2008
(220) 19.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9, H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095883**
(210) 4-2006-01057
(181) 19.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GALENCORT-N

(151) 14.02.2008
(220) 19.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG PHÚC (VN)
139 Thành Mỹ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095884**
(210) 4-2006-01134
(181) 20.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

OPTASE

(151) 14.02.2008
(220) 20.01.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095885**
(210) 4-2006-01135
(181) 20.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SEBETON

(151) 14.02.2008
(220) 20.01.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095886**
(210) 4-2006-01136
(181) 20.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SELCAROL

(151) 14.02.2008
(220) 20.01.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095887**
(210) 4-2006-01137
(181) 20.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

WONGITON

(151) 14.02.2008
(220) 20.01.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095888**
(210) 4-2006-01139
(181) 20.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GRAGINE

(151) 14.02.2008
(220) 20.01.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095889**
(210) 4-2006-01238
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BOXORFEN

(151) 14.02.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095890**
(210) 4-2006-01240
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FEROSTAL

(151) 14.02.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095891**
(210) 4-2006-04995
(181) 05.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 05.04.2006

(531) A18.1.8; 26.5.1
(591) Đỏ, xanh nước biển đậm, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH THUẬN THÀNH (VN)
38A Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải.

---

(111) **4-0095892**
(210) 4-2006-17954
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 25.10.2006

(531) 1.17.11; 26.1.1; 26.7.25; 24.15.3
(591) Xanh da trời, xanh ngọc, trắng
(731) KIMBERLY-CLARK WORLDWIDE, INC. (US)
Neenah Wisconsin 54956, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 01: Bột giấy, bột gỗ.

---

(111) **4-0095893**
(210) 4-2006-01201
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 23.01.2006

(531) 24.15.1; 26.4.3; 26.4.9; 26.11.2
(731) YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)
2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Xe cộ; phương tiện giao thông trên bộ, trên không hoặc dưới nước; xe mô tô, xe đi trên mọi địa hình, xe chạy bằng máy trên tuyết, phương tiện đi lại dưới nước dùng cho cá nhân và các bộ phận cơ cấu dùng cho tất cả các sản phẩm trên (gương chiếu hậu, bánh xe, ổ trục (moay ơ), đèn báo hướng di chuyển, xích, tay lái, khớp truyền động bánh răng, phanh, đệm phanh, má phanh, bánh răng trên bánh xích, cái chắn bùn, vành bánh xe, động cơ, nan hoa, yên xe, chân chống cho xe, hệ thống cảnh báo cho xe bằng âm thanh, khung xe, giỏ xe, lốp, rèm chắn nắng, cái cản sốc, cái phủ xe cộ (có hình dáng cố định).

---

(111) **4-0095894**
(210) 4-2006-23034
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SAZAKA

(151) 14.02.2008
(220) 29.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT ĐIỆN GIA DỤNG ĐẠI PHÁT (VN)
26 Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán bếp gas, linh kiện bếp gas, bếp điện, lò bánh, tủ lạnh, máy giặt, nồi cơm điện, máy thu hình (tivi), loa, máy tăng âm (ampli), đầu đọc đĩa kỹ thuật số, đầu máy hát karaoke; mua bán hàng kim khí điện máy; mua bán xe gắn máy và phụ tùng xe gắn máy; mua bán hàng trang trí nội thất.

---

(111) **4-0095895**
(210) 4-2006-04558
(181) 29.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

USAMAX

(151) 14.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP. JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược, thuốc bổ tăng lực, thuốc kháng sinh chống viêm, thuốc cảm cúm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0095896**
(210) 4-2006-04559
(181) 29.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

USATON

(151) 14.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP. JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược, thuốc bổ tăng lực, thuốc kháng sinh chống viêm, thuốc cảm cúm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0095897**
(210) 4-2006-04560
(181) 29.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

USABOX

(151) 14.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP. JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược, thuốc bổ tăng lực, thuốc kháng sinh chống viêm, thuốc cảm cúm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0095898**
(210) 4-2006-04562
(181) 29.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

USABIC

(151) 14.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược, thuốc bổ tăng lực, thuốc kháng sinh chống viêm, thuốc cảm cúm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0095899**
(210) 4-2006-23079
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KIM NGÂN VẠN ỨNG

(151) 14.02.2008
(220) 29.12.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095900**
(210) 4-2005-13343
(181) 11.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 11.10.2005

(531) A2.1.24; 4.5.2; 4.5.3
(731) CÔNG TY CHẾ BIẾN, XUẤT KHẨU NGUYÊN LIỆU VÀ SẢN PHẨM TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM (VITRAMEX CO.,LTD) (VN)
B7+8 khu B Hoàng Cầu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; đồ uống kiêng dùng trong ngành y.

Nhóm 32: Đồ uống bổ dưỡng tăng lực (không dùng cho ngành y).

---

(111) **4-0095901**
(210) 4-2005-09696
(181) 03.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 03.08.2005

(531) 26.3.1; 26.1.1; 1.15.15; 26.13.25
(731) PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS) (MY)
Tower 1, Petronas Twin Towers, Kuala Lumpur City Centre, 50088 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ; đồng hồ đeo tay; đồng hồ báo thức; hợp kim của những kim loại quý; bùa (đồ trang sức); đồ châu báu; gạt tàn bằng kim loại quý; huy hiệu bằng kim loại quý; thùng bằng kim loại quý cho mục đích gia đình; hộp xìgà bằng kim loại quý; hộp bằng kim loại quý; hộp đựng kim bằng kim loại quý; hộp đựng kẹo bằng kim loại quý; vòng đeo tay; trâm cài; khuyên bằng kim loại quý; chân nến bằng kim loại quý; cái tắt nến bằng kim loại quý; đĩa nến bằng kim loại quý; giá đỡ nến bằng kim loại quý; hộp đựng đồng hồ và đồng hồ đeo tay; ví lưới phụ nữ bằng kim loại quý; dây chuyền; nữ trang nhỏ; đồng hồ bấm giờ; dụng cụ đo thời gian; hộp thuốc bằng kim loại quý; tẩu thuốc lá bằng kim loại quý; bình cafe không dùng điện bằng kim loại quý; đồng tiền xu; đồ đựng dùng trong nhà bằng kim loại quý; đồ đựng dùng trong bếp bằng kim loại quý; khuy măng sét bằng kim loại quý; cốc bằng kim loại quý; đĩa bằng kim loại quý; hoa tai; cốc đựng trứng trần bằng kim loại quý; lọ bình bằng kim loại quý; cốc nhỏ có chân bằng kim loại quý; đồ kim hoàn bằng vàng, bạc không phải là dao kéo, đĩa, thìa; đồ trang trí mũ bằng kim loại quý; dụng cụ gia đình bằng kim loại quý; đồ mỹ ký; hộp đựng đồ nữ trang bằng kim loại quý; bình bằng kim loại quý; dụng cụ nhà bếp bằng kim loại quý; hộp đựng diêm bằng kim loại quý; giá để diêm bằng kim loại quý; huy chương bằng kim loại quý; hộp đựng khăn ăn bằng kim loại quý; vòng treo khăn ăn bằng kim loại quý; vòng đeo cổ (đồ trang sức); hộp kim bằng kim loại quý; cái kẹp quả hạch bằng kim loại quý; cái kẹp trang sức; đồ trang sức; kẹp, ghim bằng kim loại quý; đồ vật mạ kim loại quý; hộp phấn trang điểm bằng kim loại quý; ví phụ nữ bằng kim loại quý; nhẫn; bát trộn salát bằng kim loại quý; lọ đựng muối bằng kim loại quý; máy trộn muối bằng kim loại quý; đĩa nhỏ bằng kim loại quý; đồ trang sức dùng cho giầy bằng kim loại quý; hộp đựng thuốc lá hít bằng kim loại quý; liễn súp bằng kim loại quý; dây đeo chìa khoá bằng kim loại quý; vòng đeo chìa khoá (đồ mỹ ký và giả trang); cái ghim cavát; dây đeo đồng hồ; đồng hồ mặt trời; đĩa để bàn bằng kim loại quý; hộp đựng chè bằng kim loại quý; ấm pha chè bằng kim loại quý; bộ đồ trà bằng kim loại quý; cái để pha trà bằng kim loại quý; cái kẹp cavát; tẩu thuốc lá bằng kim loại quý; hộp đựng tăm bằng kim loại quý; khay bằng kim loại quý; bình đựng tro hoả táng bằng kim loại quý; lọ bằng kim loại quý; cái lót cốc bằng kim loại quý.

Nhóm 18: Túi có dây buộc, túi cho người đi cắm trại; túi cho người leo núi; túi dùng ở bãi biển; dây đeo vai bằng da; cặp tài liệu; hòm bằng da hoặc giả da; ví lưới phụ nữ không bằng kim loại quý; túi đi săn; túi cho chơi golf; túi quần áo dùng để đi đường; túi xách tay; túi dết; da giả; vòng đeo chìa khoá bằng da; hộp đựng bản nhạc; túi lưới để mua đồ; ô che nắng; ví của đàn ông; ví của phụ nữ; balô; túi đi học; cặp sách học sinh; túi đi mua sắm; địu dùng để mang trẻ em; vali; túi du lịch; túi dụng cụ du lịch bằng da; hòm du lịch; hòm hành lý; ô; túi đựng ô; tay cầm của ô; vali nhỏ; ví đựng đồ trang điểm (chưa có đồ dùng được); túi mua hàng có bánh xe; túi bằng vải bạt; túi vải; túi đeo ở lưng; túi đeo ở hông; túi bằng da để đóng hàng.

Nhóm 21: Móc dùng để cài khuy (không làm bằng kim loại quý và không được mạ kim loại quý); cái lót cốc (không bằng giấy và không phải cái lót cốc trong bộ khăn trải bàn); rổ dùng trong gia đình không làm bằng kim loại quý; ca, không bằng kim loại quý; cái mở nút chai; chai lọ; bát thuỷ tinh; hộp xà phòng; hộp bằng thuỷ tinh; chân nến không bằng kim loại quý; đĩa nến không bằng kim loại quý; giá đỡ nến không bằng kim loại quý; hộp kẹo không bằng kim loại quý; đồ trang trí bằng sứ thuộc nhóm này; bát đĩa bằng sành; cốc không bằng kim loại quý; đĩa không bằng kim loại quý; biđông dùng cho người đi đường không bằng kim loại quý; đồ gia dụng bằng đất nung; ly, cốc tráng men; lọ bình không bằng kim loại quý; bình (hũ) không bằng kim loại quý; đồ đựng dùng trong bếp không bằng kim loại quý; bộ đựng đồ gia vị; tượng nhỏ bằng sứ, bằng đất nung hoặc bằng

thuỷ tinh; bộ đồ ăn (ngoài dao, đĩa và thìa) không bằng kim loại quý; hộp đựng chè không bằng kim loại quý; ấm pha chè không bằng kim loại quý; bộ đồ pha trà không bằng kim loại quý; ấm chè không bằng kim loại quý; bình đựng tro hoả táng không bằng kim loại quý; dụng cụ nhà bếp không bằng kim loại quý; bình không bằng kim loại quý; đĩa bằng giấy; đồ gốm dùng trong gia dụng; đồ gia dụng bằng sứ; cốc, ca không bằng kim loại quý; cái lót cốc (không bằng giấy) không phải khăn vải trải bàn; hộp đựng tiền bằng gốm; đồ gia dụng bằng thuỷ tinh màu.

Nhóm 25: Quần áo (trừ quần áo chuyên dụng), đồ đi chân, đồ đội đầu; áo cộc tay; mũ lưỡi trai; mũ bêrê; quần lót dài; quần dài; tạp dề; quần áo mặc ở biển; yếm dãi; khăn quàng cổ bằng lông; ủng thể thao; mũ che tai; găng tay (trang phục); mũ; dải băng buộc đầu; áo vét; áo sơmi cộc tay chui đầu; quần áo dệt; quần áo cho người điều khiển xe môtô; nơ đeo cổ; áo pacca; chóp mũ; áo sợi đan chui đầu; khăn quàng cổ; khăn choàng; áo sơmi; bít tất cổ ngắn; áo mayô thể thao; giầy thể thao; áo va rơi; áo gilê; lưỡi trai (che trước trán để chống chói mắt); cổ tay áo; áo chẽn; thắt lưng (y phục)
Nhóm 28: Đồ chơi và trò chơi; dụng cụ thể dục thể thao không xếp trong các nhóm khác; bóng; bóng dùng cho các trò chơi; găng tay cho trò chơi; chuông trang trí cây thông Noel; trò chơi xây dựng; bàn cờ đam; quân cờ đam; bàn cờ; gậy chơi gôn; găng tay chơi gôn; túi đựng dụng cụ chơi gôn; bóng để chơi gôn; túi đựng dụng cụ để chơi crikê; con xúc xắc; búp bê; trò chơi đôminô; bàn cờ vây; quân cờ vây; vật dụng bảo vệ khuỷ tay (vật dụng thể thao); vật dụng bảo vệ đầu gối (vật dụng thể thao); con rối; mặt nạ đồ chơi; điện thoại đồ chơi; mô hình thu nhỏ của xe cộ; đệm lót đề bảo vệ (bộ phận của quần áo thể thao); bóng chơi thể thao; con rối giật dây; vợt; cái lúc lắc (đồ chơi); trò chơi vòng; vật dụng bảo vệ ống chân (vật dụng thể thao); con quay (đồ chơi); gấu bông; mặt nạ diễn kịch; đồ chơi; mô hình động vật để chơi; trò chơi lắp hình; đồ chơi xếp hình; trò chơi dùng bảng; trò chơi trong nhà; kính vạn hoa (đồ chơi); hòn bi; khối xếp hình; dồ chơi có tính mềm; xe cộ đồ chơi; đồ chơi thủ công.

Nhóm 34: Thuốc lá; vật dụng cho người hút thuốc; diêm; gạt tàn không phải là kim loại quý; hộp thuốc lá và hộp xìgà không bằng kim loại quý; cái cắt đầu xìgà; tẩu xìgà không bằng kim loại quý; bật lửa dùng cho người hút thuốc; bình chứa ga dùng cho bật lửa (vật dụng dùng cho người hút thuốc); đầu lọc cho thuốc lá; đầu tẩu dùng cho hút thuốc lá; hộp diêm và giá để hộp diêm không bằng kim loại quý; tẩu thuốc lá.

---

(111) **4-0095902**
(210) 4-2005-05115
(181) 05.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 05.05.2005

(531) 1.15.24; A26.11.12
(591) Đỏ, trắng, nâu gạch, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DU LỊCH THANH BÌNH I (VN)
Thôn Kê Gà, xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Tư vấn tài chính.

Nhóm 39: Du lịch, lữ hành.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí (hát Karaoke); tư vấn du học; dịch thuật.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn; nhà nghỉ.

---

(111) **4-0095903**
(210) 4-2005-05164
(181) 05.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 05.05.2005

(531) 26.4.3; 14.5.1; A14.5.13
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VINH NÔNG (VN)
83 Phạm Đình Hổ, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán phân bón; mua bán hạt giống; mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu và vật tư ngành nông nghiệp đại lý mua bán; đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 39: Dịch vụ đóng gói bao bì.

---

(111) **4-0095904**
(210) 4-2005-08738
(181) 15.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 15.07.2005

(531) A2.1.16; 26.4.2; 4.5.2; 4.5.3
(591) Đen, trắng, xanh dương, xanh nước biển, xanh nước biển nhạt, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, vàng, vàng đậm, nâu
(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà 1 - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ nấm bệnh cho cây trồng, thuốc trừ cỏ, thuốc diệt côn trùng có hại, thuốc trừ mối, thuốc dẫn dụ côn trùng.

---

(111) **4-0095905**
(210) 4-2005-15028
(181) 09.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BIO - HUMAXIN
Sen Vàng

(151) 14.02.2008
(220) 09.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN HƯNG TƯỜNG (VN)
ấp 3, xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt động vật có hại, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt côn trùng có hại.

---

(111) **4-0095906**
(210) 4-2005-08657
(181) 13.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

GOODY

(151) 14.02.2008
(220) 13.07.2005

(731) GUANGDONG GOODY PLASTICS CO., LTD (CN)
North Meijiao Road, Technology Industrial Park, Shunde High-tech Industrial Zone (Ronggui), Foshan City, Guangdong, P.R. China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Ống gen bằng chất dẻo dùng để đi đường cáp; ống gen bằng chất dẻo dùng để đi đường dây điện; ống bằng chất dẻo để luồn dây cáp; ống bằng chất dẻo để luồn dây điện; các bộ phận bằng chất dẻo dùng cho ống gen để đi đường dây cáp và dây điện; các bộ phận bằng chất dẻo dùng cho ống để luồn đường dây cáp và dây điện.

Nhóm 20: Đồ gỗ nội thất; hộp bằng chất dẻo; kẹp để nối cáp hoặc ống bằng chất dẻo; nắp van (van) ống tiêu nước bằng chất dẻo; van ống nước bằng chất dẻo; bu lông, không làm bằng kim loại; sản phẩm thủ công mỹ nghệ trang trí làm từ gỗ tre.

---

(111) **4-0095907**
(210) 4-2006-00712
(181) 13.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIETSENS
CẢM NHẬN CUỘC SỐNG

(151) 14.02.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CẢM NHẬN CẢM BIẾN VIỆT NAM (VN)
Số 36 ngõ 191 Lạc Long Quân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Máy quay phim, ghi hình (máy quay thông minh, tự động giám sát đối tượng, thiết bị ghi hình kỹ thuật số, máy ghi hình hồng ngoại, máy quay đặc chủng quay dưới nước, trong hầm, chịu nhiệt, chịu áp suất); các loại cảm biến gồm: cảm biến nhiệt, cảm biến quang, cảm biến âm thanh, cảm biến hồng ngoại, cảm biến cơ học, cảm biến từ, cảm biến điện, cảm biến áp suất, cảm biến hoá học; thiết bị cảnh báo chống trộm; hệ thống phát hiện khói; hệ thống cảm ứng nhiệt độ; hệ thống phun dập cháy (tự động vận hành) dùng trong phòng chống cháy.

Nhóm 11: Thiết bị chiếu sáng; thiết bị sưởi nóng chạy bằng điện trong gia đình; quạt hơi nóng chạy bằng điện dùng trong gia đình; bồn nước nóng dùng trong gia đình, nhà tắm; máy điều hoà không khí; tủ lạnh; quạt làm mát chạy bằng điện dùng trong gia đình; quạt thông gió (để điều hoà không khí). thiết bị sinh hơi nước; thiết bị xông hơi nóng; thiết bị sấy khô dùng trong sinh hoạt.

Nhóm 37: Lắp đặt hệ thống điện dân dụng, hệ thống mạng.

Nhóm 38: Mạng không dây truyền tin qua internet.

Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo.

Nhóm 42: Thiết kế hệ thống tự động hoá trong gia đình.

---

(111) **4-0095908**
(210) 4-2006-08007
(181) 24.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 24.05.2006

(531) 26.1.1; 26.1.5
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) STARBUCKS CORPORATION D/B/A STARBUCKS COFFEE COMPANY (US)
2401 Utah Avenue South, Seattle, Washington 98134, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính dùng trong việc tạo ra, tải xuống, chuyển, nhận, biên tập, trích, mã hoá, giải mã, vận hành, lưu trữ và tổ chức dữ liệu âm thanh; sản phẩm ghi âm nhạc cổ điển, nhạc ja, nhạc đương thời, nhạc pốp, nhạc seasonal, R và B, nhạc soul (nhạc hiện đại phổ biến của người da đen), nhạc world, nhạc zydeco, nhạc reggae (nhạc nhịp mạnh phổ biến của người Tây ấn), nhạc rốc, nhạc dân gian và nhạc giai điệu của các chương trình trình diễn; máy nghe kỹ thuật số; nhạc có thể tải xuống thông qua mạng máy tính toàn cầu và các thiết bị không dây.

Nhóm 30: Cà phê hạt và xay, cacao, chè (thảo mộc hoặc không phải thảo mộc không dùng cho mục đích y tế); nước giải khát cà phê, chè, cacao và cà phê hơi; nước giải khát có cơ sở là cà phê và/hoặc cà phê hơi; nước giải khát có cơ sở là trà, sôcôla và vani bột; sản phẩm nướng bằng lò bao gồm cả bánh nướng xốp, bánh nướng, bánh quy mặn, bánh

quy, bánh ngọt và bánh mì, bánh mì lát, các mặt hàng sôcôla và bánh kẹo; thức ăn ngũ cốc 100% và chứa hoa quả sẵn sàng để ăn nóng hoặc lạnh; cà phê sẵn sàng để uống; trà sẵn sàng để uống; kem lạnh, thức uống kem và sữa khuấy và bánh kẹo đông lạnh; sôcôla, kẹo và bánh kẹo.

Nhóm 32: Nước, nước khoáng, nước có ga; các thức uống không có cồn khác như nước ngọt giải khát, nước giải khát hương vị hoa quả và nước ép hoa quả, chất lỏng và bột trộn sẵn để pha nước giải khát; xi rô có mùi vị để pha nước giải khát; nước đóng chai có mùi vị hoặc không có mùi vị như các loại nước có ga, nước khoáng, nước ép hoa quả, nước giải khát có cơ sở là nước ép hoa quả và nước hoa quả có ga và các nước giải khát có xô đa; nước giải khát hoa quả đông lạnh và nước giải khát đông lạnh có cơ sở là hoa quả.

Nhóm 35: Quản trị kinh doanh; quản lý kinh doanh; nhượng quyền thương mại, cụ thể là cung cấp sự hỗ trợ kỹ thuật trong việc thành lập và/hoặc hoạt động nhà hàng, quán ăn, quán cà phê và quán rượu có ăn nhẹ; các dịch vụ bán lẻ trong lĩnh vực: cà phê, trà, cacao, thức ăn đóng gói và chuẩn bị sẵn, đồ điện gia dụng, đồ gia dụng không chạy bằng điện, đồ dùng gia đình, đồ dùng nấu bếp, đồng hồ, đồng hồ đeo tay, thiết bị bấm giờ dùng trong nhà bếp, đồng hồ bấm giờ, nữ trang, sách, băng đĩa thu âm nhạc, miếng đệm lót chuột (máy tính), ví, bóp, túi xách, túi xách tay phụ nữ, cái cặp, túi đựng sách, va li (túi du lịch) và ô (tất cả đều làm bằng vải, nhựa hoặc da), dây chìa khóa bằng da, quần áo, mũ và nón, đồ chơi, bao gồm cả gấu bông, đồ chơi nhồi bông, đồ chơi nhồi bông mềm, búp bê và phụ kiện cho các mặt hàng đó, đồ trang trí cho giáng sinh; phân phối bán buôn, cửa hàng bán buôn và các dịch vụ đặt mua hàng bán buôn, tất cả đều trong lĩnh vực: cà phê, trà, cacao, thức ăn đóng gói và chuẩn bị sẵn, đồ gia dụng chạy bằng điện, đồ gia dụng không chạy bằng điện, đồ dùng gia đình, đồ dùng nấu bếp, đồng hồ, đồng hồ đeo tay, thiết bị bấm giờ dùng trong nhà bếp, đồng hồ bấm giờ, nữ trang, sách, băng đĩa thu âm nhạc, miếng đệm lót chuột (máy tính), ví, bóp, túi xách, túi xách tay phụ nữ, cái cặp, túi đựng sách, va li (túi du lịch) và ô (tất cả đều làm bằng vải, nhựa hoặc da), dây chìa khóa bằng da, quần áo, mũ và nón, đồ chơi, bao gồm cả gấu bông, đồ chơi nhồi bông, đồ chơi nhồi bông mềm, búp bê và phụ kiện cho các mặt hàng đó, đồ trang trí cho giáng sinh; dịch vụ đặt mua hàng qua đường bưu điện và dịch vụ đặt mua hàng bằng ca-ta-lô qua đường bưu điện, dịch vụ đặt hàng trực tuyến bằng máy vi tính, dịch vụ bán lẻ trực tuyến bằng máy vi tính tất cả đều trong lĩnh vực: cà phê, trà, cacao, thức ăn đóng gói và chuẩn bị sẵn, đồ gia dụng chạy bằng điện, đồ gia dụng không chạy bằng điện, đồ dùng gia đình, đồ dùng nấu bếp, đồng hồ, đồng hồ đeo tay, thiết bị bấm giờ dùng trong nhà bếp, đồng hồ bấm giờ, nữ trang, sách, băng đĩa thu âm nhạc, miếng đệm lót chuột (máy tính), ví, bóp, túi xách, túi xách tay phụ nữ, cái cặp, túi đựng sách, va li (túi du lịch) và ô (tất cả đều làm bằng vải), nhựa hoặc da, dây chìa khóa bằng da, quần áo, mũ và nón, đồ chơi, bao gồm cả gấu bông, đồ chơi nhồi bông, đồ chơi nhồi bông mềm, búp bê và phụ kiện cho các mặt hàng đó, đồ trang trí cho giáng sinh; dịch vụ đăng ký và đặt mua quà tặng trực tuyến bằng máy vi tính.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống, quán ăn, quán ăn tự phục vụ, quán rượu có bán thức ăn nhẹ, hiệu cà phê giải khát và quán cà phê, nhà hàng bán thức ăn mang về, và dịch vụ nhà hàng bán thức ăn mang về, dịch vụ cung cấp thực phẩm (cho liên hoan, tiệc) do nhà hàng thực hiện; dịch vụ cung cấp cà phê cho văn phòng do nhà hàng thực hiện; dịch vụ cung cấp cà phê văn phòng do nhà hàng thực hiện; dịch vụ cung cấp thức ăn theo hợp đồng do nhà hàng thực hiện; chuẩn bị thức ăn do nhà hàng thực hiện; chuẩn bị và bán thức ăn và thức uống để mang về do nhà hàng thực hiện.

(111) **4-0095909**
(210) 4-2006-16516
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DKIB

(151) 14.02.2008
(220) 02.10.2006

(731) DRESDNER BANK AG (DE)
Juergen-Ponto-Platz 1, Frankfurt am Main, Germany
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính; phần mềm ứng dụng trong tài chính và đầu tư; phần mềm máy tính sử dụng trong các giao dịch tài chính và đầu tư; phần mềm máy tính và các chương trình máy tính sử dụng cho các giao dịch về tài chính, cổ phần, cổ phiếu, chứng khoán, tiền tệ, hàng hoá và đầu tư; các sản phẩm/phần mềm/chương trình/tiện ích thanh toán thông qua trang web; phần mềm và hệ thống thông tin, thương mại và thanh toán về tài chính thông qua internet/trang web; phần mềm và hệ thống thông tin, thương mại, thanh toán trực tuyến và có thể tải xuống được về tài chính; hệ thống giao dịch tài chính điện tử.

Nhóm 35: Dịch vụ thông tin doanh nghiệp; dịch vụ quản lý kinh doanh; dịch vụ tư vấn kinh doanh; dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho các nhà đầu tư; dịch vụ quản lý thông tin về doanh nghiệp cho các nhà đầu tư; dịch vụ nghiên cứu kinh doanh; cung cấp thông tin kinh doanh qua internet; dịch vụ tiếp thị (marketing); phân tích và đánh giá về kinh doanh và kinh tế; dịch vụ tư vấn về kinh doanh và kinh tế.

Nhóm 36: Dịch vụ tài chính và tiền tệ; dịch vụ phân tích và nghiên cứu tài chính; tư vấn tài chính; dịch vụ về tài chính bao gồm dịch vụ cung cấp thông tin về các nhà đầu tư (dịch vụ về tài chính); dịch vụ gọi vốn đầu tư; dịch vụ gọi vốn đầu tư được cung cấp qua internet, qua trang web, hoặc qua cơ sở dữ liệu trực tuyến trên máy tính; dịch vụ thông tin tài chính và đầu tư được cung cấp qua internet, qua trang web, hoặc qua cơ sở dữ liệu trực tuyến trên máy tính; cung cấp thông tin tài chính qua internet; cung cấp thông tin giao dịch tài chính và giao dịch tài chính đa chiều qua internet; kinh doanh chứng khoán; đại diện cho người khác mua bán cổ phần, cổ phiếu, tiền tệ, chứng khoán và hàng hoá; thực hiện các đơn hàng về mua và bán cổ phần, cổ phiếu, tiền tệ, chứng khoán và hàng hoá; tư vấn giá cả thị trường về cổ phần, cổ phiếu, tiền tệ, chứng khoán và hàng hoá; dịch vụ thanh toán và tạo lập thị trường tài chính; giám sát và ghi lại các giao dịch tài chính trực tuyến và trên trang web; dịch vụ đầu tư; dịch vụ tư vấn đầu tư; dịch vụ quản lý tài chính và các khoản vay qua trang web và internet; dịch vụ tư vấn về thị trường vốn; tư vấn về sáp nhập và mua bán lại doanh nghiệp (dịch vụ về tài chính).

Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông phục vụ cho các dịch vụ tài chính và đầu tư; dịch vụ truyền thông phục vụ cho các dịch vụ tài chính và đầu tư; dịch vụ truyền thông qua máy tính; dịch vụ truyền thông điệp và dữ liệu có sự trợ giúp của máy tính; dịch vụ truyền dữ liệu; thư điện tử; dịch vụ cung cấp đường truyền internet; cung cấp quyền truy cập vào các hệ thống và các phương tiện cung cấp thông tin tài chính thông qua Internet; dịch vụ truyền thông mạng toàn cầu; cung cấp quyền truy cập vào hệ thống thông tin tài chính qua internet; cung cấp quyền sử dụng các dịch vụ tài chính qua internet; cung cấp quyền truy cập vào hệ thống kinh doanh tài chính qua internet; cung cấp phương tiện, hệ thống và sàn

giao dịch kinh doanh tài chính trên Internet/trang web, và cung cấp quyền truy cập/các đường kết nối đến các phương tiện, hệ thống và sàn giao dịch kinh doanh tài chính nói trên; cung cấp quyền truy cập vào các cơ sở dữ liệu, phương tiện, hệ thống và sàn giao dịch tài chính thông qua internet/các phương tiện truyền thông/viễn thông.

---

(111) **4-0095910**
(210) 4-2005-17481
(181) 22.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 22.12.2005

(531) A26.11.12
(591) Đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHAI VẬN (VN)
106 Ngô Quyền, phường 5, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón hữu cơ; chế phẩm vi sinh xử lý môi trường nước để nuôi trồng thuỷ sản; men vi sinh dùng cho phân bón.

Nhóm 05: Thuốc thú y; thuốc thuỷ sản; thuốc diệt ốc bươu vàng.

Nhóm 31: Thức ăn cho thủy hải sản.

Nhóm 35: Mua bán phân bón hữu cơ, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường nước để nuôi trồng thủy sản, men vi sinh dùng cho phân bón, thuốc thú y, thuốc thủy sản, thuốc diệt ốc bươu vàng, thức ăn cho thủy hải sản.

---

(111) **4-0095911**
(210) 4-2006-01331
(181) 07.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 07.04.2006

(531) 24.17.15; 26.1.1
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - XÂY DỰNG QUỐC PHÚ (VN)
14/5A ấp 2, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng hóa.

---

(111) **4-0095912**
(210) 4-2006-01545
(181) 06.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TAUSIRONE

(151) 14.02.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN THỊNH (VN)
Số 46, ngõ 167, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095913**
(210) 4-2006-01546
(181) 06.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SELTURONE

(151) 14.02.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN THỊNH (VN)
Số 46, ngõ 167, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095914**
(210) 4-2006-01547
(181) 06.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HIPOCRAO

(151) 14.02.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN THỊNH (VN)
Số 46, ngõ 167, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095915**
(210) 4-2006-06102
(181) 20.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 14.02.2008
(220) 20.04.2006

(531) 26.1.2; A26.11.13
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TỤ VINH (VN)
Tổ 1, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Bít tất; giầy; quần; áo; váy thời trang.

Nhóm 35: Mua bán hàng thời trang các loại.

---

(111) **4-0095916**
(210) 4-2006-07643
(181) 18.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ADTEC Engineering

(151) 14.02.2008
(220) 18.05.2006

(731) ADTEC ENGINEERING CO., LTD (JP)
3-4-30 Shiba-Koen, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 07: Máy cắt (máy móc); máy dập; máy nắn thẳng; máy in hình nổi; máy sửa lần cuối; máy để làm thủy tinh; thiết bị để gia công cơ khí; máy để làm đường gờ chỉ; người máy (máy); máy xén; máy bóc vỏ.

Nhóm 09: Thiết bị phân tích không dùng cho ngành y.

Nhóm 11: Bóng đèn chiếu sáng; thiết bị chiếu sáng.

Nhóm 37: Bảo dưỡng và sửa chữa máy.

---

(111) **4-0095917**
(210) 4-2006-07644
(181) 18.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ADTECWORLD

(151) 14.02.2008
(220) 18.05.2006

(531) A1.5.2
(731) ADTEC ENGINEERING CO., LTD (JP)
3-4-30 Shiba-Koen, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 07: Máy cắt (máy móc); máy dập; máy nắn thẳng; máy in hình nổi; máy sửa lần cuối; máy để làm thủy tinh; thiết bị để gia công cơ khí; máy để làm đường gờ chỉ; người máy (máy); máy xén; máy bóc vỏ.

Nhóm 09: Thiết bị phân tích không dùng cho ngành y.

Nhóm 11: Bóng đèn chiếu sáng; thiết bị chiếu sáng.

Nhóm 37: Bảo dưỡng và sửa chữa máy.

---

(111) **4-0095918**
(210) 4-2007-01875
(181) 25.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

HANCEPO

(151) 14.02.2008
(220) 25.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ KINH DOANH DƯỢC PHẨM VĨNH AN AN (VN)
13, đường 1D, khu dân cư Trung Sơn, Bình Hưng, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095919**
(210) 4-2007-01876
(181) 25.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

LEFAD

(151) 14.02.2008
(220) 25.01.2007

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095920**
(210) 4-2007-01878
(181) 25.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

LEPRI

(151) 14.02.2008
(220) 25.01.2007

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095921**
(210) 4-2006-01430
(181) 26.01.2016
(300) 200514430 20.12.2005 NO
(450) 25.03.2008 240
(540)

YARAMILA

(151) 15.02.2008
(220) 26.01.2006

(731) YARA INTERNATIONAL ASA (NO)
Bygdoy alle 2, P.O. Box 2464 Solli, N-0202 Oslo, Norway
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Các sản phẩm hoá học sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp ngoại trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, thuốc diệt sâu và chất diệt ký sinh trùng; phân bón; hoá chất công nghiệp, cụ thể là hoá chất từ nitơ bao gồm amoniac, ammoni bicacbonat, ammoni nitrat, đinitơ tetroxit, axit nitric, axit clohyđric, axit phosphoric, ure, canxi cacbonat, canxi nitrat, kali nitrat, natri nitrat; axit formic và muối của nó; chất keo tụ; khí công nghiệp, khí chuyên dụng và khí dùng để hàn, bao gồm axetylen, metyl acetylen, oxy, nitơ, argon, cacbon đioxit, cacbon monoxit, heli, hyđro, neon, krypton, xenon, metan, đơteri và hỗn hợp các khí trên, tất cả ở thể khí, lỏng hoặc rắn; chất xúc tác; các chất để làm đông lạnh; amoni nitrat để sản xuất thuốc nổ nhũ tương.

Nhóm 13: Thuốc nổ amoni nitrat dạng dầu (ANFO), tất cả cho mục đích dân dụng.

Nhóm 44: Cho thuê trang thiết bị nông nghiệp; tư vấn và cố vấn chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp, làm vườn và lâm nghiệp.

---

(111) **4-0095922**
(210) 4-2007-02015
(181) 29.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

AVANTIN

(151) 15.02.2008
(220) 29.01.2007

(731) NGUYỄN DẬU (VN)
39/7 Nguyễn Cửu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0095923**
(210) 4-2006-08896
(181) 08.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

APHAMINCAP

(151) 15.02.2008
(220) 08.06.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 120 (VN)
Số 8 Tăng Bạt Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095924**
(210) 4-2006-21989
(181) 15.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VẠN THÀNH

(151) 15.02.2008
(220) 15.12.2006

(531) 1.5.1; A1.5.2; 18.3.14
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI VẠN THÀNH (VN)
195 Hoàng Diệu 2, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần, áo.

(111) **4-0095925**
(210) 4-2006-22650
(181) 25.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CYSKIN

(151) 15.02.2008
(220) 25.12.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095926**
(210) 4-2006-22977
(181) 05.02.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

BIVICAPTO

(151) 15.02.2008
(220) 05.02.2007

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095927**
(210) 4-2006-22978
(181) 05.02.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

BIXOFEN

(151) 15.02.2008
(220) 05.02.2007

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095928**
(210) 4-2006-22979
(181) 05.02.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

FIMECIN

(151) 15.02.2008
(220) 05.02.2007

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095929**
(210) 4-2006-23030
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TIA

(151) 15.02.2008
(220) 29.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN UNICOM (VN)
Số 181 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Tư vấn quản trị doanh nghiệp; tư vấn quản lý nguồn nhân lực; tư vấn quản lý kinh doanh.

Nhóm 41: Đào tạo các kỹ năng về tài chính; đào tạo các kỹ năng về quản lý; đào tạo các kỹ năng về quản lý và phát triển nguồn nhân lực; đào tạo các kỹ năng về marketing; đào tạo các kỹ năng kinh doanh; đào tạo về văn hóa doanh nghiệp.

---

(111) **4-0095930**
(210) 4-2006-23031
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TOT

(151) 15.02.2008
(220) 29.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN UNICOM (VN)
Số 181 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Tư vấn quản trị doanh nghiệp; tư vấn quản lý nguồn nhân lực; tư vấn quản lý kinh doanh.

Nhóm 41: Đào tạo các kỹ năng về tài chính; đào tạo các kỹ năng về quản lý; đào tạo các kỹ năng về quản lý và phát triển nguồn nhân lực; đào tạo các kỹ năng về marketing; đào tạo các kỹ năng kinh doanh; đào tạo về văn hóa doanh nghiệp.

---

(111) **4-0095931**
(210) 4-2007-00596
(181) 08.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 08.01.2007

(531) 3.3.1
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) ASIAROOMS PTE. LTD. (SG)
7500A Beach Road, #14-314/315 The Plaza, Singapore 199591
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ đặt chỗ trực tuyến chỗ ở khách sạn.

---

(111) **4-0095932**
(210) 4-2007-00599
(181) 08.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 08.01.2007

(531) 26.4.2; 25.5.2
(731) CƠ SỞ KIẾN HIỆP THÀNH (VN)
162B/6A ấp 2, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Dây cáp điện; dây điện; dây ăng ten; ăng ten.

---

(111) **4-0095933**
(210) 4-2007-00139
(181) 03.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 03.01.2007

(531) 26.3.1; 26.3.23
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TAM PHÚC (VN)
Thôn Phù Lập, xã Tam Phúc, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

(511) Nhóm 20: Bàn, ghế, giường, tủ nội thất.

---

(111) **4-0095934**
(210) 4-2007-07346
(181) 25.04.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

THÀNH ĐẠT

(151) 15.02.2008
(220) 25.04.2007

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUYỀN THÔNG HOA MẶT TRỜI (VN)
259 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 16: Sách; tạp chí; ấn phẩm; áp phích quảng cáo.

Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền thông.

Nhóm 41: Xuất bản sách và tạp chí.

---

(111) **4-0095935**
(210) 4-2006-07646
(181) 18.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ADEX

(151) 15.02.2008
(220) 18.05.2006

(731) ADTEC ENGINEERING CO., LTD (JP)
3-4-30 Shiba-Koen, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 07: Máy cắt (máy móc); máy dập; máy nắn thẳng; máy in hình nổi; máy sửa lần cuối; máy để làm thủy tinh; thiết bị để gia công cơ khí; máy để làm đường gờ chỉ; người máy (máy); máy xén; máy bóc vỏ.

---

(111) **4-0095936**
(210) 4-2006-07647
(181) 18.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ADTEC Engineering
AFLX

(151) 15.02.2008
(220) 18.05.2006

(731) ADTEC ENGINEERING CO., LTD (JP)
3-4-30 Shiba-Koen, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 07: Máy cắt (máy móc); máy dập; máy nắn thẳng; máy in hình nổi; máy sửa lần cuối; máy để làm thủy tinh; thiết bị để gia công cơ khí; máy để làm đường gờ chỉ; người máy (máy); máy xén; máy bóc vỏ.

---

(111) **4-0095937**
(210) 4-2006-07648
(181) 18.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ADTEC Engineering LPC

(151) 15.02.2008
(220) 18.05.2006

(731) ADTEC ENGINEERING CO., LTD (JP)
3-4-30 Shiba-Koen, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 09: Thiết bị phân tích không dùng cho ngành y.

---

(111) **4-0095938**
(210) 4-2007-03968
(181) 08.03.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 08.03.2007

(531) 26.3.23
(591) Xanh dương, xanh lam, vàng chanh, đỏ
(731) VŨ VĂN TRUNG (VN)
Số 114 Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095939**
(210) 4-2007-12227
(181) 02.07.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

SUPERKEN

(151) 15.02.2008
(220) 02.07.2007

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐÔNG Á (VN)
Số 10 Dốc Lã, Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Bia, nước uống tinh khiết, nước uống có ga, đồ uống không có cồn, nước ép hoa quả, xi-rô.

---

(111) **4-0095940**
(210) 4-2006-06788
(181) 04.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GAMMA

(151) 15.02.2008
(220) 04.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GAMMA (VN)
12 Trần Quang Diệu, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 37: Lắp đặt hệ thống điện và lắp đặt hệ thống nhà thông minh.

Nhóm 42: Tư vấn thiết kế hệ thống điện và tư vấn thiết kế về giải pháp, công nghệ nhà thông minh.

---

(111) **4-0095941**
(210) 4-2005-06753
(181) 07.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

NHÀ MÁY NƯỚC, ĐÁ TINH KHIẾT
AN PHÚ

(151) 15.02.2008
(220) 07.06.2005

(531) 26.1.2; 1.15.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY LẮP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU MIỀN TRUNG (VN)
53 đường Tuệ Tĩnh, khối Yên Hòa, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An

(511) Nhóm 30: Đá tinh khiết.

Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0095942**
(210) 4-2005-12461
(181) 23.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LANGSON

(151) 15.02.2008
(220) 23.09.2005

(531) A1.1.10; 6.1.2; 26.1.1
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH QUỐC TẾ LẠNG SƠN (LANG SON INTERNATIONAL JOINT VENTURE CO., LTD) (VN)
Xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(511) Nhóm 36: Bán, cho thuê khu biệt thự, cửa hàng.

Nhóm 41: Kinh doanh dịch vụ giải trí karaoke; chơi golf.

Nhóm 43: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống.

Nhóm 44: Dịch vụ massage.

---

(111) **4-0095943**
(210) 4-2004-08834
(181) 27.08.2014
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIỆT Á

(151) 15.02.2008
(220) 27.08.2004

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỆT Á (VN)
Số nhà 18/2, ngõ 370, đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 17: Cao su, gôm, amiang, mi-ca, và các sản phẩm làm từ các vật liệu này mà không được xếp ở các nhóm khác; bán thành phẩm bằng chất dẻo dùng cho cầu chì rơi tự do, cầu dao phụ tải, dao cách ly; bán thành phẩm bằng chất dẻo dùng làm băng cách điện thanh cái cho các tủ bảng điều khiển; bán thành phẩm bằng chất dẻo dùng làm gioăng chắn nước, nắp kính, nắp che áptomat, gioăng ống cho hộp công tơ, hộp chia dây; vật liệu để lèn chặt, bịt kín, cách ly; ống mềm phi kim loại.

---

(111) **4-0095944**
(210) 4-2006-04276
(181) 24.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Cali DESIGN

(151) 15.02.2008
(220) 24.03.2006

(731) HIỆU VẢI CALI (VN)
12 Lê Lợi, phường Minh An, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Bán vải.

---

(111) **4-0095945**
(210) 4-2006-06168
(181) 20.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 20.04.2006

(531) 26.1.2; A6.3.13; A2.9.16; 4.3.3
(591) Xanh dương, xanh lá cây, xanh tím, đỏ, hồng, vàng, vàng cam, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT THẢO QUYÊN (VN)
118/55/1A Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0095946**
(210) 4-2005-09056
(181) 02.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TRICO

(151) 15.02.2008
(220) 02.08.2006

(731) TRICO PRODUCTS CORPORATION (US)
3255 West Hamlin Road, Rochester Hills, Michigan 48309, USA
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Đèn nháy của xe cộ, thiết bị phát hiện vật thể ở bên cho xe cộ, mô-đun điều khiển đèn, mô-đun đèn điốt phát quang dùng cho xe cộ, đồng hồ hẹn giờ của dây an toàn, và thiết bị điều khiển điện dùng với môtơ của hệ thống cần gạt nước và lau kính.

---

(111) **4-0095947**
(210) 4-2006-02534
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HEPAPRO

(151) 15.02.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HOÀ (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095948**
(210) 4-2006-02535
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MELALESS

(151) 15.02.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HOÀ (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095949**
(210) 4-2006-02538
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PURSUE

(151) 15.02.2008
(220) 24.02.2006

(731) ALTICOR INC. (US)
7575 Fulton Street East, Ada, MI 49355, United States of America
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dùng để sát trùng, diệt nấm, diệt vi rút, kháng khuẩn, làm sạch với mục đích y tế, vệ sinh với mục đích y tế, tẩy uế.

---

(111) **4-0095950**
(210) 4-2006-04572
(181) 29.03.2016
(300) 305 69 163.5 21.11.2005 DE
(450) 25.03.2008 240
(540)

HERUS

(151) 15.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) IBMV MARITIME INNOVATIONSGESELLSCHAFT MBH (DE)
Am Strande 19, 18055 Rostock, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Kết cấu tàu thuỷ làm bằng kim loại; kết cấu tàu thuỷ có thể di chuyển được làm bằng kim loại; bảng (panen) kết cấu bằng kim loại; tấm kim loại, cụ thể là tấm thép; thùng đựng hàng (côngtenơ) làm bằng kim loại và thùng đựng hàng (côngtenơ) bằng kim loại có thể nổi trên nước; dây kim loại; vòi bằng kim loại; cầu tàu làm bằng kim loại; cột buồm làm bằng kim loại; ụ nổi bằng kim loại dùng cho tàu thuỷ; vật liệu kết hợp kim loại và gốm.

Nhóm 12: Hệ thống lắp đặt và thiết bị dùng cho tàu thuỷ, cụ thể là bánh lái có và không có bộ thăng bằng có khớp nối dùng cho tàu thuỷ đi ở ngoài biển, ở ven biển và đi trên sông; bánh lái tàu thuỷ làm bằng kim loại (bộ phận của tàu thủy).

Nhóm 16: Ấn phẩm; tờ quảng cáo; tranh vẽ; hình can lại; bản sao tranh vẽ.

Nhóm 42: Dịch vụ của các kỹ sư; dịch vụ tiến hành nghiên cứu và lập kế hoạch công việc; dịch vụ phác thảo bản vẽ kỹ thuật; dịch vụ thực hiện những tính toán kỹ thuật (dịch vụ kỹ thuật); dịch vụ tư vấn kỹ thuật; dịch vụ chuẩn bị các ý kiến chuyên môn trong lĩnh vực hàng hải; dịch vụ nghiên cứu dự án, đặc biệt là tiến hành nghiên cứu và điều tra để phát triển các khái niệm kỹ thuật điều khiển về xe cộ trên mô hình và/hoặc tàu thuỷ; dịch vụ nghiên cứu sáng tạo, cụ thể là phát triển những yếu tố kỹ thuật điều khiển mới và chuẩn bị tài liệu xây dựng công trình.

---

(111) **4-0095951**
(210) 4-2006-06302
(181) 24.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SOYJOY

(151) 15.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) OTSUKA PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)
2-9, Kanda-Tsukasamachi, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8535, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm ăn kiêng dùng cho ngành y.

Nhóm 29: Thức ăn đã chế biến dưới dạng đặc và thạch gồm bột đậu tương và trái cây; trái cây được bảo quản.

Nhóm 30: Chè (trà); cà phê; ca cao; sô cô la; bánh mì; bánh bích quy; bánh quy giòn; thạch (bánh, kẹo).

Nhóm 32: Nước ép trái cây; đồ uống đẳng trương (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0095952**
(210) 4-2006-06330
(181) 24.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Vinaselat

(151) 15.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KIM VIỆT (VN)
Số 54, phố Phúc Trực, phường Phúc Thành, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Sứ vệ sinh: xí bệt; xí xổm; chậu rửa mặt; chân chậu rửa mặt; tiểu vệ sinh.

---

(111) **4-0095953**
(210) 4-2006-06331
(181) 24.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Vicocera

(151) 15.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KIM VIỆT (VN)
Số 54, phố Phúc Trực, phường Phúc Thành, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Sứ vệ sinh: xí bệt; xí xổm; chậu rửa mặt; chân chậu rửa mặt; tiểu vệ sinh.

---

(111) **4-0095954**
(210) 4-2006-06333
(181) 24.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

POLHAM

(151) 15.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) A.TION FASHION, INC. (KR)
426-17, Dunchon-dong, Kangdong-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Son bôi môi; mỹ phẩm bôi mi mắt (mỹ phẩm); chất làm bóng móng; dầu dùng cho trẻ em (mỹ phẩm); phấn bột dùng cho trẻ em; nước thơm chống nắng; dầu chống nắng (mỹ phẩm); kem dùng khi cạo râu; xà phòng mỹ phẩm; nước thơm dùng sau khi cạo râu; nước hoa cô-lô-nơ (nước cô-lô nhơ); chất bôi làm sáng màu môi; kem làm sạch; nước hoa; dầu thơm (mỹ phẩm); chất gel để bôi lên tóc; nước làm bóng tóc; bút chì mỹ phẩm; mỹ phẩm bôi vào mí mắt; nước thơm dạng sữa dùng cho da (mỹ phẩm); chất làm mát da

(mỹ phẩm); kem nền; phấn bôi mặt (mỹ phẩm); xà phòng dạng lỏng; xà phòng tắm; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; nước xịt làm mát hơi thở.

Nhóm 18: Quần áo cho vật nuôi; vòng cổ cho chó; hộp đựng chìa khoá (đồ da); ba lô; hộp đựng danh thiếp; ba lô đeo trên vai; túi kiểu Boston; túi dùng khi đi biển; lọng (ô che nắng); ô; ví (không làm bằng kim loại quý); cặp đựng giấy tờ, tài liệu; hộp đựng séc; túi du lịch; hộp đựng hộ chiếu; túi để đóng gói hàng; túi đa năng; cặp đi học; túi xách tay; quai đeo bằng da.

Nhóm 25: Giày da; giày chơi bóng rổ; giày đế bằng; giày ống dùng để leo núi; giày ống ngắn; giày ống; giày đi ở bãi biển; xăng đan; dép lê; giày thể thao; giày chơi bóng đá; quần áo dùng khi tập thể dục; áo khoác ngoài; quần ngang đầu gối; áo choàng không tay (trang phục); áo khoác ngắn; áo bludông; quần áo đi săn; com lê; váy ngắn; quần mặc thường ngày; com lê của đàn ông; quần áo trẻ em; áo choàng; bộ com lê một chiếc; quần áo của trẻ sơ sinh; áo vét tông (trang phục); áo ngoài mặc chui đầu (phần trước của áo sơ mi); quần bò; quần áo lót may liền (trang phục); bộ com lê hai chiếc; áo paca (áo da có mũ trùm đầu); thắt lưng (trang phục); áo sơ mi aloha; áo choàng mặc sau khi tắm; áo nịt ngực; áo cánh (của phụ nữ, trẻ em); quần áo lót; quần đùi; mũ đội khi tắm; quần áo bơi; quần bơi; áo nịt; áo sơ mi mặc chung với áo xmôking; quần áo ngủ; áo nịt len (bằng sợi); áo chẽn không tay; áo len đan; áo ống; quần áo ngủ của đàn ông (pyjama); quần chật ống; áo mặc chơi môn pôlô; áo len chui đầu; áo phông; ca vát; xà cạp; khăn choàng cổ; khăn rằn (khăn quàng cổ); mũ len che tai (trang phục); găng tay mùa đông; găng tay hở ngón; khăn choàng; áo choàng vai; khăn quàng; tất dài; tất ngắn; tạp dề (trang phục); quần bó; mũ lưỡi trai (đồ đội đầu); mũ nồi; mũ chóp cao; dây đeo dùng cho trang phục (dây đeo quần); thắt lưng da (trang phục).

Nhóm 35: Dịch vụ đại lý bán com lê; đại lý bán giày; đại lý bán mũ; đại lý bán thắt lưng; đại lý bán túi; đại lý bán các thứ khác liên quan đến trang phục khác như ca vát, tất dài, khăn quàng, xà cạp; đại lý bán tất ngắn; đại lý bán áo nịt; đại lý bán áo sơ mi mặc trong áo xmôking; đại lý bán các phụ kiện; dịch vụ hội chợ triển lãm sản phẩm.

---

(111) **4-0095955**
(210) 4-2006-06334
(181) 24.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

POLHAM

(151) 15.02.2008
(220) 24.04.2006

(531) A26.11.12
(731) A.TION FASHION, INC. (KR)
426-17, Dunchon-dong, Kangdong-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Son bôi môi; mỹ phẩm bôi mi mắt (mỹ phẩm); chất làm bóng móng; dầu dùng cho trẻ em (mỹ phẩm); phấn bột dùng cho trẻ em; nước thơm chống nắng; dầu chống nắng (mỹ phẩm); kem dùng khi cạo râu; xà phòng mỹ phẩm; nước thơm dùng sau khi cạo râu; nước hoa cô-lô-nơ (nước cô-lô nhơ); chất bôi làm sáng màu môi; kem làm sạch; nước hoa; dầu thơm (mỹ phẩm); chất gel để bôi lên tóc; nước làm bóng tóc; bút chì mỹ phẩm; mỹ phẩm bôi vào mí mắt; nước thơm dạng sữa dùng cho da (mỹ phẩm); chất làm mát da

(mỹ phẩm); kem nền; phấn bôi mặt (mỹ phẩm); xà phòng dạng lỏng; xà phòng tắm; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; nước xịt làm mát hơi thở.

Nhóm 18: Quần áo cho vật nuôi; vòng cổ cho chó; hộp đựng chìa khoá (đồ da); ba lô; hộp đựng danh thiếp; ba lô đeo trên vai; túi kiểu Boston; túi dùng khi đi biển; lọng (ô che nắng); ô; ví (không làm bằng kim loại quý); cặp đựng giấy tờ, tài liệu; hộp đựng séc; túi du lịch; hộp đựng hộ chiếu; túi để đóng gói hàng; túi đa năng; cặp đi học; túi xách tay; quai đeo bằng da.

Nhóm 25: Giày da; giày chơi bóng rổ; giày đế bằng; giày ống dùng để leo núi; giày ống ngắn; giày ống; giày đi ở bãi biển; xăng đan; dép lê; giày thể thao; giày chơi bóng đá; quần áo dùng khi tập thể dục; áo khoác ngoài; quần ngang đầu gối; áo choàng không tay (trang phục); áo khoác ngắn; áo bludông; quần áo đi săn; com lê; váy ngắn; quần mặc thường ngày; com lê của đàn ông; quần áo trẻ em; áo choàng; bộ com lê một chiếc; quần áo của trẻ sơ sinh; áo vét tông (trang phục); áo ngoài mặc chui đầu (phần trước của áo sơ mi); quần bò; quần áo lót may liền (trang phục); bộ com lê hai chiếc; áo paca (áo da có mũ trùm đầu); thắt lưng (trang phục); áo sơ mi aloha; áo choàng mặc sau khi tắm; áo nịt ngực; áo cánh (của phụ nữ, trẻ em); quần áo lót; quần đùi; mũ đội khi tắm; quần áo bơi; quần bơi; áo nịt; áo sơ mi mặc chung với áo xmôking; quần áo ngủ; áo nịt len (bằng sợi); áo chẽn không tay; áo len đan; áo ống; quần áo ngủ của đàn ông (pyjama); quần chật ống; áo mặc chơi môn pôlô; áo len chui đầu; áo phông; ca vát; xà cạp; khăn choàng cổ; khăn rằn (khăn quàng cổ); mũ len che tai (trang phục); găng tay mùa đông; găng tay hở ngón; khăn choàng; áo choàng vai; khăn quàng; tất dài; tất ngắn; tạp dề (trang phục); quần bó; mũ lưỡi trai (đồ đội đầu); mũ nồi; mũ chóp cao; dây đeo dùng cho trang phục (dây đeo quần); thắt lưng da (trang phục).

Nhóm 35: Dịch vụ đại lý bán com lê; đại lý bán giày; đại lý bán mũ; đại lý bán thắt lưng; đại lý bán túi; đại lý bán các thứ khác liên quan đến trang phục khác như ca vát, tất dài, khăn quàng, xà cạp; đại lý bán tất ngắn; đại lý bán áo nịt; đại lý bán áo sơ mi mặc trong áo xmôking; đại lý bán các phụ kiện; dịch vụ hội chợ triển lãm sản phẩm.

---

(111) **4-0095956**
(210) 4-2006-17481
(181) 18.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ZACREAM

(151) 15.02.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HÒA (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095957**
(210) 4-2006-22264
(181) 20.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 20.12.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Trắng, xanh nước biển đậm, đen
(731) MATSUSHITA ELECTRIC INDUSTRIAL CO., LTD. (JP)
1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Máy giặt chạy điện dùng trong gia đình; máy giặt chạy điện dùng cho mục đích công nghiệp.

---

(111) **4-0095958**
(210) 4-2007-00033
(181) 02.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

TOPFLOVIR

(151) 15.02.2008
(220) 02.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số E2 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thành phẩm thuốc đông dược, tân dược, sinh học (trừ thuốc gây nghiện), dụng cụ y tế thông thường được bộ y tế cho phép, mua bán trang thiết bị y tế.

---

(111) **4-0095959**
(210) 4-2007-00034
(181) 02.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

VANMYCOS - CP

(151) 15.02.2008
(220) 02.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số E2 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thành phẩm thuốc đông dược, tân dược, sinh học (trừ thuốc gây nghiện), dụng cụ y tế thông thường được bộ y tế cho phép, mua bán trang thiết bị y tế.

---

(111) **4-0095960**
(210) 4-2006-04936
(181) 04.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THUỲ LINH

(151) 15.02.2008
(220) 04.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUỲ LINH (VN)
Số 96 Tiền Phong, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095961**
(210) 4-2005-17250
(181) 19.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

NACADI

(151) 15.02.2008
(220) 19.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH TÂN TRƯỜNG PHÁT (VN)
Số 49 đường Bắc Ninh, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Dây điện; dây điện thoại; hộp nối đầu dây (điện); cáp điện; phích điện và các loại tiếp xúc khác (nối điện); dây ăng ten.

---

(111) **4-0095962**
(210) 4-2005-17252
(181) 19.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BICOFOSAT

(151) 15.02.2008
(220) 19.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÂY TRỒNG BÌNH CHÁNH (VN)
409 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc cấn màu cho hạt giống.

(111) **4-0095963**
(210) 4-2005-17259
(181) 19.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SAO HUY
VÀNG NGA

(151) 15.02.2008
(220) 19.12.2005

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÀNG VÀNG SAO VÀNG (VN)
Ky ốt nhà A chợ Đông Ba, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 14: Đồ trang sức bằng: vàng, bạc.

Nhóm 35: Mua bán: vàng, bạc.

---

(111) **4-0095964**
(210) 4-2005-16011
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DOTRI-B

(151) 15.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0095965**
(210) 4-2005-16012
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DOPONEN

(151) 15.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0095966**
(210) 4-2005-16782
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MỸ NHÂN

(151) 15.02.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DƯƠNG THÀNH (VN)
121/10 Lê Lăng, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, dầu gội đầu, dầu tắm (sữa tắm), nước xúc miệng không dùng cho mục đích ytế, chất tẩy rửa.

---

(111) **4-0095967**
(210) 4-2005-16033
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Tonascom

(151) 15.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095968**
(210) 4-2005-17213
(181) 16.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SAGARAB

(151) 15.02.2008
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ THIÊN ĐAN (VN)
90A/D19 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095969**
(210) 4-2005-17214
(181) 16.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SAGACID

(151) 15.02.2008
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ THIÊN ĐAN (VN)
90A/D19 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095970**
(210) 4-2005-17232
(181) 16.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

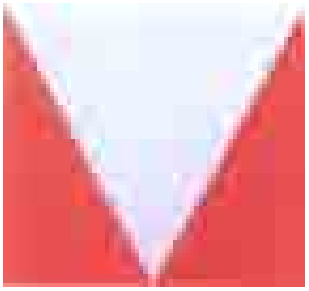

(151) 15.02.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.4.1; 26.3.3; 26.3.4; A26.3.5
(591) Đỏ, xám
(731) VINALAND LIMITED (KY)
PO Box 309GT, Ugland House, South Church Street, Grand Cayman, Cayman Islands
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ nhà ở (sở hữu bất động sản); dịch vụ quản lý toà nhà (bất động sản); dịch vụ cho thuê căn hộ; dịch vụ bảo lãnh tài chính; dịch vụ hoạt động ngân hàng; dịch vụ môi giới; dịch vụ đầu tư tư bản (vốn); dịch vụ thanh toán (tài chính); dịch vụ hối đoái ngân hàng (tài chính); dịch vụ tổ chức quyên góp; dịch vụ tư vấn về bảo hiểm; dịch vụ hãng bất động sản; dịch vụ quản lý tài sản bất động sản; dịch vụ đánh giá tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản); dịch vụ đại diện; dịch vụ uỷ thác tài chính; dịch vụ tư vấn tài chính; dịch vụ bảo trợ tài chính; dịch vụ tài chính; dịch vụ đầu tư vốn; dịch vụ quyên góp quỹ từ thiện; dịch vụ chuyển vốn bằng điện tử; dịch vụ thông tin về tài chính; dịch vụ trả góp (trả tiền từng phần); dịch vụ đầu tư tài chính; dịch vụ thuê mua tài chính; dịch vụ cho vay theo bảo lãnh, thế chấp (cho vay tài chính); dịch vụ quản lý tài chính; dịch vụ đổi tiền; dịch vụ cho vay theo cầm cố; dịch vụ tổ chức quyên góp; dịch vụ hãng bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ cho thuê bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ thu tiền thuê; dịch vụ cho thuê văn phòng (bất động sản); dịch vụ cho thuê phòng; dịch vụ môi giới chứng khoán; dịch vụ trách nhiệm tài chính của người đỡ đầu; dịch vụ môi giới cổ phiếu và trái phiếu.

(111) **4-0095971**
(210) 4-2005-17233
(181) 16.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.3.3; 26.3.4; A26.3.5; 26.4.1
(591) Đỏ, xám, đen
(731) VINALAND LIMITED (KY)
PO Box 309GT, Ugland House, South Church Street, Grand Cayman, Cayman Islands
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo (giáo dục); cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí trong nhà; dịch vụ công viên vui chơi giải trí; dịch vụ giải trí tiêu khiển; dịch vụ luyện tập cho súc vật; dịch vụ tổ chức và hướng dẫn hội thảo; dịch vụ tổ chức và điều khiển hội nghị; dịch vụ tổ chức và điều khiển đại hội; dịch vụ tổ chức và điều khiển họp chuyên đề; dịch vụ tổ chức và điều khiển hội nghị; dịch vụ trường nội trú; dịch vụ trại tập luyện (thể thao); dịch vụ về sòng bạc và câu lạc bộ; dịch vụ cho thuê phim, điện ảnh; dịch vụ khai thác phòng chiếu phim; dịch vụ rạp xiếc; dịch vụ câu lạc hộ (giải trí hoặc giáo dục); dịch vụ tổ chức và điều khiển cuộc hội thảo; dịch vụ tổ chức các cuộc thi (giáo dục hoặc giải trí); dịch vụ tổ chức các cuộc thi thể thao; dịch vụ trò chơi đánh bạc; dịch vụ cung cấp tiện nghi để chơi gôn; dịch vụ hướng dẫn tập thể dục; dịch vụ câu lạc bộ sức khoẻ; dịch vụ thông tin về giải trí, tiêu khiển; dịch vụ phòng chiếu phim nhỏ; dịch vụ khai thác phòng chiếu phim; dịch vụ về bảo tàng (giới thiệu triển lãm); dịch vụ công viên giải trí; dịch vụ giáo dục thực hành (thao diễn); dịch vụ sản xuất chương trình biểu diễn; dịch vụ giải trí trong nhà; dịch vụ dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; dịch vụ cho thuê sân tenis; dịch vụ trường học trông trẻ; dịch vụ tổ chức và điều khiển hội thảo; dịch vụ trại tập huấn thể thao; dịch vụ hội thảo (tổ chức và thực hiện, đào tạo).

---

(111) **4-0095972**
(210) 4-2005-12969
(181) 04.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

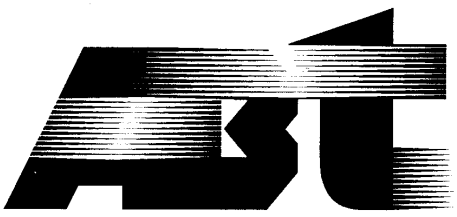

(151) 15.02.2008
(220) 04.10.2005

(531) A25.7.21
(731) HỘ KINH DOANH THUỶ THỊNH (VN)
86 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 09: Máy quay đĩa; máy thu nghe nhìn (máy thu thanh thu hình); thiết bị thu hình; màn hình máy vi tính; máy cattset; loa.

---

(111) **4-0095973**
(210) 4-2005-15278
(181) 14.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 14.11.2005

(531) 1.15.5; 1.15.15; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG THÁI THANH HOÁ (VN)
Số 134 Lê Hoàn, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá

(511) Nhóm 04: Khí gas hóa lỏng.

---

(111) **4-0095974**
(210) 4-2005-16792
(181) 12.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

NUTRI - PIE

(151) 15.02.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI (VN)
Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo.

---

(111) **4-0095975**
(210) 4-2005-16902
(181) 12.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 12.12.2005

(531) A5.3.15; A6.19.9; 26.1.1; A3.7.24
(591) Xanh, đỏ tươi, trắng
(731) TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT CÂY CÔNG NGHIỆP VÀ CÂY ĂN QUẢ LÂM ĐỒNG (VN)
51 - Hà Giang, phường I, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 30: Chè các loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095976**
(210) 4-2005-14480
(181) 28.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 28.10.2005

(531) 26.13.25; A15.9.10
(591) Đỏ, ghi xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HOÀNG PHƯƠNG HUY (VN)
56 Trương Vĩnh Ký, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu.

---

(111) **4-0095977**
(210) 4-2005-15185
(181) 11.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 11.11.2005

(731) NUVSION TECHNOLOGY CO., LTD. (TW)
1F., No. 8, Lane 345, Yangguang St., Neihu District, Taipei City 114, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy thu hình; màn hình; máy ghi viđeocaset, điện thoại di động; ổ đĩa CD-ROM; ổ đĩa viđeo kỹ thuật số, máy quay kỹ thuật số, máy hỗ trợ kỹ thuật số cá nhân (một loại máy tính cầm tay nhỏ có khả năng thu nhận các thông tin đưa vào do người sử dụng viết lên màn hình bằng một cây bút đặc biệt); máy nghe nhạc MP3; thiết bị ngoại vi của máy vi tính; loa âm thanh; máy chơi trò chơi viđeo dùng với máy thu hình.

---

(111) **4-0095978**
(210) 4-2005-14279
(181) 16.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 16.08.2006

(531) 26.3.23; A5.7.22; 6.1.2; A5.1.8; A5.1.12
(731) SPLASH PHARMACEUTICAL CORPORATION (PH)
HBC Corporate Centre, 548 Mindanao Avenue cor. Quirino Highway Novaliches, Quezon City, Philippines
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Sản phẩm dược, cụ thể là chè dùng cho y tế và chất ăn kiêng dùng trong ngành y ở dạng bột, si rô, gel, viên nén, viên con nhộng; thực phẩm và đồ uống dùng cho trẻ em và dùng cho khoa nhi, thực phẩm bổ dưỡng ở dạng bột, gel, xi rô, viên nén và viên con nhộng dùng cho trẻ em; chất bổ sung cho thực phẩm có chứa dược phẩm ở dạng bột, gel, xi rô, viên nén và viên con nhộng dùng cho người lớn.

Nhóm 29: Dầu thực vật và mỡ ăn ở dạng nguyên gốc; dầu thực vật và mỡ ăn bổ sung thêm hương vị và các thành phần thực phẩm khác.

Nhóm 32: Nước uống tăng lực không có cồn; nước uống hoa quả và nước ép hoa quả; xi rô và các chế phẩm khác để làm đồ uống; thực phẩm bổ sung ở dạng nước uống (nước uống bổ dưỡng không chứa dược phẩm).

---

(111) **4-0095979**
(210) 4-2005-14458
(181) 28.10.2015
(300) 004420121 03.05.2005 EM
(450) 25.03.2008 240
(540)

Officys

(151) 15.02.2008
(220) 28.10.2005

(731) HAFELE GMBH & CO KG (DE)
Adolf-Hafele-Str. 1, D-72202 Nagold, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng, cấu kiện dùng cho đồ đạc, toà nhà, công trình, bộ phận nối, cửa ra vào và cửa trượt và chi tiết trang trí và khớp nối của đồ đạc, các bộ phận và vật liệu lắp đặt của chúng làm bằng kim loại thông thường; thanh dẫn kéo ra dùng cho ngăn kéo và giá để hồ sơ dạng treo; quả đấm cửa (đinh tán) làm bằng kim loại, chốt bằng kim loại, đinh vít bằng kim loại, móc treo bằng kim loại, đai treo bằng sắt, đai trang trí bằng sắt, đai tạo hình và đai tiết diện làm bằng sắt; khoá làm bằng kim loại (không kể loại khoá bằng điện); quả khoá và ổ khoá hình trụ làm bằng kim loại, hộp đựng khoá bằng kim loại.

Nhóm 09: Thước đo có khoan lỗ và thước đo có chốt chặn.

Nhóm 20: Chi tiết trang trí không làm bằng kim loại dùng cho cửa sổ, cửa ra vào và dùng cho đồ gỗ; chi tiết trang trí và khớp nối của đồ đạc, các bộ phận và vật liệu lắp đặt của chúng tất cả các sản phẩm này không được làm bằng kim loại; quả đấm cửa (đinh tán), chốt, đinh vít, móc treo, đai treo, đai trang trí, tạo hình và tiết diện, tất cả các sản phẩm nói trên không làm bằng kim loại và thuộc nhóm này; đồ dùng văn phòng cả bộ bao gồm tủ, thùng đựng, bàn, ngăn kéo, và hệ thống khoá ngăn kéo, màn kéo, chân đế được lắp vào, thanh dẫn, ván trượt và hộp dùng cho vật liệu, vách ngăn ngăn kéo, vách ngăn từng gian, hộp đựng thẻ thư mục, ngăn dùng để đựng mẫu đơn, thân thanh rầm riêng biệt, trục đứng, và cột chống màn che, hộp để con dấu, giá treo dùng để tổ chức và điều chỉnh, hệ thống khoá trung tâm, chìa khoá, tấm dẹt tròn dùng cho xi lanh, chốt khoá, đáy của ngăn bằng thép, giá, phần nối dài để kéo ra, đáy của tủ và hộp đựng, bản lề không làm bằng kim loại, cái kẹp màn che, ống dẫn cáp, móc treo ống dẫn cáp, cấu kiện dùng để treo, chân bàn, khung giá dùng cho tủ, chân đế của ngăn làm bằng kim loại và/hoặc chất dẻo;

vật dùng để trang bị cho văn phòng, trụ sở kinh doanh, văn phòng (bác sĩ, luật sư), cửa hàng và nhà ở dưới dạng đồ đạc, cụ thể là bàn viết, bàn làm việc, bàn đứng, bàn lễ tân và giá cùng với các phụ kiện của chúng; chi tiết / cấu kiện dùng cho bàn/ghế hoặc chân bàn/ghế để điều chỉnh độ cao cho phù hợp với tư thế ngồi của từng người; các chi tiết trang trí cho bàn, cụ thể là thanh nối/ghép các cạnh bàn và chi tiết lắp ráp của ngăn kéo bàn hoặc cửa tủ để đóng mở được dễ dàng; chi tiết ghép vào một góc bàn được thiết kế một khe hở để luồn dây điện thoại hoặc dây máy vi tính từ dưới gầm bàn.

Nhóm 21: Vật dụng và đồ đựng (không làm bằng kim loại quý hoặc được mạ bằng kim loại quý) dùng cho gia đình và cho nhà bếp.

---

(111) **4-0095980**
(210) 4-2005-14474
(181) 28.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

cactigreen

(151) 15.02.2008
(220) 28.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH XƯƠNG RỒNG XANH (VN)
Số 339 Nguyễn Thượng Hiền, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giầy dép; mũ nón.

Nhóm 26: Đăng ten; đồ để thêu; khoá kéo; ru băng chun (co dãn dược), đồ trang sức cho quần áo; khuy bấm.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán quần áo, giầy dép, mũ nón, dịch vụ nghiên cứu kinh doanh thương mại; nghiên cứu thị trường; thông tin thương mại; tổ chức hội chợ thương mại nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; quảng cáo thương mại.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang; thiết kế thời trang; vẽ mốt quần áo; nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực thời trang (phục vụ người khác); thiết kế mỹ thuật công nghiệp; vẽ trang trí cho bao bì.

---

(111) **4-0095981**
(210) 4-2006-01183
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 23.01.2006

(531) 3.7.17; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH THIÊN ĐỒNG AN (VN)
Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 12: Phụ tùng xe gắn máy và ô tô, cụ thể là: cần khởi động; chân dựng; yên đèo (baga); càng số, vỏ nhựa bọc linh kiện; công cụ tay; co và gạc ba phía trước; tiểu ngũ kim dùng trong phụ tùng xe gắn máy và xe ôtô.

---

(111) **4-0095982**
(210) 4-2006-01269
(181) 23.01.2016
(300) 78/675,418 21.07.2005 US
(450) 25.03.2008 240
(540)

LIVE THE SUN LIFE

(151) 15.02.2008
(220) 23.01.2006

(731) SUN LIFE ASSURANCE COMPANY OF CANADA (CA)
150 King Street West, Suite 1400, Toronto, Ontario, M5H 1J9, Canada
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Các dịch vụ bảo hiểm và tài chính, cụ thể là đầu tư tài chính trong lĩnh vực chứng khoán và địa ốc; các dịch vụ quản lý tài chính; ký kết chấp nhận trách nhiệm, phát hành và quản lý các khoản trả tiền mỗi năm và bảo hiểm nhân thọ, sức khoẻ và tàn tật; các dịch vụ đầu tư quỹ hỗ tương; ký kết chấp nhận trách nhiệm và quản lý các chương trình hưu trí và các chương trình tiền hưu trí; các dịch vụ tư vấn đầu tư; và các dích vụ tư vấn địa ốc.

---

(111) **4-0095983**
(210) 4-2006-02196
(181) 17.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 17.02.2006

(531) 26.1.1; 2.9.1
(591) Xanh, vàng, trắng, đỏ xẫm, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC (VN)
81- 83 Thành Thái, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, vắc xin.

Nhóm 44: Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; trung tâm chăm sóc, phục hồi sức khoẻ.

---

(111) **4-0095984**
(210) 4-2006-02197
(181) 17.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 17.02.2006

(531) 26.1.1; 2.9.1
(591) Xanh, vàng, trắng, đỏ xẫm, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC (VN)
81 - 83 Thành Thái, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, vắc xin.

Nhóm 44: Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; trung tâm chăm sóc, phục hồi sức khoẻ.

---

(111) **4-0095985**
(210) 4-2006-02214
(181) 17.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

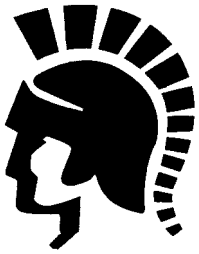

(151) 15.02.2008
(220) 17.02.2006

(531) A2.1.16; 26.5.4; 4.5.21; 2.1.1
(731) CHURCH & DWIGHT VIRGINIA CO., INC. (US)
1851 Touchstone Road, Colonial Heights, Virginia 23834, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các chất khử mùi hôi và chất chống đổ mồ hôi dùng cho cá nhân; nước hoa, nước hoa côlôn, dầu mát- xa; xà phòng rửa mặt, nước rửa mặt, nước hoa hồng, chất tẩy rửa da mặt, chất giữ ẩm da mặt và mặt nạ; kem, dầu và gel cạo râu, kem, dầu và gel bôi sau khi cạo râu, kem bôi da không tẩm thuốc, dầu và gel bôi để làm dịu vết bỏng do dao cạo gây ra; dầu bôi môi không có dược chất; xà phòng rửa tay và cơ thể, xà phòng khử mùi hôi, gel tắm bồn và vòi hoa sen, kem tắm có hạt, kem và dầu bôi tay và cơ thể, phấn bôi cơ thể, các sản phẩm dưỡng tóc, cụ thể là dầu gội đầu, dầu xả tóc, gel, dầu, keo bọt vuốt tóc, gôm xịt tóc; các chế phẩm tẩy tóc, sáp và kem bôi rụng lông; các chất làm sạch răng, nước sát trùng để súc miệng (không chứa dược chất), các chất làm thơm hơi thở, khăn ướt không tẩm dược chất và khăn lau ướt không tẩm dược chất.

Nhóm 05: Các chất bôi trơn dùng cho cá nhân, các chất giữ ẩm âm hộ, các chất làm giãn nở cơ quan sinh dục dưới dạng kem, dầu, gel và nước xoa để kích thích tình dục ở nam giới và nữ giới; chất diệt tinh trùng, gạc, xốp và gel ngừa thai; các chất làm giảm đau cục bộ, kháng sinh, các chế phẩm dùng để giảm thiểu hay ngăn chặn chất hixtamin và các chế phẩm chống viêm; các chế phẩm chống nấm để điều trị bệnh ecpet mảng tròn, viêm da ở vùng cơ quan sinh dục do nấm, bệnh nấm móng và nấm chân ở các vận động viên; các chế phẩm khử trùng; các chế phẩm điều trị ngứa, tấy rát da, phát ban và bệnh trĩ; dầu bôi

môi có dược chất; các chế phẩm để điều trị bệnh lở miệng do virút gây ra khi bị cảm lạnh hoặc sốt, bệnh lở miệng, đau nhức do viêm loét; các chế phẩm dưỡng tóc có dược chất; thuốc bôi da có dược chất; phấn bôi chân và cơ thể có dược chất; nước rửa mặt có dược chất, các chế phẩm điều trị mụn trứng cá; nước sát trùng súc miệng có dược chất và nước súc miệng có dược chất; khăn ướt có dược chất và khăn lau ướt có dược chất; băng gạc dính.

Nhóm 10: Bao cao su; máy xoa bóp cá nhân; các phương tiện hỗ trợ tình dục dành cho người lớn, cụ thể là các dụng cụ kích thích và dụng cụ co khít hỗ trợ kích thích tình dục và hiệu năng tình dục và các phụ kiện làm rung hoặc xoa bóp cơ quan sinh dục ngoài của con người.

---

(111) **4-0095986**
(210) 4-2006-04571
(181) 29.03.2016
(300) 78/722,908 29.09.2005 US
(450) 25.03.2008 240
(540)

EMBARQ

(151) 15.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) WORLD RESOURCES INSTITUTE, INC. (US)
10 G Street NE, Suite 800, Washington, D. C. 20002, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ tư vấn liên quan đến giao thông đô thị.

---

(111) **4-0095987**
(210) 4-2006-15672
(181) 18.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FERRONYL

(151) 15.02.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095988**
(210) 4-2006-15673
(181) 18.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HISFLEX

(151) 15.02.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095989**
(210) 4-2006-15674
(181) 18.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

IBRU

(151) 15.02.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095990**
(210) 4-2006-15675
(181) 18.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KETOCROM

(151) 15.02.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095991**
(210) 4-2006-15676
(181) 18.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MUFLOC

(151) 15.02.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095992**
(210) 4-2006-15677
(181) 18.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NUMED

(151) 15.02.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095993**
(210) 4-2006-15678
(181) 18.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NERVITINE

(151) 15.02.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095994**
(210) 4-2007-00946
(181) 12.01.2017
(300) 78/944,629 03.08.2006 US
(450) 25.03.2008 240
(540)

ISE

(151) 15.02.2008
(220) 12.01.2007

(731) XILINX, INC. (A DELAWARE CORPORATION) (US)
2100 Logic Drive, San Jose, California 95124, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính, chủ yếu là phần mềm dùng cho thiết kế và lập chương trình trong lĩnh vực mạch tích hợp.

---

(111) **4-0095995**
(210) 4-2007-10179
(181) 04.06.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

VINACOTTA NGOC SANG

(151) 15.02.2008
(220) 04.06.2007

(531) 26.1.1; A1.1.9
(731) CÔNG TY TNHH TÂN GIẾNG ĐÁY (VN)
Xã Ngọc Xá, Quế Võ, Bắc Ninh

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại như gạch lát; gạch xây, gạch ốp tường; gạch men; ngói lợp.

---

(111) **4-0095996**
(210) 4-2006-16121
(181) 25.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Tiến Văn

(151) 15.02.2008
(220) 25.09.2006

(531) 26.1.1; 26.11.3; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh tím than, trắng
(731) HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT DỊCH VỤ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TIÊN PHONG (VN)
Xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 20: Sản phẩm nghệ thuật làm từ gỗ, tre và mây dùng cho mục đích trang trí.

---

(111) **4-0095997**
(210) 4-2006-16124
(181) 25.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 25.09.2006

(531) 26.1.2; 26.11.2; A26.11.12
(591) Vàng, xanh, trắng
(731) HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN TƠ TẰM TÂN PHÚ (VN)
Xã Tân Phú, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 22: Tơ tằm.

---

(111) **4-0095998**
(210) 4-2006-22448
(181) 22.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 22.12.2006

(591) Trắng, xanh lam, vàng da cam
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; tư vấn tài chính; dịch vụ thẻ tín dụng; thuê mua tài chính; đầu tư chứng khoán; bảo hiểm.

---

(111) **4-0095999**
(210) 4-2006-22449
(181) 22.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 15.02.2008
(220) 22.12.2006

(591) Trắng, xanh lam, vàng da cam
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; tư vấn tài chính; dịch vụ thẻ tín dụng; thuê mua tài chính; đầu tư chứng khoán; bảo hiểm.

---

(111) **4-0096000**
(210) 4-2007-02987
(181) 13.02.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

STYLAC

(151) 15.02.2008
(220) 13.02.2007

(731) ASAHI KASEI CHEMICALS CORPORATION (JP)
1-2, Yuraku-cho 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Nhựa tổng hợp, chưa chế biến.

---

(111) **4-0096001**
(210) 4-2006-11947
(181) 26.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 26.07.2006

(531) 2.9.14; 26.4.2
(591) Xanh ô liu, trắng
(731) CÔNG TY TNHH AN ÁNH HÙNG (VN)
178D Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ: bàn, ghế, tủ, bếp, giường, kệ.

Nhóm 35: Mua bán sản phẩm bằng gỗ.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, bến cảng; san lấp mặt bằng; sửa chữa đồ gỗ; lắp đặt đồ gỗ; trang trí nội thất.

Nhóm 40: Sản xuất sản phẩm bằng gỗ.

Nhóm 42: Thiết kế xây dựng.

---

(111) **4-0096002**
(210) 4-2005-06395
(181) 01.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 01.06.2005

(531) A26.11.12
(591) Xanh da trời, xanh lá cây, xanh dương, trắng, xám
(731) CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG D.I.D (VN)
200 Pasteur, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; dịch vụ tiếp thị.

Nhóm 41: Dịch vụ tổ chức chương trình lễ hội, văn hóa, thể thao; dịch vụ dàn dựng băng video; dịch vụ lồng tiếng; dịch vụ làm phụ đề; dịch vụ thực hiện kỹ xảo điện ảnh trên phim; dịch vụ dàn dựng chương trình truyền hình.

Nhóm 42: Dịch vụ bản quyền tác giả.

---

(111) **4-0096003**
(210) 4-2005-12867
(181) 03.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DAILIS

(151) 18.02.2008
(220) 03.10.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TW5 - ĐÀ NẴNG (VN)
Số 253, Dũng Sĩ Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096004**
(210) 4-2006-08716
(181) 07.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SERVAL

(151) 18.02.2008
(220) 07.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆN KINH TẾ KỸ THUẬT THUỐC LÁ (VN)
Số 235, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0096005**
(210) 4-2006-08717
(181) 07.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SERIN

(151) 18.02.2008
(220) 07.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆN KINH TẾ KỸ THUẬT THUỐC LÁ (VN)
Số 235, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0096006**
(210) 4-2006-12118
(181) 28.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 28.07.2006

(531) A1.5.3; A1.1.10; 3.7.10; 6.1.2
(591) Xanh tím than nhạt, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACOYÊN SƠN (VN)
Số 638, đường Điện Biên, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

(511) Nhóm 01: Bột giấy.

Nhóm 16: Giấy.

Nhóm 35: Mua bán vật tư, thiết bị, hàng hoá.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hành khách và hàng hoá; du lịch lữ hành.

Nhóm 40: Sản xuất gia công đũa gỗ, đũa tre, gỗ thanh.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0096007**
(210) 4-2006-19564
(181) 14.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KHU DÂN CƯ CAO CẤP GIA HÒA

(151) 18.02.2008
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - KINH DOANH NHÀ GIA HÒA (VN)
20 Nguyễn Đình Chiểu, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà ở.

Nhóm 37: San lấp mặt bằng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, tư vấn giám sát xây dựng.

---

(111) **4-0096008**
(210) 4-2006-20738
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 28.11.2006

(531) 3.7.10
(731) CÔNG TY TNHH LIÊN HIỆP HOÀNG GIA (VN)
249/88 Nguyễn Cữu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0096009**
(210) 4-2006-20739
(181) 28.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 28.11.2006

(531) 3.7.10
(731) CÔNG TY TNHH LIÊN HIỆP HOÀNG GIA (VN)
249/88 Nguyễn Cữu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0096010**
(210) 4-2006-17872
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 24.10.2006

(531) 3.7.3; A3.7.24; 5.7.3
(731) HỢP TÁC XÃ CHĂN NUÔI GIA CẦM CƯỜNG THỊNH (VN)
Khu VAC, cầu Nét, thôn Thọ Khê, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 29: Trứng, thịt đóng hộp, thịt muối, thịt lợn, gia cầm không còn sống.

Nhóm 31: Gia cầm để chăn nuôi, cá còn sống, thức ăn cho vật nuôi, cám tăng trọng vật nuôi, gia cầm sống.

---

(111) **4-0096011**
(210) 4-2006-18636
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM CÚC HOA (VN)
Số 25/25 Vũ Ngọc Phan, Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Nước súc miệng (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0096012**
(210) 4-2006-18964
(181) 06.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 06.11.2006

(531) 26.1.4; 26.7.25
(591) Da cam, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - MỸ THUẬT ỨNG DỤNG KIẾN GỖ (KIENGO CO.,LTD) (VN)
294/8B phố Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Thiết kế kiến trúc.

---

(111) **4-0096013**
(210) 4-2005-17466
(181) 22.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CARLOTEN

(151) 18.02.2008
(220) 22.12.2005

(731) LABORATORIOS BAGÓ S.A. (AR)
Bernardo de Irigoyen 248, Capital (1072), Argentina
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096014**
(210) 4-2005-17267
(181) 19.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Lilac

(151) 18.02.2008
(220) 19.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ THÁI BÌNH DƯƠNG (VN)
Phòng 203, nhà B4, làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh phụ nữ; quần lót vệ sinh phụ nữ; tăm bông vệ sinh phụ nữ; quần vệ sinh; quần, đồ thấm dành cho những người tiểu tiện không kìm chế.

---

(111) **4-0096015**
(210) 4-2006-12038
(181) 27.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TB

(151) 18.02.2008
(220) 27.07.2006

(531) 26.4.3; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIÊN BẢO (VN)
Thôn Tràng, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0096016**
(210) 4-2006-22445
(181) 22.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 22.12.2006

(591) Trắng, xanh lam, vàng da cam
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; tư vấn tài chính; dịch vụ thẻ tín dụng; thuê mua tài chính; đầu tư chứng khoán; bảo hiểm.

---

(111) **4-0096017**
(210) 4-2006-22446
(181) 22.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 22.12.2006

(591) Trắng, xanh lam, vàng da cam
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; tư vấn tài chính; dịch vụ thẻ tín dụng; thuê mua tài chính; đầu tư chứng khoán; bảo hiểm.

---

(111) **4-0096018**
(210) 4-2006-22447
(181) 22.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 22.12.2006

(591) Trắng, xanh lam, vàng da cam
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; tư vấn tài chính; dịch vụ thẻ tín dụng; thuê mua tài chính; đầu tư chứng khoán; bảo hiểm.

---

(111) **4-0096019**
(210) 4-2007-00448
(181) 05.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 05.01.2007

(531) 26.2.7; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÚ CƯỜNG AN (VN)
Phòng 106 B5, tập thể Nam Thành Công, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Chế phẩm chẩn đoán dùng trong ngành y; chất phản ứng hóa học dùng trong ngành y hoặc thú y.

---

(111) **4-0096020**
(210) 4-2005-16423
(181) 05.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 18.02.2008
(220) 05.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SÀN DIỄN (VN)
80 Phạm Hồng Thái, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 18: Ví (bóp), ví xách tay, túi xách, vali.

Nhóm 25: Quần áo, giày, dép, thắt lưng.

---

(111) **4-0096021**
(210) 4-2005-04796
(181) 27.04.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 27.04.2005

(531) 26.1.1; 1.15.23
(591) Đỏ, xanh nước biển thẫm, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ VIỆT NAM (VN)
Số 46 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán và xuất nhập khẩu: ô tô, xe máy, thiết bị, phụ tùng linh kiện, vật tư, hoá chất, nguyên phụ liệu sản xuất ô tô, xe gắn máy các loại.

Nhóm 37: Sửa chữa, bảo trì xe gắn máy.

Nhóm 39: Vận chuyển hành khách; vận tải hàng hoá.

Nhóm 41: Đào tạo, dạy nghề trong lĩnh vực ô tô xe máy.

---

(111) **4-0096022**
(210) 4-2006-00844
(181) 17.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 17.01.2006

(531) 26.1.2; 26.4.4; A26.4.6
(591) Xanh tím, đỏ cờ
(731) CÔNG TY XÂY DỰNG 30 - 4 (VN)
Số nhà 111, phố Xuân Trường, phường Hợp Quang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

(511) Nhóm 35: Xuất khẩu khoáng sản.

Nhóm 40: Chế biến khoáng sản.

---

(111) **4-0096023**
(210) 4-2006-05650
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Nady-Spasmyl

(151) 19.02.2008
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH (NADYPHAR) (VN)
136 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096024**
(210) 4-2006-05651
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NADY-TRIMEDAT

(151) 19.02.2008
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH (NADYPHAR) (VN)
136 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096025**
(210) 4-2006-05653
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SNT NHẬT THẢO

(151) 19.02.2008
(220) 12.04.2006

(531) 26.4.4; 26.4.8
(591) Xanh lá cây, vàng đậm, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ NHẬT THẢO (VN)
Số 4 đường 898 ấp Tân Điền B, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Quay phim; chụp ảnh.

---

(111) **4-0096026**
(210) 4-2006-05654
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Glance

(151) 19.02.2008
(220) 12.04.2006

(531) 18.1.5
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DŨNG THÀNH DOANH (VN)
C121, khu phố 5, tỉnh lộ 24, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán xe đạp; mua bán xe đạp điện.

(111) **4-0096027**
(210) 4-2006-05656
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 12.04.2006

(531) 26.2.7
(591) Xanh lá cây, xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CHU DU (VN)
207 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý bán vé máy bay.

---

(111) **4-0096028**
(210) 4-2006-05657
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 12.04.2006

(531) A26.3.7; 3.9.16
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT NHẬP KHẨU HÒA TRUNG (VN)
ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Tôm đông lạnh; cá đông lạnh; mực tôm lạnh; nghêu đông lạnh; cua đông lạnh; ghẹ đông lạnh.

---

(111) **4-0096029**
(210) 4-2006-05658
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

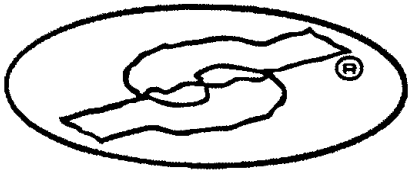

(151) 19.02.2008
(220) 12.04.2006

(531) 26.1.2; 1.15.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỜI TRANG NÓN SƠN (VN)
94 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; mũ (nón).

---

(111) **4-0096030**
(210) 4-2006-05659
(181) 12.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 12.04.2006

(531) 26.1.1; 1.15.23; 26.2.7
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỜI TRANG NÓN SƠN (VN)
94 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; mũ (nón).

---

(111) **4-0096031**
(210) 4-2006-05670
(181) 13.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 13.04.2006

(531) 26.4.1; A25.7.21
(591) Trắng, xanh dương, xanh dương nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN LẠNH T.L.K (VN)
300 đường 3-2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng kim khí điện máy; mua bán hàng điện; mua bán hàng điện tử; mua bán hàng điện lạnh; mua bán linh kiện hàng điện lạnh; dịch vụ môi giới thương mại.

---

(111) **4-0096032**
(210) 4-2006-03543
(181) 14.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 14.03.2006

(531) 26.3.23; A26.11.9
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa rửa mặt, sữa tắm, xà phòng.

Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế, nước súc miệng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0096033**
(210) 4-2006-03544
(181) 14.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 14.03.2006

(531) 26.11.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà số 18 (G/4), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần, áo, giầy, dép, mũ, bít tất.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế thời trang.

---

(111) **4-0096034**
(210) 4-2006-03545
(181) 14.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 14.03.2006

(531) 26.4.3; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y VIỆT ANH (VN)
Số 23, ngõ 101 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y.

Nhóm 35: Mua bán thuốc thú y, vật tư, trang thiết bị ngành thú y, thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0096035**
(210) 4-2006-03726
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 16.03.2006

(531) A25.3.3; 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ KỀM NGHĨA (VN)
10/20 Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 08: Kềm cắt móng tay, kềm cắt móng chân, dũa móng tay, dũa móng chân, kéo cắt tóc, nhíp nhổ chân mày.

---

(111) **4-0096036**
(210) 4-2006-13555
(181) 17.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 17.08.2006

(531) 3.1.4
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh nhạt, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC TÙNG (VN)
21-22-23 lô E, đường 12, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu; thuốc trừ bệnh cây; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt ốc.

---

(111) **4-0096037**
(210) 4-2006-13556
(181) 17.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 17.08.2006

(531) 3.11.7
(591) Đỏ, hồng, xanh đậm, vàng, trắng, đen nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC TÙNG (VN)
21-22-23 lô E, đường 12, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể là: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh cây, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt ốc.

---

(111) **4-0096038**
(210) 4-2006-03761
(181) 17.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 17.03.2006

(531) 26.4.3; 26.1.2
(591) Đỏ, đỏ đậm, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN PHÚC (THIEN PHUC JSC) (VN)
Số 1, Bãi Sậy, Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

(511) Nhóm 16: Vàng mã bằng giấy.

---

(111) **4-0096039**
(210) 4-2006-01508
(181) 03.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 03.02.2006

(531) 2.7.1
(731) CƠ SỞ BLOUSE -TRẮNG (VN)
94 Phạm Hồng Thái, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống.

---

(111) **4-0096040**
(210) 4-2005-01217
(181) 28.01.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MILMAX

(151) 19.02.2008
(220) 28.01.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M (VN)
Lô 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ em.

Nhóm 29: Sữa bột.

---

(111) **4-0096041**
(210) 4-2006-17384
(181) 17.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

WTV

PROFESSIONAL

(151) 19.02.2008
(220) 17.10.2006

(531) A26.11.8
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HƯƠNG QUẢNG (VN)
Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Sản phẩm loa, âm-ly, đầu đọc đĩa CD/VCD/DVD/SVCD.

Nhóm 11: Sản phẩm tủ lạnh, máy điều hòa không khí.

---

(111) **4-0096042**
(210) 4-2006-03670
(181) 15.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SEDOX AUDIO

(151) 19.02.2008
(220) 15.03.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÔ MINH (VN)
2/46/1 Trần Văn Ơn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Âm ly (amply); đầu đọc đĩa hình và tiếng; loa; mi-crô (micro).

---

(111) **4-0096043**
(210) 4-2006-16457
(181) 29.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 29.09.2006

(531) 26.4.3; 26.4.1
(591) Đen, da cam, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI CON KIẾN ĐỎ (VN)
183 Chợ Lớn, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe ô tô.

---

(111) **4-0096044**
(210) 4-2006-16530
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DUO PREDNI

(151) 19.02.2008
(220) 02.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182- 182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096045**
(210) 4-2006-16531
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DUO DEXRAMIN

(151) 19.02.2008
(220) 02.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182- 182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096046**
(210) 4-2006-16532
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DUO HEXIN

(151) 19.02.2008
(220) 02.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182- 182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096047**
(210) 4-2006-16800
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 05.10.2006

(531) 26.1.1; 26.2.7; 1.15.1; A26.11.12
(591) Xanh dương, đỏ, nâu, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH ĐẠI (VN)
Lô X2-X1-1, khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Dây đồng nguyên liệu.

---

(111) **4-0096048**
(210) 4-2006-18030
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NHÂN SINH PHÚC

(151) 19.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TIN HỌC NHÂN SINH PHÚC (VN)
359 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy tính; mua bán linh kiện máy tính; mua bán thiết bị mạng máy tính và đầu nối.

Nhóm 37: Dịch vụ lắp đặt mạng máy tính; dịch vụ sửa chữa máy tính; dịch vụ sửa chữa phần cứng mạng máy tính; dịch vụ bảo trì phần cứng mạng máy tính.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn thiết kế hệ thống mạng máy tính; thiết kế mạng máy tính.

---

(111) **4-0096049**
(210) 4-2006-16372
(181) 29.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THEVININ

(151) 19.02.2008
(220) 29.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096050**
(210) 4-2006-16373
(181) 29.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BRANCIBE

(151) 19.02.2008
(220) 29.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096051**
(210) 4-2006-16374
(181) 29.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THEKACIN

(151) 19.02.2008
(220) 29.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096052**
(210) 4-2006-16375
(181) 29.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SUPRO-ZC 345

(151) 19.02.2008
(220) 29.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HÀ NỘI (VN)
Phòng 45, nhà E 2, tập thể Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 02: Chất bảo vệ bề mặt thép (chống ăn mòn, chống gỉ cho bề mặt thép).

---

(111) **4-0096053**
(210) 4-2006-03716
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LACTIMIX

(151) 19.02.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096054**
(210) 4-2006-03717
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LACFICUS

(151) 19.02.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096055**
(210) 4-2006-03721
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PUVICA HEAVY

(151) 19.02.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096056**
(210) 4-2006-03722
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SIMALLON

(151) 19.02.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI (VN)
221B quốc lộ 15, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096057**
(210) 4-2006-03723
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PITEZINE

(151) 19.02.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI (VN)
221B quốc lộ 15, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096058**
(210) 4-2006-03724
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NEMILID

(151) 19.02.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI (VN)
221B quốc lộ 15, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096059**
(210) 4-2006-03725
(181) 16.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 16.03.2006

(531) A25.3.3; 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ KỀM NGHĨA (VN)
10/20 Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 08: Kềm cắt móng tay, kềm cắt móng chân, dũa móng tay, dũa móng chân, kéo cắt tóc, nhíp nhổ chân mày.

---

(111) **4-0096060**
(210) 4-2006-22220
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HORAMOON GINSENG

(151) 19.02.2008
(220) 19.12.2006

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5, Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096061**
(210) 4-2006-16762
(181) 05.10.2016
(300) 1,304,426 25.05.2006 CA
(450) 25.03.2008 240
(540)

PIPERLIME

(151) 19.02.2008
(220) 05.10.2006

(731) GAP (ITM) INC. (US)
2 Folsom Street, San Francisco, California 94105, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo, bao gồm: áo phông, áo chẽn, áo sơ mi, áo bờ-lu, áo len dài tay, áo gi-lê, quần lót chẽn, quần áo bò, quần soóc, váy đầm, váy phụ nữ, áo vét tông, áo cộc tay, bộ com lê, áo choàng, quần áo mặc mùa đông khi ra ngoài, quần áo đi mưa, quần áo ngủ,

quần áo bơi, quần áo mặc để tắm biển, quần áo mặc đi dạo, quần áo bầu, quần áo thể thao, quần áo tập thể dục, bộ quần áo mặc trong nhà, áo thấm mồ hôi khi tập thể thao, quần áo dệt kim, tất, quần áo lót, quần áo mặc bên trong, đồ phụ đi kèm quần áo, bao gồm: thắt lưng, ca vát; giày dép; mũ món.

---

(111) **4-0096062**
(210) 4-2006-16763
(181) 05.10.2016
(300) 1,306,150 30.05.2006 CA
(450) 25.03.2008 240
(540)

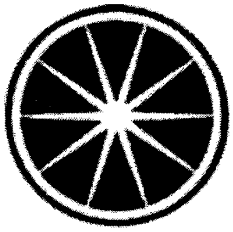

(151) 19.02.2008
(220) 05.10.2006

(531) 26.1.1; A1.1.10; A1.1.2; A1.1.12
(731) GAP (ITM) INC. (US)
2 Folsom Street, San Francisco, California 94105, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo, bao gồm: áo phông, áo chẽn, áo sơ mi, áo bờ-lu, áo len dài tay, áo gi-lê, quần lót chẽn, quần áo bò, quần soóc, váy đầm, váy phụ nữ, áo vét tông, áo cộc tay, bộ com lê, áo choàng, quần áo mặc mùa đông khi ra ngoài, quần áo đi mưa, quần áo ngủ, quần áo bơi, quần áo mặc để tắm biển, quần áo mặc đi dạo, quần áo bầu, quần áo thể thao, quần áo tập thể dục, bộ quần áo mặc trong nhà, áo thấm mồ hôi khi tập thể thao, quần áo dệt kim, tất, quần áo lót, quần áo mặc bên trong, đồ phụ đi kèm quần áo, bao gồm: thắt lưng, ca vát; giày dép; mũ nón.

---

(111) **4-0096063**
(210) 4-2006-04955
(181) 04.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 04.04.2006

(531) 2.1.1; A25.1.10; 26.4.2
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÔNG NAM DƯỢC TRƯỜNG SƠN (VN)
159 A-B Lê Đại Hành, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, dầu gió, dầu nóng, dầu cù là.

---

(111) **4-0096064**
(210) 4-2006-16760
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VINASTAR

(151) 19.02.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ AN GIANG (VN)
23/2A Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0096065**
(210) 4-2006-13097
(181) 10.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 10.08.2006

(531) 2.9.25; 26.4.2; 2.9.24
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh nước biển, vàng
(731) TRẦN QUỐC TRUNG (VN)
3143 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học cổ truyền.

---

(111) **4-0096066**
(210) 4-2006-13585
(181) 17.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THANH NHA

(151) 19.02.2008
(220) 17.08.2006

(531) 26.3.23; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH MỸ THUẬT THANH NHÃ (VN)
14F, khu phố 3, phường Tân Kiểng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 16: Thiệp chúc mừng, lịch, bưu thiếp và áp phích quảng cáo (bằng giấy và các tông).

Nhóm 20: Đồ thủ công mỹ nghệ làm từ sáp, thạch cao và chất dẻo hoặc vỏ trứng (dùng để trang trí).

(111) **4-0096067**
(210) 4-2006-16742
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 05.10.2006

(531) A5.5.20; A5.5.21
(731) CƠ SỞ ANH EM (VN)
17 lô I, Nguyễn Thị Tần, phường 2, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0096068**
(210) 4-2006-16667
(181) 04.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540) 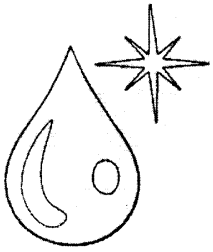

(151) 19.02.2008
(220) 04.10.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; 1.15.15
(731) THE COCA-COLA COMPANY (US)
One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 32: Bia; nước khoáng; nước có ga; đồ uống không chứa cồn; đồ uống hoa quả; nước ép hoa quả; xi rô và chế phẩm để làm đồ uống.

---

(111) **4-0096069**
(210) 4-2006-16668
(181) 04.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 04.10.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; A26.11.12; 1.15.15; A26.11.13
(731) THE COCA-COLA COMPANY (US)
One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 32: Bia, nước khoáng; nước có ga; đồ uống không chứa cồn; đồ uống hoa quả; nước ép hoa quả; xi rô và chế phẩm để làm đồ uống.

---

(111) **4-0096070**
(210) 4-2006-09437
(181) 19.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PARCOTEN

(151) 19.02.2008
(220) 19.06.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD., (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096071**
(210) 4-2006-09438
(181) 19.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

RABOTIL

(151) 19.02.2008
(220) 19.06.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD., (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096072**
(210) 4-2006-09439
(181) 19.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TRAMADEX

(151) 19.02.2008
(220) 19.06.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD., (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096073**
(210) 4-2006-04211
(181) 23.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 23.03.2006

(531) 26.11.2
(731) TÔN THẤT CƯỜNG (VN)
304/17 Lạc Long Quân, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Ampli; máy hát karaoke; đầu đọc đĩa.

---

(111) **4-0096074**
(210) 4-2006-09061
(181) 12.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 12.06.2006

(531) 26.4.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THẾ CƯỜNG (VN)
Thôn Đồng Châu, xã Đông Minh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh làm bằng sứ, cụ thể là: bệ xí, chậu rửa, giá đặt chậu rửa, tiểu vệ sinh.

---

(111) **4-0096075**
(210) 4-2006-09570
(181) 20.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 20.06.2006

(531) A1.1.12; 1.15.17
(731) T.C. UNION GLOBAL PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
68/1 Moo 8, Bangkrachao, MuangSamutsakorn, Samutsakorn, 74000 Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0096076**
(210) 4-2006-09571
(181) 20.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 20.06.2006

(531) 26.1.1; 3.9.16
(591) Xám, xanh nước biển, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH THỨC ĂN THỦY SẢN HANH QUỐC (VN)
916 Nguyễn Trãi, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn nuôi tôm.

---

(111) **4-0096077**
(210) 4-2006-10146
(181) 29.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LIVERPUL

(151) 19.02.2008
(220) 29.06.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096078**
(210) 4-2006-16462
(181) 30.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Goodbaby

(151) 19.02.2008
(220) 30.10.2006

(731) GOODBABY CHILD PRODUCTS CO., LTD. (CN)
Liqi Road, Kunshan Economic & Technical Development Zone, Jiangsu Province, P.R.China 215331
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo thông qua phương tiện thông tin đại chúng; quảng cáo thông qua quan hệ công chúng; hỗ trợ điều hành kinh doanh; dịch vụ tư vấn quản lý kinh doanh; đại lý xuất nhập khẩu; dịch vụ mua sắm cho người khác (mua sắm hàng hóa và dịch vụ cho các doanh nghiệp khác); tư vấn về nhân sự; dịch vụ thư ký; dịch vụ kế toán.

---

(111) **4-0096079**
(210) 4-2006-16682
(181) 04.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

XMEN

(151) 19.02.2008
(220) 04.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT A.B.C (VN)
68/4 Nguyễn Bá Tòng, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Sơn.

Nhóm 19: Bột trét tường.

---

(111) **4-0096080**
(210) 4-2006-16687
(181) 04.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KIRIN

(151) 19.02.2008
(220) 04.10.2006

(731) CƠ SỞ MINH TRÍ (VN)
56 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Mỏ hàn điện.

---

(111) **4-0096081**
(210) 4-2005-17537
(181) 23.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 23.12.2005

(531) 24.15.1; 26.1.1; 1.7.6; 24.7.1
(591) Ghi nhạt , trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH DOANH SHACAMEL VIỆT NAM (SH@CAMEL VIETNAM, JSC.) (VN)
Số 323, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 40: Lắp ráp thiết bị điện dân dụng theo đơn đặt hàng của khách cụ thể là: lắp ráp các mặt hàng sau: quạt điện, nồi cơm điện, công tắc điện, mặt ổ phích điện, bóng đèn điện, chấn lưu điện tử; máng đèn.

(111) **4-0096082**
(210) 4-2005-17648
(181) 27.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ERMENEGILDO ZEGNA

(151) 19.02.2008
(220) 27.12.2005

(731) CONSITEX S.A. (CH)
Via Laveggio 16 6850 Mendrisio Switzerland
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ tư vấn về nghề nghiệp trong buôn bán kinh doanh; tư vấn và hỗ trợ khách hàng trong phương thức giao dịch thương mại và trong lĩnh vực bán lẻ hàng hoá; dịch vụ bán lẻ hàng hoá.

---

(111) **4-0096083**
(210) 4-2006-05391
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NEUFALAMINE

(151) 19.02.2008
(220) 10.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Ouang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096084**
(210) 4-2006-08899
(181) 08.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 08.06.2006

(531) 3.1.1; 3.1.16; 5.7.1
(591) Nâu, đỏ, ghi, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CẦU VỒNG (VN)
Số 308/5 Bình Giã, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê, cà phê rang, cà phê bột (để pha phin), cà phê hòa tan.

(111) **4-0096085**
(210) 4-2006-22082
(181) 18.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MP-CAR

(151) 19.02.2008
(220) 18.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN S.V (VN)
80/12 Bà Huyện Thanh Quan, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Máy đọc nhạc nén MP3.

---

(111) **4-0096086**
(210) 4-2006-22244
(181) 19.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MAI LAN

(151) 19.02.2008
(220) 19.12.2006

(731) CƠ SỞ RƯỢU BẦU ĐÁ MAI LAN (VN)
100 Trần Phú, thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0096087**
(210) 4-2006-22693
(181) 25.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 25.12.2006

(531) A25.1.10; 26.4.2; A25.7.7
(591) Đỏ, xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ QUẢNG CÁO NGUYỄN VĂN VINH (VN)
18ter Nguyễn Thị Minh Khai, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 41: Xuất bản văn hóa phẩm: sách, báo, tạp chí; dịch vụ giải trí trên báo, tạp chí và truyền hình.

---

(111) **4-0096088**
(210) 4-2006-20971
(181) 30.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 30.11.2006

(531) 7.1.24; 7.1.14
(591) Xanh lá, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SINH THÁI HỌC CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG (VN)
Phòng 306 A7, tập thể Khương Thượng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Than hoạt tính; than tre hoạt tính; chế phẩm của than hoạt tính; than dùng cho bộ lọc; than dùng trong ứng dụng công nghệ môi trường; than động vật.

Nhóm 29: Thịt lợn sạch; chiết xuất của thịt; rau quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; thịt; trứng; sữa và các sản phẩm từ sữa.

Nhóm 31: Động vật sống; rau, quả tươi; hạt giống; cây và hoa tươi; cây giống; ngũ cốc dạng nguyên liệu.

Nhóm 35: Buôn bán, xuất nhập khẩu: than hoạt tính và các sản phẩm từ than hoạt tính cũng như các sản phẩm ứng dụng công nghệ liên quan đến than hoạt tính, than tre hoạt tính và các sản phẩm từ than tre hoạt tính cũng như các sản phẩm ứng dụng công nghệ than tre hoạt tính, máy móc- thiết bị công nghiệp liên quan đến ứng dụng công nghệ của than hoạt tính, nông - lâm - thuỷ - hải sản, thực phẩm và thực phẩm sạch, lương thực và lương thực sạch, các loại rau củ quả, hạt giống, cây giống, cây con, trang thiết bị điện tử- điện lạnh, máy văn phòng, quần áo thời trang, đồ trang sức, vàng, bạc, đá quý, vật liệu xây dựng, thiết bị nội ngoại thất và trang trí, đồ thủ công mỹ nghệ; dịch vụ ký gửi hàng hoá; dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu; quảng cáo.

---

(111) **4-0096089**
(210) 4-2006-22022
(181) 15.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 15.12.2006

(531) 26.1.1; 26.7.25
(731) MARUICHI STEEL TUBE LTD. (JP)
9-10, Kitahorie 3-chome, Nishi-ku, Osaka, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Thép, ống kim loại, thép lá, cuộn dây kim loại, thép hợp kim, hợp kim của kim loại thông thường, ống thép dùng cho đường ống dẫn, hệ thống ống dẫn bằng kim loại, vật liệu xây dựng bằng kim loại, ống nối kim loại dùng cho đường ống, biển chỉ đường bằng kim loại không phát quang và không có cơ cấu điều khiển dùng cho giao thông đường bộ,

biển chỉ đường bằng kim loại không phát quang và không có cơ cấu điều khiển dùng cho giao thông đường thủy.

Nhóm 09: Ống bọc ngoài dây điện, ống bọc ngoài để bảo vệ dây cáp điện, dây điện và cáp điện, biển chỉ đường phát quang hoặc có cơ cấu điền khiển dùng cho giao thông đường bộ.

---

(111) **4-0096090**
(210) 4-2006-22247
(181) 20.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 20.12.2006

(531) 26.4.2; A26.11.13; 1.15.5; A5.3.15; 25.7.1; A25.7.3
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TRUNG HÙNG (VN)
Số 17, tổ 29, cụm 4, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Đá dùng cho xây dựng, granite nhân tạo và gạch ceramic dùng trong xây dựng.

Nhóm 35: Mua bán: vật liệu xây dựng, thiết bị nội ngoại thất, thiết bị vệ sinh.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng nhà cửa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng nhà cửa; giám sát xây dựng; dịch vụ tư vấn xây dựng; dịch vụ trang trí nội, ngoại thất.

---

(111) **4-0096091**
(210) 4-2006-04520
(181) 28.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PHILIPACOL

(151) 19.02.2008
(220) 28.03.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096092**
(210) 4-2006-04521
(181) 28.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TONADIONE

(151) 19.02.2008
(220) 28.03.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096093**
(210) 4-2006-09060
(181) 12.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 12.06.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; 26.3.23; A26.11.12; 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP 3A (VN)
Số 16, ngõ 24, phố Ngọc Hà, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Quả bóng dùng để chơi thể thao, cụ thể là: bóng đá, bóng chuyền, bóng ném, bóng rổ.

---

(111) **4-0096094**
(210) 4-2006-22066
(181) 18.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 18.12.2006

(531) 2.7.14; 11.3.18; 26.4.1; A6.19.9
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI (VN)
Số 23 Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Gạo.

---

(111) **4-0096095**
(210) 4-2006-22970
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CALTONIN NASAL SPRAY

(151) 19.02.2008
(220) 29.12.2006

(731) DASAN - MEDICHEM CO., LTD (KR)
Room No.409 Woori Benture Town II, 82-29, 3 - Ga Munrae - Dong, Youngdungpo - Gu Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096096**
(210) 4-2006-22971
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FOLPIN

(151) 19.02.2008
(220) 29.12.2006

(731) DASAN - MEDICHEM CO., LTD (KR)
Room No.409 Woori Benture Town II, 82-29, 3 - Ga Munrae - Dong, Youngdungpo - Gu Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096097**
(210) 4-2006-22441
(181) 22.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIInvestment

(151) 19.02.2008
(220) 22.12.2006

(591) Trắng, xanh lam, vàng da cam
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; tư vấn tài chính; dịch vụ thẻ tín dụng; thuê mua tài chính; đầu tư chứng khoán; bảo hiểm.

---

(111) **4-0096098**
(210) 4-2006-22442
(181) 22.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 22.12.2006

(591) Trắng, xanh lam, vàng da cam
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; tư vấn tài chính; dịch vụ thẻ tín dụng; thuê mua tài chính; đầu tư chứng khoán; bảo hiểm.

---

(111) **4-0096099**
(210) 4-2006-22443
(181) 22.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 22.12.2006

(591) Trắng, xanh lam, vàng da cam
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; tư vấn tài chính; dịch vụ thẻ tín dụng; thuê mua tài chính; đầu tư chứng khoán; bảo hiểm.

---

(111) **4-0096100**
(210) 4-2006-22444
(181) 22.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 22.12.2006

(591) Trắng, xanh lam, vàng da cam
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; tư vấn tài chính; dịch vụ thẻ tín dụng; thuê mua tài chính; đầu tư chứng khoán; bảo hiểm.

---

(111) **4-0096101**
(210) 4-2006-14945
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DEPOT METYLMED

(151) 19.02.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
E2, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096102**
(210) 4-2006-14946
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LORELINDEPOT

(151) 19.02.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
E2, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096103**
(210) 4-2006-14947
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SCHNIN

(151) 19.02.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
E2, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096104**
(210) 4-2006-15146
(181) 11.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CỐ THỊ

(151) 19.02.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG (VN)
Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 36: Đầu tư vốn; môi giới, cho thuê, kinh doanh bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; trang trí nội thất; tư vấn trong xây dựng.

Nhóm 42: Kiến trúc; dịch vụ vẽ đồ họa.

---

(111) **4-0096105**
(210) 4-2006-15318
(181) 13.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AUSREX

(151) 19.02.2008
(220) 13.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỒ BẮC (VN)
Số 22, tổ 4, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0096106**
(210) 4-2006-01213
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NicKen Electronics

(151) 19.02.2008
(220) 23.01.2006

(531) A1.1.10; A1.1.4
(731) CƠ SỞ HS (VN)
3B Lê Quang Sung, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Loa; âm pli.

---

(111) **4-0096107**
(210) 4-2006-01216
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Footmark®

(151) 19.02.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT ĐỒ CHƠI NGỌC THẠCH (VN)
Số 1066, tổ 7A Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Đất sét dùng để làm quà tặng.

---

(111) **4-0096108**
(210) 4-2006-05371
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Morningstar

(151) 19.02.2008
(220) 10.04.2006

(531) 24.15.1; A1.1.10
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THẠNH NÔNG (VN)
1074 đại lộ Bình Dương, ấp 2, xã Định Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 08: Bình phun thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0096109**
(210) 4-2006-05372
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PADDY

(151) 19.02.2008
(220) 10.04.2006

(531) 24.15.1; 5.7.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THẠNH NÔNG (VN)
1074 đại lộ Bình Dương, ấp 2, xã Định Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 08: Bình phun thuốc trừ sâu.

(111) **4-0096110**
(210) 4-2006-05377
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 10.04.2006

(531) 18.3.2; 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ THƯƠNG MẠI HẢI PHÒNG (VN)
Số 3 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải đường biển; vận tải đường sông và đường hàng không; vận tải bằng ô tô; đại lý và môi giới vận tải biển; đại lý tàu biển và đại lý vận tải hàng hoá đường biển.

---

(111) **4-0096111**
(210) 4-2006-06812
(181) 11.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SILBERFLAVON

(151) 19.02.2008
(220) 11.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR (VN)
297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096112**
(210) 4-2006-06813
(181) 11.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ZEFDAVIR

(151) 19.02.2008
(220) 11.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR (VN)
297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096113**
(210) 4-2006-06814
(181) 11.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GLIDIBIT

(151) 19.02.2008
(220) 11.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR (VN)
297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096114**
(210) 4-2006-05390
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NICYABEST

(151) 19.02.2008
(220) 10.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096115**
(210) 4-2006-05392
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TEUREKA

(151) 19.02.2008
(220) 10.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM BÁCH THẢO (VN)
133 Thái Hà, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096116**
(210) 4-2006-05393
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

POWERRADYNE

(151) 19.02.2008
(220) 10.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM BÁCH THẢO (VN)
133 Thái Hà, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096117**
(210) 4-2006-05394
(181) 10.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

JECOMVITA

(151) 19.02.2008
(220) 10.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096118**
(210) 4-2006-04554
(181) 29.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

USATRIAZOL

(151) 19.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược, thuốc bổ tăng lực, thuốc kháng sinh chống viêm, thuốc cảm cúm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0096119**
(210) 4-2006-22060
(181) 18.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

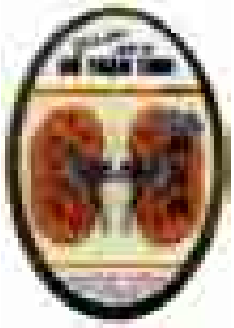

(151) 19.02.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.1.2; 2.9.25
(591) Vàng, vàng nhũ, nâu, đỏ, xanh lá cây, xanh dương, xám, trắng, đen
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN THẾ CƯỜNG (VN)
146 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bổ thận.

---

(111) **4-0096120**
(210) 4-2006-22061
(181) 18.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.1.2; 2.3.1
(591) Vàng, vàng nhũ, hồng, đỏ, xanh lá cây, xanh dương, trắng, đen
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN THẾ CƯỜNG (VN)
146 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc điều kinh dưỡng huyết tố.

---

(111) **4-0096121**
(210) 4-2005-14595
(181) 01.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 01.11.2005

(531) 26.1.2
(591) Vàng, đỏ, đen, trắng
(731) CƠ SỞ MÊ KÔNG (VN)
A5/52E ấp 1, xã Bình Trị Đông, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Nước tương, tương ớt, nước xốt cà chua, xì dầu.

---

(111) **4-0096122**
(210) 4-2006-17085
(181) 11.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 11.10.2006

(531) 26.1.2; 26.13.25; 18.3.23
(591) Xanh tím, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM SẢN VÀ PHÂN BÓN BÀ RỊA (VN)
Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ sắp xếp cầu bến tại cảng cho các phương tiện vận tải thủy đến cảng giao và nhận hàng; dịch vụ bốc dỡ hàng hóa; dịch vụ lưu kho hàng hóa; dịch vụ bao gói hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho hàng, dịch vụ xếp hàng vào kho; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ cân hàng đã đóng bao.

---

(111) **4-0096123**
(210) 4-2005-15264
(181) 11.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 11.11.2005

(531) A26.11.12; 26.3.1; A26.4.6; 26.1.1
(591) Đen, trắng, hồng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN THĂNG (VN)
547 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nhang (hương); nhang khoanh (hương vòng).

---

(111) **4-0096124**
(210) 4-2006-16806
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VINH TAN

(151) 19.02.2008
(220) 05.10.2006

(731) CƠ SỞ TRỊNH TÔ HIỀN (VN)
216/100 Lãnh Binh Thăng, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Công tắc; ổ cắm; cầu chì; cầu dao; bảng điện.

---

(111) **4-0096125**
(210) 4-2006-16808
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SÀI GÒN XƯA

(151) 19.02.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH VIỆT THÁI LONG (VN)
017 lô I chung cư Đồng Diều, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thuốc lá.

(111) **4-0096126**
(210) 4-2005-15075
(181) 09.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 09.11.2005

(531) A5.1.12; 7.3.11
(731) CÔNG TY TNHH DU LỊCH BỐN BIỂN (VN)
30 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0096127**
(210) 4-2005-15407
(181) 15.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

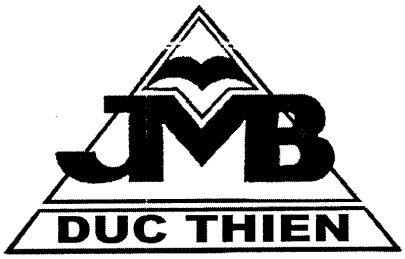

(151) 19.02.2008
(220) 15.11.2005

(531) 24.15.1; 26.3.1; 3.7.17
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC THIỆN (VN)
Thôn Điềm Xá, xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Loa, loa thùng, tăng âm (amli), đầu đĩa hình.

---

(111) **4-0096128**
(210) 4-2005-16732
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 09.12.2005

(531) 1.15.15; A5.3.15; 26.1.1
(591) Xanh lá cây, xanh dương, xanh nước biển, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VI FAST (VN)
Đường Trưng Nữ Vương nối dài, khóm Châu Thới 2, Châu Phú B, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0096129**
(210) 4-2005-10542
(181) 19.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SSSC TÔN VIỆT–NHẬT

(151) 19.02.2008
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TÔN PHƯƠNG NAM (VN)
Đường số 9 khu công nghiệp Biên Hoà 1, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 06: Tôn mạ kẽm, mạ màu dạng cuộn, tôn cán sóng vuông, sóng ngói; các sản phẩm hàng hoá khác được chế biến từ tôn mạ kẽm, mạ màu như: cửa buồng tắm, cửa cuốn, khung cửa sổ, khung xà gồ.

---

(111) **4-0096130**
(210) 4-2005-12423
(181) 23.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MÌNH PHÁT

(151) 19.02.2008
(220) 23.09.2005

(531) 24.9.1; 25.1.6
(731) CƠ SỞ ĐẠI PHÁT - PHÁT TÀI (VN)
Số 89B, khu phố 2, phường 7, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

(511) Nhóm 30: Kẹo dừa.

---

(111) **4-0096131**
(210) 4-2005-15455
(181) 16.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DAO THANG

(151) 19.02.2008
(220) 16.11.2005

(531) 1.15.23; 26.3.23; A26.11.7
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ T.O.K.A. (VN)
Số 57, phố Núi Trúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn pháp luật; dịch vụ tư vấn pháp luật về sở hữu công nghiệp, bản quyền tác giả và chuyển giao công nghệ; dịch vụ tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (liên quan đến các khía cạnh pháp lý).

---

(111) **4-0096132**
(210) 4-2005-15645
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 21.11.2005

(531) 26.11.1
(591) Đen, đỏ, da cam, vàng
(731) DARTON INDUSTRIAL CO., LTD. (TW)
No.16, Lane 150, Chung Tsuang Street, Tahsi Cheng, Taoyuan Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 19: Vật liệu chịu lửa; tấm chịu nhiệt dùng trong xây dựng; gạch chịu nhiệt; cột chịu nhiệt dùng trong xây dựng; ngói, không bằng kim loại, dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0096133**
(210) 4-2006-17946
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

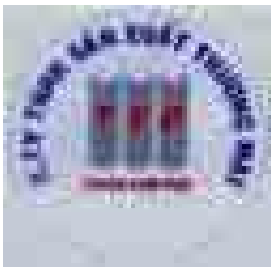

(151) 19.02.2008
(220) 25.10.2006

(531) 26.1.1; 26.7.25
(591) Đỏ, lam, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THIÊN SƠN PHÚ (VN)
53/40 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 06: Thép ống.

---

(111) **4-0096134**
(210) 4-2006-18092
(181) 26.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 26.10.2006

(531) A5.3.14
(591) Xanh lá cây, đỏ
(731) ĐÀO HOÀNG THÚY (VN)
18/14 ấp 7, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Phân hữu cơ cho cây trồng; đất giàu dinh dưỡng cho cây trồng.

---

(111) **4-0096135**
(210) 4-2006-18395
(181) 30.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 30.10.2006

(531) 3.7.3; 8.7.5; 26.4.1
(591) Đen, đỏ, vàng, xanh, trắng, cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ F.F.C (VN)
84 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng ăn uống, nhà hàng ăn nhanh, quán cà phê, nhà hàng tự phục vụ, nhà hàng giải khát.

---

(111) **4-0096136**
(210) 4-2006-18697
(181) 02.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 19.02.2008
(220) 02.11.2006

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH TÂN HUÊ HƯNG (VN)
87A Bình Thới, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 21: Chai nhựa PET.

---

(111) **4-0096137**
(210) 4-2005-11040
(181) 29.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

AIR WICK

(151) 19.02.2008
(220) 29.08.2005

(731) RECKITT & COLMAN (OVERSEAS) LIMITED (GB)
Dansom Lane, Hull, HU8 7DS, England
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm để làm mát không khí; chế phẩm để làm sạch không khí; chất làm thơm mát không khí phòng; chế phẩm để xịt thơm hoặc làm thơm không khí (chế phẩm khử mùi); chất khử mùi không dùng cho cá nhân; chế phẩm làm mất mùi không dùng cho cá nhân; chất tẩy uế; thuốc trừ sâu; chất diệt trùng.

---

(111) **4-0096138**
(210) 4-2005-14490
(181) 31.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ANZATAX

(151) 19.02.2008
(220) 31.10.2005

(731) MAYNE PHARMA LIMITED (AU)
Level 21, 390 St Kilda Road, Melbourne, Victoria 3004, Australia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096139**
(210) 4-2005-14492
(181) 31.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

GENO 2005

(151) 19.02.2008
(220) 31.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH NÔNG DƯỢC ĐIỆN BÀN (VN)
Khối 3 thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chất diệt nấm; chất diệt cỏ; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chế phẩm dùng để diệt động vật có hại.

---

(111) **4-0096140**
(210) 4-2005-14493
(181) 31.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DIBONIN SUPER

(151) 19.02.2008
(220) 31.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH NÔNG DƯỢC ĐIỆN BÀN (VN)
Khối 3 thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chất diệt nấm; chất diệt cỏ; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chế phẩm dùng để diệt động vật có hại.

---

(111) **4-0096141**
(210) 4-2004-04374
(181) 11.05.2014
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 11.05.2004

(531) 5.5.16; 3.9.16
(731) CÔNG TY XNK THUỶ SẢN NGHỆ AN II (VN)
Xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

(511) Nhóm 29: Thuỷ hải sản đã chế biến.

---

(111) **4-0096142**
(210) 4-2003-09161
(181) 07.10.2013
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 07.10.2003

(531) 24.15.1; 1.15.23
(731) HUSQVARNA AKTIEBOLAG (SE)
Drottninggatan 2, SE-561 82 Huskvarna, Sweden
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Cưa xích và máy cắt mép, các phụ kiện dùng cho các loại máy đó, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0096143**
(210) 4-2005-08321
(181) 06.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

K.SUSAI

(151) 20.02.2008
(220) 06.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096144**
(210) 4-2005-08322
(181) 06.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

K.SICE

(151) 20.02.2008
(220) 06.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096145**
(210) 4-2005-08323
(181) 06.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BEMGREEN

(151) 20.02.2008
(220) 06.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096146**
(210) 4-2005-08324
(181) 06.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BEMSTAR

(151) 20.02.2008
(220) 06.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096147**
(210) 4-2005-08325
(181) 06.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BEMGOLD

(151) 20.02.2008
(220) 06.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096148**
(210) 4-2003-06951
(181) 15.08.2013
(300) 2003-043636 28.05.2003 JP
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIERA

(151) 20.02.2008
(220) 15.08.2003

(731) MATSUSHITA ELECTRIC INDUSTRIAL CO., LTD. (JP)
1006, Oaza Kadoma, Kadoma -shi, Osaka 571-8501 Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Thiết bị video cụ thể là: dàn tivi có màn hình mỏng, đầu máy video, máy quay đĩa video hiện số hoặc đầu máy chạy đĩa video hiện số, tất cả các thiết bị nói trên đều là thiết bị hiển thị có màn hình phẳng.

---

(111) **4-0096149**
(210) 4-2004-12895
(181) 05.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 05.10.2005

(591) Đen, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH THUẬN THÀNH (VN)
Số 13B18 Lâm Tường, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 20: Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao, bằng chất dẻo và mây tre đan.

---

(111) **4-0096150**
(210) 4-2006-02241
(181) 17.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KOBKUN

(151) 20.02.2008
(220) 17.02.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUAN NHÂN (VN)
96D Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận Bình Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Chuối sấy tẩm mật ong; mực tẩm sấy; củ cải muối; lạc chiên tẩm mực; tôm chế biến; cá chế biến.

---

(111) **4-0096151**
(210) 4-2006-17680
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 20.10.2006

(531) 26.4.3; 26.1.1; 2.9.14
(591) Xanh dương, vàng, trắng
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (VN)
278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 36: Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của các tổ chức và dân cư dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; huy động vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong mối quan hệ với nước ngoài khi được ngân hàng nhà nước cho phép; tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; hùn vốn; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng vay vốn của các tổ chức tín dụng khác và thanh toán quốc tế; chiết khấu các thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá hùn vốn và liên doanh theo pháp luật; kinh doanh ngoại tệ.

---

(111) **4-0096152**
(210) 4-2006-17681
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 20.10.2006

(531) A26.11.8
(591) Xanh dương, vàng, trắng
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (VN)
278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 36: Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của các tổ chức và dân cư dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; huy động vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong mối quan hệ với nước ngoài khi được ngân hàng nhà nước cho phép; tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; hùn vốn; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng vay vốn của các tổ chức tín dụng khác và thanh toán quốc tế; chiết khấu các thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá hùn vốn và liên doanh theo pháp luật; kinh doanh ngoại tệ.

---

(111) **4-0096153**
(210) 4-2006-17682
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 20.10.2006

(531) A26.11.8
(591) Xanh dương, vàng, trắng.
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (VN)
278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 36: Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của các tổ chức và dân cư dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; huy động vốn từ nước

ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong mối quan hệ với nước ngoài khi được ngân hàng nhà nước cho phép; tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; hùn vốn; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng vay vốn của các tổ chức tín dụng khác và thanh toán quốc tế; chiết khấu các thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá hùn vốn và liên doanh theo pháp luật; kinh doanh ngoại tệ.

---

(111) **4-0096154**
(210) 4-2006-18320
(181) 27.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DISNEY • PIXAR WALL•E

(151) 20.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 14: Kim loại quý và các hợp kim của chúng; đồ trang sức (đồ kim hoàn); đá quý; dụng cụ đo thời gian; đồng hồ báo thức; khoá thắt lưng bằng kim loại quý (dùng cho trang phục); nơ cài cổ gắn ghim trang sức có đầu mút làm bằng kim loại quý; vòng đeo tay (đồ nữ trang); tượng bán thân bằng kim loại quý; dụng cụ để tắt nến bằng kim loại quý; giá cắm nến bằng kim loại quý; đồ nữ trang nhỏ; đồng hồ; hoa tai; đồ nữ trang; hộp đựng nữ trang bằng kim loại quý; dây chuyền (đồ trang sức); vòng đeo chìa khoá bằng kim loại quý; ghim cài ve áo; cái mở thư bằng kim loại quý; dây chuyền đeo cổ; chuỗi hạt (đồ trang sức); ghim cài nơ cài cổ; đồng tiền xu; cái kẹp dùng làm đồ trang sức; mặt dây chuyền; nhẫn (đồ trang sức); khoá trượt dùng với các nơ cài cổ (đồ trang sức); đồng hồ bấm giờ; cái kẹp cavát; cài ca vát; mũ ghim; đồng hồ treo tường; dây đeo đồng hồ; hộp đồng hồ; dây đồng hồ kiểu xích; dây đồng hồ đeo tay; đồng hồ quả quýt; nhẫn cưới, đồng hồ đeo tay.

---

(111) **4-0096155**
(210) 4-2006-18382
(181) 27.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HUGAN

(151) 20.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT HÙNG ÂN (VN)
218/66 An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Công tắc; ổ cắm; bộ khởi động cho đèn (con chuột); bộ điều chỉnh nấn dòng dùng cho đèn (tăng phô) ổn áp; đầu đọc đĩa kỹ thuật số.

Nhóm 11: Đèn chiếu sáng; đèn trang trí; máng đèn; thiết bị và trang bị chiếu sáng; quạt điện; thiết bị và dụng cụ nấu nướng bằng điện.

---

(111) **4-0096156**
(210) 4-2006-18449
(181) 30.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.3.23; 26.4.4
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP NAM VIỆT (VN)
67 Xuân Hồng, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán sắt thép, vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất.

---

(111) **4-0096157**
(210) 4-2006-02396
(181) 22.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 22.02.2006

(531) 3.7.3; 5.7.4; 26.1.1
(591) Đỏ, xanh dương nhạt, vàng nhạt, xanh tím than, trắng, xanh lá cây nhạt, vàng, đen, xanh dương, xanh pha vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT PHONG (VN)
Lô II-3, đường số 1, nhóm công nghiệp II, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc; thức ăn cho động vật thuộc nhóm này; cám ngũ cốc (thuộc nhóm này); chế phẩm để vỗ béo súc vật (không dùng cho mục đích thú y); thức ăn tăng trọng dùng cho súc vật; men dùng cho súc vật thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0096158**
(210) 4-2006-02397
(181) 22.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 22.02.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh đen, xanh tím, vàng
(731) ENDEMOL INTERNATIONAL BV (NL)
Bergweg 70, 1217 SC Hilversum, the Netherlands
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy giật xèng (đánh bài) chỉ sử dụng cùng với màn hình; băng vi-đê-ô; đĩa compact; đĩa CD- ROM; đĩa vi-đê-ô kỹ thuật số, đĩa mang dữ liệu âm thanh, hình ảnh; trò chơi điện thoại di động (được ghi sẵn); trò chơi điện tử nhằm mục đích giải trí (được ghi sẵn).

Nhóm 28: Máy giật xèng (đánh bài) bằng cách bỏ tiền xu (dùng điện); máy giật xèng (đánh bài) không bỏ tiền xu (dùng điện); máy giật xèng (đánh bài) bằng cách bỏ tiền xu (không dùng điện); máy giật xèng (đánh bài) không bỏ tiền xu (không dùng điện); trò chơi thuộc nhóm này; trò chơi bằng bảng; trò chơi bằng quân bài; trò chơi cầm tay (thuộc về trò chơi); trò chơi sử dụng kỹ năng khéo léo, tinh xảo thuộc nhóm này; trò chơi sách vở bằng những câu đố; trò chơi đố chữ, thông tin, chuyện vui; trò chơi tìm hiểu kiến thức thuộc nhóm này; trò chơi bằng cách hỏi và trả lời; trò chơi rèn luyện trí thông minh thuộc nhóm này.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục; dịch vụ giải trí; sản xuất các chương trình truyền hình và truyền thanh; sản xuất các chương trình giải trí; sản xuất phim điện ảnh; sản xuất các chương trình cho nhà hát; sản xuất chương trình cho biểu diễn sân khấu; tổ chức các buổi hoà nhạc, sự kiện âm nhạc (phục vụ mục đích giải trí); dịch vụ xây dựng (tạo ra) trò chơi (phục vụ mục đích giải trí); dịch vụ mô phỏng (tái tạo) trò chơi (phục vụ mục đích giải trí); dịch vụ xây dựng (tạo ra) trò chơi đánh bạc thông qua mạng Internet (phục vụ mục đích giải trí); dịch vụ mô phỏng (tái tạo) trò chơi đánh bạc thông qua mạng Internet (phục vụ mục đích giải trí).

---

(111) **4-0096159**
(210) 4-2006-02527
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ĐĂNG QUANG

(151) 20.02.2008
(220) 24.02.2006

(531) 24.9.1
(731) NHÀ NGHỈ ĐĂNG QUANG (VN)
28 Nguyễn Sinh Cung, Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà nghỉ.

(111) **4-0096160**
(210) 4-2006-02531
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CHÚC PHÚC TỬU

(151) 20.02.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY THỰC PHẨM HUẾ (VN)
Xã Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 33: Rượu Shochu, rượu trắng Nhật Bản.

---

(111) **4-0096161**
(210) 4-2005-14460
(181) 28.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

TKR
TA KWANG REFRACTORY

(151) 20.02.2008
(220) 28.10.2005

(531) 26.4.3; A26.4.18
(731) TA KWANG REFRACTORY WORKS CO., LTD. (TW)
No. 56, Lane 296, Ying Tao Road, Ying Ko, Taipei Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 19: Gạch lát sàn; ngói sứ; gạch xây ngăn cách khó cháy; gạch chịu lửa; đất sét chịu lửa; vữa chịu lửa; xi măng chịu lửa; tấm lát sàn bằng silic cacbua.

---

(111) **4-0096162**
(210) 4-2006-20839
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(531) 9.7.1; 26.4.2
(591) Đen, đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP THƯƠNG MẠI NHANH (VN)
Số 151/4I Phan Tây Hồ, phường 7, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Dịch vụ, tư vấn, điều hành thương mại; quảng cáo; thông tin về thương mại; bán đấu giá; hãng thông tin thương mại; tư vấn nghiệp vụ về thương mại; điều tra kinh doanh thương mại; phát hành các tài liệu quảng cáo; chỉ dẫn thương mại.

---

(111) **4-0096163**
(210) 4-2006-20870
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GLUCODIM

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(731) LABORATORIOS BAGÓ S.A. (AR)
Bernardo de lrigoyen 248, Capital (1072), Argentina
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096164**
(210) 4-2006-16706
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 05.10.2006

(531) 3.7.21; A3.7.24
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÀM PHÚC (VN)
Số 219 B Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Sản phẩm từ da hoặc giả da cụ thể là cặp, túi xách và ví.

Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón.

---

(111) **4-0096165**
(210) 4-2006-20876
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CHAN WOO

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(731) NGUYỄN THỊ HƯỜNG (VN)
Gian hàng 210a + B.02 Trung tâm thương mại Tràng Tiền số 24 phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 21: Đồ trang sức làm bằng thủy tinh pha lê; đồ chứa dùng trong bếp núc (không làm bằng kim loại quý); dụng cụ dùng trong bếp núc (không làm bằng kim loại quý); bộ đồ ăn (không làm bằng kim loại quý); đồ dùng nấu ăn không chạy bằng điện; bộ nồi nấu.

Nhóm 25: Quần áo thời trang; giày dép thời trang; mũ nón thời trang; khăn choàng; bít tất, găng tay thời trang (không bao gồm các loại dùng cho mục đích đặc biệt).

Nhóm 35: Đại lý mua bán quần áo, giày dép, mũ nón thời trang, khăn choàng, bít tất, găng tay thời trang; đại lý mua bán đồ trang sức làm bằng thủy tinh, pha lê, đồ gốm; đại lý mua bán đồ chứa dùng cho gia đình và bếp núc (không làm bằng kim loại quý), bộ đồ ăn (không làm bằng kim loại quý), đồ dùng nấu ăn không chạy bằng điện, bộ nồi nấu.

---

(111) **4-0096166**
(210) 4-2005-13762
(181) 18.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ĐẠI PHÚC

(151) 20.02.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG TRUNG (VN)
27/28 khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Bồn chứa nước bằng inox.

---

(111) **4-0096167**
(210) 4-2005-13763
(181) 18.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 18.10.2005

(531) 26.4.1; 26.4.2
(591) Đỏ, xanh dương, xanh lá cây, trắng, đen
(731) CƠ SỞ PHAN THỊ PHƯƠNG (VN)
32 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ giặt là.

---

(111) **4-0096168**
(210) 4-2005-13911
(181) 20.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 20.10.2005

(531) A5.5.21
(731) TRƯỜNG MẦM NON TƯ THỤC NGÔI NHÀ MƠ ƯỚC - DREAM HOUSE (VN)
Số 3, ngõ 30 Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ trường mầm non; giảng dạy; thông tin giáo dục; tổ chức và hướng dẫn hội thảo.

---

(111) **4-0096169**
(210) 4-2005-14445
(181) 28.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 28.10.2005

(531) 26.4.2; A26.4.24; A26.4.18
(591) Tím, xanh lá cây, vàng, ghi xám, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI TÂN VIỆT (VN)
38/13 Nguyễn Văn Trỗi, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 20: Bàn bán hàng; bảng trưng bày làm bằng ván, gỗ; giá bày hàng mẫu; tủ nhiều ngăn; giá sách dùng để hồ sơ; bảng hiệu bằng gỗ hoặc nhựa; tủ bày hàng.

Nhóm 29: Thịt lợn muối xông khói; bơ; thịt lợn ướp; pho mát; đồ uống sữa chua; sữa; dầu oliu dùng làm thực phẩm; quả ô liu đã bảo quản; dưa góp, dưa món; sữa chua.

Nhóm 30: Bánh quy; bánh mì; bánh ngọt; cà phê; bột nhão để làm bánh ngọt; bánh piza; bánh trứng; bánh mì kẹp nhân (xăng đuých); bánh quế; dấm.

Nhóm 32: Nước khoáng; nước để uống khi ăn; xi rô dùng làm đồ uống; đồ uống không cồn; nước trái cây không cồn.

---

(111) **4-0096170**
(210) 4-2006-20852
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(531) 5.7.3; 26.1.2
(591) Xanh dương, xanh lá cây, vàng cam, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CHÁO TƯƠI (VN)
49/39 Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Cháo ăn liền.

---

(111) **4-0096171**
(210) 4-2006-20853
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(531) 5.7.3; 26.1.2
(591) Xanh dương, xanh lá cây, vàng cam, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CHÁO TƯƠI (VN)
49/39 Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Cháo ăn liền.

---

(111) **4-0096172**
(210) 4-2006-20854
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(531) 5.7.3; 26.1.2
(591) Xanh dương, xanh lá cây, vàng cam, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CHÁO TƯƠI (VN)
49/39 Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Cháo ăn liền.

---

(111) **4-0096173**
(210) 4-2006-20855
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(531) A1.1.9
(591) Đỏ, xanh lá cây, trắng.
(731) OUIHENG HEALTH CONSUMER CO., LTD (TH)
46,46/2 Soi Charansanitwongs 40, Charansanitwongs Road, Bangyeekhan, Bangplad, Bangkok 10700, ThaiLand
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Thuốc đánh răng; nước xúc miệng; nước xịt miệng.

---

(111) **4-0096174**
(210) 4-2006-20856
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.4.4
(591) Đỏ, xanh lá cây, trắng
(731) OUIHENG HEALTH CONSUMER CO., LTD (TH)
46,46/2 Soi Charansanitwongs 40, Charansanitwongs Road, Bangyeekhan, Bangplad, Bangkok 10700, ThaiLand
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Thuốc đánh răng.

---

(111) **4-0096175**
(210) 4-2006-20857
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(731) CƠ SỞ THÁI AN (VN)
41 Tân Hàng, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học cổ truyền dân tộc.

---

(111) **4-0096176**
(210) 4-2006-20858
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THÁI AN
Thanh Can Lương Huyết Long Đởm Thảo

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(731) CƠ SỞ THÁI AN (VN)
41 Tân Hàng, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học cổ truyền dân tộc.

---

(111) **4-0096177**
(210) 4-2006-20859
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THÁI AN
Bổ Phổi Chỉ Khái An Phế Linh

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(731) CƠ SỞ THÁI AN (VN)
41 Tân Hàng, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học cổ truyền dân tộc.

---

(111) **4-0096178**
(210) 4-2005-09685
(181) 03.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ARDEX

(151) 20.02.2008
(220) 03.08.2005

(531) 26.2.1
(731) ARDEX GMBH (GB)
Friedrich - Ebert - Str.45 58453 Witten, Germany
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng trong công nghiệp cụ thể là : nhựa nhận tạo dạng thô dưới dạng chất phân tán dùng làm đông cứng vữa và làm đông cứng chất trát làm kín, nhựa tự nhiên dạng thô dùng làm chất trung dung liên kết giữa khoáng chất bazơ và vữa tươi hoặc bê tông tươi; chất dính dùng trong công nghiệp cụ thể là: chất dính dùng cho lớp gạch lát sàn nhà; chất dính dùng cho lớp gỗ lát sàn; chất dính dùng cho lớp gạch hoa lát vào nền xi măng.

Nhóm 02: Chất màu để sơn lót; chất mầu và thuốc cắn mầu có chất dính dùng cho khoáng chất bazơ (công nghiệp).

Nhóm 17: Nhựa đúc dùng làm vật liệu bịt kín chỗ rạn nứt; nhựa nhân tạo dùng làm vật liệu để bịt kín; vật liệu bằng cao su dùng để nối kín, đầu nối.

Nhóm 19: Xi-măng; vữa pha trộn dùng trong xây dựng; vữa dùng để lát nền; vật liệu xây dựng dùng khi hoàn tất công việc xây dựng để trát làm đẹp mặt nền dưới dạng xi măng và/hoặc vữa cụ thể là: vữa để trát chỗ hở; xi măng để trát cho phẳng; vữa để trát san bằng bề mặt; xi măng để trát cho nhẵn bề mặt; vữa để làm lớp nền dưới cùng.

---

(111) **4-0096179**
(210) 4-2005-14446
(181) 28.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MEKOMITA

(151) 20.02.2008
(220) 28.10.2005

(731) CƠ SỞ PHÚ BÌNH (VN)
79/1C Phan Văn Hớn, ấp 2, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 12: Săm xe; lốp xe.

---

(111) **4-0096180**
(210) 4-2005-04522
(181) 22.04.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 22.04.2005

(531) 5.5.3
(731) KENMARK BRAND LTD (CH)
C/o Golden Tulip Hotels, Inns & Resorts, Avenue de Gratta Paille 2, 1000 Lausanne 30, Switzerland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ đại lý du lịch và các chuyến đi du lịch; dịch vụ đặt trước chuyến du lịch và vé; dịch vụ đại lý mua vé trước chuyến du lịch; dịch vụ đại lý khách du lịch; dịch vụ tư vấn và cố vấn thông tin liên quan đến du lịch, và tất cả các dịch vụ nói trên, qua phương tiện truyền thông điện tử, bao gồm internet, và phương tiện truyền thông phi điện tử (non-electronic media).

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống và quầy bán rượu; dịch vụ cung cấp đồ ăn và đồ uống (do nhà hàng thực hiện); dịch vụ cung cấp lương thực, thực phẩm (do nhà hàng thực hiện); dịch vụ đặt trước khách sạn; dịch vụ đặt trước chỗ ở khách sạn và

khu nghỉ; dịch vụ cung cấp chỗ ở tạm thời; dịch vụ tư vấn, cố vấn, cung cấp các thông tin liên quan tới các dịch vụ nói trên, qua phương tiện truyền thông điện tử, bao gồm internet, và phương tiện truyền thông phi điện tử.

---

(111) **4-0096181**
(210) 4-2006-18647
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; A5.5.21
(591) Đỏ, vàng
(731) CƠ SỞ SAO MAI (VN)
33 khu phố 5, đường số 7, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Nhà trọ; nhà nghỉ du lịch; cho thuê chỗ ở tạm thời; dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0096182**
(210) 4-2006-17999
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HATECH-FMATON

(151) 20.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0096183**
(210) 4-2006-18010
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NISLEPLUS

(151) 20.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
E2, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0096184**
(210) 4-2006-18011
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GLOSCARD-50

(151) 20.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
E2, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0096185**
(210) 4-2006-18012
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

IP-DEX-200

(151) 20.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
E2, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0096186**
(210) 4-2006-18013
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AUCENTS 200 SR

(151) 20.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
E2, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0096187**
(210) 4-2006-18648
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) A26.11.13
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HẠNH PHÚC (VN)
232 bis Tôn Thất Thuyết, phường 3, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0096188**
(210) 4-2006-18649
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) A1.1.10; A1.1.5
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VÕ HOÀNG GIA (VN)
60/30 quốc lộ 13, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, hàng gỗ gia dụng, hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, mực in các loại, máy fax và linh kiện của máy fax, hàng may mặc, vải sợi, phim nhựa, băng đĩa, hàng nông sản, lâm sản, hải sản, cây cảnh, hoa tươi, hàng kim khí điện máy, hàng điện lạnh, điện tử, máy photocopy, thực phẩm công nghệ, keo dán; đại lý ký gửi hàng hoá; quảng cáo; tư vấn quản lý kinh doanh.

---

(111) **4-0096189**
(210) 4-2006-20520
(181) 24.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NOVIHIST

(151) 20.02.2008
(220) 24.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096190**
(210) 4-2006-20521
(181) 24.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NOVIKACIN

(151) 20.02.2008
(220) 24.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096191**
(210) 4-2006-20523
(181) 24.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TOROSPAR

(151) 20.02.2008
(220) 24.11.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096192**
(210) 4-2006-18646
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.1.1; 26.3.23; 26.7.25
(591) Trắng, đỏ, xanh nước biển
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÀNH LẬP (VN)
131 Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Khí CO2 (cacbonic).

Nhóm 04: Cồn khô dùng để đun nấu; gas nhiên liệu; gas để thắp sáng.

---

(111) **4-0096193**
(210) 4-2006-18684
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ARETO

(151) 20.02.2008
(220) 01.11.2006

(731) CƠ SỞ HUỲNH CHÍ TRUNG (VN)
151/3 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Máy tăng âm; loa; thùng loa; đầu máy karaoke; đầu đọc đĩa kỹ thuật số, bộ trộn âm (mixer).

---

(111) **4-0096194**
(210) 4-2006-18860
(181) 03.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PROTAN
T.T PROTAN VINA CORP

(151) 20.02.2008
(220) 03.11.2006

(531) 26.1.1; 26.15.1; 26.11.3; A26.11.12; A26.11.9; 1.5.1
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN TIẾN PROTANVINA (VN)
158/72 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng trong ngành dệt nhuộm.

---

(111) **4-0096195**
(210) 4-2006-18186
(181) 26.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

STETSON

(151) 20.02.2008
(220) 26.10.2006

(731) JOHN B. STETSON COMPANY (US)
175 Main Street, Mt. Kisco, New York 10549, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân và đồ đội đầu.

---

(111) **4-0096196**
(210) 4-2006-18724
(181) 02.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 02.11.2006

(531) 3.7.17; 26.3.23; 25.5.1; 26.4.2
(591) Trắng, xanh, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LINH HOA (VN)
Số 03, ngõ 38, đường Ngọc Thụy, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo lót; quần áo ngủ; áo sơ mi; quần dài; áo khoác; áo len.

Nhóm 35: Mua bán các loại quần áo; quảng cáo; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xuất nhập khẩu; giới thiệu sản phẩm; bán đấu giá.

---

(111) **4-0096197**
(210) 4-2006-19009
(181) 06.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 06.11.2006

(531) 26.1.2; 26.11.3; A26.11.12; A1.1.5; A1.1.10
(591) Xanh, đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN THANH (VN)
Số 89/253, đường Hưng Yên, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước khoáng (đồ uống); nước ép trái cây; nước uống chế biến từ hoa quả đóng chai; nước uống chế biến từ hoa quả đóng hộp; đồ uống không chứa cồn.

---

(111) **4-0096198**
(210) 4-2006-20066
(181) 20.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SƠN HAO

(151) 20.02.2008
(220) 20.11.2006

(731) TRẦN VÂN KHÁNH (VN)
312/14 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội đầu; mỹ phẩm; chất tẩy rửa; chế phẩm để làm sạch, đánh bóng; tẩy dầu mỡ; bột giặt.

---

(111) **4-0096199**
(210) 4-2006-20067
(181) 20.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FUN HAO

(151) 20.02.2008
(220) 20.11.2006

(731) TRẦN VÂN KHÁNH (VN)
312/14 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội đầu; mỹ phẩm; chất tẩy rửa; chế phẩm để làm sạch, đánh bóng; tẩy dầu mỡ; bột giặt.

---

(111) **4-0096200**
(210) 4-2006-20425
(181) 23.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TRIGELFORTE

(151) 20.02.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096201**
(210) 4-2005-10893
(181) 25.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 25.08.2005

(531) 3.7.17; 4.5.3; 26.1.4; 26.1.1; A1.1.10
(591) Xanh tím, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM (VN)
46F cư xá Cửu Long, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 37: Xây dựng: công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình ngành điện lực.

---

(111) **4-0096202**
(210) 4-2005-14700
(181) 03.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

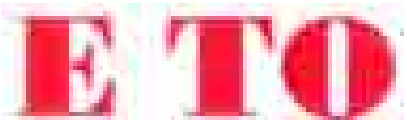

(151) 20.02.2008
(220) 03.11.2005

(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT TÂN THỊNH (VN)
Số 152 đường Quán Thánh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Nhà vệ sinh, bệ xí bệt, bệ xí bệt đa chức năng (chức năng sưởi ấm, khử mùi, rửa/và hoặc sấy khô), chậu tiểu nam, chậu tiểu nữ, những phụ kiện của hệ thống ống dẫn nước, vòi nước.

---

(111) **4-0096203**
(210) 4-2005-01036
(181) 25.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 25.07.2005

(531) 1.3.1; 26.4.1
(591) Trắng, đen, cam
(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT KHẨU TRÀ - CÀ PHÊ VƯỜN ĐÔNG DƯƠNG (VN)
52 Trương Định, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Trà, cà phê.

---

(111) **4-0096204**
(210) 4-2005-10555
(181) 19.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

USAXICAM

(151) 20.02.2008
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH TUỆ LINH (VN)
Số 476 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096205**
(210) 4-2005-10556
(181) 19.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

USAFUXIM

(151) 20.02.2008
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH TUỆ LINH (VN)
Số 476 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096206**
(210) 4-2006-01225
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LaGi
RESORT & SPA

(151) 20.02.2008
(220) 23.01.2006

(531) 26.4.2; 26.11.1
(591) Xanh lá mạ, xanh biển, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH SÀI GÒN - HÀM TÂN (VN)
112 Lý Chính Thắng, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 41: Giải trí vui chơi bãi biển như du thuyền, sân gôn, thể thao.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

(111) **4-0096207**
(210) 4-2006-17160
(181) 12.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 12.10.2006

(531) 1.7.6; A26.4.6; 26.4.2; 26.7.25; 26.1.2; 26.1.4
(591) Trắng, đỏ, vàng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THU NGUYỆT (VN)
Số 270, tổ 10, ấp Kiến Điền, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Băng keo (băng dính) dùng cho mục đích văn phòng và gia dụng.

---

(111) **4-0096208**
(210) 4-2005-09787
(181) 04.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ACTADAN

(151) 20.02.2008
(220) 04.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096209**
(210) 4-2005-11727
(181) 09.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

KL
KIM LONG

(151) 20.02.2008
(220) 09.09.2005

(531) 26.3.1
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI- SẢN XUẤT THÁI KIM LONG (VN)
1039 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 11: Đèn chiếu sáng; đèn trang trí.

(111) **4-0096210**
(210) 4-2005-11747
(181) 12.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Sammix

(151) 20.02.2008
(220) 12.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ TÍN PHÁT (VN)
337/16 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Máy tăng âm; loa; thùng loa; đầu máy đọc đĩa kỹ thuật số; đầu máy hát Karaoke; bộ trộn sóng.

---

(111) **4-0096211**
(210) 4-2005-12827
(181) 30.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

TAFEZI

(151) 20.02.2008
(220) 30.09.2005

(731) NEON LABORATORIES LIMITED (IN)
140, Damji Shamji Ind. Complex, Mahakali Caves Road, Andheri (EAST), Mumbai - 400 093, India
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096212**
(210) 4-2006-17641
(181) 19.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TRIỀU CẦM

(151) 20.02.2008
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH TRIỀU CẦM (VN)
Số 46, đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

(511) Nhóm 35: Đại lý mua bán lương thực, thực phẩm, đồ uống; mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình.

Nhóm 39: Vận chuyển hàng hóa đường bộ.

---

(111) **4-0096213**
(210) 4-2006-17994
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HWABRA

(151) 20.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096214**
(210) 4-2005-09565
(181) 01.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

JEANSWEST

(151) 20.02.2008
(220) 01.08.2005

(731) GLORIOUS SUN LICENSING (L) LIMITED. (MY)
Lot 2 and 3, Level 3, Wisma Lazenda, Jalan Kemajuan, 87000 Wilayah Persekutuan Labuan, East Malaysia
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 25: Quần áo, đồ đội đầu.

---

(111) **4-0096215**
(210) 4-2005-13357
(181) 11.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

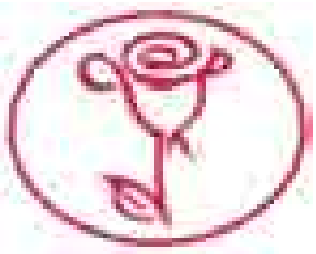

(151) 20.02.2008
(220) 11.10.2005

(531) 5.5.1
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM THANH VÂN (VN)
Lô 12, CN 18, khu công nghiệp Khai Quang, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

(111) **4-0096216**
(210) 4-2005-14457
(181) 28.10.2015
(300) 004445871 18.05.2005 EM
(450) 25.03.2008 240
(540)

Häfele finding better ways

(151) 20.02.2008
(220) 28.10.2005

(731) HAFELE GMBH & CO KG (DE)
Adolf-Hafele-Str. 1, D-72202 Nagold, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng, cấu kiện dùng cho đồ đạc, toà nhà, công trình, bộ phận nối, cửa ra vào và cửa trượt và chi tiết trang trí và khớp nối của đồ đạc, các bộ phận và vật liệu lắp đặt của chúng làm bằng kim loại thông thường; thanh dẫn kéo ra dùng cho ngăn kéo và giá để hồ sơ dạng treo bằng kim loại; cấu kiện, các bộ phận của chúng và vật liệu lắp đặt làm bằng kim loại thông thường; quả đấm cửa (đinh tán) bằng kim loại, chốt bằng kim loại, đinh vít bằng kim loại, móc treo bằng kim loại, đai treo bằng sắt, đai trang trí bằng sắt, đai tạo hình và đai tiết diện bằng sắt; tủ và hộp rỗng đựng dụng cụ hoặc chứa dụng cụ có thể thay đổi làm bằng kim loại, bao gồm cả những tủ có chân đế có thể di chuyển/có phần thấp hơn và có thiết bị chèn vào; khoá làm bằng kim loại (không kể loại khoá dùng điện), quả khoá và ổ khoá hình trụ làm bằng kim loại, và hộp đựng khoá làm bằng kim loại.

Nhóm 07: Bộ phận dùng năng lượng của máy móc; cơ cấu khoan cầm tay chạy bằng mô tơ (là bộ phận của máy móc); và ống lót (là bộ phận của máy móc), con trượt (là bộ phận của máy móc), ống lót để vặn vít và ống lót khoan (là bộ phận của máy móc), cơ cấu khoan và chốt chặn sâu (là bộ phận của máy móc).

Nhóm 08: Dụng cụ vận hành bằng tay.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng và ống dẫn (không làm bằng kim loại); công trình có thể di chuyển được (không làm bằng kim loại); yếu tố dùng trong xây dựng bằng gỗ.

Nhóm 20: Chi tiết trang trí không làm bằng kim loại dùng cho cửa sổ, cửa ra vào và dùng cho đồ gỗ; chi tiết trang trí và khớp nối của đồ đạc, các bộ phận và vật liệu lắp đặt của chúng tất cả đều không làm bằng kim loại; quả đấm cửa (đinh tán), chốt, đinh vít, móc treo, đai treo, đai trang trí, đai tạo hình và đai tiết diện, cấu kiện, các bộ phận của chúng và vật liệu lắp đặt, tất cả các sản phẩm nói trên không làm bằng kim loại và thuộc nhóm này; đồ đạc bằng kim loại, chất dẻo hoặc bằng gỗ, giá kéo ra được dùng cho tủ bếp bằng gỗ; thanh dẫn kéo ra dùng cho ngăn kéo và giá để hồ sơ dạng treo không làm bằng kim loại; gương, khung tranh, thanh xà và dụng cụ để giữ làm bằng kim loại; vật dụng dùng để trang bị cho văn phòng, trụ sở kinh doanh, văn phòng (bác sĩ, luật sư), cửa hàng và nhà ở dưới dạng đồ đạc, cụ thể là bàn viết, bàn làm việc, bàn đứng, bàn lễ tân và giá cùng với các phụ kiện của chúng; chi tiết/cấu kiện dùng cho bàn/ghế hoặc chân bàn/ghế để điều chỉnh độ cao cho phù hợp với tư thế ngồi của từng người; các chi tiết trang trí cho bàn, cụ thể là thanh nối/ghép các cạnh bàn và chi tiết lắp ráp của ngăn kéo bàn hoặc cửa tủ để đóng mở được dễ dàng; chi tiết ghép vào một góc bàn được thiết kế một khe hở để luồn dây điện thoại hoặc dây máy tính từ dưới gầm bàn; đồ dùng văn phòng cả bộ bao gồm tủ,

thùng đựng, bàn, ngăn kéo, và hệ thống khoá ngăn kéo, màn kéo, chân đế được lắp vào, thanh dẫn, ván trượt và hộp dùng cho vật liệu, vách ngăn ngăn kéo, vách ngăn từng gian, hộp đựng thẻ thư mục, ngăn dùng để đựng mẫu đơn, thân thanh rầm riêng biệt, trục đứng, và cột chống màn che, hộp để con dấu, giá treo dùng để tổ chức và điều chỉnh, hệ thống khoá trung tâm, chìa khoá, tấm dẹt tròn dùng cho ổ khoá hình trụ, chốt khoá, đáy của ngăn bằng thép, giá, phần nối dài để kéo ra, đáy của tủ và hộp đựng, bản lề không bằng kim loại, cái kẹp màn che, ống dẫn cáp, móc treo ống dẫn cáp, cấu kiện dùng để treo, chân bàn, khung giá dùng cho tủ, chân đế của ngăn làm bằng kim loại và/hoặc chất dẻo; rổ, bộ phận của đồ đạc; tủ và hộp rỗng dùng để đựng dụng cụ hoặc chứa dụng cụ có thể thay đổi làm bằng gỗ hoặc bằng chất dẻo, bao gồm cả những tủ có chân đế có thể di chuyển / có phần thấp hơn và có thiết bị chèn vào.

---

(111) **4-0096217**
(210) 4-2005-14462
(181) 28.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 28.10.2005

(531) 26.4.2; A7.1.9; 5.5.19; 5.5.1
(591) Xanh lá cây thẫm, xanh lá cây nhạt, xanh dương đậm, xanh cô ban, đỏ, vàng, hồng, trắng, ghi nhạt
(731) HỢP TÁC XÃ CỔ PHẦN VIỆT NHẬT (VN)
Phong Khê, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 16: Giấy; giấy sao chụp (văn phòng); giấy gói hàng; giấy vệ sinh; giấy viết; khăn ăn bằng giấy.

---

(111) **4-0096218**
(210) 4-2005-14467
(181) 28.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

TRUNG ANH
NHÀ CUNG CẤP CHÍNH THỨC

(151) 20.02.2008
(220) 28.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH (VN)
P4, nhà B2 Hồ Cá, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán nội thất văn phòng; mua bán nội thất trường học; mua bán nội thất gia đình.

---

(111) **4-0096219**
(210) 4-2005-14465
(181) 28.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 28.10.2005

(531) 26.1.1; 26.3.23; 26.2.1; 26.13.25
(591) Đỏ, vàng da cam, trắng, đen, xanh đậm, hồng
(731) CÔNG TY TNHH XUÂN LỘC THỌ (VN)
Xóm 4, thôn Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Phích cắm điện, ổ cắm điện và các loại công tắc (dùng cho mục đích nối điện); bộ đóng mạch điện; rơle điện; bộ tích điện; hộp nối đầu dây (điện); dây điện; dây điện thoại; thiết bị để chuyển mạch điện; bình ắc quy; dây ăngten; ampe kế, chuông báo tín hiệu; thiết bị nối đầu dây điện; phao tín hiệu; thiết bị liên lạc; bảng điều khiển điện; máy đổi điện; máy nắn dòng điện; công tơ điện; bộ điều biến (môđem); thiết bị và dụng cụ hàng hải; thiết bị và dụng cụ quang học, thiết bị và dụng cụ vật lý; thiết bị và dụng cụ để cân; dụng cụ và máy để thử nguyên vật liệu; thiết bị giảng dạy.

Nhóm 11: Thiết bị và trang bị chiếu sáng; thiết bị đốt nóng sử dụng điện; thiết bị để sản sinh hơi nước; thiết bị và dụng cụ để nấu nướng; thiết bị và trang bị làm lạnh; thiết bị và trang bị kèm theo dùng cho mục đích sấy khô; thiết bị và trang bị thông gió (điều hoà không khí); trang bị để phân phối nước; dụng cụ và thiết bị vệ sinh.

---

(111) **4-0096220**
(210) 4-2006-02533
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HEPAR-DUO

(151) 20.02.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HOÀ (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096221**
(210) 4-2005-11206
(181) 31.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 31.08.2005

(531) 5.5.23; 25.1.6; 26.4.1
(591) Đỏ, trắng, xanh dương, xanh da trời, hồng, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI HOA VIỆT MỸ (VN)
179 Hùng Vương, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0096222**
(210) 4-2006-16370
(181) 29.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THEPANILE

(151) 20.02.2008
(220) 29.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096223**
(210) 4-2006-16371
(181) 29.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

THETOCIN

(151) 20.02.2008
(220) 29.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096224**
(210) 4-2006-14435
(181) 30.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

XQ CERAMIC

(151) 20.02.2008
(220) 30.08.2006

(731) DONG-A PENCIL CO., LTD. (KR)
4th Floor, ParkLand B/D, 237-11 Nonhyeon-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Sổ tay; bút máy; bút bi; bút chì; bút chì màu; keo (hồ) dính dùng cho văn phòng; cái gọt bút chì; mực viết (đồ dùng văn phòng); chất lỏng để xoá (đồ dùng văn phòng); hộp và hộp có ngăn để đựng bút và bút chì.

---

(111) **4-0096225**
(210) 4-2006-14900
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NUTRICHROME

(151) 20.02.2008
(220) 07.09.2006

(731) F.C.P. COMPANY LIMITED (TH)
23 Soi Sukhumvit 62 Yaek 4 (Soi Tadpring), Sukhumvit Road, Bangchark, Prakanong, Bangkok 10260, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096226**
(210) 4-2006-14902
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FIGGER

(151) 20.02.2008
(220) 07.09.2006

(731) F.C.P. COMPANY LIMITED (TH)
23 Soi Sukhumvit 62 Yaek 4 (Soi Tadpring), Sukhumvit Road, Bangchark, Prakanong, Bangkok 10260, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

(111) **4-0096227**
(210) 4-2006-14903
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

EXLITE

(151) 20.02.2008
(220) 07.09.2006

(731) F.C.P. COMPANY LIMITED (TH)
23 Soi Sukhumvit 62 Yaek 4 (Soi Tadpring), Sukhumvit Road, Bangchark, Prakanong, Bangkok 10260, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096228**
(210) 4-2006-15445
(181) 14.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GRUNPRO 2,8% W/W

(151) 20.02.2008
(220) 14.09.2006

(731) VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MSR GREEN CORPORATION (S) PTE LTD (VN)
35/12 phố Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt muỗi, thuốc diệt gián, thuốc diệt côn trùng, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc diệt cỏ dại, thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0096229**
(210) 4-2006-15446
(181) 14.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

RICHTETRA 90 TG

(151) 20.02.2008
(220) 14.09.2006

(731) VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MSR GREEN CORPORATION (S) PTE LTD (VN)
35/12 phố Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt muỗi, thuốc diệt gián, thuốc diệt côn trùng, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc diệt cỏ dại, thuốc trừ dịch cho thực vật.

---

(111) **4-0096230**
(210) 4-2006-15850
(181) 20.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ACTLY SACHET

(151) 20.02.2008
(220) 20.09.2006

(731) KOLON INTERNATIONAL CORP. (KR)
Kolon Tower, Annex 1-22, Byeolyang-Dong Kwacheon City, Kyonggi-Do 427-040, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096231**
(210) 4-2006-16976
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

OSAGLU

(151) 20.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096232**
(210) 4-2006-16977
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

BONLIV

(151) 20.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096233**
(210) 4-2006-17304
(181) 16.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 16.10.2006

(531) A26.11.13
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN MINH (VN)
Khu ga Phú Thụy, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 24: Chăn; vải trải giường; vỏ gối; vỏ đệm; rèm cửa bằng vải; rèm treo tường bằng vải.

---

(111) **4-0096234**
(210) 4-2006-17305
(181) 16.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 16.10.2006

(531) A26.11.13
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN MINH (VN)
Khu ga Phú Thụy, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 24: Chăn; vải trải giường; vỏ gối; vỏ đệm; rèm cửa bằng vải; rèm treo tường bằng vải.

---

(111) **4-0096235**
(210) 4-2006-17382
(181) 17.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

INDATAB

(151) 20.02.2008
(220) 17.10.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096236**
(210) 4-2006-01442
(181) 26.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CAPITA

(151) 20.02.2008
(220) 26.01.2006

(731) CAPITALAND LIMITED (SG)
168 Robinson Road, #30-01 Capital Tower, Singapore 068912
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 09: Xuất bản phẩm điện tử được lưu giữ trong phần cứng máy tính; các xuất bản phẩm điện tử (có thể tải xuống), tất cả các sản phẩm kể trên liên quan đến thị trường tài chính, thông tin tài chính, quản lý và dịch vụ, đầu tư bất động sản, dịch vụ bất động sản, phát hành quỹ bất động sản, quản lý tài sản, quản lý và dịch vụ quỹ, quản lý và dịch vụ uỷ thác, uỷ trị, thị trường mua bán, tài chính tập thể, quản lý và dịch vụ chứng khoán, môi giới cổ phiếu và trái phiếu và dịch vụ bảo đảm.

Nhóm 16: Ấn phẩm và xuất bản phẩm; báo, tạp chí xuất bản định kỳ, bản tin, bản tin nội bộ, tạp chí, sách vở và sách giáo khoa; tất cả các sản phẩm kể trên liên quan đến thị trường tài chính, thông tin tài chính, quản lý và dịch vụ, đầu tư bất động sản, dịch vụ bất động sản, phát hành quỹ bất động sản, quản lý tài sản, quản lý và dịch vụ quỹ, quản lý và dịch vụ uỷ thác, uỷ trị, thị trường mua bán, tài chính tập thể, quản lý và dịch vụ chứng khoán, môi giới cổ phiếu và trái phiếu và dịch vụ bảo đảm.

Nhóm 35: Quản lý và điều hành kinh doanh; nghiên cứu kinh doanh, quản lý và điều hành kinh doanh bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại, văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn và bán lẻ, chỗ ở tạm thời, khách sạn, khách sạn có chỗ để ô tô, khu nghỉ mát, căn hộ du lịch, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà kho, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; tổ chức triển lãm cho các mục đích kinh doanh và thương mại; hợp tác cùng có lợi với các đối tác khác, các cửa hàng bách hoá, các đại lý bán lẻ và buôn, các nhà hàng và nhà cung cấp các dịch vụ; hợp tác cùng có lợi với các đối tác khác trong lĩnh vực hàng hoá, dịch vụ, giúp khách hàng thuận lợi trong việc quan sát và mua bán các hàng hoá và dịch vụ đó trong cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán buôn bán lẻ, khách sạn, đại lý thực phẩm và đồ uống, trong catalô mua và bán thông thường qua đơn đặt hàng bằng thư hoặc qua các phương tiện phương tiện viễn thông, qua website mạng lưới thông tin mua và bán toàn cầu thông thường; biên soạn các danh mục thư tín; quảng cáo trực tiếp bằng thư; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ trưng bày hàng hoá, dịch vụ rao hàng; dịch vụ tiếp thị và quảng cáo để bán hàng, phân tích và nghiên cứu thị trường; tổ chức cuộc thi về kinh doanh; chuẩn bị các ấn phẩm quảng cáo, công bố các tài liệu quảng cáo, dịch vụ công bố quảng cáo, tất cả liên quan đến thị trường tài chính, thông tin tài chính, quản lý và dịch vụ, đầu tư bất động sản, dịch vụ bất động sản, phát hành quỹ bất động sản, quản lý tài sản, quản lý và dịch vụ quỹ, quản lý và dịch vụ uỷ thác, ủy trị, thị trường mua bán, tài chính tập thể, quản lý và dịch vụ chứng khoán, môi giới cổ phiếu và trái phiếu và dịch vụ bảo lãnh; dịch vụ tư vấn và cố vấn cho các dịch vụ kể trên.

Nhóm 36: Dịch vụ bất động sản; dịch vụ đại lý bất động sản; cho thuê và cho thuê theo hợp đồng bất động sản, bất động sản tư nhân, bất động sản công nghiệp và thương mại,

văn phòng, trung tâm kinh doanh, cửa hàng bách hoá, trung tâm buôn bán, đại lý bán lẻ và bán buôn, căn hộ cho thuê, toà nhà, nhà ở, nhà tập thể, nhà căn hộ, phòng ở, nhà máy và các toà nhà mới xây dựng; quản lý bất động sản, tư vấn phát triển liên quan đến bất động sản, định giá bất động sản, điều phối bất động sản, tất cả liên quan đến bất động sản; dịch vụ tài chính; quản lý tài sản; quản lý quỹ, quản lý quỹ vốn, quản lý quỹ tập thể, quản lý quỹ tài chính và quản lý quỹ đầu tư; dịch vụ tín thác, dịch vụ quản lý tín thác, dịch vụ đầu tư tín thác; dịch vụ thông tin thị trường tài chính; tổ chức thị trường mua bán cho dịch vụ tài chính; tài chính doanh nghiệp; môi giới chứng khoán; quản lý chứng khoán; giao dịch và mua bán chứng khoán; dịch vụ đầu tư chứng khoán; môi giới cổ phiếu và trái phiếu; dịch vụ uỷ thác đầu tư; quản trị uỷ thác; dịch vụ uỷ thác kinh doanh và quản lý kinh doanh; dịch vụ bảo đảm trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ uỷ trị trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ uỷ thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ quản lý uỷ thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ thiết lập uỷ thác trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; dịch vụ tư vấn, quản lý và cố vấn tài chính; đánh giá và phân tích tài chính; bảo hiểm tài chính; dịch vụ tài chính; dịch vụ tín dụng; dịch vụ bảo lãnh tài chính; sắp đặt quỹ và chứng khoán; cung cấp thông tin trực tuyến từ cơ sở dữ liệu trên máy vi tính hoặc từ internet (các thông tin này liên quan đến dịch vụ thị trường tài chính, thông tin tài chính, quản lý và dịch vụ, đầu tư bất động sản, dịch vụ bất động sản, phát hành quỹ bất động sản, quản lý tài sản, quản lý và dịch vụ quỹ, quản lý và dịch vụ uỷ thác, uỷ trị, thị trường mua bán, tài chính tập thể, quản lý và dịch vụ chứng khoán, môi giới cổ phiếu và trái phiếu và dịch vụ bảo lãnh); dịch vụ tư vấn và cố vấn cho các dịch vụ kể trên.

---

(111) **4-0096237**
(210) 4-2006-16745
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 05.10.2006

(591) Xanh dương đậm, xanh lá cây đậm
(731) HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP AN HÒA (VN)
ấp An Hoà, xã An Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 31: Hạt giống lúa.

---

(111) **4-0096238**
(210) 4-2006-17570
(181) 19.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ĐÔNG NAM

(151) 20.02.2008
(220) 19.10.2006

(731) ĐẶNG VĂN NAM (VN)
50/3 Đồng Khởi, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng.

---

(111) **4-0096239**
(210) 4-2006-15573
(181) 15.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LIVERNUTRI

(151) 20.02.2008
(220) 15.09.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096240**
(210) 4-2006-16661
(181) 04.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 04.10.2006

(531) 26.3.1; 1.5.1; A1.5.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC TOÀN CẦU (VN)
Số 5, ngõ 62, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 41: Giáo dục đào tạo; tổ chức và điều khiển hội nghị hội thảo; dịch vụ thư viện lưu động; xuất bản sách; dịch vụ câu lạc bộ giải trí hoặc giáo dục; dịch vụ về giáo dục giảng dạy.

---

(111) **4-0096241**
(210) 4-2006-02978
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 03.03.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; 6.1.2
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh lá cây, hồng cánh sen
(731) CÔNG TY TNHH KIM CHÍ HƯNG (VN)
63A/94 đường 30/4, phường Phú Thọ, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 28: Bộ xếp hình Gabe; bộ xếp hình khối; bộ xếp hình con thú; bộ xếp hình trái bóng; cờ vua; bộ bàn tính (đồ chơi).

(111) **4-0096242**
(210) 4-2006-11979
(181) 26.07.2016
(300) 78/917,457 27.06.2006 US
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 26.07.2006

(531) A25.7.7; 26.1.6
(731) THE MENTHOLATUM COMPANY (US)
707 Sterling Drive, Orchard Park, New York 14127 - 1587, United States of America
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc.

---

(111) **4-0096243**
(210) 4-2006-14908
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

FLUSEVENTEEN

(151) 20.02.2008
(220) 07.09.2006

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096244**
(210) 4-2006-14944
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SOLU METYLMED

(151) 20.02.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
E2, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096245**
(210) 4-2006-21249
(181) 05.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 05.12.2006

(531) 26.4.3; A26.11.13; 26.3.23; A26.11.12; 18.3.23
(591) Xanh nước biển, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (VN)
171 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ giám sát kỹ thuật xây dựng.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế quy hoạch chi tiết khu dân cư, khu phố, thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng khu dân cư, khu phố.

---

(111) **4-0096246**
(210) 4-2006-13700
(181) 21.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 21.08.2006

(531) 26.4.1; 26.7.25
(591) Xanh lá cây, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - KINH DOANH NHÀ GIA HOÀ (VN)
20 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà ở.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng, tư vấn giám sát xây dựng.

---

(111) **4-0096247**
(210) 4-2006-20878
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PECTOKID

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG PHÚC (VN)
139 Thành Mỹ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096248**
(210) 4-2006-20894
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(531) A3.9.4
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚC HÀ (PHUC HA COMPANY LTD) (VN)
565 đường Giải phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Đại lý xuất nhập khẩu, dịch vụ mua bán các thiết bị đường ống nước gồm van các loại, ống nước, miếng đệm (gioăng) dùng cho ống dẫn, ống bao nối (măng sông), ống dẫn, ống cứng, dùng cho xây dựng vật liệu xây dựng.

---

(111) **4-0096249**
(210) 4-2006-20895
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PHÚC HÀ

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚC HÀ (PHUC HA COMPANY LTD) (VN)
565 đường Giải phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Van kim loại (không phải là bộ phận của máy).

Nhóm 17: Ống mềm phi kim loại; ống nhựa mềm và các vật nối không làm bằng loại bao gồm: miếng đệm (gioăng) dùng cho ống dẫn, ống bao nối (măng sông), ống dẫn (không bằng kim loại), đoạn ống nối (không bằng kim loại), ống nước nhựa mềm, tất cả đều là loại ống mềm phi kim loại.

Nhóm 19: Ống cứng phi kim loại dùng cho xây dựng; ống nước phi kim loại; vật liệu xây dựng phi kim loại.

Nhóm 20: Van bằng chất dẻo dùng cho ống dẫn nước; van không bằng kim loại (không phải là bộ phận của máy).

Nhóm 35: Đại lý xuất nhập khẩu, dịch vụ mua bán các thiết bị đường ống nước gồm van các loại, ống nước, miếng đệm (gioăng) dùng cho ống dẫn, ống bao nối (măng sông), ống dẫn, ống cứng dùng cho xây dựng, vật liệu xây dựng.

---

(111) **4-0096250**
(210) 4-2006-11225
(181) 18.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 18.07.2006

(531) 26.1.2; A1.5.6
(591) Đen, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP E NHẤT (VN)
Số nhà 59, nhà C, tập thể Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Cột đèn bằng thép, thang máng cáp bằng thép, tủ bằng thép, giá bằng thép dùng cho công trình xây dựng công nghiệp.

Nhóm 20: Tủ đựng tài liệu bằng thép, giá để tài liệu bằng thép dùng cho văn phòng, gia đình.

---

(111) **4-0096251**
(210) 4-2006-04896
(181) 03.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

LEIYON

(151) 20.02.2008
(220) 03.04.2006

(731) DONGGUAN CITY LEIYON ELECTRONIC TECHNOLOGY CO., LTD (CN)
BBK Rd of Wusha Changan Town Dongguan City, Guangdong Province, P.R China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Đầu đọc DVD; đầu đọc VCD; loa; đài (radio); máy quay video xách tay có kèm theo bộ phận ghi hình; thiết bị vô tuyến; máy nghe nhạc MP3; vành tăng âm của loa; bộ khuếch đại âm thanh chạy bằng điện; thiết bị giải mã kỹ thuật số (thiết bị nối máy vô tuyến truyền hình với Internet và chiếu các chương trình trên Internet đó trên màn hình vô tuyến); thiết bị điện thoại; điện thoại di động.

---

(111) **4-0096252**
(210) 4-2006-20524
(181) 24.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ECOFER

(151) 20.02.2008
(220) 24.11.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096253**
(210) 4-2006-13786
(181) 22.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 22.08.2006

(531) 26.1.1
(591) Đỏ, xanh dương đậm, xanh dương nhạt
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ DU LỊCH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ VẬN TẢI LÂM CƯỜNG (VN)
72 (trệt và lầu 1) Nguyễn Đình Chiểu, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Vận tải; đóng gói và lưu giữ hàng hóa; du lịch.

---

(111) **4-0096254**
(210) 4-2006-18014
(181) 25.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AREMEX

(151) 20.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

(111) **4-0096255**
(210) 4-2006-18155
(181) 26.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PODOXXEF

(151) 20.02.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096256**
(210) 4-2006-20890
(181) 29.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HELORNI

(151) 20.02.2008
(220) 29.11.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096257**
(210) 4-2006-04851
(181) 03.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

NHƯ BÌNH
Cogel

(151) 20.02.2008
(220) 03.04.2006

(531) 3.7.11; 26.1.2
(731) VÕ QUỐC HOÀI (VN)
Thửa 116 - 117, tờ bản đồ 21, khóm 1, phường 7, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 29: Thạch dừa, thạch rau câu, trái cây sấy, mứt dừa.

Nhóm 30: Kẹo dừa, kẹo chuối, kẹo trái cây.

Nhóm 32: Nước giải khát (chanh tắc, xí muội, nước ngọt có gaz, nước ép quả).

---

(111) **4-0096258**
(210) 4-2006-08592
(181) 05.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 05.06.2006

(531) A1.1.10; 7.1.5; 26.1.2
(591) Xanh lục, trắng
(731) TỔNG CÔNG TY DU LỊCH HÀ NỘI (VN)
18 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; tổ chức hội chợ và triển lãm chuyên đề nhằm mục đích thương mại và quảng cáo; dịch vụ xúc tiến thương mại; mua bán hàng hoá: mua bán đồ lưu niệm, các loại nông, lâm, hải sản, hoa tươi, quả tươi, phân bón, hàng may mặc vải sợi, hàng dệt kim, lụa tơ tằm, vật tư phụ kiện cho ngành may mặc, rượu bia, thuốc lá, thực phẩm, tơ tằm, chè, cà phê, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm sứ, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất và tiêu dùng, đồ gốm và đồ gỗ mỹ nghệ, nguyên nhiên liệu xây dựng, các loại hoá chất, sơn, nhựa và đồ nhựa, than các loại, thiết bị máy móc và hàng tiêu dùng, điện thoại di động, hoá chất tẩy rửa công nghiệp, ôtô, xe máy, hoá chất xây dựng; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá; xuất khẩu lao động và chuyên gia.

Nhóm 36: Đầu tư tài chính để phát triển: khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại dịch vụ; dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng; mua bán, môi giới bất động sản; tư vấn đầu tư.

Nhóm 37: Xây dựng, cải tạo, sửa chữa nâng cấp các công trình trong ngành du lịch, dân dụng, nhà ở, công trình công cộng, giao thông, văn hoá; dịch vụ sửa chữa xe; rửa xe; dịch vụ giặt là.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải; dịch vụ vận tải đường bộ, đường thuỷ, vận chuyển khách du lịch, vận chuyển hàng hoá; đại lý bán vé máy bay.

Nhóm 41: Dịch vụ phiên dịch; dịch vụ vui chơi giải trí; tổ chức hội thảo và hội nghị; tư vấn du học; tổ chức đào tạo, dạy nghề, bồi dưỡng các nghiệp vụ du lịch, khách sạn, hướng dẫn viên du lịch, ngoại ngữ, buồng, bàn, lễ tân, giúp việc gia đình.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống.

(111) **4-0096259**
(210) 4-2006-16506
(181) 02.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 02.10.2006

(531) 1.5.1; A1.5.2; 26.4.1; 26.4.10
(591) Xanh lục, vàng, trắng, đen
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HỮU NGHỊ (VN)
Xã Thanh Thuỷ (cửa khẩu Thanh Thuỷ), huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

(511) Nhóm 27: Chiếu nhựa.

---

(111) **4-0096260**
(210) 4-2006-20573
(181) 24.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.1.1; 1.15.24
(591) Đen, đỏ nhạt, xanh
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ MỸ PHẨM MINH NGỌC (VN)
Số 61 ngõ 66 Đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước súc miệng không chứa dược chất; kem đánh răng; chế phẩm dùng để đánh bóng răng; bột dùng để đánh răng; nước thơm dùng cho cạo râu; mỹ phẩm.

Nhóm 35: Mua bán nước súc miệng, kem đánh răng, chế phẩm dùng để đánh bóng răng, bột dùng để đánh răng, nước thơm dùng cho cạo râu, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu; quảng cáo; giới thiệu sản phẩm; tổ chức hội trợ triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; bán đấu giá.

---

(111) **4-0096261**
(210) 4-2006-21204
(181) 04.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 04.12.2006

(531) 26.1.2; A1.1.10; A26.11.13
(731) CÔNG TY TNHH RUBY (VN)
268 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y; thuốc dùng cho thủy sản.

(111) **4-0096262**
(210) 4-2006-02975
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

G.LINK

(151) 20.02.2008
(220) 03.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VINH HIỂN (VN)
38 Xuân Diệu, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Chương trình máy tính ghi sẵn, thiết bị để xử lý thông tin, thiết bị liên lạc, bộ điều biến (mô đem), thiết bị an toàn giao thông đường sắt, máy phát tín hiệu điện tử.

---

(111) **4-0096263**
(210) 4-2006-02908
(181) 02.03.2016
(300) 2400700 02.09.2005 GB
(450) 25.03.2008 240
(540)

BestPic

(151) 20.02.2008
(220) 02.03.2006

(731) SONY ERICSSON MOBILE COMMUNICATIONS AB (SE)
Nya Vattentornet, SE-221 88 Lund, Sweden
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ viễn thông; thiết bị phát, thu, truyền hay tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; điện thoại; máy fax; màn hình hiển thị; chương trình trò chơi điện tử; bộ phận của các thiết bị và dụng cụ viễn thông; ắc quy hay pin và thiết bị nạp điện dùng cho các thiết bị viễn thông; tai nghe kiểu vòng qua đầu; tai nghe dạng nút; bàn phím; thiết bị và dụng cụ dùng để giám sát từ xa, quản lý từ xa và điều khiển từ xa; thiết bị xử lý dữ liệu; phương tiện để ghi hay tái tạo dữ liệu, âm thanh, hình ảnh hay tín hiệu; thiết bị và dụng cụ quang học hay từ tính; máy vi tính, thiết bị đầu cuối của máy vi tính; phần mềm máy tính; phương tiện để lưu trữ dữ liệu, bao gồm các thẻ (các) thông minh, chíp nhớ và thẻ (các) từ tính; thiết bị dùng để ghi và tái tạo các đĩa quang học và đĩa từ tính; sổ tay điện tử; thiết bị đầu cuối đa phương tiện; xuất bản phẩm điện tử; thiết bị và dụng cụ quay phim và chụp ảnh; máy in (thiết bị ngoại vi cho thiết bị điện tử).

Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông và dịch vụ truyền dữ liệu; dịch vụ tư vấn và cố vấn về lĩnh vực viễn thông; dịch vụ kết nối mạng internet (mạng máy tính toàn cầu), mạng intranet (mạng nội bộ) và mạng extranet (mạng nội bộ được mở rộng); dịch vụ cho thuê các thiết bị và dụng cụ viễn thông; dịch vụ tải về từ xa các trò chơi điện tử, dữ liệu số và phần mềm máy tính; dịch vụ cung cấp đường truyền và kết nối cho phép truy cập vào mạng máy tính.

(111) **4-0096264**
(210) 4-2006-15144
(181) 11.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HẠC VIÊN

(151) 20.02.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG (VN)
Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 36: Đầu tư vốn; môi giới, cho thuê, kinh doanh bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; tư vấn trong xây dựng; trang trí nội thất.

Nhóm 42: Kiến trúc; dịch vụ vẽ đồ họa.

---

(111) **4-0096265**
(210) 4-2006-15145
(181) 11.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HƯNG GIANG

(151) 20.02.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG (VN)
Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 36: Đầu tư vốn; môi giới, cho thuê, kinh doanh bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; tư vấn trong xây dựng; trang trí nội thất.

Nhóm 42: Kiến trúc; dịch vụ vẽ đồ họa.

---

(111) **4-0096266**
(210) 4-2005-08319
(181) 06.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SADAMIR

(151) 20.02.2008
(220) 06.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096267**
(210) 4-2005-08320
(181) 06.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BEMEURO

(151) 20.02.2008
(220) 06.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096268**
(210) 4-2006-17726
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

WINMAX

(151) 20.02.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HIỆP THẮNG (VN)
206/1 Đồng Đen, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0096269**
(210) 4-2006-17727
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 20.10.2006

(531) 3.1.4; A3.1.21
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HIỆP THẮNG (VN)
206/1 Đồng Đen, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0096270**
(210) 4-2006-17939
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

IMer

(151) 20.02.2008
(220) 24.10.2006

(731) QUANTA COMPUTER INC. (TW)
No. 188, Wen Hwa 2nd Rd., Kuei Shan Hsiang, Taoyuan Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ thư điện tử; dịch vụ gửi dữ liệu không dây, cụ thể, dịch vụ giúp cho người sử dụng gửi và nhận dữ liệu thông qua mạng dữ liệu không dây; dịch vụ nhắn tin một chiều và hai chiều; dịch vụ truyền và nhận thông tin âm thanh; tư vấn kỹ thuật về việc phát triển và nâng cấp khả năng kết nối không dây một chiều và hai chiều tới dữ liệu, bao gồm cả dữ liệu nhóm và hoặc phương tiện thông tin liên lạc.

---

(111) **4-0096271**
(210) 4-2006-18216
(181) 27.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 27.10.2006

(531) 1.17.11; 5.7.3; 15.7.1; 1.5.1
(591) Xanh lá, đỏ, vàng, trắng
(731) PHẠM HOÀNG THẮNG (VN)
196 Lý Tự Trọng, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

(511) Nhóm 07: Thiết bị phụ tùng, máy móc nông nghiệp: thiết bị gieo hạt, thiết bị phun xịt dung dịch, máy gặt đập liên hợp.

---

(111) **4-0096272**
(210) 4-2006-18692
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SAUABA

(151) 20.02.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÁI PHONG (VN)
95 Trang Tử, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0096273**
(210) 4-2006-18693
(181) 01.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HOTRAY

(151) 20.02.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÁI PHONG (VN)
95 Trang Tử, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0096274**
(210) 4-2006-20957
(181) 30.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MƯỜI TO

(151) 20.02.2008
(220) 30.11.2006

(731) NGUYỄN VĂN TÔN (VN)
ấp An Lợi B, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng bạc.

---

(111) **4-0096275**
(210) 4-2006-20959
(181) 30.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MINH CHIẾU

(151) 20.02.2008
(220) 30.11.2006

(731) HỒ MINH CHÂU (VN)
ấp Bình Lợi, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng bạc.

---

(111) **4-0096276**
(210) 4-2006-21574
(181) 11.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 11.12.2006

(531) 18.3.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẬN TẢI ĐỒNG TÂM (VN)
Số 58 Phạm Ngũ Lão, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 39: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, môi giới vận tải (đường bộ, đường sắt và đường thủy).

---

(111) **4-0096277**
(210) 4-2007-00205
(181) 04.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 04.01.2007

(531) 3.7.1; A3.7.24
(591) Đỏ, vàng sậm
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUANG THÔNG (VN)
150/36 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 17: Tấm mica (tấm nhựa bán thành phẩm làm từ polyme acrylic, plyme styren, hoặc polycacbonate).

---

(111) **4-0096278**
(210) 4-2006-16991
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HOMTON C

(151) 20.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN VY (VN)
541/24 Sư Vạn Hạnh, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096279**
(210) 4-2005-11296
(181) 01.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 01.09.2005

(531) 5.7.8
(591) Tím, trắng, xanh lá cây, xanh da trời, hồng, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 30: Kẹo ngậm.

---

(111) **4-0096280**
(210) 4-2005-11297
(181) 01.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 20.02.2008
(220) 01.09.2005

(531) A5.1.5; 5.3.16
(591) Trắng, xanh lá mạ, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 30: Kẹo ngậm.

---

(111) **4-0096281**
(210) 4-2006-22564
(181) 25.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PIERRE CARDIN

(151) 21.02.2008
(220) 25.12.2006

(731) PIERRE CARDIN (FR)
59, rue du Faubourg Saint Honoré, 75008 Paris, France
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia); chiết xuất từ rượu; rượu khai vị; đồ uống đã được chưng cất; rượu táo; rượu cốctay; rượu tiêu cơm uống sau bữa ăn (rượu cồn và rượu mạnh); rượu brandi; rượu mùi; rượu mạnh; rượu rom; rượu vốtca; rượu gin; rượu uýtky; rượu sakê; rượu vang; chất chiết trái cây có cồn; đồ uống có cồn bao gồm cả trái cây.

---

(111) **4-0096282**
(210) 4-2005-11090
(181) 29.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

GLUFIZIN

(151) 21.02.2008
(220) 29.08.2005

(731) SEO KYUNG CO., LTD (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-Dong, Seocho-Ku Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096283**
(210) 4-2005-11091
(181) 29.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

HELTOBITE

(151) 21.02.2008
(220) 29.08.2005

(731) SEO KYUNG CO., LTD (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-Dong, Seocho-Ku Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096284**
(210) 4-2006-22651
(181) 25.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

SCAROBEX

(151) 21.02.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096285**
(210) 4-2006-16973
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TOPMAXSILL

(151) 21.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
284/57 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0096286**
(210) 4-2006-16974
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ACERMAX

(151) 21.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
284/57 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0096287**
(210) 4-2006-16975
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

TANAGA

(151) 21.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÂN Á (VN)
Số nhà 41, lô 2A, đường 11, khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096288**
(210) 4-2006-16978
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AUSXICAM

(151) 21.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096289**
(210) 4-2006-16984
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DIDCARTUSS

(151) 21.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ & KINH DOANH DƯỢC PHẨM NGHĨA PHÁT (VN)
34 Lam Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0096290**
(210) 4-2006-16985
(181) 10.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ANTRIVYL

(151) 21.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096291**
(210) 4-2006-16929
(181) 09.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 21.02.2008
(220) 09.10.2006

(531) 26.1.5; 24.15.3; A24.15.13; 26.1.1; 1.5.1
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÊ TRƯỜNG THỊNH (VN)
91 đường TA 21, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Băng keo dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia dụng; màng mỏng bằng chất dẻo dùng để bao gói (bằng nhựa PE, PP); túi xốp bằng nhựa PP, PE để đựng hàng hoá.

---

(111) **4-0096292**
(210) 4-2005-08908
(181) 19.07.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

PROBICOL

(151) 21.02.2008
(220) 19.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NÔNG PHÁT (VN)
387 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0096293**
(210) 4-2005-06261
(181) 27.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ISIS

(151) 21.02.2008
(220) 27.05.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ-DU LỊCH B.E.S.T (VN)
177/33/1 Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ đo thời gian; đồ nữ trang.

Nhóm 18: Túi xách; ba lô; va li; ví.

---

(111) **4-0096294**
(210) 4-2005-07320
(181) 20.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

TETRA DIAMANT

(151) 21.02.2008
(220) 20.06.2005

(731) AVENTIS PHARMA S.A (FR)
20, Avenue Raymond Aron, Antony (FR) F - 92160, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096295**
(210) 4-2005-12836
(181) 30.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

OZIZO
COLLECTION

(151) 21.02.2008
(220) 30.09.2005

(531) 26.4.2
(731) BÙI KIM NGỌC (VN)
Gian 09 tầng 4, 54-56 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; quần lót; áo lót.

---

(111) **4-0096296**
(210) 4-2005-12837
(181) 30.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

T-Core

(151) 21.02.2008
(220) 30.09.2005

(731) TAH HSIN INDUSTRIAL CORP., (TW)
No. 51,35th Rd, Taichung Industrial Park, Taichung City, Taiwan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Vải.

Nhóm 25: Quần không thấm nước; áo không thấm nước; áo đi mưa; áo liền nón; áo khoác; áo khoác dài.

Nhóm 28: Dụng cụ thể thao.

---

(111) **4-0096297**
(210) 4-2005-12844
(181) 30.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SAPMETA

(151) 21.02.2008
(220) 30.09.2005

(731) CÔNG TY ĐẦU TƯ MIỀN ĐÔNG (VN)
202B Hoàng Văn Thụ, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096298**
(210) 4-2005-12845
(181) 30.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LỰC SĨ

(151) 21.02.2008
(220) 30.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG THƯƠNG NGHIỆP MINH HƯNG (VN)
551 Minh Phụng, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Bồn chứa nước bằng inox.

Nhóm 20: Bồn chứa nước bằng nhựa.

Nhóm 21: Chai nhựa PET; bình nhựa PET.

(111) **4-0096299**
(210) 4-2005-07885
(181) 29.06.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

J. JILL

(151) 21.02.2008
(220) 29.06.2005

(731) THE J. JILL GROUP, INC. (US)
4 Batterymarch Park, Quincy, Massachusetts 02169, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo và giày dép.

---

(111) **4-0096300**
(210) 4-2005-12060
(181) 16.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 21.02.2008
(220) 16.09.2005

(591) Màu trắng, vàng, xanh
(731) ARCOR S.A.I.C. (AR)
Avda, Fulvio Pagani 487, Arroyito, Province of Cordoba, Republic of Argentina
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh quy dẹt; bánh quy; nhân bánh quy dẹt.

---

(111) **4-0096301**
(210) 4-2006-17725
(181) 20.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ALFA PIÙ

(151) 21.02.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LINH NGUYỄN (VN)
56B Duy Tân, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0096302**
(210) 4-2006-17938
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

IMer

(151) 21.02.2008
(220) 24.10.2006

(731) QUANTA COMPUTER INC. (TW)
No. 188, Wen Hwa 2nd Rd., Kuei Shan Hsiang, Taoyuan Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị cầm tay có thể di chuyển được dùng để phát các tập tin âm thanh, cụ thể là máy MP3 (thiết bị xử lý dữ liệu); thiết bị thu (âm thanh và hình ảnh); radio máy nhắn tin vô tuyến; điện thoại vô tuyến, máy thu thanh; bộ truyền tín hiệu điện tử; máy phát (viễn thông); bộ máy phát (viễn thông); điện thoại; ống nghe điện thoại; máy phát điện thoại; điện thoại (di động); máy thu phát vô tuyến xách tay; thiết bị truyền thông tin điện tử; thiết bị liên lạc; thiết bị xử lý thông tin; tấm/thẻ điện tử (thẻ thông minh); chương trình trò chơi máy vi tính; bàn phím máy vi tính; chương trình điều hành máy vi tính, ghi sẵn; thiết bị ngoại vi máy vi tính; chương trình máy vi tính, ghi sẵn; chương trình máy vi tính (phần mềm có thể tải xuống được); phần mềm máy vi tính ghi sẵn; máy vi tính; máy vi tính xách tay; máy in sử dụng cùng với máy tính; vật mang dữ liệu từ tính; vật mang dữ liệu quang; đầu đọc đĩa (dùng cho máy vi tính); máy fax; thiết bị liên lạc; thiết bị đo âm thanh; thiết bị ghi âm; vật ghi âm thanh; đĩa ghi âm; thiết bị tái tạo âm thanh; thiết bị truyền âm thanh; thiết bị và máy thăm dò; tháp/ăng ten không dây; và thiết bị xử lý văn bản; phần mềm để truyền và/hoặc nhận tin nhắn, thư điện tử thông qua mạng máy vi tính toàn cầu và/hoặc dữ liệu khác giữa một hoặc nhiều thiết bị điện tử cầm tay và kho dữ liệu trên hoặc liên kết với máy vi tính cá nhân hoặc máy chủ; phần mềm để đồng bộ hóa dữ liệu giữa một trạm hoặc một thiết bị ở xa và một trạm hoặc một thiết bị cố định hoặc thiết bị ở và phần mềm cho phép và cung cấp khả năng kết nối không dây một chiều và/hoặc hai chiều tới dữ liệu, bao gồm cả dữ liệu nhóm.

---

(111) **4-0096303**
(210) 4-2006-17940
(181) 24.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

IMer

(151) 21.02.2008
(220) 24.10.2006

(731) QUANTA COMPUTER INC. (TW)
No. 188, Wen Hwa 2nd Rd., Kuei Shan Hsiang, Taoyuan Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ tư vấn và giáo dục mang tính chất cung cấp thông tin cho bên thứ ba để hỗ trợ họ trong việc phát triển và nâng cấp khả năng kết nối không dây một chiều hoặc hai chiều đến dữ liệu, bao gồm cả dữ liệu nhóm, và/hoặc thiết bị thông tin liên lạc bằng lời nói.

---

(111) **4-0096304**
(210) 4-2005-12968
(181) 04.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

ORINO

(151) 21.02.2008
(220) 04.10.2005

(731) HỘ KINH DOANH THUỶ THỊNH (VN)
86 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 09: Máy quay đĩa; máy thu nghe nhìn (máy thu thanh thu hình); thiết bị thu hình; màn hình máy vi tính; máy cattset; loa.

---

(111) **4-0096305**
(210) 4-2006-00542
(181) 11.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 21.02.2008
(220) 11.01.2006

(531) 24.17.17; 24.17.25
(731) PAYEASY DIGITAL INTEGRATION CO., LTD. (TW)
13 F., No.11, Sec.1, Jhongshan N. Rd., Jhongshan District, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Tinh dầu; xà phòng; mặt nạ làm đẹp da mặt; dầu gội đầu; mỹ phẩm; kem chống nắng; kem chống nếp nhăn; kem làm trắng da; mỹ phẩm làm thon người; kem trị mụn; kem trị tàn nhang (không dùng cho mục đích y tế).

Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ các loại mỹ phẩm, đồ kim hoàn, tư trang và kim loại quí; dịch vụ bán lẻ trực tuyến, dịch vụ bán lẻ thông qua việc đặt hàng bằng thư điện tử và/hoặc từ ca-ta-lô về mỹ phẩm, đồ kim hoàn và kim loại quí; dịch vụ đặt hàng bằng thư điện tử; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ quảng cáo thương mại; đại lý quảng cáo; dịch vụ quảng cáo được cung ứng dưới dạng ca-ta-lô và thư đặt hàng; dịch vụ quảng cáo trực tuyến qua mạng truyền thông kỹ thuật số; cho thuê không gian quảng cáo trên phương tiện truyền thông; lập kế hoạch và tổ chức quảng cáo; cung cấp dữ liệu số tìm kiếm cho người khác từ cơ sở dữ liệu máy tính; dịch vụ cố vấn và tư vấn điều hành kinh doanh; đại lý xuất nhập khẩu; cung ứng dịch vụ quảng bá cho người khác; dịch vụ trung gian làm cầu nối giữa khách hàng và/hoặc người mua với người bán.

(111) **4-0096306**
(210) 4-2006-01242
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ADIFO

(151) 21.02.2008
(220) 23.01.2006

(731) APC PHARMACEUTICALS & CHEMICALS (IN)
43 Vikas Centre 106, S.V. Road Santracruz (W), Mumbai 400054, India
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096307**
(210) 4-2006-01243
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ISOBID

(151) 21.02.2008
(220) 23.01.2006

(731) APC PHARMACEUTICALS & CHEMICALS (EUROPE) LTD (GB)
First Floor, Fountain Court, High Street, Market Harborough, LE16 7AF, United Kingdom
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096308**
(210) 4-2006-01244
(181) 23.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ROLAC

(151) 21.02.2008
(220) 23.01.2006

(731) APC PHARMACEUTICALS & CHEMICALS (EUROPE) LTD (GB)
First Floor, Fountain Court, High Street, Market Harborough, LE16 7AF, United Kingdom
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096309**
(210) 4-2005-12846
(181) 30.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 21.02.2008
(220) 30.09.2005

(531) 26.4.3
(591) Nâu, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG LAN XUẤT KHẨU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (VN)
101-103 Tạ Uyên, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Xuất nhập khẩu hoa và cây cảnh; xuất nhập khẩu chim cá thú; xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ; mua bán hoa và cây cảnh; mua bán chim cá thú; mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.

---

(111) **4-0096310**
(210) 4-2005-11298
(181) 01.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 21.02.2008
(220) 01.09.2005

(531) 5.7.12
(591) Vàng, trắng, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 30: Kẹo ngậm.

---

(111) **4-0096311**
(210) 4-2005-11299
(181) 01.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 21.02.2008
(220) 01.09.2005

(531) 5.7.11
(591) Vàng cam, trắng, xanh lá cây, xanh da trời, xanh tím
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 30: Kẹo ngậm.

---

(111) **4-0096312**
(210) 4-2005-12650
(181) 18.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Nisitanol

(151) 21.02.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096313**
(210) 4-2005-05792
(181) 19.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 21.02.2008
(220) 19.05.2005

(531) 26.1.1; 26.4.7
(591) Xanh nước biển, vàng da cam và trắng
(731) TRUNG TÂM HỖ TRỢ NĂNG LỰC VÀ HỢP TÁC CỘNG ĐỒNG (ACEP) TRỰC THUỘC LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM (VN)
Nhà 1 lô B, khu nhà ở dự án Phương Liệt, phố Phương Liệt, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển các chương trình, dự án xoá đói giảm nghèo và phát triển cộng đồng.

Nhóm 42: Nghiên cứu, hỗ trợ và giúp đỡ trong việc triển khai các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo và phát triển cộng đồng; triển khai các dự án nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, thử nghiệm các giải pháp quản lý dựa vào cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội.

---

(111) **4-0096314**
(210) 4-2005-05913
(181) 23.05.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 21.02.2008
(220) 23.05.2005

(531) 26.3.1
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DUY PHƯƠNG (VN)
105C Hồ Học Lãm, khu phố 1, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 06: Cấu kiện xây dựng làm bằng sắt, bằng nhôm và bằng inox, cụ thể như: cửa; khung cửa; khung nhà; khung kho; lan can; tay vịn.

Nhóm 20: Hàng trang trí nội thất làm bằng sắt, bằng nhôm và bằng inox, cụ thể như bàn; ghế; giường; tủ; giá kệ.

Nhóm 28: Dụng cụ thể dục thể thao, cụ thể như: xe đạp cố định để luyện tập; thiết bị rèn luyện hình thể; thiết bị rèn luyện cơ bắp.

---

(111) **4-0096315**
(210) 4-2005-11970
(181) 14.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

QUAKER Q-LIFE

(151) 21.02.2008
(220) 14.09.2005

(731) THE QUAKER OATS COMPANY (US)
555 West Monroe, Chicago, IL 60661, USA
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 29: Đồ uống trên cơ sở sữa và đậu nành; đồ uống gốc sữa.

Nhóm 30: Bột ngũ cốc, bột ngũ cốc dạng nóng và lạnh; bột ngũ cốc hỗn hợp; bánh snack được làm từ hạt ngũ cốc.

Nhóm 32: Đồ uống ngũ cốc; đồ uống yến mạch dạng bột; đồ uống dạng bột gồm yến mạch, đường, hương vị và vitamin; đồ uống đậu nành (sữa đậu nành).

---

(111) **4-0096316**
(210) 4-2005-12839
(181) 30.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

QACTIVE

(151) 21.02.2008
(220) 30.09.2005

(731) THE QUAKER OATS COMPANY (US)
555 West Monroe, Chicago, IL 60661, USA
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 30: Bột ngũ cốc dùng điểm tâm; bánh snack được làm từ hạt ngũ cốc.

Nhóm 32: Đồ uống yến mạch dạng bột.

---

(111) **4-0096317**
(210) 4-2005-15284
(181) 14.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 21.02.2008
(220) 14.11.2005

(531) A11.3.7; A26.11.9
(591) Vàng cam, trắng
(731) TỪ PHI (VN)
285/20 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống phục vụ bún ăn các loại.

---

(111) **4-0096318**
(210) 4-2005-15655
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LOMAZOLE

(151) 21.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THIỆN CHÍ (VN)
484 Hòa Hảo, phường 5, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096319**
(210) 4-2006-00725
(181) 16.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

AQUASAHARA

(151) 21.02.2008
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH C & T (VN)
365 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0096320**
(210) 4-2005-17649
(181) 27.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

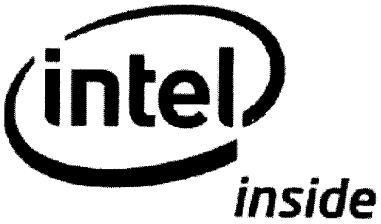

(151) 21.02.2008
(220) 27.12.2005

(531) 26.1.2; A26.11.12
(731) INTEL CORPORATION (US)
2200 Mission College Boulevard, Santa Clara, California, 95052-8119 U.S.A.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Các máy vi tính; máy vi tính sổ tay; máy vi tính xách tay; máy vi tính cầm tay; máy vi tính di động; máy tính bỏ túi có các phần mềm/ứng dụng làm lịch, địa chỉ, ghi chú, và có thể chứa các phần mềm khác như internet, media player và điện thoại tế bào (máy trợ giúp cá nhân); máy tính xách tay kỹ thuật số dùng để ghi âm, thiết lập, truyền dẫn, thao tác bằng tay, xem xét, chơi và/hoặc hiển thị tập tin dạng văn bản, số liệu, audio và video (thiết bị giải trí cá nhân); điện thoại di động; điện thoại thông minh; camera số; các máy trạm của máy vi tính; máy chủ của máy vi tính; phần cứng máy tính; phần cứng nối mạng viễn thông và máy tính; các bộ tiếp hợp, định tuyến, chuyển mạch và kết nối mạng (hub) mạng máy tính; các bộ điều giải (modem), các card và thiết bị liên lạc hữu tuyến và vô tuyến; phần mềm cơ sở máy tính dùng trong điều hành và bảo trì hệ thống máy tính; phần mềm máy tính; các thiết bị bán dẫn; các bộ vi xử lý; các mạch tích hợp; các bộ xử lý trung tâm; các tổ hợp mạch (chipset) máy tính; các bo mạch chủ và bo mạch con; các bảng mạch đồ họa máy tính; các thiết bị ngoại vi máy tính và thiết bị điện tử dùng với máy tính; các xuất bản phẩm điện tử có thể tải xuống được trong lĩnh vực máy tính, viễn thông, điện thoại và liên lạc vô tuyến.

---

(111) **4-0096321**
(210) 4-2006-02818
(181) 01.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

POMMA DE SALICYLEE

(151) 21.02.2008
(220) 01.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM & BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096322**
(210) 4-2006-02819
(181) 01.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

PA TE A LEAU

(151) 21.02.2008
(220) 01.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM & BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096323**
(210) 4-2006-02904
(181) 02.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 02.03.2006

(531) 3.3.15; A3.3.24
(591) Màu đen và màu xanh
(731) CÔNG TY TNHH SX-TM DOMA VINA (VN)
54 Bạch Vân,Phường 5, Quận 5 ,thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 14: Đồng hồ, kim đồng hồ, mặt đồng hồ.

Nhóm 24: Vải không dệt;khăn lau mặt bằng vải;khăn tay bỏ túi bằng vải,

---

(111) **4-0096324**
(210) 4-2006-03008
(181) 03.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 03.03.2006

(531) A26.5.6; A26.11.9; 26.2.1; 26.2.3
(591) Xanh dương, xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ANH MỸ (VN)
Đội 1, thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Cây chống sắt dùng trong xây dựng; giàn giáo sắt dùng trong xây dựng; cốp pha sắt phục vụ xây dựng; tường hộ nan mềm dùng để phân luồng giao thông bằng kim loại: bu lông ốc vít; chốt kẹp sắt.

---

(111) **4-0096325**
(210) 4-2006-03540
(181) 14.03.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 14.03.2006

(531) A25.7.21; 26.1.6; 26.4.1
(591) Vàng, trắng, tím
(731) TỔ HỢP SẢN XUẤT NHANG (VN)
Phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 03: Nhang thơm.

---

(111) **4-0096326**
(210) 4-2006-06099
(181) 20.04.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 20.04.2006

(531) A26.11.12; 26.1.2
(591) Đỏ cờ, vàng cam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI (VN)
Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

(511) Nhóm 29: Mứt.

Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0096327**
(210) 4-2006-07560
(181) 17.05.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 17.05.2006

(531) 1.15.15; 26.11.1; A26.11.12
(591) Xanh tím than, xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN SƠN (VN)
Xóm Ngang, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước ép trái cây, nước giải khát không có ga.

---

(111) **4-0096328**
(210) 4-2006-09468
(181) 19.06.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

ANH HIỀN

(151) 22.02.2008
(220) 19.06.2006

(731) LÊ THỊ HIỀN (VN)
Khu phố 1, phường Hàm Tiến- Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0096329**
(210) 4-2006-11491
(181) 21.07.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 21.07.2006

(531) 24.9.1; A5.1.12; 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH NAM HẢI (VN)
189 Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 30: Chè túi lọc.

---

(111) **4-0096330**
(210) 4-2006-14984
(181) 07.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HOÀNG THUẬN

(151) 22.02.2008
(220) 07.09.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT NƯỚC MẮM HOÀNG THUẬN (VN)
Lô 6A - khu quy hoạch nước mắm Phú Hài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 29: Nước mắm các loại.

---

(111) **4-0096331**
(210) 4-2006-16020
(181) 22.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 22.09.2006

(531) 1.15.3; 25.1.6
(731) CÔNG TY TNHH MINH HƯƠNG (VN)
Thôn Chùa, xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo mưa.

---

(111) **4-0096332**
(210) 4-2006-16391
(181) 29.09.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HẢI ANH

(151) 22.02.2008
(220) 29.09.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ANH VŨ (VN)
Thôn Liễn Hạ, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 32: Nước tinh khiết đóng chai, đóng hộp; nước ép trái cây, đồ uống không chứa cồn, nước sô đa.

---

(111) **4-0096333**
(210) 4-2006-18250
(181) 27.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 27.10.2006

(531) A1.5.3; 1.17.2
(591) Xanh, trắng, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU TRUNG VIỆT (VN)
Tổ 12, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Chất dùng để tiết kiệm nhiên liệu; hoá chất chống mờ kính; chất chống đông; chất lỏng cho hệ thống truyền động; chất lỏng cho mạch thuỷ lực; dầu cắt kim loại; dầu phanh.

Nhóm 02: Chất màu; chất chống rỉ; chế phẩm và chất chống ăn mòn; chất bảo quản gỗ; thuốc nhuộm; thuốc cản màu.

Nhóm 03: Chế phẩm đánh bóng; chế phẩm dùng để mài; chế phẩm làm sạch.

Nhóm 04: Dầu công nghiệp; mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; nhiên liệu; chất để dính bụi; dầu dùng cho máy móc và động cơ; chất đốt cho động cơ.

Nhóm 05: Chất tẩy uế dùng cho mục đích vệ sinh, chất khử mùi dùng trong công nghiệp ngoài loại dùng cho người; chất làm mát không khí.

Nhóm 25: Quần áo.

Nhóm 32: Bia; nước khoáng dùng làm đồ uống không chứa cồn; nước uống có ga; nước uống không có ga; đồ uống hoa quả không chứa cồn; nước ép hoa quả.

---

(111) **4-0096334**
(210) 4-2006-15993
(181) 03.11.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

DUSK

(151) 22.02.2008
(220) 03.11.2006

(731) HERBANCOWBOY.COM, INC (US)
P.O Box 949, Saegertown, PA 16433, United States of America
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 03: Các sản phẩm chăm sóc sức khoẻ và sắc đẹp, cụ thể là: kem cạo râu, mỹ phẩm dạng lỏng dùng cho cơ thể, mỹ phẩm giữ ẩm cho da, nước thơm và nước hoa, chất khử mùi dùng cho cá nhân, mỹ phẩm dưỡng da và xà phòng.

---

(111) **4-0096335**
(210) 4-2005-15546
(181) 17.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LUFIXIME

(151) 22.02.2008
(220) 17.11.2005

(731) LUPIN LIMITED (IN)
159, C.S.T, Road, Kalina, Santacruz (E), Mumbai - 400098, India
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096336**
(210) 4-2005-15465
(181) 16.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

Mycrostoner

(151) 22.02.2008
(220) 16.11.2005

(731) SHARP KABUSHIKI KAISHA (SHARP CORPORATION) (JP)
22-22, Nagaike-cho, Abeno-ku, Osaka 545-8522, Japan
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 02: Thuốc hiện màu (mực) và hộp mực không thuộc các nhóm khác dùng cho máy phô tô, máy in, máy fax và các bộ phận liên quan đến các loại máy móc nói trên thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0096337**
(210) 4-2005-15466
(181) 29.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

EVERPLAY

(151) 22.02.2008
(220) 29.11.2005

(731) EASTMAN KODAK COMPANY (US)
343 State Street, Rochester, N.Y. 14650, USA
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 09: Điện tử và các thiết bị (máy móc) như máy quay đĩa và đầu ghi đĩa CD và DVD; máy trợ lý cá nhân dùng kỹ thuật số (máy tính nhỏ cầm tay PDAs); camera kỹ thuật số; máy quay viđiô; điện thoại chạy bằng pin; ti vi; phần mềm máy tính và các linh kiện liên quan đến máy tính; màn hình viđiô; phần mềm máy tính dùng để hiển thị, truyền tải, sao chép và lưu giữ hình ảnh; hộp đựng camera; máy in (dùng cho máy tính); hộp đựng máy in (dùng cho máy tính); vật (hộp, thùng) đựng máy in (dùng cho máy tính); máy quét ảnh; đĩa compac - CD và DVD.

Nhóm 16: Bản in ảnh (ảnh chụp); ảnh in.

Nhóm 40: Dịch vụ xử lý và rửa phim ảnh trực tuyến; dịch vụ in phim ảnh và các hình ảnh số trên giấy rửa ảnh và các vật phẩm; dịch vụ xử lý việc in ảnh.

---

(111) **4-0096338**
(210) 4-2005-15467
(181) 29.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 29.11.2005

(531) 26.1.2
(731) EASTMAN KODAK COMPANY (US)
343 State Street, Rochester, N.Y. 14650, USA
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 09: Điện tử và các thiết bị (máy móc) như máy quay đĩa và đầu ghi đĩa CD và DVD; máy trợ lý cá nhân dùng kỹ thuật số (máy tính nhỏ cầm tay); camera kỹ thuật số; máy quay viđiô; điện thoại chạy bằng pin; ti vi; phần mềm máy tính và các linh kiện liên quan đến máy tính; màn hình viđiô; phần mềm máy tính dùng để hiển thị, truyền tải, sao chép và lưu giữ hình ảnh; hộp đựng camera; máy in (dùng cho máy tính); hộp đựng máy in (dùng cho máy tính); vật (hộp, thùng) đựng máy in (dùng cho máy tính); máy quét ảnh; đĩa compac - CD và DVD.

Nhóm 16: Bản in ảnh (ảnh chụp); ảnh in.

Nhóm 40: Dịch vụ xử lý và rửa phim ảnh trực tuyến; dịch vụ in phim ảnh và các hình ảnh số trên giấy rửa ảnh và các vật phẩm; dịch vụ xử lý việc in ảnh.

---

(111) **4-0096339**
(210) 4-2006-02515
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 24.02.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh lá mạ, nâu, đen, trắng, hồng
(731) PHẠM THỊ BÍCH THUỶ (VN)
Tập thể Đại học Ngoại ngữ (Đại học quốc gia) Hà Nội, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Băng đĩa hình.

Nhóm 16: Sách; báo; vở; bút; giấy; mực viết.

Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm được chế biến từ sữa: sữa tiệt trùng, sữa thanh trùng, sữa thêm nước trái cây, sữa chua, sữa bột.

---

(111) **4-0096340**
(210) 4-2006-02516
(181) 24.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 24.02.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh lá mạ, nâu, đen, trắng
(731) PHẠM THỊ BÍCH THUỶ (VN)
Tập thể Đại học Ngoại ngữ (Đại học quốc gia) Hà Nội, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Băng đĩa hình.

Nhóm 16: Sách; báo; vở; bút; giấy; mực viết.

Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm được chế biến từ sữa: sữa tiệt trùng; sữa thanh trùng; sữa thêm nước trái cây; sữa chua; sữa bột.

---

(111) **4-0096341**
(210) 4-2005-16014
(181) 28.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DOSAFF

(151) 22.02.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0096342**
(210) 4-2005-12468
(181) 23.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

MAGNETAMIN

(151) 22.02.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
48 Hai Bà Trưng, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh ĐắcLăk
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096343**
(210) 4-2005-12469
(181) 23.09.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LOMEGYNO

(151) 22.02.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
48 Hai Bà Trưng, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh ĐắcLăk
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096344**
(210) 4-2005-12966
(181) 04.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

KATLEX

(151) 22.02.2008
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ HƯNG (VN)
Số 142, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh dùng cho phụ nữ.

---

(111) **4-0096345**
(210) 4-2005-15848
(181) 24.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 24.11.2005

(531) A14.1.3; 7.15.20
(591) Xanh đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH PHÚ AN (VN)
Tổ 3 Đa Mặn, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 19: Máng xối nhựa dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0096346**
(210) 4-2005-17074
(181) 15.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SETUDIN

(151) 22.02.2008
(220) 15.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ (VN)
30-32 Phong Phú, phường 12, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096347**
(210) 4-2005-15679
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

KOLENDA

(151) 22.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HÀ THÀNH (VN)
Thôn Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, chè thuốc dùng trong y học.

Nhóm 30: Chè (trà).

---

(111) **4-0096348**
(210) 4-2005-15680
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

OSTEUM

(151) 22.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096349**
(210) 4-2005-15681
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

HADEXIN

(151) 22.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN THÀNH (VN)
Số 1-E4 khu Bãi Than Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096350**
(210) 4-2005-15684
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LIBERAMINE

(151) 22.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VITA (VN)
Số nhà 1709, tòa nhà 18T1, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096351**
(210) 4-2005-15686
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

HUNARIN

(151) 22.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096352**
(210) 4-2005-15687
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

SEVANCOMKIT

(151) 22.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số nhà 215A, phố Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096353**
(210) 4-2005-16766
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

lyra

(151) 22.02.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH (VN)
422 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Tivi; màn hình tivi.

---

(111) **4-0096354**
(210) 4-2005-16779
(181) 09.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 09.12.2005

(531) 3.7.7; 1.17.11; 26.1.2
(591) Vàng, đỏ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÀ PHƯƠNG (VN)
10 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Khách sạn; nhà nghỉ; dich vụ ăn uống; quầy rượu; quán cà phê; quán giải khát.

---

(111) **4-0096355**
(210) 4-2005-17096
(181) 15.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

CONFIMOXIN

(151) 22.02.2008
(220) 15.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DANH SƠN (VN)
44A Đặng Dung, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096356**
(210) 4-2005-17097
(181) 15.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

LIPSTINS

(151) 22.02.2008
(220) 15.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DANH SƠN (VN)
44A Đặng Dung, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096357**
(210) 4-2005-17099
(181) 15.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

VICTACID

(151) 22.02.2008
(220) 15.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DANH SƠN (VN)
44A Đặng Dung, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096358**
(210) 4-2005-17264
(181) 19.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

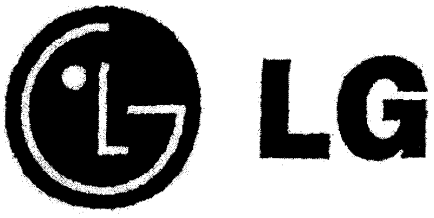

(151) 22.02.2008
(220) 19.12.2005

(531) 26.1.1; 26.3.23; 4.5.21
(731) LG CORP. (KR)
20, Yoido-dong, Youngdungpo-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Tã lót vệ sinh; băng vệ sinh; khăn vệ sinh; miếng lót vệ sinh để đính lên quần lót; quần lót vệ sinh; băng vệ sinh dưới dạng nút; tã lót dùng một lần cho người lớn; quần lót dùng cho người không thể tự kiềm chế; miếng lót rời dùng để dính lên quần lót cho người không thể tự kiềm chế; tã lót vệ sinh dùng cho người không thể kiềm chế; khăn ẩm có chứa thuốc dùng để làm sạch.

Nhóm 16: Tã lót giấy dùng một lần cho em bé; quần tã lót giấy dùng một lần cho em bé.

---

(111) **4-0096359**
(210) 4-2005-17265
(181) 19.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

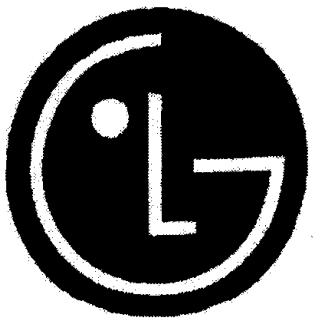

(151) 22.02.2008
(220) 19.12.2005

(531) 4.5.21; 26.1.1; 26.3.23
(731) LG CORP. (KR)
20, Yoido-dong, Youngdungpo-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Tã lót vệ sinh; băng vệ sinh; khăn vệ sinh; miếng lót vệ sinh để đính lên quần lót; quần lót vệ sinh; băng vệ sinh dưới dạng nút; tã lót dùng một lần cho người lớn; quần lót dùng cho người không thể tự kiềm chế; miếng lót rời dùng để dính lên quần lót cho người không thể tự kiềm chế; tã lót vệ sinh dùng cho người không thể kiềm chế; khăn ẩm có chứa thuốc dùng để làm sạch.

Nhóm 16: Tã lót giấy dùng một lần cho em bé; quần tã lót giấy dùng một lần cho em bé.

---

(111) **4-0096360**
(210) 4-2005-17285
(181) 19.12.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

DANHSON
Trading&Pharma Co.Ltd

(151) 22.02.2008
(220) 19.12.2005

(531) A26.11.12; A26.11.13
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DANH SƠN (VN)
44A Đặng Dung, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 29: Hoa quả đóng hộp; cá khô ăn liền; đậu phộng đã chế biến.

Nhóm 30: Mì và mì ăn liền; gạo; xì dầu; mỳ chính.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm; mua bán các sản phẩm thực phẩm, cụ thể là hoa quả đóng hộp, cá khô ăn liền, đậu phộng đã chế biến, mì, gạo, xì dầu, mỳ chính.

---

(111) **4-0096361**
(210) 4-2005-10510
(181) 18.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

BYOU

(151) 22.02.2008
(220) 18.08.2005

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MAY SONG NGỌC (VN)
1A Tạ Quang Bửu, khu công nghiệp Bình Đăng, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần, áo, mũ, nón (thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0096362**
(210) 4-2005-14278
(181) 16.08.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VCO
MANILA

(151) 22.02.2008
(220) 16.08.2006

(531) A5.1.12; 26.3.23; 6.1.2; A5.7.22; A5.1.8
(731) SPLASH PHARMACEUTICAL CORPORATION (PH)
HBC Corporate Centre, 548 Mindanao Avenue cor. Quirino Highway Novaliches, Quezon City, Philippines
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Sản phẩm dược, cụ thể là chè dùng cho y tế và chất ăn kiêng dùng trong ngành y ở dạng bột, si rô, gel, viên nén, viên con nhộng; thực phẩm và đồ uống dùng cho trẻ em và dùng cho khoa nhi; thực phẩm bổ dưỡng ở dạng bột, gel, xi rô, viên nén và viên con nhộng dùng cho trẻ em; chất bổ sung cho thực phẩm có chứa dược phẩm ở dạng bột, gel, xi rô, viên nén và viên con nhộng dùng cho người lớn.

Nhóm 29: Dầu thực vật và mỡ ăn ở dạng nguyên gốc; dầu thực vật và mỡ ăn bổ sung thêm hương vị và các thành phần thực phẩm khác.

Nhóm 32: Nước uống tăng lực không có cồn; nước uống hoa quả và nước ép hoa quả; xi rô và các chế phẩm khác để làm đồ uống; thực phẩm bổ sung ở dạng nước uống (nước uống bổ dưỡng không chứa dược phẩm).

---

(111) **4-0096363**
(210) 4-2005-09955
(181) 08.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

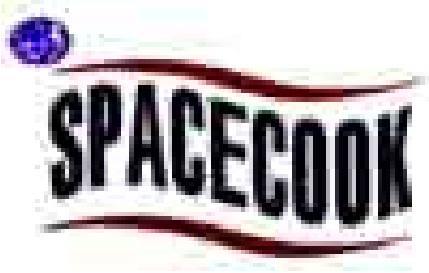

(151) 22.02.2008
(220) 08.08.2005

(531) A1.5.3; A26.11.12
(591) Tím, tím nhạt, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LƯU MINH PHÁT (VN)
351 Trần Phú, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố; máy rửa chén; máy giặt; máy hút bụi; máy ép trái cây.

Nhóm 11: Chảo; bếp điện; nồi cơm điện; máy nước nóng; bếp gas; lò nướng điện.

Nhóm 21: Nồi inox; thau; chén; tô; đĩa; cặp lồng.

---

(111) **4-0096364**
(210) 4-2005-15677
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 21.11.2005

(531) 26.1.1; A26.11.8
(591) Trắng, đỏ, xanh lá mạ.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN (VN)
101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Thịt gia súc; thịt gia cầm; thủy sản đông lạnh; thịt đà điểu; thịt rắn; trứng gia cầm.

Nhóm 31: Thức ăn cho gia súc; thức ăn cho chăn nuôi; cá sấu (sống); ba ba (sống); gia súc (sống); gia cầm (sống).

Nhóm 35: Mua bán gia súc; mua bán gia cầm; mua bán thủy sản; mua bán nông sản; mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc gia cầm; mua bán xăng dầu nhớt.

Nhóm 44: Dịch vụ chăn nuôi súc vật, dịch vụ thú y; dịch vụ tư vấn kỹ thuật chăn nuôi súc vật và thú y.

---

(111) **4-0096365**
(210) 4-2005-10508
(181) 18.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

FOXCONN

(151) 22.02.2008
(220) 18.08.2005

(731) HON HAI PRECISION INDUSTRY CO., LTD. (TW)
No. 66, Chung Shan Rd., Tu-Cheng City, Taipei Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ khoa học, hàng hải, trắc địa, nhiếp ảnh, quang học, cân đo, báo hiệu, kiểm tra, cấp cứu và giảng dạy; thiết bị và dụng cụ dùng để dẫn, chuyển mạch, biến đổi, tích, điều chỉnh hoặc điều khiển năng lượng điện; thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính; đĩa ghi; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hay thẻ; máy tính tiền; máy tính; thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính; thiết bị dập lửa.

Nhóm 35: Quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản lý giao dịch; hoạt động văn phòng.

Nhóm 42: Các dịch vụ khoa học và công nghệ và nghiên cứu, thiết kế liên quan đến chúng; các dịch vụ nghiên cứu và phân tích công nghiệp; thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính; các dịch vụ pháp lý.

---

(111) **4-0096366**
(210) 4-2005-10841
(181) 24.08.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

VIETNAM golf MAGAZINE

(151) 22.02.2008
(220) 24.08.2005

(731) TẠP CHÍ "GOLF VIỆT NAM" (VN)
15A Lý Nam Đế, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Ấn phẩm; xuất bản phẩm; sổ tay; tạp chí; sách hướng dẫn du lịch; bưu thiếp; văn phòng phẩm.

Nhóm 41: Xuất bản sách; xuất bản sách, tạp chí điện tử trực tuyến; sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình; sản xuất phim; tổ chức các cuộc thi thể thao; cung cấp thông tin giải trí; tổ chức triển lãm với mục đích văn hóa, giáo dục.

---

(111) **4-0096367**
(210) 4-2005-14263
(181) 26.10.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 26.10.2005

(531) 26.1.1; 26.3.23; A26.11.13; 26.13.25
(591) Xanh tím, vàng, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TRƯỜNG THỊNH (VN)
105 Ngô Quyền, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ.

---

(111) **4-0096368**
(210) 4-2005-15664
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

KIMER

(151) 22.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIM TINH (VN)
Số 6, ngõ 68, phố Quan Nhân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096369**
(210) 4-2005-15665
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

KIMSAMIN

(151) 22.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIM TINH (VN)
Số 6, ngõ 68, phố Quan Nhân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096370**
(210) 4-2005-15666
(181) 21.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

KIMNITHIN

(151) 22.02.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIM TINH (VN)
Số 6, ngõ 68, phố Quan Nhân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096371**
(210) 4-2006-16622
(181) 04.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 04.10.2006

(531) 26.3.1; 26.3.23; 24.15.21
(591) Vàng, xanh lục, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VIỆT F.O.N.E (VN)
Số 11 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Đào tạo trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.

---

(111) **4-0096372**
(210) 4-2006-16807
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

GoldMax

(151) 22.02.2008
(220) 05.10.2006

(531) 26.1.2; 3.7.17; 3.7.16; A3.7.24
(731) CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THẾ GIỚI MỚI (VN)
52/41 tổ 52, khu phố 4, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Sữa; sữa chua; pho mát.

---

(111) **4-0096373**
(210) 4-2006-16889
(181) 09.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Bressy

(151) 22.02.2008
(220) 09.10.2006

(531) A26.11.8; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ LẠNH KỸ THUẬT SỐ (VN)
Lô 39E, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc

(511) Nhóm 11: Bếp gas; quạt hút bếp.

---

(111) **4-0096374**
(210) 4-2006-02686
(181) 27.02.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

CHOHO

(151) 22.02.2008
(220) 27.02.2006

(731) QINGDAO CHOHO INDUSTRIAL CO., LTD. (CN)
Qingdao Overseas Chinese Scientific and Technical Park, Pingdu, Shandong, China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Bánh xe cộ; xe cộ dùng cho việc di chuyển trên bộ, trên không, dưới nước hoặc trên đường ray; giảm xóc dùng cho xe ô tô; xích xe ô tô; ô tô; xe ô tô nhỏ ba bánh (chạy bằng xích); cơ cấu dẫn động dùng cho xe cộ đi trên mặt đất; động cơ dùng cho xe cộ đi trên mặt đất; cơ cấu đẩy dùng cho xe cộ đi trên mặt đất; xích truyền động dùng cho xe cộ đi trên mặt đất; còi dùng cho xe cộ; xe mô tô; lốp xe cộ; máy bay; tàu; xe cộ chạy bằng điện.

---

(111) **4-0096375**
(210) 4-2004-03553
(181) 19.04.2014
(450) 25.03.2008 240
(540)

MICROTEC

(151) 22.02.2008
(220) 19.04.2004

(531) 26.4.3; 26.4.8
(591) Xanh đậm, vàng đậm, vàng nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MICROTEC VIỆT NAM (VN)
1606-1607 Toà nhà VIETCOMBANK, 198 Trần Quang Khải, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 37: Lắp đặt và bảo trì các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho ngành tài chính ngân hàng, bảo hành, bảo trì các phần cứng của các loại máy tính.

---

(111) **4-0096376**
(210) 4-2006-00672
(181) 13.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

COUGHMAX

(151) 22.02.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HOÀ (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096377**
(210) 4-2006-00673
(181) 13.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MACALOL

(151) 22.02.2008
(220) 13.01.2006

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224, Nanhsing Rd., Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0096378**
(210) 4-2006-01065
(181) 19.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 19.01.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THANH NGỌC (VN)
11/7 Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hoà, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Gạo, bột mì cho thực phẩm, bột ngô, chế phẩm của ngũ cốc.

(111) **4-0096379**
(210) 4-2006-01394
(181) 25.01.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

KPI

(151) 22.02.2008
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BDS (VN)
54 đường số 2, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Tư vấn các giải pháp hữu ích trong quản lý doanh nghiệp và các tổ chức.

---

(111) **4-0096380**
(210) 4-2006-16768
(181) 05.10.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

Miocen

(151) 22.02.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MIOCEN (VN)
Số 547 tổ 19, ấp 5, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên để uống.

---

(111) **4-0096381**
(210) 4-2005-15217
(181) 11.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 11.11.2005

(531) 24.15.1; 26.1.1; 26.3.23; 3.7.17
(591) Đen, xanh nõn chuối sậm
(731) HAOJEY COMPANY LIMITED (TW)
6F. No.71, Tun Hwa South Road, Sec.2, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 23: Sợi và chỉ tơ nhân tạo; sợi cốt tông- tơ nhân tạo; chỉ cốt tông -tơ nhân tạo; sợi tơ nhân tạo; chỉ tơ nhân tạo; sợi cốt tông; chỉ cốt tông; sợi và chỉ len; sợi và chỉ lanh; sợi len làm từ ni-lông; chỉ ni-lông; sợi tua viền; sợi tổng hợp; sợi đàn hồi; chỉ đàn hồi; chỉ thủy tinh; sợi vải lanh; sợi len thô kẻ sọc; chỉ xoắn; chỉ tổng hợp; chỉ hoá học; sợi và chỉ dùng trong ngành dệt.

Nhóm 25: Áo lót; quần áo bơi; áo sơ mi; áo phông; quần lót; quần lót (hay quần đùi dùng cho nam); áo nịt ngực; trang phục công sở; bộ quần áo làm việc; bộ quần áo dùng khi thư giãn, bộ quần áo thể dục; áo khoác; bộ quần áo thể thao; quần áo cho phụ nữ; quần áo cho nam giới; quần áo cho cao bồi; tất; quần áo; đồ đi chân; đồ đội đầu.

---

(111) **4-0096382**
(210) 4-2005-15218
(181) 11.11.2015
(450) 25.03.2008 240
(540)

TEXCARE

(151) 22.02.2008
(220) 11.11.2005

(731) HAOJEY COMPANY LIMITED (TW)
6F. No.71, Tun Hwa South Road, Sec.2, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 23: Sợi và chỉ tơ nhân tạo; sợi cốt tông- tơ nhân tạo; chỉ cốt tông -tơ nhân tạo; sợi tơ nhân tạo; chỉ tơ nhân tạo; sợi cốt tông; chỉ cốt tông; sợi và chỉ len; sợi và chỉ lanh; sợi len làm từ ni-lông; chỉ ni-lông; sợi tua viền; sợi tổng hợp; sợi đàn hồi; chỉ đàn hồi; chỉ thủy tinh; sợi vải lanh; sợi len thô kẻ sọc; chỉ xoắn; chỉ tổng hợp; chỉ hoá học; sợi và chỉ dùng trong ngành dệt.

Nhóm 25: Áo lót; quần áo bơi; áo sơ mi; áo phông; quần lót; quần lót (hay quần đùi dùng cho nam); áo nịt ngực; trang phục công sở; bộ quần áo làm việc; bộ quần áo dùng khi thư giãn, bộ quần áo thể dục; áo khoác; bộ quần áo thể thao; quần áo cho phụ nữ; quần áo cho nam giới; quần áo cho cao bồi; tất; quần áo; đồ đi chân; đồ đội đầu.

---

(111) **4-0096383**
(210) 4-2006-22914
(181) 28.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 28.12.2006

(531) 3.3.1; 4.3.5
(731) HỢP TÁC XÃ SƠN TÙNG (VN)
Xóm Thọ Môn, xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 17: Băng dính dạng cuộn không dùng cho mục đích văn phòng, mục đích y tế hoặc mục đích gia đình; băng dính dạng tờ không dùng cho mục đích văn phòng, mục đích y tế hoặc mục đích gia đình.

---

(111) **4-0096384**
(210) 4-2006-23074
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 29.12.2006

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, da cam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA (VN)
19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0096385**
(210) 4-2006-22812
(181) 27.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

99 ĐOÁ HỒNG; 999 ĐOÁ HỒNG

(151) 22.02.2008
(220) 27.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẮC ĐẸP VIỆT (VN)
Số 28/21 Lữ Gia, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán mỹ phẩm; mua bán quần áo, giầy dép, mũ, kính, túi; mua bán hoa tươi và hoa khô; mua bán đồ nữ trang và trang sức; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ quà tặng nhằm quảng cáo, khuyếch trương sản phẩm.

Nhóm 39: Dịch vụ điện hoa toàn cầu.

---

(111) **4-0096386**
(210) 4-2006-22956
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

MAI LIÊN

(151) 22.02.2008
(220) 29.12.2006

(731) HỘ KINH DOANH NHÀ THUỐC VĨNH PHÚC (VN)
Số 625 Hoàng Hoa Thám, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, quảng cáo dược phẩm.

Nhóm 44: Dịch vụ khám, chữa bệnh.

---

(111) **4-0096387**
(210) 4-2006-23073
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

VITACURMIN

(151) 22.02.2008
(220) 29.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (VN)
Số 7, phố Trần Thánh Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096388**
(210) 4-2006-23077
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 29.12.2006

(531) 3.7.16; 3.9.1
(591) Đỏ, vàng, trắng, đen, xanh lá cây, xanh dương
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HẬU GIANG (VN)
Số 47A Trần Hưng Đạo, phường 1, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Cá thác lác tẩm gia vị.

---

(111) **4-0096389**
(210) 4-2007-01891
(181) 26.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 26.01.2007

(531) 1.5.1; 26.4.2; A26.11.12
(591) Trắng, xanh dương, xanh da trời, xanh dương đậm
(731) CHÂU ĐÌNH THOẠI (VN)
39/28 ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0096390**
(210) 4-2007-01894
(181) 26.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 26.01.2007

(591) Xanh dương đậm, xám, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN P.A.C.E (VN)
341 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Phát hành sách báo.

Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo.

---

(111) **4-0096391**
(210) 4-2007-01896
(181) 26.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

SaigonDecor

(151) 22.02.2008
(220) 26.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỊP CẦU VÀNG (VN)
468/3 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ trang trí nội ngoại thất; thi công xây dựng.

---

(111) **4-0096392**
(210) 4-2007-01991
(181) 29.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

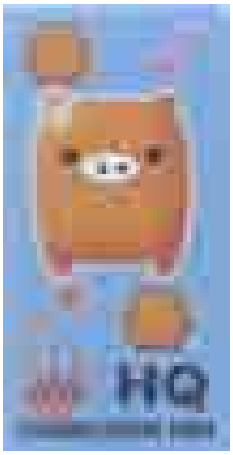

(151) 22.02.2008
(220) 29.01.2007

(531) 3.4.18; 24.9.1; 2.9.1
(591) Trắng, đen, hồng, xanh da trời, đỏ, da cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT HOÀNG QUAN (VN)
2967 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Bút xóa, băng xóa dùng trong văn phòng.

---

(111) **4-0096393**
(210) 4-2007-01992
(181) 29.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 29.01.2007

(531) 3.4.18; 2.9.1
(591) Trắng, đen, xanh dương, xanh lá mạ, đỏ, da cam, da cam đậm, xanh lá cây, tím, tím đậm, hồng đậm, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT HOÀNG QUAN (VN)
2967 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Bút xóa, băng xóa dùng trong văn phòng.

---

(111) **4-0096394**
(210) 4-2007-04052
(181) 09.03.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 09.03.2007

(531) 4.5.3; 4.5.2; 26.1.2; A1.1.9
(591) Da cam, xanh lam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT VIỆT NAM (VN)
Số 82, ngõ Thịnh Hào 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị văn phòng, trang thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm, đồ dùng cá nhân và gia đình; dịch vụ quảng cáo; môi giới thương mại; tư vấn quản lý kinh doanh; đại diện xuất nhập khẩu; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải (thư tín hoặc hàng hóa); chuyển phát thư tín và hàng hóa; giao báo; giao nhận hàng hóa; cho thuê xe; đại lý bán vé máy bay.

Nhóm 40: In ấn.

---

(111) **4-0096395**
(210) 4-2006-22917
(181) 28.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HOANEEM

(151) 22.02.2008
(220) 28.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP HOÀNG NÔNG (VN)
125A đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt động vật có hại.

(111) **4-0096396**
(210) 4-2006-22919
(181) 28.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

(151) 22.02.2008
(220) 28.12.2006

(531) A26.11.12; A11.3.2
(731) TRẦN NGỌC HIỀN (VN)
731 Trần Phú, phường B'Lao, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống, quán giải khát.

---

(111) **4-0096397**
(210) 4-2006-23059
(181) 29.12.2016
(450) 25.03.2008 240
(540)

HỌC TÀI

(151) 22.02.2008
(220) 29.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG HÀ NỘI (VN)
Số 2 Chùa Bộc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; dịch vụ mua bán: điện thoại, dụng cụ và thiết bị thông tin, dụng cụ và thiết bị viễn thông.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền: dữ liệu, tin nhắn, hình ảnh, âm thanh, giọng nói, văn bản; dịch vụ cung cấp thông tin đa phương tiện và đa phương tiện tương tác; dịch vụ thư điện tử; dịch vụ cung cấp thông tin đa phương tiện tìm kiếm liên quan đến dịch vụ viễn thông; dịch vụ truy cập viễn thông trực tuyến và kết nối internet và mạng nội bộ; dịch vụ cung cấp bảng thông báo tương tác trực tuyến; tất cả các dịch vụ trên được cung cấp trực tiếp từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc từ internet.

---

(111) **4-0096398**
(210) 4-2007-01423
(181) 19.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

互助

Fu Tsu

(151) 22.02.2008
(220) 19.01.2007

(731) FU TSU CONSTRUCTION CO., LTD. (TW)
14-16th Fl., No. 27, Sec. 1, Chungshan North Road, Taipei City, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 37: Xây dựng các tòa nhà và cho thuê dịch vụ xây dựng các tòa nhà; lắp đặt thiết bị nội thất; lắp đặt mái không thấm nước, mái nhà chịu nhiệt, mái nhà chống dột; lắp đặt điện và nước; xây dựng và sửa chữa các công trình kiến trúc dân sự; sơn và sơn trang trí; tư vấn lắp đặt các công trình xây dựng.

---

(111) **4-0096399**
(210) 4-2007-01425
(181) 19.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

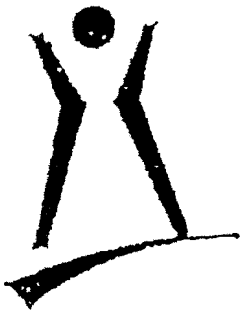

(151) 22.02.2008
(220) 19.01.2007

(531) 4.5.2; 4.5.3; 26.11.3; 26.3.23; A26.11.12
(731) FU TSU CONSTRUCTION CO., LTD. (TW)
14-16th Fl., No. 27, Sec. 1, Chungshan North Road, Taipei City, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 37: Xây dựng các tòa nhà và cho thuê dịch vụ xây dựng các tòa nhà; lắp đặt thiết bị nội thất; lắp đặt mái không thấm nước, mái nhà chịu nhiệt, mái nhà chống dột; lắp đặt điện và nước; xây dựng và sửa chữa các công trình kiến trúc dân sự; sơn và sơn trang trí; tư vấn lắp đặt các công trình xây dựng.

---

(111) **4-0096400**
(210) 4-2007-00821
(181) 11.01.2017
(450) 25.03.2008 240
(540)

XUÂN THỦY

(151) 22.02.2008
(220) 11.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH XUÂN THỦY (VN)
Số 18 đường Bạch Mai, phường Ô Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng: đặc biệt là hàng mỹ phẩm, văn phòng phẩm, hàng nhựa, đồ gia dụng; mua bán dụng cụ y tế, máy móc, phụ tùng, linh kiện điện tử, điện tử; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; xúc tiến thương mại; mua bán trang thiết bị, công cụ, máy móc phục vụ hoạt động chăm sóc sắc đẹp và dịch vụ thẩm mỹ.

Nhóm 44: Dịch vụ thẩm mỹ; dịch vụ chăm sóc sắc đẹp; dịch vụ chăm sóc da, tóc; dịch vụ tư vấn sử dụng mỹ phẩm.

PHẦN V

NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC BẢO HỘ TẠI VIỆT NAM THEO THOẢ ƯỚC MADRID

Phần này chỉ công bố các nhãn hiệu hàng hoá đăng ký theo Thoả ước Madrid và được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam. Trong đó, Danh mục hàng hoá, dịch vụ (mã số (511)) chỉ công bố đến nhóm sản phẩm theo Bảng phân loại quốc tế về nhãn hiệu hàng hoá và dịch vụ. Mọi thông tin chi tiết hơn về hàng hoá, sản phẩm sẽ được Cục sở hữu công nghiệp thông báo riêng nếu có yêu cầu của người cần dùng tin.

A – NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ MỚI ĐĂNG KÝ

(111) **352869**
(822) 30.07.1968 748 226 FR
(171) 20 năm
(540)
OUTILS WOLF

(151) 20.01.1969
(831) 19.01.2007 VN
(450) 1969/1 LMi (01.03.1969)
(732) SOCIETE ELMAR WOLF (S.A.S.)
5, rue de l'Industrie, F-67160 WISSEMBOURG (FR)

(511) 07, 08, 12, 21.

---

(111) **416149**
(822) 09.06.1975 931 742 DT
(171) 20 năm
(540)
Dolo-Neurobion

(151) 02.07.1975
(831) 05.02.2007 VN
(450) 1975/7 LMi (01.09.1975)
(732) MERCK Kommanditgesellschaft auf Aktien
Frankfurter Strasse 250, 64293 Darmstadt (DE)

(511) 05.

---

(111) **424653**
(822) 08.04.1976 943 131 DT
(171) 10 năm
(540)
PROMAT

(151) 16.07.1976
(831) 12.06.1996 VN
(450) 1976/9 LMi (01.11.1976)
(732) Promat GmbH
Scheifenkamp 16, 40878 Ratingen (DE)

(511) 17, 19.

---

(111) **426864**
(822) 09.06.1976 958 024 FR
(171) 10 năm
(540)

CORELLI

(151) 06.12.1976
(831) 19.12.2006 VN
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) SAVAREZ
5, avenue Barthélémy Thimonnier, F-69300 CALUIRE ET CUIRE (FR)

(511) 15.

---

(111) **494962**
(822) 14.06.1976 761 383 ES
(171) 10 năm
(540)

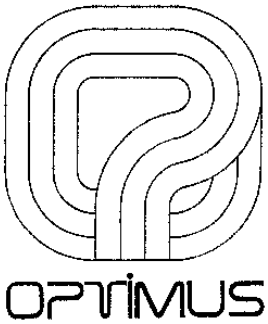

(151) 21.06.1985
(831) 17.07.2006 VN
(450) 1985/7 LMi (01.09.1985)
(531) 24.17.04, 27.05.01
(732) OPTIMUS S.A.
carretera de Barcelona 101, GIRONA (ES)

(511) 09.

---

(111) **507533**
(822) 01.07.1986 1 093 339 DT
(171) 10 năm
(540)

Agria

(151) 07.07.1986
(831) 07.06.2006 VN
(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) AGRIA-Werke GmbH
Bittelbronner Straße 42, 74219 Möckmühl (DE)

(511) 07, 12.

---

(111) **508530**
(822) 04.08.1986 1 094 781 DT
(171) 10 năm
(540)

HYDAC

(151) 04.08.1986
(831) 07.08.2006 VN
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) HYDAC Technology GmbH
Industriestrasse, 66280 Sulzbach (DE)

(511) 06, 07, 08, 09, 11, 12, 16, 17, 24.

---

(111) **534579**
(822) 05.10.1988 367 163 CH
(171) 20 năm
(540)

OXYFLY

(151) 10.02.1989
(831) 12.01.2007 VN
(450) 1989/3 LMi (10.05.1989)
(732) Novartis AG
CH-4002 Bâle (CH)
(750) Novartis AG, Patent- & Markenabteilung
CH-4002 Bâle (CH)

(511) 05.

---

(111) **597138**
(822) 08.09.1992 1 221 590 FR
(171) 20 năm
(540)

PROMOD

(151) 08.02.1993
(831) 26.06.1995 VN
(450) 1993/3 LMi (14.05.1993)
(732) PROMOD société par actions simplifiée
Chemin du Verseau, F-59847 MARCQ-EN-BAROEUL CEDEX (FR)

(511) 24, 25, 26.

---

(111) **696030**
(822) 25.02.1994 76 983 PL
(171) 10 năm
(540)

Turdus

(151) 06.07.1998
(831) 08.01.2007 VN
(450) 1998/15 Gaz (10.09.1998)
(732) Grupa LOTOS SA
ul. Elbl&acedil;ska 135, PL-80-718 Gdańsk (PL)

(511) 04.

---

(111) **696031**
(822) 10.07.1992 70 087 PL
(171) 10 năm
(540)

LOTOS

(151) 06.07.1998
(831) 08.01.2007 VN
(450) 1998/15 Gaz (10.09.1998)
(732) Grupa LOTOS SA
ul. Elbl&acedil;ska 135, PL-80-718 Gdańsk (PL)

(511) 04.

---

(111) **721497**
(822) 08.04.1999 99786007 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 05.10.1999
(831) 19.01.2007 VN
(450) 1999/22 Gaz (09.12.1999)
(531) 03.01.08, 03.01.16, 26.01.01, 26.04.02, 26.04.10, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.02
(591) Vàng và đỏ
(732) SOCIETE ELMAR WOLF (S.A.S.)
5, rue de l'Industrie, F-67160 WISSEMBOURG (FR)

(511) 01, 05, 07, 08, 12, 31.

---

(111) **727139**
(171) 10 năm
(540)
NELES

(151) 23.12.1999
(831) 23.08.2006 VN
(450) 2000/4 Gaz (30.03.2000)
(732) Metso Automation Oy
Tulppatie 1, FI-00880 Helsinki (FI)

(511) 07, 09, 11.

---

(111) **745764**
(822) 30.11.1998 398 14 069.3/36 DE
(171) 10 năm
(540)
ENGEL & VÖLKERS

(151) 12.10.2000
(831) 15.12.2006 VN
(450) 2000/25 Gaz (01.02.2001)
(732) Engel & Völkers Immobilien GmbH
Stadthausbrücke 5, 20355 Hamburg (DE)

(511) 16, 35, 36, 41.

---

(111) **748502**
(822) 13.11.2000 828815 IT
(171) 10 năm
(540)
OLTRE

(151) 21.11.2000
(831) 24.11.2006 VN
(450) 2001/2 Gaz (01.03.2001)
(732) MIROGLIO S.P.A.
Via Santa Margherita, 23, I-12051 ALBA (CN) (IT)

(511) 24, 25.

---

(111) **759029**
(822) 11.01.2001 678856 BX
(171) 10 năm
(540)

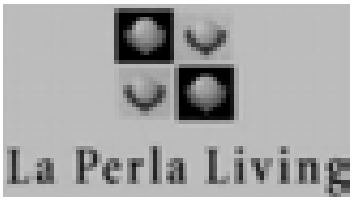

(511) 35, 36, 37, 41, 42.

(151) 20.04.2001
(831) 29.12.2006 VN
(450) 2001/13 Gaz (02.08.2001)
(531) 26.04.01, 26.04.09, 26.04.10, 26.15.01, 27.05.01
(732) La Perla Living Holding B.V.
Stadhouderskade 24 B, NL-1054 ES Amsterdam (NL)

---

(111) **767633**
(822) 17.05.2000 2000/09453 TR
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 23.10.2001
(831) 01.02.2007 VN
(450) 2001/22 Gaz (06.12.2001)
(531) 27.05.01
(732) ADİL IŞIK HAZIR GİYİM SANAYİ VE TİCARET LİMİTED ŞİRKETİ
Baytar Ahmet Sokak No: 13/A, Osmanbey, ŞIŞLI - İSTANBUL (TR)

---

(111) **772726**
(822) 27.09.2001 30149885.7/36 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 36.

(151) 08.12.2001
(831) 18.01.2007 VN
(450) 2002/2 Gaz (07.03.2002)
(531) 26.01.06, 27.05.01
(732) Bayerische Motoren Werke Aktiengesellschaft
Petuelring 130, 80809 München (DE)

---

(111) **788588**
(822) 01.08.2002 873026 IT
(171) 10 năm
(540)

OLTRE

(511) 09, 14, 18.

(151) 04.09.2002
(831) 24.11.2006 VN
(450) 2002/21 Gaz (28.11.2002)
(732) MIROGLIO S.P.A.
Strada S. Margherita, 23, I-12051 ALBA (CN) (IT)

---

(111) **790400**
(822) 18.07.2002 217285 RU
(171) 10 năm
(540)

CHALLENGE/ЧЕЛЛЕНДЖ

(151) 11.09.2002
(831) 08.02.2007 VN
(450) 2002/23 Gaz (26.12.2002)
(732) Obchtchestvo s ogranitchennoi otvetsvennostyou "Aleksandrovy pogreba"
str. 25, 79a, Altufievskoe chosse, RU-127410 Moscou (RU)

(511) 33.

---

(111) **798193**
(822) 14.02.2002 301 26 778.2/41 DE
(171) 10 năm
(540)

GC - GAMES CONVENTION

(151) 11.12.2002
(831) 12.08.2006 VN
(450) 2003/6 Gaz (01.05.2003)
(732) Leipziger Messe GmbH
Messe-Allee 1, 04356 Leipzig (DE)

(511) 35, 41, 42, 43.

---

(111) **801971**
(822) 28.03.2000 300 03 469.5/35 DE
(171) 10 năm
(540)

RÖDL & PARTNER

(151) 25.02.2003
(831) 02.08.2006 VN
(450) 2003/10 Gaz (26.06.2003)
(732) Dr. Bernd Roedl
Weinbergstrasse 26, 90607 Ruesckersforf (DE)

(511) 35, 36, 42.

---

(111) **804101**
(822) 10.01.2003 302 54 276.0/29 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.05.2003
(831) 24.01.2007 VN
(450) 2003/13 Gaz (07.08.2003)
(531) 24.17.02, 25.01.01, 27.01.01, 29.01.12
(591) Đỏ và trắng
(732) MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG
Metro-Strasse 1, 40235 Düsseldorf (DE)

(511) 29.

---

(111) **804102**
(822) 10.01.2003 302 54 277.9/29 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 29.

(151) 07.05.2003
(831) 24.01.2007 VN
(450) 2003/13 Gaz (07.08.2003)
(531) 06.07.11, 25.01.01, 27.01.01, 29.01.13
(591) Đỏ, trắng, be, xám
(732) MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG
Metro-Strasse 1, 40235 Düsseldorf (DE)

---

(111) **810210**

(171) 10 năm
(540)

白菊
SHIRAGIKU

(511) 30.

(151) 27.08.2003
(831) 11.01.2007 VN
(450) 2003/20 Gaz (13.11.2003)
(531) 28.03.00
(732) KABUSHIKI KAISHA MITSUKAN GROUP HONSHA
2-6 Nakamura-cho, Handa-shi, Aichi-ken, 475-8585 (JP)

---

(111) **810398**

(171) 10 năm
(540)

末広
SUEHIRO

(511) 30.

(151) 27.08.2003
(831) 11.01.2007 VN
(450) 2003/20 Gaz (13.11.2003)
(531) 28.03.00
(732) KABUSHIKI KAISHA MITSUKAN GROUP HONSHA
2-6 Nakamura-cho, Handa-shi, Aichi-ken, 475-8585 (JP)

---

(111) **821045**
(822) 23.05.2003 893671 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 14, 18, 25.

(151) 18.06.2003
(831) 12.12.2006 VN
(450) 2004/7 Gaz (13.05.2004)
(531) 03.11.11, 26.04.01, 26.04.15, 26.04.18, 27.05.01, 29.01.12
(591) Xanh lá cây, xám
(732) KUVERA S.P.A.
Piazza dei Martiri, 30, I-80100 NAPOLI (IT)

---

(111) **823151**
(822) 23.09.1997 97856 PL
(171) 10 năm
(540)
INGLOT

(511) 03.

(151) 12.01.2004
(831) 12.12.2006 VN
(450) 2004/10 Gaz (03.06.2004)
(732) INGLOT Wojciech
ul. Wołodyjowskiego 32, PL-37-700 Przemyśl (PL)

---

(111) **824342**
(822) 26.03.2004 926753 IT
(171) 10 năm
(540)
ROX

(511) 18, 21, 25.

(151) 26.03.2004
(831) 15.12.2006 VN
(450) 2004/14 Gaz (01.07.2004)
(732) ER.BA. Market S.r.l.
Via G. Puccini, 1706, I-55016 PORCARI (Lucca) (IT)

---

(111) **827371**
(822) 16.04.2004 927185 IT
(171) 10 năm
(540) Terracino

(511) 19, 21.

(151) 16.04.2004
(831) 10.11.2006 VN
(450) 2004/19 Gaz (05.08.2004)
(531) 27.05.01
(732) DEROMA S.P.A.
Via Pasubio, 17, I-36034 MALO (VICENZA) (IT)

---

(111) **832898**
(822) 25.11.1997 2.116.337 US
(171) 10 năm
(540)

DEAN & DELUCA

(511) 21, 29, 30, 35, 43.

(151) 02.03.2004
(831) 02.08.2006 VN
(450) 2004/32 Gaz (04.11.2004)
(732) Dean & DeLuca Brands, Inc.
560 Broadway, Suite 404, New York 10012 (US)

---

(111) **840423**
(171) 10 năm
(540)

HILDING ANDERS

(511) 20, 22, 24.

(151) 07.10.2004
(831) 09.01.2007 VN
(450) 2005/5 Gaz (10.03.2005)
(531) 02.01.08, 26.01.14, 26.01.24, 26.07.01, 27.05.01
(732) Hilding Anders International AB
Södra Tullgatan 4, SE-211 40 MALMÖ (SE)

---

(111) **847169**
(822) 28.03.2001 300 92 228.0/02 DE
(171) 10 năm
(540)

CAPAROL

(511) 01, 02, 17, 19, 24, 27.

(151) 07.07.2004
(831) 24.04.2006 VN
(450) 2005/17 Gaz (02.06.2005)
(531) 03.02.01, 11.07.05, 26.11.07, 27.05.01, 29.01.15
(591) Đen, xanh da trời, xanh lá cây, vàng, đỏ, cam
(732) Deutsche Amphibolin-Werke von Robert Murjahn Stiftung & Co KG
Roßdörfer Strasse 50, 64372 Ober-Ramstadt (DE)

---

(111) **849582**
(822) 21.04.2004 998994 AU
(171) 10 năm
(540)

TSTIX

(511) 30.

(151) 06.05.2005
(831) 11.01.2007 VN
(450) 2005/22 Gaz (07.07.2005)
(732) Tstix Pty Ltd
"The Stonehouse", 32 Grose Road, Faulconbridge, New South Wales 2776 (AU)

---

(111) **850189**
(822) 16.12.2003 033 263 303 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 21.05.2004
(831) 13.12.2006 VN
(450) 2005/23 Gaz (14.07.2005)
(531) 05.01.12, 07.01.24, 25.05.02, 27.05.01, 29.01.13
(591) Vàng, đỏ, xanh da trời
(732) CONFORAMA HOLDING (société anonyme à Directoire et Conseil de Surveillance) 80, boulevard du Mandinet, F-77432 LOGNES (FR)

(511) 07, 09, 11, 16, 20, 21, 24, 27, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43.

---

(111) **854903**
(822) 27.02.2004 4750750 JP
(171) 10 năm
(540) ALSOK

(151) 23.06.2004
(831) 26.01.2007 VN
(450) 2005/32 Gaz (15.09.2005)
(531) 27.01.01
(732) SOHGO SECURITY SERVICES CO., LTD. 1-6-6, Moto Akasaka, Minato-ku, Tokyo 107-8511 (JP)

(511) 09, 12, 45.

---

(111) **860501**
(822) 07.01.2005 4829584 JP
(171) 10 năm
(540) OGAWA
Flavors & Fragrances

(151) 25.07.2005
(831) 28.12.2006 VN
(450) 2005/37 Gaz (20.10.2005)
(531) 27.05.01
(732) OGAWA & CO., LTD. 1-11, Nihonbashi Honcho 4-chome, Chuo-ku, Tokyo 103-0023 (JP)

(511) 03, 30.

---

(111) **860890**
(171) 10 năm
(540) REVOLADE

(151) 12.07.2005
(831) 01.02.2007 VN
(450) 2005/38 Gaz (27.10.2005)
(732) Glaxo Group Limited Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex UB6 0NN (GB)
(750) GlaxoSmithKline, Trade Marks Dept, CN9 GSK House, 980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS (GB)

(511) 05.

---

(111) **861371**

(171) 10 năm

(540)

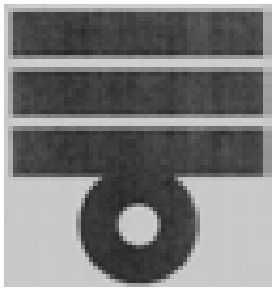

(511) 29, 30, 32, 33.

(151) 12.07.2004
(831) 12.01.2007 VN
(450) 2006/14 Gaz (11.05.2006)
(531) 26.07.25, 26.11.08
(732) KABUSHIKI KAISHA MITSUKAN GROUP HONSHA
2-6 Nakamura-cho, Handa-shi, Aichi-ken, 475-8585 (JP)

---

(111) **861508**

(171) 10 năm

(540)

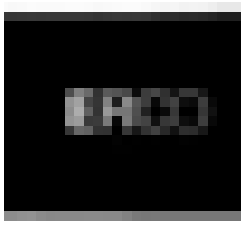

(511) 06, 09, 11, 19, 37, 42.

(151) 19.07.2005
(831) 20.12.2006 VN
(450) 2005/38 Gaz (27.10.2005)
(531) 26.04.02, 27.05.01
(732) ERCO Leuchten GmbH
Brockhauser Weg 80-82, 58507 Lüdenscheid (DE)

---

(111) **862794**

(171) 10 năm

(540)

SHIPYARD

(511) 32.

(151) 01.08.2005
(831) 09.01.2007 VN
(450) 2005/40 Gaz (10.11.2005)
(732) Shipyard Brewing Company, LLC
86 Newbury Street, Portland, ME 04101 (US)

---

(111) **866463**
(822) 28.09.2004 304 39 989.2/07 DE
(171) 10 năm
(540)

Meyle

(511) 07, 09, 12, 17.

(151) 06.01.2005
(831) 04.01.2007 VN
(450) 2005/44 Gaz (08.12.2005)
(732) Wulf Gaertner AutoParts AG
Merkurring 111, 22143 Hamburg (DE)

---

(111) **866658**
(822) 28.10.2004 304 42 681.4/37 DE
(171) 10 năm
(540)

ERCO

(151) 19.07.2005
(831) 20.12.2006 VN
(450) 2005/45 Gaz (15.12.2005)
(732) ERCO Leuchten GmbH
Brockhauser Weg 80-82, 58507 Lüdenscheid (DE)

(511) 06, 09, 11, 19, 37, 42.

---

(111) **867571**
(822) 07.01.2005 4829583 JP
(171) 10 năm
(540)

OGAWA

(151) 25.07.2005
(831) 28.12.2006 VN
(450) 2005/46 Gaz (22.12.2005)
(531) 27.05.01
(732) OGAWA & CO., LTD.
1-11, Nihonbashi Honcho 4-chome, Chuo-ku, Tokyo 103-0023 (JP)

(511) 03, 30.

---

(111) **869200**
(171) 10 năm
(540)

(151) 18.10.2004
(831) 26.01.2007 VN
(450) 2005/48 Gaz (05.01.2006)
(531) 25.05.03
(732) SOHGO SECURITY SERVICES CO., LTD.
1-6-6, Moto Akasaka, Minato-ku, Tokyo 107-8511 (JP)

(511) 09, 12, 45.

---

(111) **873184**
(822) 10.11.2005 541092 CH
(171) 10 năm
(540)

Life&Leisure

(151) 22.12.2005
(831) 30.01.2007 VN
(450) 2006/3 Gaz (23.02.2006)
(732) ZAG HOLDING AG
Dammstrasse 19, CH-6300 Zug (CH)

(511) 36.

---

(111) **875996**
(822) 28.01.2003 2680323 US
(171) 10 năm
(540)

(511) 14.

(151) 10.10.2005
(831) 07.02.2007 VN
(450) 2006/8 Gaz (30.03.2006)
(531) 24.15.21, 26.03.23, 27.05.01
(732) Skagen Designs, Ltd
640 Maestro Drive, Suite 100, Reno, NV 89511 (US)

---

(111) **877235**
(822) 26.11.1991 40-0226650-00-00 KR
(171) 10 năm
(540)

SILSTAR

(511) 20, 28.

(151) 25.03.2005
(831) 10.10.2006 VN
(450) 2006/10 Gaz (13.04.2006)
(531) 27.05.01
(732) Silver Star Co. Ltd.
488, Jangrim 2-dong, Saha-gu, Pusan (KR)

---

(111) **878753**
(822) 24.11.2005 228 506 AT
(171) 10 năm
(540)

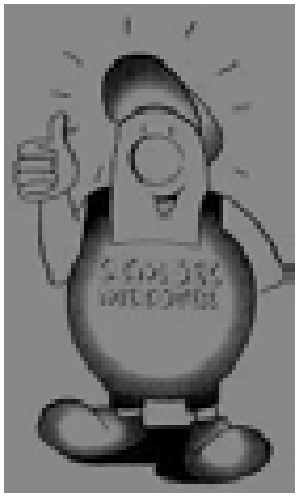

(511) 19.

(151) 02.12.2005
(831) 22.12.2006 VN
(450) 2006/13 Gaz (04.05.2006)
(531) 02.01.15, 02.01.23
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40191 Düsseldorf (DE)

---

(111) **879158**
(822) 18.11.2005 05 3365393 FR
(171) 10 năm
(540)

KIBIO

(511) 03, 05.

(151) 18.11.2005
(831) 12.12.2006 VN
(450) 2006/14 Gaz (11.05.2006)
(732) KIBIO
Domaine du Petit Arbois, Immeuble le CEEI, BP 88, F-13545 AIX EN PROVENCE Cedex 4 (FR)

---

(111) **880205**
(822) 18.04.2000 2343105 US
(171) 10 năm
(540)

SHERI BODELL

(511) 25.

(151) 06.02.2006
(831) 09.02.2007 VN
(450) 2006/15 Gaz (18.05.2006)
(732) Bodell, Sheri
138-1/2 North Almont Drive, Beverly Hills, CA 90211 (US)

---

(111) **881303**
(822) 13.12.2005 3027127 US
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 06.02.2006
(831) 09.02.2007 VN
(450) 2006/17 Gaz (01.06.2006)
(531) 13.03.25
(732) Mintz, Leejay
7945 Blackburn Avenue, Los Angeles, CA 90048 (US)

---

(111) **882968**
(171) 10 năm
(540)

Rebovir

(511) 05.

(151) 01.11.2005
(831) 28.09.2006 VN
(450) 2006/20 Gaz (22.06.2006)
(732) BUKWANG PHARM CO., LTD.
398-1, Daebang-dong, Dongjak-gu, KR-156-811 Seoul (KR)

---

(111) **882969**

(171) 10 năm

(540) Revovir

(511) 05.

(151) 01.11.2005
(831) 28.09.2006 VN
(450) 2006/20 Gaz (22.06.2006)
(732) BUKWANG PHARM CO., LTD.
398-1, Daebang-dong, Dongjak-gu, KR-156-811 Seoul (KR)

---

(111) **886081**
(822) 28.02.1995 3023825 JP
(171) 10 năm
(540) UFT

(511) 05.

(151) 14.04.2006
(831) 01.02.2007 VN
(450) 2006/25 Gaz (27.07.2006)
(732) TAIHO PHARMACEUTICAL CO., LTD.
1-27 Kandanishiki-cho, Chiyoda-ku, Tokyo, 101-8444 (JP)

---

(111) **892251**
(822) 23.09.2002 02 3 184 863 FR
(171) 10 năm
(540) BIOLANE

(511) 03.

(151) 16.06.2006
(831) 27.12.2006 VN
(450) 2006/33 Gaz (21.09.2006)
(732) BIOPHA (société par actions simplifiée)
Parc d'Activité Sud Loire, F-85600 BOUFFERE (FR)

---

(111) **894119**
(822) 12.04.2005 003266459 EM
(171) 10 năm
(540)

(511) 18, 25, 28.

(151) 05.06.2006
(831) 08.02.2007 VN
(450) 2006/36 Gaz (12.10.2006)
(531) 26.04.03, 26.04.07
(732) UMBRO INTERNATIONAL LIMITED
Umbro House, Lakeside, Cheadle, Cheshire SK8 3GQ (GB)

---

(111) **894333**
(822) 01.02.1999 000401547 EM
(171) 10 năm
(540)

UMBRO

(151) 05.06.2006
(831) 08.02.2007 VN
(450) 2006/36 Gaz (12.10.2006)
(732) UMBRO INTERNATIONAL LIMITED
Umbro House, Lakeside, Cheadle, Cheshire SK8 3GQ (GB)

(511) 18, 25, 28.

---

(111) **897711**
(822) 04.08.2006 06 3 412 504 FR
(171) 10 năm
(540)

e3p expertise

(151) 24.08.2006
(831) 19.01.2007 VN
(450) 2006/40 Gaz (09.11.2006)
(531) 27.05.01, 27.07.11
(732) Clarins S.A.
4, rue Berteaux Dumas, F-92200 Neuilly-sur-Seine (FR)

(511) 03.

---

(111) **901772**
(171) 10 năm
(540)

CYNCRON

(151) 15.08.2006
(831) 05.12.2006 VN
(450) 2006/44 Gaz (07.12.2006)
(732) Cyncron A/S
Datavej 24, DK-3460 Birkerød (DK)

(511) 35, 41, 42.

---

(111) **906747**
(822) 08.09.2006 4985286 JP
(171) 10 năm
(540)

(151) 30.10.2006
(831) 09.01.2007 VN
(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.11.12, 28.03.00, 29.01.13
(591) Đỏ và xanh da trời
(732) Hitachi Software Engineering Co., Ltd.
1-43, 1-Chome, Suehiro Cho, Tsurumi-ku, Yokohama-shi, Kanagawa-ken 230-0045 (JP)

(511) 09.

---

(111) **911028**
(822) 25.08.2006 06 3 418 611 FR
(171) 10 năm
(540)
EcoMoineau

(151) 08.09.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) PCM
17, rue Ernest Laval, F-92170 Vanves (FR)

(511) 07.

---

(111) **911042**

(171) 10 năm
(540)

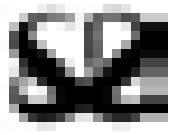

(151) 31.07.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 24.17.05, 26.02.01, 26.02.05
(732) Babcock & Brown International Pty Ltd
Level 39, The Chifley Tower, 2 Chifley Square, SYDNEY NSW 2000 (AU)
(750) Freehills Patent & Trade Mark Attorneys
Level 38 MLC Centre, Martin Place, SYDNEY NSW 2000 (AU)

(511) 36.

---

(111) **911046**
(822) 14.04.2004 3351605 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 18.08.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 26.11.25, 27.05.01
(732) TAISHAN SPORTS INDUSTRY GROUP CO., LTD.
Nanshou, Xinlong Street, Leling City, 253600 Shandong Province (CN)

(511) 28.

---

(111) **911068**
(822) 19.09.2006 552641 CH
(171) 10 năm
(540)
VIGASONE

(151) 22.01.2007

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) Alcon, Inc.
Bösch 69, CH-6331 Hünenberg (CH)

(511) 05.

---

(111) **911075**
(822) 11.10.2006 809002 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 05, 29, 30.

(151) 27.11.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 03.01.14, 24.01.01
(732) N.V. Nutricia
Eerste Stationsstraat 186, NL-2712 HM Zoetermeer (NL)

---

(111) **911104**
(822) 24.08.2004 304 24 642.5/12 DE
(171) 10 năm
(540) INTORQ

(511) 07, 09, 12, 42.

(151) 27.07.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) INTORQ GmbH
Wülmser Weg 5, 31855 Aerzen (DE)

---

(111) **911136**
(822) 07.03.2006 3868039 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 07, 09, 11, 12.

(151) 06.06.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 01.17.02, 26.07.01, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.02, 29.01.08
(732) HUANG RONG FU
2/F, No. 98, 5 Duan, Xinhailu, 21 Lin, Xingyeli, Wenshanqu, Taibei, Taiwan 11695 (CN)

---

(111) **911152**
(822) 04.05.2006 547305 CH
(171) 10 năm
(540) AEV

(511) 11.

(151) 23.10.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) ALSTOM Technology Ltd
Brown-Boveri-Strasse 7, CH-5401 Baden (CH)

---

(111) **911160**
(822) 07.10.1996 876016 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 26.09.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 01.15.15, 01.15.24, 26.11.12
(732) Sichuan Yuanda Shuyang Pharmaceutical Co., Ltd.
The 32nd Floor, First City Plaza, No. 308 of Shuncheng Street, Chengdu (CN)

---

(111) **911174**
(822) 02.11.2006 552451 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 41.

(151) 12.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 27.05.08
(732) Signum International S.à.r.l. Luxembourg Zug Branch
Zeughausgasse 9a, CH-6301 Zug (CH)

---

(111) **911191**
(822) 07.09.1921 271 488 DE
(171) 10 năm
(540)

"Bêché"

(511) 07.

(151) 14.06.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) Schmiedetechnik & Service GmbH
Fritz-Müller-Strasse 11, 73730 Esslinge (DE)

---

(111) **911207**
(822) 20.06.2006 306 07 638.1/09 DE
(171) 10 năm
(540)

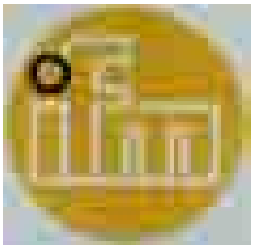

(511) 09, 42.

(151) 02.08.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 26.01.18, 29.01.13
(591) Cam, trắng và đen
(732) i f m electronic gmbh
Teichstraße 4, 45127 Essen (DE)

---

(111) **911228**
(822) 11.10.2005 305 43 238.9/35 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 21.01.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 26.11.12, 27.05.01
(732) TMS Trademark-Schutzrechtsverwertungsgesellschaft mbH
Oberhausener Straße 6, 40472 Düsseldorf (DE)

(511) 03, 09, 14, 18, 25, 28, 35, 41.

---

(111) **911233**
(822) 09.03.2006 VR 2006 00912 DK
(171) 10 năm
(540) INTERACOUSTICS

(151) 14.07.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) Interacoustics A/S
Drejervænget 8, DK-5610 Assens (DK)

(511) 09, 10.

---

(111) **911278**
(822) 01.12.2006 1030415 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 01.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 03.07.13, 27.05.08, 27.05.24
(732) LUIGI LAVAZZA S.P.A.
Corso Novara, 59, I-10154 TORINO (IT)

(511) 30.

---

(111) **911303**
(822) 29.08.2005 305 35 312.8/12 DE
(171) 10 năm
(540) Schaeffler Group

(151) 20.03.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) Schaeffler KG
Industriestraße 1-3, 91074 Herzogenaurach (DE)

(511) 07, 08, 09, 11, 12.

---

(111) **911309**
(822) 17.11.2006 06 3 433 948 FR
(171) 10 năm
(540)

CELLULI-PRO

(151) 07.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) C.E.F.B. SISLEY
16, avenue George V, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **911325**
(822) 19.12.2005 30555961.3/35 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 24.02.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 26.03.23, 27.05.01, 29.01.13
(591) Đỏ, vàng và trắng
(732) MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG
Metro-Strasse 1, 40235 Düsseldorf (DE)

(511) 35, 38, 41, 42.

---

(111) **911329**
(822) 24.03.1995 2903742 DE
(171) 10 năm
(540)

KAUTASIT

(151) 21.11.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) Kautasit Gummitechnik GmbH
Robert-Berndt-Str. 2, 01257 Dresden (DE)

(511) 17.

---

(111) **911333**
(822) 15.08.2006 551486 CH
(171) 10 năm
(540)

OZOFTA

(151) 19.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) Alcon, Inc.
Bösch 69, CH-6331 Hünenberg (CH)

(511) 05.

---

(111) **911383**
(822) 28.12.2006 554093 CH
(171) 10 năm
(540)

CO-TAREG

(151) 10.01.2007

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) Novartis AG
CH-4002 Basel (CH)
(750) NOVARTIS AG, Corporate Intellectual Property Global Trademark Section
CH-4002 Basel (CH)

(511) 05.

---

(111) **911385**
(822) 16.08.2006 549625 CH
(171) 10 năm
(540)

COLORFORWARD

(151) 05.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) Clariant AG
Rothausstrasse 61, CH-4132 Muttenz (CH)

(511) 09, 16.

---

(111) **911415**
(822) 12.12.2006 306 63 920.3/03 DE
(171) 10 năm
(540)

DERMO SENSITIVE

(151) 29.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) Beiersdorf AG
Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)
(750) Beiersdorf AG, Legal Department
Mail Box 82, Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)

(511) 03.

---

(111) **911432**
(822) 14.07.2006 1015643 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 14.07.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 06.01.02, 27.05.01
(732) LA SPORTIVA S.P.A.
Via Ischia, 2, I-38030 ZIANO DI FIEMME (TN) (IT)

(511) 18, 25, 28.

---

(111) **911480**
(822) 17.07.2006 548582 CH
(171) 10 năm
(540)

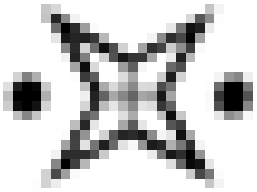

(511) 14.

(151) 14.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 01.01.09, 24.17.02
(732) Vaucher Manufacture Fleurier S.A.
Rue de l'Hôpital 33, CH-2114 Fleurier (CH)

---

(111) **911539**
(822) 24.04.2006 306 00 232.9/11 DE
(171) 10 năm
(540)

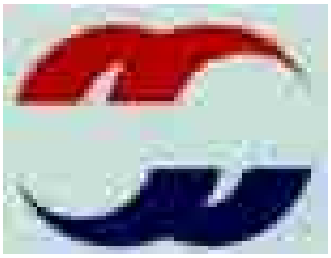

(511) 07, 09, 11.

(151) 24.04.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 26.11.12, 26.13.25, 29.01.12
(591) Đỏ và xanh da trời
(732) HANS GÜNTNER GMBH
Industriestrasse 14, 82256 FÜRSTENFELDBRUCK (DE)

---

(111) **911579**
(822) 04.05.2006 547304 CH
(171) 10 năm
(540)

EV

(511) 11.

(151) 23.10.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) ALSTOM Technology Ltd
Brown-Boveri-Strasse 7, CH-5401 Baden (CH)

---

(111) **911600**
(822) 29.06.2006 VR 2006 02390 DK
(171) 10 năm
(540)

SUPPLYCHAIN
HEALTHCHECK

(511) 09, 16, 35, 38, 39, 42.

(151) 05.09.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) A.P. Møller A/S - Mærsk A/S
Esplanaden 50, DK-1098 Copenhagen K (DK)

---

(111) **911606**
(822) 16.11.2006 553500 CH
(171) 10 năm
(540)

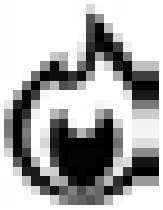

(511) 05, 29, 30, 32.

(151) 20.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 26.13.25
(732) Société des Produits Nestlé S.A.
CH-1800 Vevey (CH)

---

(111) **911615**
(822) 24.11.2006 06 3 435 672 FR
(171) 10 năm
(540)

SAC EN V

(511) 18.

(151) 08.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) HERMES INTERNATIONAL
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)
(750) HERMES INTERNATIONAL - Cyril FEB
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **911623**
(822) 08.12.2006 06 3438367 FR
(171) 10 năm
(540)

BLEPHADERM

(511) 03, 05.

(151) 08.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) PIERRE FABRE DERMO-COSMETIQUE
45, Place Abel Gance, F-92100 BOULOGNE (FR)

---

(111) **911628**
(822) 07.11.2006 553476 CH
(171) 10 năm
(540)

VISCOFERM

(511) 01.

(151) 20.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) Novozymes Switzerland AG
Neumattweg 16, CH-4243 Dittingen (CH)

---

(111) **911651**
(822) 22.12.2006 063441105 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 35, 42, 44.

(151) 22.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(531) 26.11.09, 27.05.17, 29.01.13
(591) Cam , xám, vàng kim loại, đen
(732) BIOFARMA
22 rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **911658**
(822) 29.12.2006 063441763 FR
(171) 10 năm
(540) TRIPLEXOR

(511) 05.

(151) 29.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **911660**
(822) 29.12.2006 06 3 441 884 FR
(171) 10 năm
(540) ARNORIAM

(511) 05.

(151) 29.12.2006

(450) 2007/5 Gaz (08.03.2007)
(732) BIOFARMA
22 rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **911717**
(822) 11.07.2003 515605 CH
(171) 10 năm
(540) FemiFect

(511) 05.

(151) 28.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Shogoo Pharmaceuticals AG
Engelgasse 77, CH-4052 Basel (CH)

---

(111) **911738**
(822) 06.10.2006 06 3 426 879 FR
(171) 10 năm
(540)

ADVANS

(151) 06.10.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) La Fayette Investissement
69, route d'Esch, L-1740 Luxembourg (LU), c/o Horus, 39, rue La Fayette, PARIS (FR)
(750) Horus
39, rue La Fayette, F-75009 PARIS (FR)

(511) 35, 36, 38.

---

(111) **911741**
(822) 23.01.1996 1950902 US
(171) 10 năm
(540)

COBY

(151) 10.10.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Coby Electronics Corporation
56-65 Rust Street, Maspeth, NY 11378 (US)

(511) 09, 16.

---

(111) **911745**
(822) 11.10.2006 809003 BX
(171) 10 năm
(540)

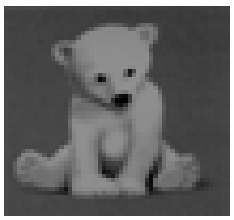

(151) 27.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 03.01.14
(732) N.V. Nutricia
Eerste Stationsstraat 186, NL-2712 HM Zoetermeer (NL)

(511) 05, 29, 30.

---

(111) **911746**
(822) 11.10.2006 809004 BX
(171) 10 năm
(540)

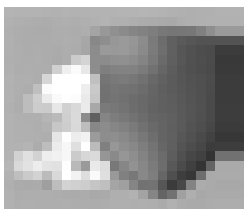

(151) 27.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 03.01.14, 24.01.01
(732) N.V. Nutricia
Eerste Stationsstraat 186, NL-2712 HM Zoetermeer (NL)

(511) 05, 29, 30.

---

(111) **911755**
(822) 27.11.2006 1029180 IT
(171) 10 năm
(540)

U-BOAT

(151) 27.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) HI-TEK OFFICE S.R.L.
Via Vecchia Romana, 685, I-55100 ANTRACCOLI (LU) (IT)

(511) 09, 14, 18, 25.

---

(111) **911789**
(822) 17.11.2006 06 3 434 683 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 08.12.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 04.05.05, 29.01.12
(591) Xám và đỏ
(732) GASCOGNE
650, avenue Pierre Benoit, F-40990 SAINT-PAUL-LES-DAX (FR)

(511) 16, 19, 40.

---

(111) **911793**
(822) 03.04.2006 544542 CH
(171) 10 năm
(540)

DEXICOM

(151) 11.07.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) CLARIANT AG
Rothausstrasse 61, CH-4132 Muttenz (CH)

(511) 01, 42.

---

(111) **911797**
(822) 14.05.2003 3080834 CN
(171) 10 năm
(540)

BARCCINI

(151) 09.01.2007

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) YE DING WEI
Yunzhou Shaobu Village, Feiyun Town, Ruian City, 325000 Zhejiang Province (CN)

(511) 16.

---

(111) **911799**
(822) 11.07.2006 803086 BX
(171) 10 năm
(540)

OODJI

(511) 03, 14, 18, 24, 25.

(151) 03.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) WORRUS HOLDING S.A.
6, rue Adolphe, L-1116
LUXEMBOURG (LU)

---

(111) **911818**
(822) 22.07.2003 252024 RU
(171) 10 năm
(540)

multiplaz

(511) 07, 08, 09.

(151) 25.10.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 26.03.01, 26.03.05, 29.01.12
(591) Xanh da trời và vàng
(732) International Plasma Corporation Ltd.
3rd floor, Jonsim Place, 228 Queen's Road East, Wanchai (HK), 15, B. Polyanka St., Moscow (RU)

---

(111) **911820**
(822) 23.06.2006 30626700.4/03 DE
(171) 10 năm
(540)

WELLA
PROFESSIONALS

(511) 03, 08, 11, 20, 21, 26, 41, 42, 44.

(151) 24.10.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 02.03.01, 26.11.08, 27.05.10
(732) Wella Aktiengesellschaft
Berliner Allee 65, 64274 Darmstadt (DE)

---

(111) **911833**
(822) 22.03.2006 306 03 935.4/05 DE
(171) 10 năm
(540)

Vobahes

(511) 05.

(151) 30.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Fresenius Kabi AG
Friedrichstrasse 2-6, 60323 Frankfurt (DE)
(750) Fresenius AG, Legal Dept.-Trademarks
Else-Kroener-Str. 1, 61352 Bad Homburg (DE)

---

(111) **911858**
(822) 02.11.2006 186884 HU
(171) 10 năm
(540)

GEDEON RICHTER

(511) 05.

(151) 02.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 26.01.18
(732) RICHTER GEDEON VEGYÉSZETI GYÁR R.T.
Gyömröi út 19-21, H-1103 Budapest (HU)
(750) RICHTER GEDEON VEGYÉSZETI GYÁR RT.
Pf. 27, H-1475 Budapest 10 (HU)

---

(111) **911907**
(822) 20.10.2006 063428288 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 19.

(151) 09.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 04.05.21, 27.05.01, 29.01.12
(732) PROFILS SYSTEMES S.A.S.
Parc d'activités de Massane, Rue Alfred Sauvy, F-34670 BAILLARGUES (FR)

---

(111) **911908**
(822) 17.11.2006 06 3.434.747 FR
(171) 10 năm
(540)

LAQUE FEVER

(511) 03.

(151) 27.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) LANCOME PARFUMS ET BEAUTE & CIE
29, rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **911920**
(822) 30.08.1996 442848 CH
(171) 10 năm
(540)

LEVUCELL

(511) 31.

(151) 03.01.2007

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Danstar Ferment AG
Bahnhofstrasse 7, CH-6301 Zug (CH)

---

(111) **911932**
(822) 24.02.2004 2817535 US
(171) 10 năm
(540)

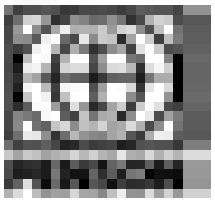

(511) 36.

(151) 28.12.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 01.05.02
(732) Penson Worldwide, Inc.
1700 Pacific Avenue, Suite 1400, Dallas, TX 75201 (US)

---

(111) **911937**
(822) 30.10.2006 1026938 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 29.

(151) 30.10.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 19.07.02
(732) CARAPELLI FIRENZE S.P.A.
Via Benvenuto Cellini, 75 -, Località Sambuca, I-50028 TAVARNELLE VAL DI PESA (Firenze) (IT)

---

(111) **911974**
(822) 04.04.2006 230 973 AT
(171) 10 năm
(540)

SCHRACK

(511) 09.

(151) 04.04.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Schrack Energietechnik GmbH
SCHRACK SECONET AG Tyco Electronics Austria GmbH
Seybelgasse 13, A-1235 Vienna (AT), Eibesbrunnergasse 18, A-1120 Vienna (AT), Pilzgasse 33, A-1210 Vienna (AT)
(750) Schrack Energietechnik GmbH
Seybelgasse 13, A-1235 Vienna (AT)

---

(111) **911996**
(822) 14.12.2001 1682151 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 24.04.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 26.01.17, 27.05.01, 27.07.01, 29.01.12
(591) Xanh da trời và trắng
(732) SHENZHEN 3NOD ELECTRONICS CORPORATION
No. 1 Factory Building, Line 3, Xingfu Village, Tangxiayong, Songgang, Baoan District, Shenzhen, Guangdong 518105 (CN)
(750) SHENZHEN 3NOD ELECTRONICS CORPORATION
22/F., Industrial Bank Bldg., Shennan Road, Shenzhen, Guangdong 518026 (CN)

---

(111) **912017**
(822) 07.11.2006 553816 CH
(171) 10 năm
(540)

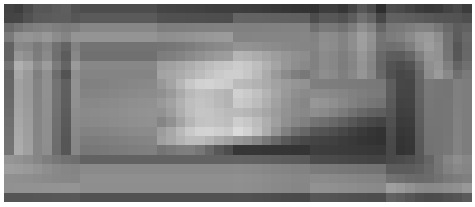

(511) 05, 41, 44.

(151) 04.01.2007

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 15.09.11
(732) F. Hoffmann-La Roche AG
Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel (CH)

---

(111) **912019**
(822) 19.09.2006 552642 CH
(171) 10 năm
(540) VIGADEXA

(511) 05.

(151) 19.01.2007

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Alcon, Inc.
Bösch 69, CH-6331 Hünenberg (CH)

---

(111) **912039**
(822) 04.08.2006 06 3 412 503 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 08.08.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 03.03.01, 21.01.25
(732) HERMES INTERNATIONAL
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)
(750) HERMES INTERNATIONAL - Cyril FEB
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03, 08, 11, 14, 15, 16, 18, 20, 21, 22, 24, 25, 28.

---

(111) **912046**
(822) 20.12.2005 170865 PL
(171) 10 năm
(540)

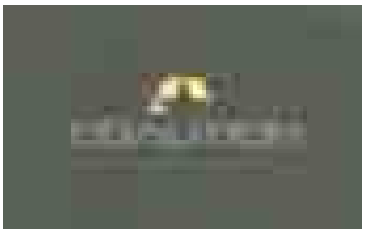

(151) 14.07.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 01.01.01, 26.07.15, 27.01.01, 27.03.01, 29.01.02, 29.01.06, 29.01.08
(591) Vàng, đen, xám
(732) ETOS S.A.
ul. Bazyńskiego 32, PL-80-309 Gdańsk (PL)

(511) 03, 09, 18, 25.

---

(111) **912056**
(822) 13.07.2006 063409137 FR
(171) 10 năm
(540)

COVERSICOR

(151) 27.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) BIOFARMA
22 rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 05.

---

(111) **912100**
(822) 22.06.2006 305 76 910.3/20 DE
(171) 10 năm
(540)

Ellipta

(151) 01.08.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Häfele GmbH & Co KG
Adolf-Häfele-Straße 1, 72202 Nagold (DE)

(511) 09, 20.

---

(111) **912111**
(822) 12.07.2005 2965957 US
(171) 10 năm
(540)

ECOGANIK

(511) 25.

(151) 02.01.2007

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) California Apparel Inc.
9640 E. Klingerman Street, South El Monte, CA 91733 (US)

---

(111) **912121**
(822) 10.11.2006 063 432 929 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 01.

(151) 30.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 01.15.05, 29.01.13
(732) L'AIR LIQUIDE, Société Anonyme pour l'Etude et l'Exploitation des Procédés Georges Claude
75, Quai d'Orsay, F-75321 PARIS CEDEX 7 (FR)
(750) L'AIR LIQUIDE SA- Département des marques
75, Quai d'Orsay, F-75321 PARIS Cedex 7 (FR)

---

(111) **912130**
(822) 01.09.2006 06/3419297 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 28, 35, 36, 38.

(151) 30.10.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 04.05.05, 29.01.11
(591) Xanh lá cây
(732) CETELEM
5, Avenue Kléber, F-75116 PARIS (FR)

---

(111) **912134**
(822) 28.08.2006 551084 CH
(171) 10 năm
(540) TRIESENCE

(151) 10.01.2007

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Alcon, Inc.
Bösch 69, CH-6331 Hünenberg (CH)

(511) 10.

---

(111) **912149**
(822) 19.05.2006 306921 RU
(171) 10 năm
(540) MEXIDOL

(151) 11.08.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Obshchestvo s ogranichennoy otvetstvennostyu "Nauchno-proizvodstvennaya kompania "Farmasoft"
22, ul. Avtozavodskaya, RU-115280 Moscow (RU)

(511) 03, 05.

---

(111) **912167**
(822) 07.08.2006 1017258 IT
(171) 10 năm
(540)

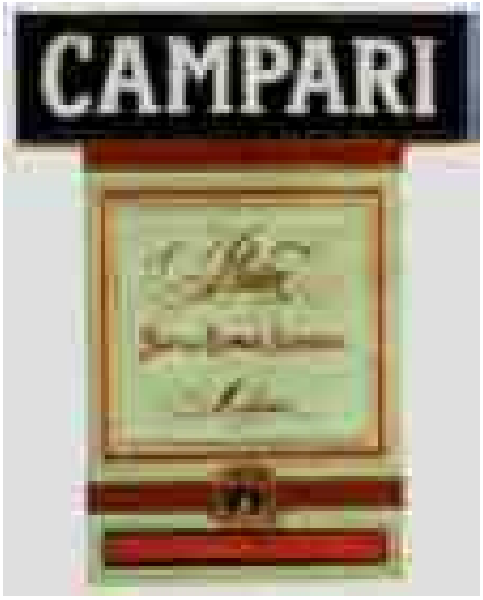

(151) 17.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 25.01.15, 29.01.15
(591) Đen, xanh lá cây, xanh da trời, đỏ, trắng, vàng kim loại, vàng, xám
(732) DAVIDE CAMPARI-MILANO S.p.A.
Via Turati 27, I-20121 MILANO (IT)

(511) 32, 33, 43.

---

(111) **912185**
(822) 15.08.2006 552016 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 29, 30.

(151) 07.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 05.07.23, 05.09.23
(732) Monrosa AG
Falknerstrasse 52, CH-4001 Basel (CH)

---

(111) **912186**
(822) 15.08.2006 552037 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 29, 30.

(151) 08.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 03.07.02, 24.01.03, 24.01.12, 25.01.25
(732) Monrosa AG
Falknerstrasse 52, CH-4001 Basel (CH)

---

(111) **912247**
(822) 31.08.1994 2693213 JP
(171) 10 năm
(540)

mont·bell

(511) 09, 18, 20, 21, 22, 24, 25, 35.

(151) 29.09.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Kabushiki Kaisha Montbell
33-20 Shinmachi 1-chome, Nishi-ku,
Osaka-shi, Osaka 550-0012 (JP)

---

(111) **912255**
(822) 09.11.2006 1027788 IT
(171) 10 năm
(540)

PARENTESI

(511) 09, 14, 18.

(151) 09.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) BULGARI S.p.A.
Lungotevere Marzio, 11, I-00186 Roma
(IT)

---

(111) **912266**
(822) 03.10.2006 314311 RU
(171) 10 năm
(540)

(151) 22.11.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 27.05.02
(732) Limited liability company "White Gold" Korp. 21a, d.34, Kutuzovsky prospect, RU-121170 Moskva (RU)

(511) 33.

---

(111) **912285**
(822) 09.10.2006 1023562 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 09.10.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 26.04.01, 27.05.01, 29.01.12
(591) Cam và trắng
(732) Oviesse S.r.l.
Cannaregio, 5793, I-30131 Venezia (VE) (IT)

(511) 03, 04, 08, 09, 11, 14, 16, 18, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 34, 35, 43.

---

(111) **912287**
(822) 09.10.2006 1023563 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 09.10.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 26.04.07, 27.05.01, 29.01.13
(591) Cam, xám và trắng
(732) Oviesse S.r.l.
Cannaregio, 5793, I-30131 Venezia (VE) (IT)

(511) 03, 04, 08, 09, 11, 14, 16, 18, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 34, 35, 43.

---

(111) **912327**
(822) 08.01.2007 1032276 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 08.01.2007

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(531) 26.01.18
(732) S.I.F.I. S.p.A.
Via Ercole Patti, 36, I-95020 Lavinaio (CT) (IT)

(511) 05.

---

(111) **912354**
(822) 25.02.2005 4840935 JP
(171) 10 năm
(540)

HPS

(511) 07.

(151) 28.12.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) NSK Ltd.
6-3, Osaki 1-chome, Shinagawa-ku, Tokyo 141-8560 (JP)

---

(111) **912379**
(822) 26.07.2006 306 33 115.2/30 DE
(171) 10 năm
(540)

ACTIVAT

(511) 01, 05, 29, 30, 32.

(151) 04.10.2006

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) KORD Beteiligungsgesellschaft mbH & Co. KG
Am Sandtorkai 2, 20457 Hamburg (DE)

---

(111) **912382**
(822) 07.08.2006 550580 CH
(171) 10 năm
(540)

SJORA

(511) 32.

(151) 10.01.2007

(450) 2007/6 Gaz (15.03.2007)
(732) Société des Produits Nestlé S.A.
CH-1800 Vevey (CH)

---

(111) **912409**
(822) 08.12.2006 06 3 438 434 FR
(171) 10 năm
(540)

X-CRANE

(511) 12.

(151) 08.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) COMPAGNIE GENERALE DES ETABLISSEMENTS MICHELIN
Société en Commandite par Actions
12, cours Sablon, F-63040 CLERMONT-FERRAND Cedex 09 (FR)

---

(111) **912440**

(171) 10 năm
(540)

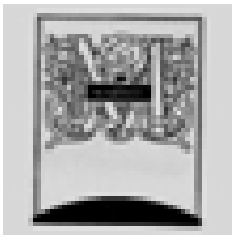

(511) 33.

(151) 22.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 25.01.15, 27.05.08
(732) MARTELL & Co (société anonyme)
place Edouard Martell, F-16100 Cognac (FR)

---

(111) **912451**
(822) 29.01.2006 152835 EG
(171) 10 năm
(540)

(511) 08.

(151) 26.11.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 25.01.09, 26.11.12, 28.01.00
(732) Al Soliman & Partners Lord For Trading & Industry
Rue de Abdel Aziz dans le Terre, Ashour et Haridi Kism El Arabe, Port Said (EG)

---

(111) **912452**

(171) 10 năm
(540)

Barunson

(511) 09, 16, 28, 35.

(151) 25.08.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) BARUNSON CO., LTD.
1338-23, Seocho-dong, Seocho-gu, Seoul (KR)

---

(111) **912462**
(822) 13.09.2006 306 29 974.7/35 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 35, 41.

(151) 20.10.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.04.09
(732) Messe Frankfurt GmbH
Ludwig-Erhard-Anlage 1, 60327 Frankfurt am Main (DE)

---

(111) **912463**
(822) 13.09.2006 306 29 975.5/35 DE
(171) 10 năm
(540)

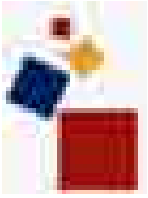

(511) 16, 35, 41.

(151) 20.10.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.04.09, 29.01.13
(591) Đỏ, xanh da trời và vàng
(732) Messe Frankfurt GmbH
Ludwig-Erhard-Anlage 1, 60327 Frankfurt am Main (DE)

---

(111) **912464**
(822) 13.09.2006 306 29 973.9/35 DE
(171) 10 năm
(540)

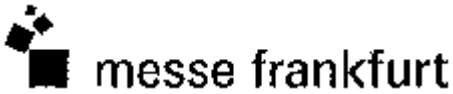

(511) 16, 35, 41.

(151) 20.10.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.04.09, 27.05.01
(732) Messe Frankfurt GmbH
Ludwig-Erhard-Anlage 1, 60327 Frankfurt am Main (DE)

---

(111) **912470**
(822) 14.07.2006 803302 BX
(171) 10 năm
(540)

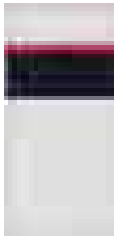

(511) 06, 07, 09, 12, 17, 35.

(151) 18.07.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.04.07, 26.11.06, 29.01.13
(591) Đỏ, đen và trắng
(732) The Gates Corporation, Delaware corporation
1551 Wewatta Street, Denver, Colorado 80202 (US), Dr. Carlierlaan 30, BE-9320 Erembodegem-Aalst, Belgium (BX)

---

(111) **912476**
(822) 02.08.2005 2982117 US
(171) 10 năm
(540)

HYDROVANCE

(511) 01.

(151) 29.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) Indopco, Inc.
10 Finderne Avenue, Bridgewater, NJ 08807 (US)

---

(111) **912518**
(822) 23.11.2006 1028237 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 23.11.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 18.01.21, 24.07.01
(732) TOURING CLUB ITALIANO
Corso Italia, 10, I-20122 MILANO (IT)

---

(111) **912555**
(822) 09.03.2005 305 01 780.2/06 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 35, 37, 40, 42.

(151) 25.04.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.11.06, 27.05.01
(732) Schmidt + Clemens GmbH + Co. KG
51789 Lindlar (DE)

---

(111) **912556**
(822) 16.12.2005 305 49 625.5/40 DE
(171) 10 năm
(540) cewe

(511) 01, 09, 14, 16, 18, 20, 21, 24, 25, 27, 28, 35, 38, 39, 40, 41, 42.

(151) 27.12.2005

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) CeWe Color AG & Co. OHG
Meerweg 30-32, 26133 Oldenburg (DE)

---

(111) **912563**
(822) 17.01.2006 990008 IT
(171) 10 năm
(540) WHO*S WHO

(511) 03, 09, 18, 25.

(151) 17.01.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 24.17.03
(732) MAX - COMPANY S.R.L.
Via Ozanam Federico, 6, I-20129 MILANO (IT)

---

(111) **912580**
(822) 17.02.2006 22370 BY
(171) 10 năm
(540)

(511) 07, 09, 12, 17.

(151) 25.05.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.01.18, 26.01.24, 27.05.24
(732) Nauchno-proizvodstvennoe obshchestvo s ogranichennoy otvetstvennostyou "FENOX"
Partizansky avenue 95, 220026 Minsk (BY)

---

(111) **912593**
(822) 23.06.1999 218210 CZ
(171) 10 năm
(540)

REVITAL

(511) 01, 05, 30, 32.

(151) 16.05.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) VITAR, s.r.o.
tř. T. Bati 385, CZ-763 02 Zlín (CZ)

---

(111) **912613**
(822) 21.07.2003 40-0554144-00-00 KR
(171) 10 năm
(540)

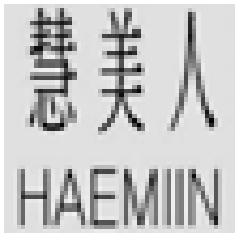

(511) 03.

(151) 08.09.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 28.03.00
(732) HANSAENG Cosmetics Co., Ltd
610-7, Gwanjeo-dong, Seo-gu, Daejeon 302-243 (KR)

---

(111) **912619**
(822) 11.08.2006 063415660 FR
(171) 10 năm
(540)

GEOLOGIC

(511) 04, 18, 22, 25.

(151) 11.09.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) DECATHLON
4, Boulevard de Mons, F-59650 VILLENEUVE D'ASCQ (FR)

---

(111) **912630**
(822) 26.09.2005 305 39 901.2/21 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 12.09.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 02.09.01, 27.05.04, 27.05.10, 29.01.14
(591) Hồng, xanh da trời, cam
(732) HIPP & CO.
Brünigstrasse 141, CH-6072 Sachseln (CH), Georg-Hipp-Straße 7, Pfaffenhofen (DE)

(511) 03, 05, 08, 09, 10, 11, 21, 24, 25, 44.

---

(111) **912656**
(822) 14.04.2004 3339148 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 25.10.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 01.05.01, 26.03.23, 27.05.01, 28.03.00
(732) SHENGYU GROUP CO., LTD
Hushan Road Lingxi Town, Cangnan Wenzhou, Zhejiang (CN)

(511) 24.

---

(111) **912672**

(171) 10 năm
(540) KIVA GOLD

(151) 17.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) Pleasure Products LLC
1093 A1A Beach Blvd., Suite 535, St. Augustine, FL 32080 (US)

(511) 34.

---

(111) **912695**
(822) 02.01.2006 786754 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 22.06.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.01.02, 26.11.02, 29.01.01, 29.01.06, 29.01.08
(591) Đen, đỏ và trắng
(732) The Gates Corporation, Delaware corporation
1551 Wewatta Street, Denver, Colorado 80202 (US), Dr. Carlierlaan 30, B-9320 EREMBODEGEM-AALST, Belgium (BX)

(511) 06, 07, 09, 12, 17, 35.

---

(111) **912697**
(822) 05.01.2006 787116 BX
(171) 10 năm
(540)

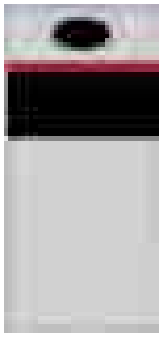

(511) 06, 07, 09, 12, 17, 35.

(151) 22.06.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.01.02, 26.04.02, 26.04.08, 26.04.10, 29.01.01, 29.01.06, 29.01.08
(591) Đen, đỏ, trắng
(732) The Gates Corporation, Delaware corporation
1551 Wewatta Street, Denver, Colorado 80202 (US), Dr. Carlierlaan 30, Erembodegem-Aalst, B-9320, Belgium (BX)

---

(111) **912698**
(822) 05.01.2006 787117 BX
(171) 10 năm
(540)

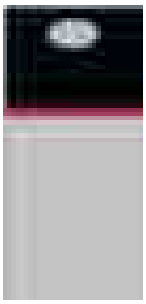

(511) 06, 07, 09, 12, 17, 35.

(151) 22.06.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.01.02, 26.04.02, 26.04.08, 26.04.10, 29.01.01, 29.01.06, 29.01.08
(591) Đen, đỏ và trắng
(732) The Gates Corporation, Delaware corporation
1551 Wewatta Street, Denver, Colorado 80202 (US), Dr. Carlierlaan 30, EREMBODEGEM-AALST, Belgium (BX)

---

(111) **912700**
(822) 14.07.2006 803303 BX
(171) 10 năm
(540)

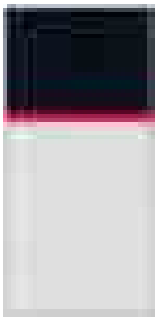

(511) 06, 07, 09, 12, 17, 35.

(151) 18.07.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.04.09, 26.11.06, 29.01.13
(591) Đen, đỏ và trắng
(732) The Gates Corporation, Delaware corporation
1551 Wewatta Street, Denver, Colorado 80202 (US), Dr. Carlierlaan 30, BE-9320 Erembodegem-Aalst, Belgium (BX)

---

(111) **912701**
(822) 17.11.2003 107990 IR
(171) 10 năm
(540)

(511) 19, 39.

(151) 01.11.2005

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 01.15.05, 26.01.06, 29.01.12
(591) Đen và đỏ
(732) Passargad Oil Company
No 99, Mirdamad Blvd, Tehran (IR)
(750) Passargad Oil Company
P.0 Box 193950-4598, Tehran (IR)

---

(111) **912717**
(822) 28.08.2006 551085 CH
(171) 10 năm
(540)

ULTRAVIT

(511) 10.

(151) 11.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) Alcon, Inc.
Bösch 69, CH-6331 Hünenberg (CH)

---

(111) **912729**
(822) 22.09.2006 06 3 424 199 FR
(171) 10 năm
(540)

XAPRYLLA

(511) 05.

(151) 30.11.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) SANOFI-AVENTIS
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) SANOFI-AVENTIS, Département des Marques, Josée SANCHEZ
82, avenue Raspail, F-94255 Gentilly Cédex (FR)

---

(111) **912730**
(822) 05.01.2007 06 3 444 125 FR
(171) 10 năm
(540)

ONKEFRI

(511) 05.

(151) 05.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) SANOFI-AVENTIS
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) SANOFI-AVENTIS, DEPARTEMENT DES MARQUES
82, avenue Raspail, F-94255 GENTILLY (FR)

---

(111) **912742**
(822) 21.07.2006 06 3 410 891 FR
(171) 10 năm
(540)

VIVENDI

(511) 09, 16, 28, 35, 36, 38, 41, 42.

(151) 28.07.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) VIVENDI
42, avenue de Friedland, F-75008
PARIS (FR)

---

(111) **912744**
(822) 29.08.2006 178616 PL
(171) 10 năm
(540)

TOPIMATIL

(511) 05.

(151) 19.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) Przedsi&ecedil;biorstwo
Farmaceutyczne Jelfa S.A.
Ul. Wincentego Pola 21, PL-58-500
Jelenia Góra (PL)

---

(111) **912758**
(822) 12.12.2006 1030762 IT
(171) 10 năm
(540)

LOLLI E MEMMOLI

(511) 11.

(151) 12.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) LOLLI E MEMMOLI s.r.l.
Via Vincenzo Monti, 41, I-20123
MILANO (IT)

---

(111) **912771**
(822) 18.12.2006 1031696 IT
(171) 10 năm
(540)

BVLGARI GEM ESSENCE

(511) 03.

(151) 18.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) BULGARI S.P.A.
Lungotevere Marzio, 11, I-00186 Roma
(IT)

---

(111) **912775**
(822) 01.11.2006 30655423.2/03 DE
(171) 10 năm
(540) MOJO

(511) 03, 18, 25.

(151) 04.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) ars Parfum Creation & Consulting GmbH
Komödienstr. 56-58, 50667 Köln (DE)

---

(111) **912802**

(171) 10 năm
(540) QNEXA

(511) 05.

(151) 08.11.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) Vivus, Inc.
1172 Castro Street, Mountain View, CA 94040 (US)

---

(111) **912803**
(822) 22.09.2005 2402182 GB
(171) 10 năm
(540) PANDEMRIX

(511) 05.

(151) 20.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) Glaxosmithkline Biologicals S.A.
Rue de l'Institut 89, B-1330 Rixensart (BE), GlaxoSmithKline, 980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS (GB)
(750) GlaxoSmithKline, Corporate Intellectual Property
CN9-118, 980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS (GB)

---

(111) **912806**
(822) 15.12.2006 06 3 440 053 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 33.

(151) 05.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 04.02.01, 19.07.17, 29.01.13
(732) E. REMY MARTIN & C°
20, rue de la Société Vinicole, F-16100 Cognac (FR)

---

(111) **912819**
(822) 29.08.2006 178615 PL
(171) 10 năm
(540)

FALVIT

(511) 05.

(151) 19.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) Przedsi&ecedil;biorstwo Farmaceutyczne Jelfa S.A.
Ul. Wincentego Pola 21, PL-58-500 Jelenia Góra (PL)

---

(111) **912820**
(822) 21.03.2003 2001501 CN
(171) 10 năm
(540)

牧 林
MULIN

(511) 25.

(151) 19.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 26.01.18, 26.01.24, 28.03.00
(732) Fujian Jinjiang International Trade Co., Ltd.
18/F, Jianhang Mansion, Qingyang Zengjing Resident Area, Jinjiang, Fujian (CN)

---

(111) **912836**
(822) 17.09.2003 303 39 747.0/03 DE
(171) 10 năm
(540)

ZellCos

(511) 03.

(151) 18.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 27.05.10
(732) Markus Zeller
Homburger Weg 13A, 97877 Wertheim (DE)

---

(111) **912862**
(822) 15.12.2006 06 3 439 514 FR
(171) 10 năm
(540)

ERCEFLORA

(511) 03, 05.

(151) 15.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) SANOFI-AVENTIS
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis, Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94255 Gentilly Cedex (FR)

---

(111) **912893**

(171) 10 năm
(540)

(511) 05, 41, 44.

(151) 05.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 02.03.08, 02.03.23
(732) Genentech, Inc.
1 DNA Way, South San Francisco, CA 94080 (US)

---

(111) **912901**
(822) 09.06.2000 001154368 EM
(171) 10 năm
(540)

BOTTECCHIA

(511) 12.

(151) 03.11.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) CICLI ESPERIA S.p.A.
Via Meucci, 27, I-35028 PIOVE DI SACCO (Padova) (IT)

---

(111) **912916**
(822) 14.06.2006 2.689.909 ES
(171) 10 năm
(540)

OPENFIRST

(511) 07, 37, 42.

(151) 23.11.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) URPEMAK, S.L.
Basustabidea, 2, E-20750 ZUMAIA (Gipuzkoa) (ES)

---

(111) **912922**
(822) 16.10.2006 403275 PT
(171) 10 năm
(540)

RAP

(511) 12, 18, 24, 28.

(151) 12.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) RAP KIDS, LDA
Av. do Brasil 231, P-3700-070 S. João da Madeira (PT)

---

(111) **912937**
(822) 15.12.2006 06 3 439 849 FR
(171) 10 năm
(540)

PSOTER

(511) 05.

(151) 15.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) PIERRE FABRE DERMATOLOGIE
45, Place Abel Gance, F-92100 BOULOGNE (FR)

---

(111) **912949**

(171) 10 năm
(540)

LOLA ET MOI

(511) 25.

(151) 16.11.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) Lola et Moi N.A., LLC
945 Keniston Avenue, Los Angeles, CA 90019 (US)

---

(111) **912960**
(822) 05.03.1991 1636578 US
(171) 10 năm
(540)

SAFOAM

(511) 01.

(151) 19.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) REEDY INTERNATIONAL CORPORATION
25 East Front Street, Keyport, NJ 07735 (US)

---

(111) **912968**
(822) 02.12.2003 150235 PL
(171) 10 năm
(540)

007

(511) 03.

(151) 11.10.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) INTER-GLOBAL Sp. z o.o.
Stary Staw 9, PL-63-400 Ostrów Wielkopolski (PL)

---

(111) **913011**
(822) 05.12.2006 553595 CH
(171) 10 năm
(540)

ZURICH MIP

(151) 22.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) "Zürich" Versicherungs-Gesellschaft ("Zurich" Compagnie d'Assurances) ("Zurigo" Compagnia di Assicurazioni) (Zurich Insurance Company) ("Zurich" Compañia de Seguros)
Mythenquai 2, CH-8002 Zürich (CH)
(750) "Zürich" Versicherungs-Gesellschaft Legal Department
Mythenquai 2, CH-8022 Zürich (CH)

(511) 16, 35, 36, 37, 38, 42.

---

(111) **913039**
(822) 12.12.2006 1030765 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 12.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 27.05.01
(732) SARTORIA SAINT ANDREWS MILANO S.P.A.
Ottava Strada, 62, I-61030 BELLOCCHI DI FANO (PS) (IT)

(511) 25.

---

(111) **913040**
(822) 01.10.2002 2629013 US
(171) 10 năm
(540)

SAFTEC

(151) 19.01.2007

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(732) REEDY INTERNATIONAL CORPORATION
25 East Front Street, Suite 200, Keyport, NJ 07735 (US)

(511) 01.

---

(111) **913052**
(822) 12.07.2006 548732 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 34.

(151) 21.12.2006

(450) 2007/7 Gaz (22.03.2007)
(531) 03.07.16, 10.01.25, 29.01.14
(591) Đỏ, xanh da trời, trắng, vàng kim loại
(732) Japan Tobacco Inc.
2-2-1 Toranomon, Minato-ku, Tokyo (JP), JT International S.A., Chemin Rieu 14, Genève 17 (CH)

---

(111) **913099**
(822) 14.09.2004 3479892 CN
(171) 10 năm
(540)

BYD

(511) 09, 12.

(151) 14.08.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) BYD COMPANY LIMITED
Yan an Road, Kuichong, Longgang District, Shenzhen City, Guangdong Province 518119 (CN)

---

(111) **913127**
(822) 20.12.2006 1032159 IT
(171) 10 năm
(540)

MOVE UP

(511) 21.

(151) 20.12.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) DEROMA S.P.A.
Via Pasubio, 17, I-36034 MALO (VICENZA) (IT)

---

(111) **913145**
(822) 07.07.2004 3434148 CN
(171) 10 năm
(540)

LAIKE
莱　克

(511) 07.

(151) 06.11.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 27.05.11, 28.03.00
(732) ZHEJIANG LAIKE SEWING MACHINE CO., LTD.
72, Airport Road, Xiachen Town, Jiaojiang Area, Taizhou, Zhejiang (CN)

---

(111) **913150**
(822) 14.05.1996 838833 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 15.08.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 27.05.22, 28.03.00
(732) QINGTE GROUP CO., LTD.
25 Buqi Road, Chengyang District, Qingdao, Shandong 266109 (CN)

(511) 12.

---

(111) **913170**
(822) 09.11.2006 554165 CH
(171) 10 năm
(540)

(151) 11.01.2007

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 03.07.01, 03.07.16, 10.01.25, 29.01.14
(591) Trắng, đỏ, vàng kim loại và xanh da trời đậm
(732) Japan Tobacco Inc.
2-2-1 Toranomon, Minato-ku, Tokyo (JP), JT International S.A., 14 Chemin Rieu, Genève 17 (CH)

(511) 34.

---

(111) **913173**

(171) 10 năm
(540)

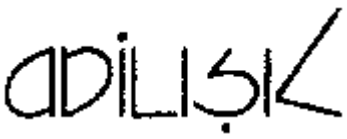

(151) 07.12.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 27.05.01
(732) ADİL IŞIK HAZIR GİYİM SANAYİ VE TİCARET LİMİTED ŞİRKETİ
Baytar Ahmet Sokak No: 13/A, Osmanbey, ŞIŞLI - İSTANBUL (TR)

(511) 35.

---

(111) **913176**
(822) 21.04.2002 1752211 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 12.

(151) 14.11.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 26.01.16, 27.03.01
(732) ShaanXi Fast Gear Co., Ltd.
6/F, Chunri Building, No.4, 2nd Gaoxin Road, Xi'an, Shaanxi 710077 (CN)

---

(111) **913196**
(822) 19.10.2006 1025052 IT
(171) 10 năm
(540) MAPESTIK

(511) 01, 17, 19.

(151) 19.10.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) MAPEI S.p.A.
Via Cafiero, 22, I-20158 MILANO (IT)

---

(111) **913201**
(822) 19.10.2006 1025051 IT
(171) 10 năm
(540) MAPETYNK

(511) 01, 02, 19.

(151) 19.10.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) MAPEI S.p.A.
Via Cafiero, 22, I-20158 MILANO (IT)

---

(111) **913202**
(822) 09.10.2006 1023558 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 02, 17, 19.

(151) 09.10.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 25.07.01, 26.15.09
(732) MAPEI S.p.A.
Via Cafiero, 22, I-20158 MILANO (IT)

---

(111) **913203**
(822) 09.10.2006 1023559 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 02, 17, 19.

(151) 09.10.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 01.15.09, 26.02.01, 26.02.05, 26.15.09
(732) MAPEI S.p.A.
Via Cafiero, 22, I-20158 MILANO (IT)

---

(111) **913214**

(171) 10 năm
(540)

TENSEC

(511) 09.

(151) 13.12.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) HORIBA, Ltd.
2, Miyanohigashi-cho, Kisshoin, Minami-ku, Kyoto-shi, Kyoto 601-8510 (JP)
(750) HORIBA, Ltd. c/o Intellectual Property Dept.
2, Miyanohigashi-cho, Kisshoin, Minami-ku, Kyoto-shi, Kyoto 601-8510 (JP)

---

(111) **913218**
(822) 01.06.2004 2849714 US
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 05.01.2007

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 24.17.05
(732) 5EP STUDIO INC
30E 23rd Street, 9th Floor, NEW YORK, NY 10010 (US)

---

(111) **913219**
(822) 10.10.2001 001786888 EM
(171) 10 năm
(540)

Impression

(511) 09.

(151) 23.01.2007

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) Rodenstock GmbH
Isartalstr. 43, 80469 München (DE)
(750) Rodenstock GmbH, Patente Marken, Normen, Georg Hartmann
Isartalstr. 43, 80469 Munich (DE)

---

(111) **913241**
(822) 05.03.1999 2.186.695 ES
(171) 10 năm
(540)

(511) 07, 09, 20.

(151) 04.08.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 27.05.01
(732) TEKA INDUSTRIAL, S.A.
Cajo, 17, E-39011 SANTANDER (Cantabria) (ES)

---

(111) **913259**
(822) 08.11.2005 1084838 AU
(171) 10 năm
(540)

EARS

(511) 07.

(151) 28.12.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) BGM Innovations Limited
13 Milford Avenue, WHEELERS HILL VIC 3150 (AU)

---

(111) **913262**

(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 04.12.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) Wojciech Inglot
Lwowska 154, PL-37-705 Przemysl (PL)

---

(111) **913263**
(822) 01.06.2004 2849712 US
(171) 10 năm
(540)

5EP

(511) 25.

(151) 05.01.2007

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) 5EP STUDIO INC
30E 23rd Street, 9th Floor, NEW YORK, NY 10010 (US)

---

(111) **913276**
(822) 07.04.2004 3258887 CN
(171) 10 năm
(540) haolang 浩浪

(151) 19.01.2007
(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 27.05.01, 28.03.00
(732) JINJIANG HAOLANG FUSHI YOUXIAN GONGSI
No. 89, Shangguozhongxiangm, Xintangjiedao Banshichu, Jinjiang, Fujian (CN)

(511) 25.

---

(111) **913302**
(822) 23.11.2006 1028250 IT
(171) 10 năm
(540) N.O.W. NATION OF WOMEN BY PERSONA

(151) 23.11.2006
(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 26.11.07, 27.05.17
(732) MAX MARA FASHION GROUP S.R.L.
Via del Carmine 10, I-10122 TORINO (IT)

(511) 18, 25.

---

(111) **913307**
(822) 20.04.2005 287320 RU
(171) 10 năm
(540) СНЕЖНАЯ СКАЗКА

(151) 19.05.2006
(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 28.05.00
(732) Zakrytoe aktsionernoe obchtchestvo "ASD-imeks"
5, oulitsa Fonvizina, RU-127332 Moscou (RU)

(511) 04, 11, 16, 21, 25, 26, 28.

---

(111) **913318**
(822) 16.09.2005 05 3 351 823 FR
(171) 10 năm
(540) IMAGINE EYES

(151) 25.01.2006
(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) IMAGINE EYES
18, rue Charles de Gaulle, F-91400 ORSAY (FR)

(511) 09, 10, 42.

---

(111) **913322**
(822) 28.09.2006 1022667 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 31.

(151) 28.09.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 05.07.13
(732) KIKU Srl-GmbH
Via Lamm, 23/c, I-39057 APPIANO/CORNAIANO (Bolzano) (IT)

---

(111) **913367**

(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 12, 25.

(151) 27.12.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 26.01.18, 27.05.10
(732) Burnbrae Limited
The Lodge, Hill of Burns, Creetown, Dumfries and Galloway DG8 7HG (GB)

---

(111) **913386**
(822) 20.10.2006 1025063 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 18, 25, 28.

(151) 20.10.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 27.05.02
(732) OXTAR S.P.A.
Via G. Ferraris, 56, I-31044 MONTEBELLUNA (Treviso) (IT)

---

(111) **913391**
(822) 11.09.2006 1020518 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 01.

(151) 11.09.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 19.01.01
(732) SMALTOCHIMICA S.p.A.
Via Crociale, 52, I-41040 SPEZZANO DI FIORANO (MODENA) (IT)

---

(111) **913430**
(822) 21.12.2002 1980423 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 26.09.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 27.05.17
(732) ZHEJIANG ZHENGJIE INDUSTRY ELECTRIC CO., LTD.
Wenzhou Bridge Industrial Zone, Baixiang Town, Yueqing, Zhejiang 325603 (CN)

(511) 09.

---

(111) **913440**
(822) 25.08.2006 06 3 413 978 FR
(171) 10 năm
(540)

INESIS

(151) 01.09.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) DECATHLON
4, Boulevard de Mons, F-59650 VILLENEUVE D'ASCQ (FR)

(511) 08, 09, 11, 22, 26, 29, 30, 32.

---

(111) **913455**
(822) 20.12.2006 1032160 IT
(171) 10 năm
(540)

FLYTER

(151) 20.12.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) DEROMA S.P.A.
Via Pasubio, 17, I-36034 MALO (VICENZA) (IT)

(511) 21.

---

(111) **913460**

(171) 10 năm
(540)

ASCORMAX

(151) 24.01.2007

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) Majeed, Muhammed
Unit 6 Sabinsa Corporation, 70 Ethel Road West, Piscataway, NJ 08854 (US)

(511) 05.

---

(111) **913467**

(151) 03.01.2007

(171) 10 năm

(540)

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 27.05.01
(732) TauRx Therapeutics Ltd
51 Ayer Rajah Crescent, #07-01/02, Singapore 139948 (SG), TauRx Therapeutics Ltd., Institute of Medical Sciences, Foresterhill, Aberdeen AB25 2ZD (GB)

(511) 05, 09, 10, 16, 35, 42, 44.

---

(111) **913499**

(151) 03.11.2006

(171) 10 năm

(540)

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 26.11.07, 29.01.12
(732) NOVAPLAST PLASTİK SANAYİ VE TİCARET A.Ş.
Defterdar Mh., Otakçilar Cd. No. 62, TR-34050 EYÜP İSTANBUL (TR)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 21, 22, 23, 24, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34.

---

(111) **913556**

(151) 31.08.2006

(171) 10 năm

(540)

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 20.07.01
(732) Singapore Tourism Board
Tourism Court, 1 Orchard Spring Lane, Singapore 247729 (SG)

(511) 16, 35, 41, 43.

---

(111) **913616**
(822) 14.02.2000 399 27 650.5/35 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 35, 36, 42.

(151) 10.10.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(531) 01.05.23, 27.05.07, 29.01.12
(591) Trắng, đen, xanh da trời
(732) International Association of Accountants, Auditors, Business & Tax Consultants (INT)
Schleuchzer Straße 33, CH-8006 Zürich (CH), Uhlandstrasse 25, Heilbronn (DE)

---

(111) **913650**
(822) 20.07.2006 306 31 146.1/12 DE
(171) 10 năm
(540)

CLA

(511) 12, 16, 35, 37.

(151) 04.10.2006

(450) 2007/8 Gaz (29.03.2007)
(732) MAN Nutzfahrzeuge Aktiengesellschaft
Dachauerstrasse 667, 80995 München (DE)

B – NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ TỪ TRƯỚC, NAY ĐƯỢC GIA HẠN

(111) **129870**
(822) 11.03.1961 160 608 FR
(171) 10 năm
(540)
SOLITAIRE

(151) 21.02.1947
(450) 1967/2 LMi (01.04.1967)
(732) PRORA B.V.
Stadhouderskade 14 H, NL-1054 ES AMSTERDAM (NL)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 16, 21, 24.

---

(111) **196452**
(822) 13.06.1956 691746 DT
(171) 10 năm
(540)
RUPEX

(151) 09.11.1956
(450) ()
(732) A. FRIEDR. FLENDER AG
Alfred-Flender-Strasse 77, 46395 BOCHOLT (DE)

(511) 07, 08, 09, 12, 17.

---

(111) **196810**
(822) 03.01.1948 111 419 CS
(171) 10 năm
(540)
PILSNER URQUELL

(151) 23.11.1956
(450) 1976/11 LMi (01.01.1977)
(732) Plzeňský Prazdroj, a.s.
U Prazdroje 7, CZ-304 97 Plzeň (CZ)

(511) 32.

---

(111) **197360**
(822) 08.04.1955 338 984 DT
(171) 10 năm
(540)
RASSPE

(151) 19.12.1956
(450) ()
(732) Rasspe Blades GmbH
Stöcken 17, 42651 Solingen (DE)

(511) 06, 07, 08.

---

(111) **197564A**
(822) 26.06.1956 152 674 CS
(171) 10 năm
(540) ŠKODA

(151) 24.12.1956

(450) 1995/6 LMi, 18.08.1995
(531) 27.05.01
(732) ŠKODA AUTO a.s.
Tř. Václava Klementa 869, CZ-293 60 Mladá Boleslav (CZ)

(511) 07, 12.

---

(111) **197715**
(822) 12.12.1956 130 550 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 10.01.1957

(450) ()
(531) 25.05.03, 26.04.01, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04, 29.01.06, 29.01.13
(591) Đỏ, xanh da trời và trắng
(732) DAVIDE CAMPARI - MILANO S.P.A.
Via Filippo Turati, 27, I-20121 MILANO (IT)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34.

---

(111) **197760**
(822) 16.06.1956 76 550 FR
(171) 10 năm
(540) PALLADIUM

(151) 12.01.1957
(831) 04.10.2000 VN
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) PALLADIUM (Société par Actions Simplifiée)
220 route de Grenoble, F-69800 SAINT PRIEST (FR)
(750) CABINET GERMAIN & MAUREAU
12, rue Boileau, F-69006 LYON (FR)

(511) 25.

---

(111) **197890**
(822) 07.11.1951 502 932 FR
(171) 10 năm
(540) BÉVITINE

(151) 17.01.1957

(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) GALIEN, SARL
Boulevard de la Gare, Cahuzac, F-32200 Gimont (FR)

(511) 05.

---

(111) **197953**
(822) 02.11.1956 163 235 CH
(171) 10 năm
(540) ESSO EXTRA

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 17, 19.

(151) 18.01.1957

(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) Esso Schweiz GmbH
Uraniastrasse 40, CH-8001 Zürich (CH)

---

(111) **197976**
(822) 07.04.1952 447 467 DT
(171) 10 năm
(540) PERGUT

(511) 01, 02, 17.

(151) 21.01.1957
(831) 14.04.1997 VN
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) Bayer Aktiengesellschaft
Bayerwerk, 51368 Leverkusen (DE)

---

(111) **198035**
(822) 07.12.1956 82 868 FR
(171) 10 năm
(540) TONILAX

(511) 05.

(151) 23.01.1957

(450) 1977/1 LMi,(01.03.1977)
(732) JEAN, PAUL, MARIE CAZALS
HENRI, JEAN, BAPTISTE, MARIE CAZALS PATRICE, CHARLES, MARIE CAZALS
Parc Bugnon, F-01630 SAINT-GENIS-POUILLY, Ain (FR), Pont de la Clue, Campagne, CAZALS-LE-PRADET, Var (FR), Le Saint-Marc, Le Chemin de Saint-Marc, TOULON, Var (FR)
(750) JEAN, PAUL, MARIE CAZALS
Parc Bugnon, F-01630 SAINT-GENIS-POUILLY, Ain (FR)

---

(111) **198093**
(822) 26.06.1946 69 596 IT
(171) 10 năm
(540) GOLIA
DAVIDE CAREMOLI
MILANO

(511) 29, 30, 32, 33.

(151) 26.01.1957

(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(531) 01.01.01, 01.01.10, 27.05.01, 29.01.03
(591) Xanh lá cây
(732) PERFETTI VAN MELLE S.P.A.
Via XXV Aprile, 7, I-20020 LAINATE (IT)

---

(111) **198094**
(822) 16.07.1947 74 905 IT
(171) 10 năm
(540) GOLIA
(511) 29, 30, 32, 33.
(151) 26.01.1957
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) PERFETTI VAN MELLE S.P.A.
Via XXV Aprile, 7, I-20020 LAINATE (IT)

---

(111) **198116**
(822) 23.06.1956 692 058 DT
(171) 10 năm
(540) Wellasan
(511) 03.
(151) 28.01.1957
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) WELLA AKTIENGESELLSCHAFT
Berliner Allee 65, 64274 DARMSTADT (DE)

---

(111) **198117**
(822) 12.10.1956 695 952 DT
(171) 10 năm
(540) Wellaflex
(511) 03.
(151) 28.01.1957
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) WELLA AKTIENGESELLSCHAFT
Berliner Allee 65, 64274 DARMSTADT (DE)

---

(111) **198119**
(822) 05.09.1956 694 652 DT
(171) 10 năm
(540) CYMEL
(511) 01, 17.
(151) 28.01.1957
(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(732) Cytec Industries B.V.
175, Botlekweg, NL-3197 KA Botlek-Rotterdam (NL)

---

(111) **198182**
(822) 25.02.1955 672 016 DT
(171) 10 năm
(540) WÜHLMAUS
(511) 07.
(151) 31.01.1957
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) Netagco Development CV
Jan van der Heijdestraat 16, NL-3260 BA Oud Beijerland (NL)

---

(111) **198186**
(822) 15.10.1956 696 016 DT
(171) 10 năm
(540)

Solo

(151) 31.01.1957

(450) 1977/1 LMi, 01.03.1977
(732) Unilever N.V.
Weena 455, NL-3013 AL Rotterdam (NL)

(511) 05, 29, 30, 31, 32.

---

(111) **198223**
(822) 05.02.1956 483 881 DT
(171) 10 năm
(540)

Persantin

(151) 01.02.1957

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG
Binger Strasse 173, 55216 Ingelheim (DE)
(750) Boehringer Ingelheim GmbH, Corp. Dept. Trademarks & Unfair Competition
Binger Strasse 173, 55216 Ingelheim (DE)

(511) 01, 05.

---

(111) **198339**
(822) 30.07.1954 40 878 FR
(171) 10 năm
(540)

PASTIS 51

(151) 06.02.1957

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) PERNOD RICARD
12, place des Etats-Unis, F-75016 PARIS (FR)

(511) 32, 33.

---

(111) **198482**
(822) 13.12.1956 85 592 PT
(171) 10 năm
(540)

(151) 15.02.1957

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(531) 03.07.04, 03.07.07, 25.01.06
(732) SOGRAPE VINHOS, S.A.
Aldeia Nova, Avintes, VILA NOVA DE GAIA (PT)

(511) 33.

---

(111) **198509**
(822) 15.11.1951 503 402 FR
(171) 10 năm
(540) MARQUIS DE MONTESQUIOU-FEZENSAC

(511) 33.

(151) 15.02.1957

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) SOCIETE DES PRODUITS D'ARMAGNAC, Société anonyme
Château de Campagne d'Armagnac, F-32800 EAUZE (FR)

---

(111) **198602**
(822) 27.11.1956 697 670 DT
(171) 10 năm
(540) Imunal

(511) 03.

(151) 19.02.1957

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) KADABELL GMBH & Co KG
79853 LENZKIRCH (DE)

---

(111) **198641**
(822) 24.03.1955 155 428 CH
(171) 10 năm
(540) Omikron

(511) 14.

(151) 19.02.1957

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(531) 27.05.01
(732) LESCHOT S.A.
59, avenue du Mail, CH-2002 NEUCHÂTEL (CH)

---

(111) **286411A**
(822) 08.04.1964 64 2635 MC
(171) 10 năm
(540) SAINT-CLAIR

(511) 03.

(151) 14.07.1964

(450)
(732) Monsieur GERARD CHATAIGNER
127 Rue de Longchamps, F-75016 PARIS (FR)

---

(111) **324135**
(822) 05.03.1964 221 156 FR
(171) 10 năm
(540)
SYCOMORE

(511) 03.

(151) 26.10.1966
(831) 22.01.1987 VN
(450) 1966/10 LMi (01.12.1966)
(732) CHANEL, Société anonyme
135, avenue Charles de Gaulle, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **327076**
(822) 14.09.1960 533 832 DT
(171) 10 năm
(540)
Leukoplast

(511) 01, 05, 16, 17.

(151) 21.11.1966
(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(732) BSN medical GmbH
Quickbornstraße 24, 20253 Hamburg (DE)

---

(111) **327783**
(822) 22.09.1965 810 004 DT
(171) 10 năm
(540)
Spasmo-lyt

(511) 01, 05.

(151) 24.11.1966
(831) 01.04.1999 VN
(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(732) MADAUS GmbH
Colonia-Allee 15, 51067 Köln (DE)

---

(111) **330674**
(822) 23.07.1958 153 436 CS
(171) 10 năm
(540)
SOLSAPON

(511) 03.

(151) 12.12.1966
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) Zenit, spol. s r.o.
Pražská 162, CZ-286 12 Čáslav (CZ)

---

(111) **330675**
(822) 11.09.1964 155 941 CS
(171) 10 năm
(540)
KORDOVAN

(511) 03.

(151) 12.12.1966
(831) 10.11.1986 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) Zenit, spol. s r.o.
Pražská 162, CZ-286 12 Čáslav (CZ)

---

(111) **331561**
(822) 05.12.1966 19 652 MA
(171) 10 năm
(540)

(151) 24.01.1967
(831) 15.05.1987 VN
(450) 1967/1 LMi (01.03.1967)
(531) 01.01.05, 01.01.20, 01.15.07, 09.07.01, 27.05.01, 29.01.13
(591) Đỏ, trắng và xanh da trời
(732) MAGHREB INDUSTRIES S.A.
35, avenue Khalid Bnou Loualid, BP 2516, AIN SEBAA, Casablanca (MA)

(511) 30.

---

(111) **331718**
(822) 02.09.1966 219 678 CH
(171) 10 năm
(540)

AUDEMARS PIGUET

(151) 10.01.1967
(450) 1967/2 LMi (01.04.1967)
(732) AUDEMARS PIGUET HOLDING S.A.
Route de France 16, CH-1348 LE BRASSUS (CH)

(511) 14.

---

(111) **332384B**
(822) 08.11.1966 714 998 FR
(171) 10 năm
(540)

PIERRE CARDIN

(151) 16.02.1967
(450) 1997/14 Gaz, 28.08.1997
(732) UNLAND GmbH
Gerhard Unlandstrasse 1, 26683 SATERLAND (DE)

(511) 24.

---

(111) **332647**
(822) 08.12.1966 715 492 FR
(171) 10 năm
(540)

METASTREAM

(151) 25.01.1967
(450) 1967/3 LMi (01.05.1967)
(732) JOHN CRANE FRANCE SOCIETE ANONYME
114, rue Jules Ferry -, BP 35, F-76250 DEVILLE LES ROUEN (FR)

(511) 07.

---

(111) **333045**
(822) 15.10.1966 156 998 CS
(171) 10 năm
(540) LACHEMA

(151) 24.01.1967

(450) 1967/3 LMi (01.05.1967)
(732) PLIVA - Lachema a.s.
Karásek 1, CZ-621 33 Brno (CZ)

(511) 01, 05.

---

(111) **333114**
(822) 27.05.1958 505 912 DT
(171) 10 năm
(540) Bit

(151) 09.02.1967
(831) 27.05.1987 VN
(450) 1967/4 LMi (01.06.1967)
(732) Bitburger Braugruppe GmbH
Römermauer 3, 54634 Bitburg (DE)

(511) 32.

---

(111) **333115**
(822) 29.03.1966 704 211 DT
(171) 10 năm
(540) Bitte ein Bit!

(151) 09.02.1967
(831) 20.05.1987 VN
(450) 1967/4 LMi (01.06.1967)
(531) 27.05.01
(732) Bitburger Braugruppe GmbH
Römermauer 3, 54634 Bitburg (DE)

(511) 32.

---

(111) **333116**
(822) 07.06.1958 506 186 DT
(171) 10 năm
(540)

(151) 09.02.1967
(831) 27.05.1987 VN
(450) 1967/4 LMi (01.06.1967)
(531) 11.03.02, 27.05.10
(732) Bitburger Braugruppe GmbH
Römermauer 3, 54634 Bitburg (DE)

(511) 32.

---

(111) **333597**
(822) 22.12.1966 634 539 DD
(171) 10 năm
(540)

Spee

(151) 09.02.1967
(831) 16.05.1998 VN
(450) 1967/4 LMi (01.06.1967)
(732) HENKEL KGaA
Henkelstrasse 67, 40191 Düsseldorf (DE)

(511) 01, 03.

---

(111) **343960**
(822) 14.03.1968 843 506 DT
(171) 20 năm
(540)

Color-Matic

(151) 14.03.1968
(831) 15.12.2006 VN
(450) 1968/4 LMi (01.06.1968)
(732) Rodenstock GmbH
Isartalstrasse 43, 80469 München (DE)
(750) Rodenstock GmbH, Patente Marken Normen
Isartalstrasse 43, 80469 München (DE)

(511) 09, 10.

---

(111) **425451**
(822) 16.01.1976 940 012 DT
(171) 10 năm
(540)

SCHOELLERSHAMMER

(151) 27.08.1976
(831) 31.10.2003 VN
(450) 1976/10 LMi, 01.12.1976
(531) 26.01.01, 26.01.04, 26.01.17, 26.04.01, 26.04.10, 26.04.11, 26.04.21, 27.05.01
(732) Heinr. Aug. Schoeller Söhne GmbH & Co. KG
Kreuzauerstrasse 18, 52355 Düren (DE)

(511) 16.

---

(111) **426559**
(822) 02.07.1976 956 689 FR
(171) 10 năm
(540)

COROLLINE

(151) 22.11.1976
(450) 1976/12 LMi, 01.02.1977
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03, 05, 21, 26, 42.

---

(111) **427084**
(822) 23.08.1976 958 822 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 41, 42.

(151) 07.01.1977
(831) 20.10.1986 VN
(450) 1977/1 LMi, 01.03.1977
(531) 01.03.02, 05.05.18, 05.05.19, 05.05.20, 06.03.01, 18.03.02, 27.05.01, 27.05.02, 27.05.03, 27.05.04, 27.05.07, 27.05.11, 27.05.19
(732) JET MARQUES, Société en nom collectif
23, rue Raspail, F-94200 IVRY SUR SEINE (FR)

---

(111) **427196**
(822) 28.10.1974 911 064 FR
(171) 10 năm
(540)

DEDROGYL

(511) 05.

(151) 04.01.1977
(831) 18.02.1999 VN
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) LABORATORIO FARMACEUTICO S.I.T. SPECIALITA' IGIENICO TERAPEUTICHE S.r.l.
Via Cavour, 70, I-27035 MEDE (PV) (IT)

---

(111) **427410**
(822) 27.03.1973 903 730 DT
(171) 10 năm
(540)

Braugold

(511) 32.

(151) 14.01.1977
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) Braugold Brauerei GmbH
Schillerstrasse 7, 99096 Erfurt (DE)

---

(111) **427651**
(822) 20.01.1977 84 414 AT
(171) 10 năm
(540)

STRASS

(511) 11.

(151) 20.01.1977
(831) 14.11.1995 VN
(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) SWAROVSKI AKTIENGESELLSCHAFT
Elastinstrasse, FL-9495 TRIESEN (LI)

---

(111) **427788**
(822) 02.08.1976 962 481 FR
(171) 10 năm
(540)

TAMANGO

(151) 24.01.1977

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) LEONARD PARFUMS, Société anonyme
36, avenue Pierre 1er de Serbie, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **427856**
(822) 07.09.1976 340 393 BX
(171) 10 năm
(540)

FLUBENOL

(151) 26.01.1977

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 01, 03, 05.

---

(111) **427858**
(822) 27.08.1976 340 433 BX
(171) 10 năm
(540)

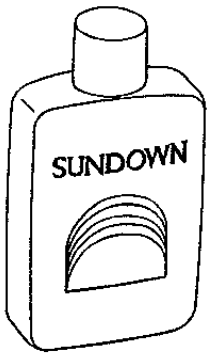

(151) 26.01.1977

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(531) 19.07.01, 19.07.04, 19.07.05, 19.07.07, 26.02.07, 26.11.03, 25.01.15, 27.05.01
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 01, 03, 05.

---

(111) **427869**
(822) 25.09.1974 273 837 CH
(171) 10 năm
(540)

ESSO-MAR

(151) 07.01.1977

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) Esso Schweiz GmbH
Uraniastrasse 40, CH-8001 Zürich (CH)

(511) 04.

---

(111) **427961**
(822) 25.01.1973 871 361 FR
(171) 10 năm
(540)

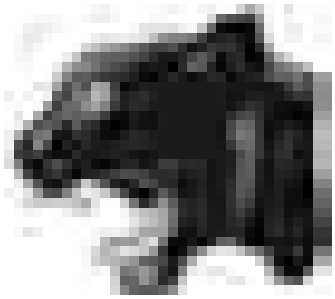

(511) 09, 25, 28.

(151) 07.12.1976

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(531) 03.01.04, 03.01.16, 03.01.21
(732) SOCIÉTÉ JACQUES S., Société anonyme
Km 2-8, route de Saint-Gilles, F-30000 NÎMES (FR)

---

(111) **427964**
(822) 16.09.1976 958 824 FR
(171) 10 năm
(540)

SCANNER-PACK

(511) 01, 09.

(151) 07.01.1977

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) KODAK S.A. (société anonyme française)
26, rue Villiot, F-75012 PARIS (FR)

---

(111) **428055**
(822) 19.01.1977 953 841 DT
(171) 10 năm
(540)

UNIWELD

(511) 01, 06, 07, 09.

(151) 19.01.1977
(831) 20.01.1997 VN
(450) 1977/2 LMi, 01.04.1977
(531) 27.05.01
(732) UNIWELD Maschinenbau GmbH & Co. KG
Werksstrasse 20, 57299 Burbach-Würgendorf (DE)

---

(111) **428420**
(822) 09.08.1976 848 994 DT
(171) 10 năm
(540)

TETRAREX

(511) 07, 16.

(151) 27.01.1977

(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(732) Tetra Laval Holdings & Finance S.A.
Général Guisan 70, CH-1009 Pully (CH)

---

(111) **428421**
(822) 03.11.1976 950 934 DT
(171) 10 năm
(540) TETRA

(151) 27.01.1977

(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(732) Tetra Laval Holdings & Finance S.A.
Général Guisan 70, CH-1009 Pully (CH)

(511) 06, 07, 16.

---

(111) **428715**
(822) 24.01.1975 927 101 DT
(171) 10 năm
(540)

(151) 05.02.1977

(450) 1977/3 LMi, 01.05.1977
(531) 01.05.01, 01.05.02, 01.05.06, 26.01.01, 26.01.12, 27.03.01, 27.05.01
(732) Quelle GmbH
Nürnberger Strasse 91-95, 90762 Fürth (DE)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 26, 27, 28.

---

(111) **429135**
(822) 17.08.1976 948 110 DT
(171) 10 năm
(540) TESORO

(151) 21.02.1977

(450) 1977/4 LMi (01.06.1977)
(732) Kraft Foods Deutschland Holding GmbH
Langemarckstrasse 8-20, 28199 Bremen (DE)

(511) 30.

---

(111) **506605**
(822) 21.03.1986 417 103 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 10.09.1986

(450) 1986/11 LMi (01.01.1987)
(531) 27.05.01, 27.05.19
(732) Koninklijke Philips Electronics N.V.
Groenewoudseweg 1, NL-5621 BA Eindhoven (NL)

(511) 09.

---

(111) **507834**
(822) 26.05.1978 1 051 324 FR
(171) 10 năm
(540) MAJUSCULE

(151) 01.12.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03, 05, 21, 26, 42.

---

(111) **507940**
(822) 17.11.1986 456 825 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 17.11.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(531) 27.05.01
(732) COBRA AUTOMOTIVE TECHNOLOGIES SPA
Via Astico, 41, I-21100 Varese (IT)

(511) 09, 12.

---

(111) **508322**
(822) 17.11.1986 456 005 IT
(171) 10 năm
(540) RIBA

(151) 22.01.1987

(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) ASSOCIAZIONE BANCARIA ITALIANA
Piazza del Gesù, 49, I-00186 ROMA (IT)

(511) 09, 16, 35, 36, 38, 41.

---

(111) **508328**
(822) 17.11.1986 456 834 IT
(171) 10 năm
(540) COTTON BELT

(151) 22.01.1987

(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) MISTRAL S.P.A.
Via Fratelli Santi, 11, I-10024 MONCALIERI (TO) (IT)

(511) 18, 24, 25.

---

(111) **508470**
(822) 13.10.1986 452 646 IT
(171) 10 năm
(540)
COLORS DE BENETTON

(151) 29.01.1987

(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) BENCOM S.r.l.
Via Villa Minelli, 1, I-31050 Ponzano Veneto (IT)

(511) 03.

---

(111) **508480**
(822) 24.11.1986 457 726 IT
(171) 10 năm
(540)
VALSUSA

(151) 29.01.1987

(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) VAL SUSA S.P.A., nota anche come VALSUSA INDUSTRIA ALIMENTARE S.P.A.
Via F. Turati 29, I-20121 MILANO (IT)

(511) 29, 30, 31.

---

(111) **508965**
(822) 28.11.1986 125 891 HU
(171) 10 năm
(540)
IPATON

(151) 19.12.1986

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) EGIS GYÓGYSZERGYÁR RT.
Keresztúri út 30-38, H-1106 Budapest (HU)

(511) 05.

---

(111) **508971**
(822) 28.11.1986 125 897 HU
(171) 10 năm
(540)
ERGASTRON

(151) 19.12.1986

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) EGIS GYÓGYSZERGYÁR RT.
Keresztúri út 30-38, H-1106 Budapest (HU)

(511) 05.

---

(111) **508977**
(822) 03.10.1986 1 373 267 FR
(171) 10 năm
(540)

OBSERVANCE Shampooing N.I.

(151) 12.01.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) Galderma S.A.
Zugerstrasse 8, CH-6330 Cham (CH)
(750) Galderma S.A. Département des Marques
World Trade Center, Case Postale 453, CH-1000 Lausanne 30 (CH)

(511) 03.

---

(111) **508993**
(822) 13.10.1986 452 649 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 17.02.1987
(831) 26.02.1991 VN
(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(531) 26.04.18, 27.05.22
(732) BRACCO REAL ESTATE, Società a responsabilità limitata ou BRACCO RE S.R.L.
Via Egidio Folli, 50, I-20134 MILANO (IT)

(511) 03, 05.

---

(111) **509056**
(822) 21.10.1986 350 518 CH
(171) 10 năm
(540)

ARATHANE

(151) 12.01.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) Huntsman Advanced Materials (Switzerland) GmbH
Klybeckstrasse 200, CH-4057 Basel (CH)

(511) 01.

---

(111) **509153**
(822) 15.09.1977 623 670 ES
(171) 10 năm
(540)

PETRONOR

(151) 09.02.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) PETRÓLEOS DEL NORTE, S.A. (PETRONOR)
29, avenida Zugazarte, LAS ARENAS, Vizcaya (ES)

(511) 04.

---

(111) **509177**
(822) 08.10.1986 1 373 890 FR
(171) 10 năm
(540)
MUSTOPHORAN

(511) 05.

(151) 28.01.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **509178**
(822) 13.10.1986 1 374 524 FR
(171) 10 năm
(540)
OSTROFIX

(511) 05.

(151) 28.01.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **509180**
(822) 13.10.1986 1 374 526 FR
(171) 10 năm
(540)
OSSIFIX

(511) 05.

(151) 28.01.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **509183**
(822) 25.07.1986 348 759 CH
(171) 10 năm
(540)
STEREOLITH

(511) 09.

(151) 16.01.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) SES SOUND ELECTRONIC SYSTEMS S.A.
Route de Bénex 4, Chez Walter Schupbach, CH-1197 PRANGINS (CH)

---

(111) **509195**
(822) 05.11.1986 350 581 CH
(171) 10 năm
(540)

TRICILEST

(151) 13.01.1987
(831) 13.11.1995 VN
(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) CILAG AG (CILAG S.A.), (CILAG Ltd)
Hochstrasse 201-209, CH-8200 SCHAFFHOUSE (CH)

(511) 05.

---

(111) **509239**
(822) 27.10.1986 1 098 139 DT
(171) 10 năm
(540)

(151) 12.11.1986
(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(531) 27.05.01
(732) DRÄGERWERK AKTIENGESELLSCHAFT
Moislinger Allee 53-55, 23558 LÜBECK (DE)

(511) 01, 05, 06, 07, 09, 10, 11, 19, 20.

---

(111) **509291**
(822) 09.02.1987 1 102 296 DT
(171) 10 năm
(540)

(151) 17.02.1987
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(531) 24.09.01, 26.04.02, 27.05.01
(732) TRIUMPH INTERNATIONAL AG
Marsstrasse 40, 80335 München (DE)

(511) 25.

---

(111) **509337**
(822) 27.08.1986 1 368 708 FR
(171) 10 năm
(540)

INITIALE

(151) 05.02.1987
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) COURVOISIER (société par actions simplifiée)
2, place du Château, F-16200 JARNAC (FR)

(511) 33.

---

(111) **509414**
(822) 31.10.1986 1 377 410 FR
(171) 10 năm
(540)

SENHORA

(511) 33.

(151) 02.02.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) CHAMPAGNE VRANKEN
Villa Demoiselle -, 56, boulevard Henry Vasnier, F-51100 REIMS (FR)

---

(111) **509417**
(822) 16.09.1986 1 370 734 FR
(171) 10 năm
(540)

DALCIPRAN

(511) 05.

(151) 02.02.1987
(831) 25.05.1993 VN
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) PIERRE FABRE MEDICAMENT, Société anonyme
45, place Abel Gance, F-92100 BOULOGNE (FR)

---

(111) **509548**
(822) 19.01.1987 461 224 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 30.

(151) 19.01.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(531) 27.05.02
(732) FERRERO S.P.A.
Piazzale Pietro Ferrero, I-12051 ALBA (CN) (IT)

---

(111) **509643**
(822) 19.01.1987 461 212 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 12.

(151) 19.01.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(531) 26.04.02, 26.04.09, 26.04.10, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.03, 29.01.06
(591) Trắng, đỏ và xanh lá cây
(732) MARIO GHIBAUDI S.P.A.
Via Bellardi, 53, I-10146 TORINO (IT)

---

(111) **509681**
(822) 23.07.1986 421 461 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 23.01.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(531) 05.03.01, 25.07.01, 25.07.20, 26.04.09, 27.05.01
(732) Leaf Holland B.V.
Hoevestein 26, NL-4903 SC OOSTERHOUT (NL)

(511) 05, 30.

---

(111) **509774**
(822) 28.10.1986 1 377 000 FR
(171) 10 năm
(540) 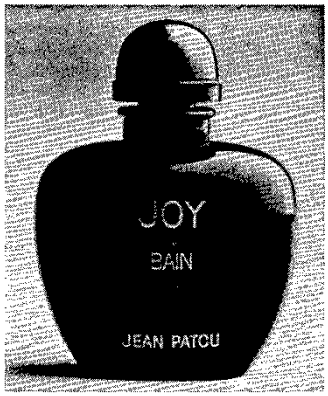

(151) 02.02.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(531) 19.03.01, 29.01.01, 29.01.02, 29.01.08
(591) Đen, đỏ và vàng kim loại
(732) PROCTER & GAMBLE INTERNATIONAL OPERATIONS S.A.
Route de Saint-Georges 47, CH-1213 Lancy (Genève) (CH)

(511) 03.

---

(111) **509783**
(822) 28.10.1986 1 376 999 FR
(171) 10 năm
(540) 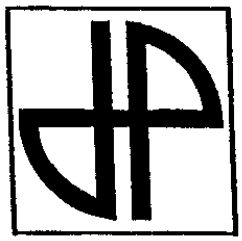

(151) 02.02.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(531) 26.04.22, 27.05.01, 27.05.22
(732) PROCTER & GAMBLE INTERNATIONAL OPERATIONS S.A.
Route de Saint-Georges 47, CH-1213 Lancy (Genève) (CH)

(511) 16.

---

(111) **509965**
(822) 14.11.1986 1 380 376 FR
(171) 10 năm
(540)
CONDAT

(151) 09.02.1987
(831) 29.12.1992 VN
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) CONDAT S.A.
18 rue Frédéric Mistral, F-38670 CHASSE-SUR-RHÔNE (FR)

(511) 01, 04.

---

(111) **509969**
(822) 08.10.1986 1 385 275 FR
(171) 10 năm
(540)
PLEXUM

(151) 28.01.1987
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 35, 36, 42.

---

(111) **509971**
(822) 08.10.1986 1 385 277 FR
(171) 10 năm
(540)
NORIAM

(151) 28.01.1987
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 35, 36, 42.

---

(111) **510002**
(822) 05.09.1986 1 096 057 DT
(171) 10 năm
(540)

(151) 14.01.1987
(831) 28.04.2005 VN
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(531) 05.01.01, 05.01.10, 26.04.01, 26.04.15, 27.05.01, 29.01.12
(591) Trắng và xanh lá cây
(732) Accumulatorenwerke Hoppecke Carl Zoellner & Sohn GmbH
Bontkirchener Straße 1, 59929 Brilon (DE)

(511) 07, 09.

---

(111) **510006**
(822) 15.01.1987 1 101 314 DT
(171) 10 năm
(540) elbe

(151) 15.01.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(531) 27.05.01
(732) G. ELBE & SOHN GMBH & Co
Gerokstrasse 100, 74321 BIETIGHEIM-BISSINGEN (DE)

(511) 07, 12.

---

(111) **510032**
(822) 17.12.1986 351 031 CH
(171) 10 năm
(540) straub

(151) 04.02.1987
(831) 23.09.1997 VN
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(531) 24.15.01, 25.07.20, 26.04.04, 26.04.07, 27.05.01
(732) Straub Werke AG
Straubstrasse 13, CH-7323 Wangs (CH)

(511) 06, 07, 08, 17.

---

(111) **510093**
(822) 05.11.1986 1 098 688 DT
(171) 10 năm
(540) REVANCHE

(151) 11.02.1987

(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(732) Dalli-Werke GmbH & Co. KG
Zweifaller Strasse 120, 52224 Stolberg (DE)

(511) 03.

---

(111) **510101**
(822) 06.08.1986 422 415 BX
(171) 10 năm
(540) MASTERLINE

(151) 06.02.1987
(831) 13.02.1990 VN
(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 11.01.02, 11.03.05, 26.01.02, 26.01.04, 26.01.11
(732) CSM Nederland B.V.
Nienoord 13, NL-1112 XE Diemen (NL)

(511) 01, 29, 30, 31.

---

(111) **510209**
(822) 13.02.1987 465 305 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 33.

(151) 13.02.1987

(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 24.03.01, 29.01.13
(591) Vàng kim loại, đỏ và đen
(732) FRATELLI BRANCA DISTILLERIE S.r.l.
Via Broletto, 35, I-20121 MILANO (IT)

---

(111) **510210**
(822) 13.02.1987 465 306 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 33.

(151) 13.02.1987

(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 24.03.07, 24.03.18
(732) FRATELLI BRANCA DISTILLERIE S.r.l.
Via Broletto, 35, I-20121 MILANO (IT)

---

(111) **510211**
(822) 13.02.1987 465 307 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 33.

(151) 13.02.1987

(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 24.03.01, 29.01.13
(591) trắng, đen và đỏ.
(732) FRATELLI BRANCA DISTILLERIE S.r.l.
Via Broletto, 35, I-20121 MILANO (IT)

---

(111) **510212**
(822) 13.02.1987 465 308 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.02.1987

(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 24.03.07, 24.03.18, 29.01.15
(591) Vàng đậm, vàng kim loại, đen và đỏ
(732) FRATELLI BRANCA DISTILLERIE S.r.l.
Via Broletto, 35, I-20121 MILANO (IT)

(511) 33.

---

(111) **510213**
(822) 13.02.1987 465 309 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.02.1987

(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 24.03.01, 29.01.14
(591) Vàng-xanh lá cây, vàng kim loại, đỏ và đen
(732) FRATELLI BRANCA DISTILLERIE S.r.l.
Via Broletto, 35, I-20121 MILANO (IT)

(511) 33.

---

(111) **510275**
(822) 19.09.1986 1 371 135 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 18.02.1987
(831) 21.11.1988 VN
(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 01.15.15, 25.01.15, 27.05.01, 29.01.14
(591) Xanh da trời, xanh lá cây sáng, xanh lá cây đậm và xanh lá cây
(732) SOCIÉTÉ COMMERCIALE D'EAUX MINÉRALES DU BASSIN DE VICHY, Société anonyme
70, avenue des Sources, F-03270 SAINT-YORRE (FR)

(511) 32.

---

(111) **510309**
(822) 11.07.1978 13 227 FR
(171) 10 năm
(540)

SPORT

(151) 16.02.1987

(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(732) PROCTER & GAMBLE INTERNATIONAL OPERATIONS S.A.
Route de Saint-Georges 47, CH-1213 Lancy (Genève) (CH)

(511) 03, 05.

---

(111) **510989**
(822) 25.08.1986 1 095 412 DT
(171) 10 năm
(540)

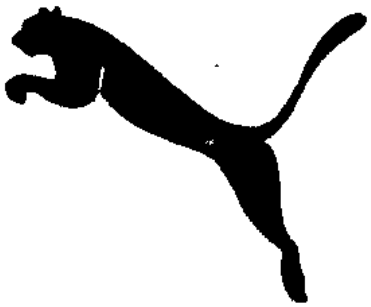

(151) 14.01.1987

(450) 1987/5 LMi (01.07.1987)
(531) 03.01.04, 03.01.21, 03.01.24
(732) PUMA Aktiengesellschaft Rudolf Dassler Sport
Würzburger Strasse 13, 91074 Herzogenaurach (DE)

(511) 16, 17, 19, 26, 27, 29, 30, 32, 33.

---

(111) **511320**
(822) 11.08.1986 1 367 575 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.01.1987

(450) 1987/5 LMi (01.07.1987)
(531) 26.01.18, 27.05.22
(732) VTB Bank (France) SA (Société anonyme)
79/81, boulevard Haussmann, F-75008 PARIS (FR)

(511) 09, 16, 36.

---

(111) **513282**
(822) 19.01.1987 461 210 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 09.

(151) 19.01.1987

(450) 1987/7 LMi (01.09.1987)
(531) 03.01.08, 03.01.16, 26.11.03, 29.01.15
(591) Trắng, đen, đỏ, hồ thuỷ và vàng
(732) PASTORE - CHIUSURE DI SICUREZZA S.P.A. (en abrégé PASTORE S.P.A.)
Strada Settimo, 399/13, I-10156 Torino (IT)

---

(111) **654321**
(822) 23.12.1995 422 776 CH
(171) 20 năm
(540)

PELLAQ

(511) 16.

(151) 13.03.1996
(831) 16.10.2006 VN
(450) 1996/5 Gaz (02.08.1996)
(732) Skivertex Corp.
Am Dürrbach 211, CH-6390 Engelberg (CH)

---

(111) **664728**
(822) 18.06.1996 96 631317 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 25, 28.

(151) 06.12.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(531) 26.01.02, 27.05.01
(732) EURL CBM DISTRIBUTION-Sigle ROOF (Unipersonnelle à responsabilité limitée)
2463, route de la Fénérie, F-06580 PEGOMAS (FR)

---

(111) **665969**
(822) 26.07.1996 96 636 929 FR
(171) 10 năm
(540)

MISS LEJABY

(511) 25.

(151) 19.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) EURALIS (Société par Actions Simplifiée)
Avenue du Loup Pendu, F-69140 RILLIEUX-LA-PAPE (FR)

---

(111) **665980**
(822) 21.03.1996 96 616 964 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 16, 28, 42.

(151) 18.09.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 25.01.15, 26.04.02, 26.11.01, 27.05.01
(732) Pascal MORABITO
1 IMPASSE MICHEL, F-13007 MARSEILLE (FR)

---

(111) **666053**
(822) 20.09.1986 262785 CN
(171) 10 năm
(540)

ROSSINI

(511) 14.

(151) 10.01.1997

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 26.04.01, 27.05.01
(732) ZHUHAI GREE ROSSINI WATCH INDUSTRY LTD.
Building Zhongrui, Jidajinglelu, Zhuhaishi, 519015 Guangdongsheng (CN)

---

(111) **666054**
(822) 28.02.1986 244 557 CN
(171) 10 năm
(540)

ROSSINI

(511) 14.

(151) 10.01.1997

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) ZHUHAI GREE ROSSINI WATCH INDUSTRY LTD.
Building Zhongrui, Jidajinglelu, Zhuhaishi, 519015 Guangdongsheng (CN)

---

(111) **666385**
(822) 31.10.1979 103703 CN
(171) 10 năm
(540)

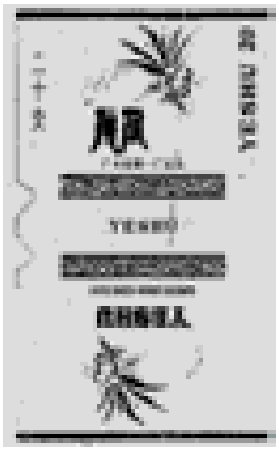

(511) 34.

(151) 20.01.1997

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 05.01.03, 25.01.15, 28.03.00
(732) CHINA TOBACCO GUANGDONG INDUSTRIAL CORPORATION
8-16th/F, No.203, LinheXiheng Road, Tianhe, Guangzhou 510000 (CN)

---

(111) **666684**
(822) 08.08.1996 96638046 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 21, 33.

(151) 15.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 02.01.20, 03.07.01, 03.07.16, 19.07.01, 25.01.15, 27.05.01
(732) BELVEDERE (société anonyme)
10 Avenue Charles Jaffelin, F-21200 BEAUNE (FR)

---

(111) **666783**
(822) 17.07.1996 96.634.712 FR
(171) 10 năm
(540)

ZAMBEZE

(511) 14.

(151) 16.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **666922**
(822) 13.12.1996 695243 IT
(171) 10 năm
(540)

FORMULA

(511) 12.

(151) 13.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) PIRELLI TYRE S.P.A.
Viale Sarca, 222, I-20126 MILANO (MI) (IT)

---

(111) **666966**
(822) 05.07.1996 96.633.115 FR
(171) 10 năm
(540)

SEVILLE

(511) 18.

(151) 27.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **667162**
(822) 21.03.1996 96 616 957 FR
(171) 10 năm
(540)

Bee FLY

(511) 18, 25, 28.

(151) 22.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 27.05.01
(732) BEE FLY SARL
118/130, avenue Jean Jaurès, F-75019 PARIS (FR)

---

(111) **667364**
(822) 22.07.1996 96635766 FR
(171) 10 năm
(540)

NEOSTART

(511) 05, 31.

(151) 22.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) CEVA SANTE ANIMALE S.A.
Zone Industrielle de la Ballastière, F-33500 LIBOURNE (FR)
(750) CEVA SANTE ANIMALE Direction juridique
96, rue de la Victoire, F-75009 Paris (FR)

---

(111) **667384**
(822) 26.09.1996 96.17530 MC
(171) 10 năm
(540)

HYDRA-DETOX

(151) 24.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) société anonyme monégasque :
BIOTHERM SAM
Immeuble le Neptune, Avenue Prince Héréditaire Albert, MC-98000 MONACO (Principauté) (MC)

(511) 03.

---

(111) **667413**
(822) 26.09.1996 96.17528 MC
(171) 10 năm
(540)

AQUATEINT MAT

(151) 24.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) société anonyme monégasque :
BIOTHERM SAM
Immeuble le Neptune, Avenue Prince Héréditaire Albert, MC-98000 MONACO (Principauté) (MC)

(511) 03.

---

(111) **667448**
(822) 15.01.1997 70 1993 IT
(171) 10 năm
(540)

TOP-GEL

(151) 15.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) M.C.A. MEDICAL AND CHEMICAL AGENCY S.p.A.
Via A. Manuzio 17, I-20124 MILANO (IT)

(511) 03.

---

(111) **667482**
(822) 04.04.1990 1 620 356 FR
(171) 10 năm
(540)

MAX DEVILLE PARIS

(151) 21.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) PARFUMS JEAN JACQUES VIVIER (SARL)
8 Avenue Jean Jaurès, F-94100 SAINT MAUR (FR)

(511) 03.

---

(111) **667507**
(822) 30.07.1996 96 636 676 FR
(171) 10 năm
(540)

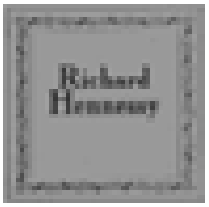

(511) 33.

(151) 28.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 05.13.06, 25.01.09, 26.04.01, 26.04.07, 27.05.01
(732) SOCIETE JAS HENNESSY & CO société anonyme
1 rue de la Richonne, F-16100 COGNAC (FR)

---

(111) **667608**
(822) 01.08.1996 96637019 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 28.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 03.11.01, 25.01.15, 26.07.15, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis - Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94110 GENTILLY (FR)

---

(111) **667609**
(822) 01.08.1996 96637018 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 28.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 03.11.01, 25.01.15, 26.07.15, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis - Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94110 GENTILLY (FR)

---

(111) **667610**
(822) 01.08.1996 96637017 FR
(171) 10 năm
(540)

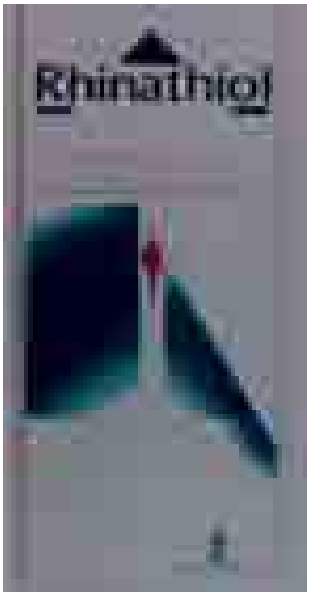

(511) 05.

(151) 28.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 03.11.01, 25.01.15, 26.07.15, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis - Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94110 GENTILLY (FR)

---

(111) **667611**
(822) 01.08.1996 96637016 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 28.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 03.11.01, 25.01.15, 26.07.15, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis - Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94110 GENTILLY (FR)

---

(111) **667644**
(822) 30.07.1996 96 636 642 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 05, 29, 30, 32.

(151) 21.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 03.01.08, 05.01.03, 25.01.09, 25.01.15, 27.05.01, 29.01.15
(591) Đỏ và vàng, trắng, xanh lá cây, xanh da trời
(732) COMPAGNIE GERVAIS DANONE, (société anonyme)
126-130, rue Jules Guesde, F-92300 Levallois-Perret (FR)

---

(111) **667645**
(822) 30.07.1996 96 636.643 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 05, 29, 30, 32.

(151) 21.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 03.01.08, 03.01.14, 05.01.03, 25.01.09, 25.01.15, 27.05.01, 29.01.15
(591) Đỏ và vàng, trắng, xanh lá cây, xanh da trời
(732) COMPAGNIE GERVAIS DANONE, (société anonyme)
126-130, rue Jules Guesde, F-92300 Levallois-Perret (FR)

---

(111) **667646**
(822) 30.07.1996 96 636.644 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 05, 29, 30, 32.

(151) 21.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 05.01.03, 25.01.09, 25.01.15, 25.07.01, 27.05.01, 29.01.15
(591) Đỏ và vàng , trắng, xanh da trời, xanh lá cây
(732) COMPAGNIE GERVAIS DANONE, (société anonyme)
126-130, rue Jules Guesde, F-92300 Levallois-Perret (FR)

---

(111) **667653**
(822) 08.08.1996 436495 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 06.02.1997

(450) 1997/3 Gaz, 27.03.1997
(531) 26.01.01, 26.01.04, 27.05.01
(732) Vegal Farmaceutica S.L.
Tramontana, 44, E-28223 Pozuelo de Alarcón (ES)

---

(111) **667701**
(822) 15.06.1995 95 576 728 FR
(171) 10 năm
(540) CELLU M6

(511) 08, 10, 11.

(151) 03.02.1997
(831) 10.06.1999 VN
(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) LPG SYSTEMS (Société Anonyme)
30 rue du Docteur Abel, F-26000 VALENCE (FR)

---

(111) **667782**
(822) 21.01.1997 702207 IT
(171) 10 năm
(540) LIFE ESSENCE

(511) 03.

(151) 21.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) ANFIO SpA
Via Torino, 61, I-20123 Milan (IT)

---

(111) **667807**
(822) 27.03.1996 590.637 BX
(171) 10 năm
(540) TIGRIS

(511) 01, 29, 30.

(151) 16.01.1997
(831) 10.10.1997 VN
(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 27.05.01
(732) PURATOS N.V.
Industrialaan 25, B-1702 Groot-Bijgaarden (BE)

---

(111) **667837**
(822) 30.07.1996 96 636.645 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 21.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 05.01.03, 25.01.09, 25.01.15, 25.07.01, 27.05.01, 29.01.15
(591) Đỏ và vàng, trắng, xanh lá cây, xanh da trời
(732) COMPAGNIE GERVAIS DANONE, (société anonyme)
126-130, rue Jules Guesde, F-92300 Levallois-Perret (FR)

(511) 05, 29, 30, 32.

---

(111) **667842**
(822) 29.08.1996 96640175 FR
(171) 10 năm
(540)

HYORESP

(151) 29.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) MERIAL (société par actions simplifiée)
29, avenue Tony Garnier, F-69007 LYON (FR)

(511) 05.

---

(111) **667932**
(822) 30.08.1996 96 639 985 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.02.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 26.01.01, 26.04.02, 26.04.10, 27.05.01
(732) LABORATOIRE GARNIER & Cie, Société en nom collectif
281 Rue Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **667933**
(822) 30.08.1996 96 639 984 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.02.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 26.01.01, 26.04.02, 26.04.10, 27.05.01
(732) LABORATOIRE GARNIER & Cie, Société en nom collectif
281 Rue Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **668131**
(822) 30.10.1996 434 254 CH
(171) 10 năm
(540)

SWISS GOLD

(151) 13.12.1996

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) Axions SA Christian Belce
Route de Compois 6, CH-1245 Collonge-Bellerive (CH), Chemin de la Remettaz 38, CH-1234 Vessy (CH)
(750) Axions SA
Route de Compois 6, CH-1245 Collonge-Bellerive (CH)

(511) 30.

---

(111) **668133**
(822) 29.01.1997 703.282 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 29.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 26.04.01, 27.05.01
(732) POLIMERI EUROPA S.p.A.
Via E. Fermi 4, I-72100 BRINDISI (IT)

(511) 01.

---

(111) **668158**
(822) 21.01.1997 702222 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 35, 38.

(151) 21.01.1997

(450) 1997/5 Gaz, 24.04.1997
(531) 02.03.15, 25.01.15, 26.04.02, 26.04.08, 27.05.01, 29.01.15
(591) Vàng, xanh lá cây, đen, đỏ, xanh da trời, màu hạt dẻ, hồng, trắng
(732) SEAT PAGINE GIALLE SPA
Via Grosio, 10/4, I-20151 MILANO (IT)

---

(111) **668159**
(822) 21.01.1997 702223 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 35, 38.

(151) 21.01.1997

(450) 1997/3 Gaz, 27.03.1997
(531) 02.07.15, 25.01.15, 26.04.02, 26.04.08, 27.05.01, 29.01.15
(591) Vàng, đen, xanh da trời sáng, đỏ, xanh da trời, màu hạt dẻ, hồng
(732) SEAT PAGINE GIALLE SPA
Via Grosio, 10/4, I-20151 MILANO (IT)

---

(111) **668278**
(822) 27.01.1997 702508 IT
(171) 10 năm
(540)

DE CORO

(511) 20, 25.

(151) 27.01.1997
(831) 17.10.2002 VN
(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) RICCI LUCA
Via Colombarone, 51, I-47032 BERTINORO (FORLI') (IT)

---

(111) **668371**
(822) 03.09.1996 96 640 359 FR
(171) 10 năm
(540)

ROUGE PULP

(511) 03.

(151) 10.02.1997

(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) L'OREAL, Société Anonyme
14 Rue Royale, F-75008 PARIS (FR)
(750) L'OREAL, Société Anonyme
DEPARTEMENT DES MARQUES, 41 RUE MARTRE, F-92117 CLICHY CEDEX (FR)

---

(111) **668379**
(822) 13.09.1996 96642203 FR
(171) 10 năm
(540)

PENTAXIM

(511) 05.

(151) 12.02.1997
(831) 09.05.2003 VN
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) SANOFI PASTEUR
2, avenue Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)

---

(111) **668381**
(822) 13.09.1996 96642206 FR
(171) 10 năm
(540)

TETRAXIM

(511) 05.

(151) 12.02.1997
(831) 09.05.2003 VN
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) SANOFI PASTEUR
2, avenue Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)

---

(111) **668392**
(822) 24.01.1997 167 916 AT
(171) 10 năm
(540)

PHARMASAL

(511) 05.

(151) 24.01.1997
(831) 26.09.1997 VN
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) Salinen Austria Aktiengesellschaft
Wirerstrasse 10, A-4820 Bad Ischl (AT)

---

(111) **668427**
(822) 30.01.1997 703305 IT
(171) 10 năm
(540) 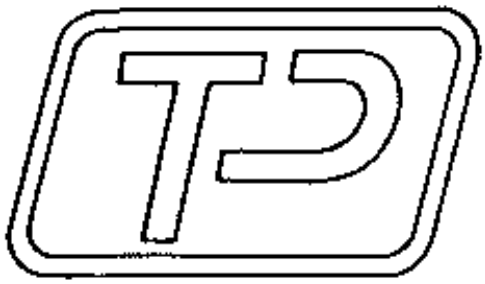

(151) 30.01.1997
(831) 19.04.2002 VN
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 26.04.04, 26.04.07, 26.11.01, 26.11.02, 27.01.01, 27.05.01
(732) TORRESI PLASTICHE - S.R.L.
38, Via Martin Luther King, I-62015 MONTE SAN GIUSTO (IT)

(511) 25.

---

(111) **668433**
(822) 01.10.1996 436 649 CH
(171) 10 năm
(540)

SANTOGEN

(151) 07.02.1997
(831) 10.04.1997 VN
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) Bayer Consumer Care AG
Peter Merian Str. 84, CH-4052 Basel (CH)
(750) Bayer Aktiengesellschaft, Bayer Business Services, Marke und Wettbewerb
51368 Leverkusen (DE)

(511) 05.

---

(111) **668484**
(822) 04.10.1996 9962 LI
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.02.1997
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 26.04.02, 27.05.01
(732) BESCO AG
Aeulestrasse 74, Postfach 481, FL-9490 Vaduz (LI)

(511) 06, 19.

---

(111) **668593**
(822) 18.07.1996 592.902 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 15.01.1997

(450) 1997/8 Gaz (04.06.1997)
(531) 01.15.17, 03.07.08, 05.07.06, 08.01.09, 08.01.15, 08.01.18, 11.03.01, 27.05.01, 29.01.15, 29.01.06, 29.01.08, 26.04.07
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh da trời đậm, xanh da trời sáng, cam, xanh lá cây sáng, xanh lá cây, xanh lá cây olive, đồng, đồng sáng, xám
(732) SOREMARTEC S.A.
Drève de l'Arc-en-Ciel 102, B-6700 SCHOPPACH-ARLON (BE)

(511) 30.

---

(111) **668711**
(822) 07.10.1996 396 21 616 DE
(171) 10 năm
(540)

MINIXEN

(151) 15.01.1997

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Berlin und München (DE)
(750) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

(511) 11.

---

(111) **668803**
(822) 16.07.1996 594.269 BX
(171) 10 năm
(540)

BLUE ICE

(151) 16.01.1997

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) RUBBERMAID EUROPE S.A.
13, rue Robert Stumper, L-2557 LUXEMBOURG (LU)

(511) 01, 11, 21.

---

(111) **668974**
(822) 18.07.1996 435 048 CH
(171) 10 năm
(540) GIO'

(511) 03, 25.

(151) 14.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) GA MODEFINE S.A.
Via Penate 4, CH-6850 Mendrisio (CH)

---

(111) **668975**
(822) 18.07.1996 435 049 CH
(171) 10 năm
(540) ACQUA DI GIO'

(511) 03, 25.

(151) 14.01.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) GA MODEFINE S.A.
Via Penate 4, CH-6850 Mendrisio (CH)

---

(111) **669010**
(822) 15.04.1996 395 17 263 DE
(171) 10 năm
(540) OSRAM ALLSEASON

(511) 11.

(151) 17.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Berlin et München (DE)
(750) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

---

(111) **669043**
(822) 29.06.1995 394 07 218 DE
(171) 10 năm
(540) HQI

(511) 11.

(151) 17.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Berlin et München (DE)
(750) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

---

(111) **669044**
(822) 29.06.1995 394 07 216 DE
(171) 10 năm
(540)

HTI

(151) 17.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Berlin et München (DE)
(750) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

(511) 11.

---

(111) **669046**
(822) 16.08.1995 394 07 110 DE
(171) 10 năm
(540)

XBO

(151) 17.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Berlin et München (DE)
(750) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

(511) 11.

---

(111) **669047**
(822) 27.09.1995 394 06 585 DE
(171) 10 năm
(540)

HMI

(151) 17.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Berlin et München (DE)
(750) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

(511) 09, 11.

---

(111) **669103**
(822) 29.07.1996 594.108 BX
(171) 10 năm
(540)

KINDER DAY

(511) 16, 28, 29, 30.

(151) 28.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) SOREMARTEC S.A.
Drève de l'Arc-en-Ciel 102, B-6700 SCHOPPACH-ARLON (BE)

---

(111) **669118**
(822) 28.03.1994 683579 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 11.

(151) 20.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 26.07.25, 27.01.01, 27.05.01, 28.03.00
(732) NingBo Shuaikang Electric Appliance Corp.
Ditangzhen, Yuyao City, CN-315491 Zhejiang Province (CN)

---

(111) **669173**
(822) 17.07.1996 96.634.721 FR
(171) 10 năm
(540)

TISSIKIT

(511) 16, 18.

(151) 16.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **669176**
(822) 17.07.1996 96.634.716 FR
(171) 10 năm
(540)

KELLYADO

(511) 16, 18.

(151) 16.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **669178**
(822) 17.07.1996 96.634.714 FR
(171) 10 năm
(540)

EFARGHAS

(511) 16, 18.

(151) 16.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **669187**
(822) 24.01.1997 395 29 976 DE
(171) 10 năm
(540)

Starkstrom

(511) 03, 25.

(151) 24.01.1997

(450) 1998/8 Gaz (04.06.1998)
(732) Dr. Steim Private Labels GmbH
Birkenstraße 21, 72144 Dusslingen (DE)

---

(111) **669202**
(822) 21.02.1997 704542 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 09, 12, 14, 16, 18, 20, 23, 24, 25, 28, 34, 35, 42.

(151) 21.02.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 28.03.00
(732) BENCOM S.r.l.
Via Villa Minelli, 1, I-31050 Ponzano Veneto (IT)

---

(111) **669203**
(822) 21.02.1997 704541 IT
(171) 10 năm
(540)

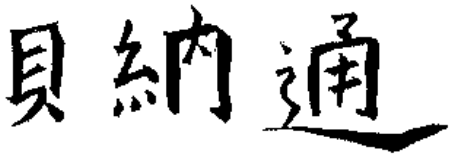

(511) 03, 09, 12, 14, 16, 18, 20, 23, 24, 25, 28, 34, 35, 42.

(151) 21.02.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 28.03.00
(732) BENCOM S.r.l.
Via Villa Minelli, 1, I-31050 Ponzano Veneto (IT)

---

(111) **669221**
(822) 26.07.1996 434 768 CH
(171) 10 năm
(540) STACT

(511) 09.

(151) 08.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Sony Overseas SA
Rütistrasse 12, CH-8952 Schlieren (CH)

---

(111) **669243**
(822) 24.04.1996 395 21 719 DE
(171) 10 năm
(540) CONCORD

(511) 12.

(151) 15.01.1997

(450) ()
(732) CONCORD GmbH
Industriestr. 25, 95346 Stadtsteinach (DE)

---

(111) **669336**
(822) 21.11.1996 437 097 CH
(171) 10 năm
(540) OMAX

(511) 14.

(151) 20.02.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 26.02.01, 26.13.25, 27.05.01
(732) Montres Omax S.A. (Omax Watches Company)
4, route de Florissant, CH-1200 Genève (CH)

---

(111) **669402**
(822) 17.10.1996 437 096 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 20.02.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 26.04.02, 26.04.11, 26.11.03
(732) Bayer Consumer Care AG
Peter Merian Str. 84, CH-4052 Basel (CH)
(750) Bayer Aktiengesellschaft, Bayer Business Services, Marke und Wettbewerb
51368 Leverkusen (DE)

---

(111) **669423**
(822) 30.09.1996 FL-NO. 9986 LI
(171) 10 năm
(540)

THE ALBA

(511) 18, 25.

(151) 19.02.1997
(831) 31.10.2002 VN
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) The Alba Aktiengesellschaft The Alba Corporation Limited
Postfach 1618, FL-9490 Vaduz (LI)

---

(111) **669427**
(822) 26.02.1993 2 031 317 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 39, 42.

(151) 11.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 03.05.01, 03.05.20, 27.05.01
(732) André Schlatermund
Am Alten Gericht 9, 21109 Hamburg (DE)

---

(111) **669506**
(822) 30.08.1996 594.954 BX
(171) 10 năm
(540)

RELACEPT

(511) 05.

(151) 31.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

---

(111) **669507**
(822) 30.08.1996 594.955 BX
(171) 10 năm
(540)

RESOLOR

(511) 05.

(151) 31.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

---

(111) **669508**
(822) 30.08.1996 594.956 BX
(171) 10 năm
(540) PASMOTOP

(151) 31.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 05.

---

(111) **669509**
(822) 30.08.1996 594.957 BX
(171) 10 năm
(540) VIACEP

(151) 31.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 05.

---

(111) **669510**
(822) 30.08.1996 594.958 BX
(171) 10 năm
(540) COLOTRANS

(151) 31.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 05.

---

(111) **669583**
(822) 24.01.1997 702.500 IT
(171) 10 năm
(540) FERRARI

(151) 24.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) FERRARI S.P.A.
Via Emilia Est 1163, I-41100 Modena (IT)

(511) 03, 06, 09, 12, 14, 16, 18, 24, 25, 28, 34.

---

(111) **669583A**
(822) 24.01.1997 702.500 IT
(171) 10 năm
(540) FERRARI

(151) 24.01.1997
(450)
(732) FERRARI S.p.A.
Via Emilia Est 1163, I-41100 MODENA (IT)

(511) 03, 06, 09, 14, 16, 18, 24, 25, 28, 34.

---

(111) **669795**
(822) 10.09.1981 314 226 CH
(171) 10 năm
(540) RADO DIAMASTER

(151) 29.01.1997
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 27.05.01
(732) RADO UHREN AG, (Rado Watch Co. Ltd.), (Montres Rado S.A.)
Bielstrasse 45, CH-2543 Lengnau BE (CH)

(511) 14.

---

(111) **669804**
(822) 06.12.1989 378 237 CH
(171) 10 năm
(540) RAUSCH

(151) 28.01.1997
(831) 01.05.1997 VN
(450) 1997/18 Gaz, 23.10.1997
(732) Rausch AG Kreuzlingen
12, Bärenstrasse, CH-8280 Kreuzlingen (CH)

(511) 03, 05, 21.

---

(111) **669817**
(822) 17.01.1997 142 000 HU
(171) 10 năm
(540) EGILOK

(151) 17.01.1997
(831) 13.07.2005 VN
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) EGIS GYÓGYSZERGYÁR RT.
Keresztúri út, 30-38, H-1106 Budapest (HU)

(511) 05.

---

(111) **669824**
(822) 30.08.1996 595.306 BX
(171) 10 năm
(540) COLOFURAN

(151) 31.01.1997
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 05.

---

(111) **669825**
(822) 30.08.1996 595.305 BX
(171) 10 năm
(540) TRANSCOLEN

(151) 31.01.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 05.

---

(111) **669882**
(822) 04.10.1983 329 037 CH
(171) 10 năm
(540) HERBADERM

(151) 28.01.1997
(831) 01.05.1997 VN
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) Rausch AG Kreuzlingen
Bärenstrasse 12, CH-8280 Kreuzlingen (CH)

(511) 03, 05.

---

(111) **669977**
(822) 18.09.1995 436499 CH
(171) 10 năm
(540) BROADWAY

(151) 06.02.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) Philip Morris Products S.A.
Quai Jeanrenaud 3, CH-2000 Neuchâtel (CH)

(511) 34.

---

(111) **670017**
(822) 27.01.1997 702527 IT
(171) 10 năm
(540) Phonocar

(151) 27.01.1997
(831) 10.10.2006 VN
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 26.01.01, 26.07.09, 26.11.02, 27.05.01
(732) PHONOCAR S.P.A.
VIA F.LLI CERVI, 167/C, I-42100 REGGIO EMILIA (IT)

(511) 09.

---

(111) **670031**
(822) 02.12.1971 095.003 BX
(171) 10 năm
(540)
LIGNOSTONE

(151) 12.02.1997
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) LYDIOS BEHEER B.V.
3, Mercuriusweg, NL-9561 AL TER APEL (NL)

(511) 07, 08, 19.

---

(111) **670088**
(822) 07.10.1996 435313 CH
(171) 10 năm
(540)
ELVIA

(151) 20.01.1997
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 24.13.01, 25.07.20, 26.05.01, 26.05.10, 27.05.01
(732) Elvia Reiseversicherungs-Gesellschaft
Hertistrasse 2, CH-8304 Wallisellen (CH)
(750) Mattli Hew & Meisser
Promenade 60, CH-7270 Davos Platz (CH)

(511) 38, 39, 42.

---

(111) **670108**
(822) 23.09.1996 436 234 CH
(171) 10 năm
(540)
GROBEXTEX EASYFIX

(151) 04.02.1997
(831) 02.06.1997 VN
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) Grob Horgen AG
Seestrasse 80, CH-8810 Horgen (CH)

(511) 07.

---

(111) **670187**
(822) 05.02.1997 2.047.056 ES
(171) 10 năm
(540)
FURAS

(151) 13.02.1997
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 03.05.17, 27.05.01
(732) FURA'S S.A.
Ctra. de Capellades a Martorell Km 8,8, E-08784 PIERA (Barcelona) (ES)

(511) 09.

---

(111) **670205**
(822) 08.10.1996 436 301 CH
(171) 10 năm
(540)

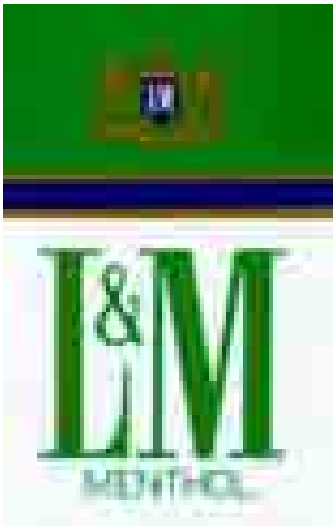

(151) 04.02.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 24.01.05, 24.01.17, 26.04.02, 26.04.09, 27.05.01, 29.01.14
(591) Xanh lá cây, xanh da trời, vàng kim loại, trắng
(732) Philip Morris Products S.A.
Quai Jeanrenaud 3, CH-2000 Neuchâtel (CH)

(511) 34.

---

(111) **670212**
(822) 12.09.1996 595.310 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 19.02.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 01.15.24, 26.13.25, 27.05.01
(732) Unilever N.V.
Weena 455, NL-3013 AL ROTTERDAM (NL)

(511) 29, 30.

---

(111) **670225**
(822) 25.06.1973 906 649 DE
(171) 10 năm
(540)

LURAN

(151) 20.02.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) BASF Aktiengesellschaft
Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen am Rhein (DE)
(750) BASF Aktiengesellschaft, ZDX/W - C6 67056 Ludwigshafen (DE)

(511) 01.

---

(111) **670314**
(822) 16.09.1996 594.285 BX
(171) 10 năm
(540)
TRACTOCILE

(151) 06.02.1997
(831) 04.08.2005 VN
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) Ferring B.V.
Polarisavenue 144, NL-2132 JX Hoofddorp (NL)

(511) 05.

---

(111) **670575**
(822) 19.12.1996 435 596 CH
(171) 10 năm
(540)
GROBEXTRA EASYFIX

(151) 22.01.1997
(831) 02.06.1997 VN
(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) Grob Horgen AG
Seestrasse 80, CH-8810 Horgen (CH)

(511) 07.

---

(111) **670906**
(822) 07.10.1957 707 109 DE
(171) 10 năm
(540)
RHENOFLEX

(151) 15.02.1997
(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) Rhenoflex GmbH
Giulinistraße 2, 67065 Ludwigshafen (DE)

(511) 01, 17, 24, 25.

---

(111) **671167**
(822) 31.01.1995 427 594 CH
(171) 10 năm
(540)
Elégance

(151) 20.02.1997
(831) 01.05.1997 VN
(450) 1997/8 Gaz (04.06.1997)
(732) Chocoladefabriken Lindt & Sprüngli AG
204, Seestrasse, CH-8802 Kilchberg ZH (CH)

(511) 30.

---

(111) **671218**
(822) 14.10.1996 436 886 CH
(171) 10 năm
(540)

(151) 14.02.1997

(450) 1997/8 Gaz (04.06.1997)
(531) 24.15.03, 25.07.25, 26.01.01, 27.07.01
(732) Syma Intercontinental AG
Dorf, CH-9533 Kirchberg (CH)

(511) 06, 20, 42.

---

(111) **671264**
(822) 15.07.1996 96 634694 FR
(171) 10 năm
(540)

CHRONOBOX

(151) 21.01.1997

(450) 1997/8 Gaz (04.06.1997)
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis - Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94110 GENTILLY (FR)

(511) 05, 06, 10, 20.

---

(111) **671269**
(822) 13.09.1996 96641808 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.02.1997

(450) 1997/8 Gaz (04.06.1997)
(531) 07.01.06, 07.05.02, 26.04.04, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(732) COMPAGNIE LAITIERE EUROPEENNE société en commandite par actions
F-50890 CONDE SUR VIRE (FR)
(750) COMPAGNIE LAITIERE EUROPEENNE société en commandite par actions
Service Juridique, F-50890 CONDE SUR VIRE (FR)

(511) 29.

---

(111) **671716**
(822) 29.10.1996 436 730 CH
(171) 10 năm
(540)
REWATCH

(511) 14, 18, 25, 35, 41.

(151) 12.02.1997
(831) 21.01.2000 VN
(450) 1997/13 Gaz (14.08.1997)
(732) Rewatch GmbH
Carmenstrasse 12, CH-8032 Zürich (CH)

---

(111) **671842**
(822) 26.08.1996 396 32 295 DE
(171) 10 năm
(540)
HOMEBOY

(511) 03, 09, 14, 16, 18, 25, 28.

(151) 16.01.1997
(831) 18.12.1998 VN
(450) 1997/8 Gaz (04.06.1997)
(732) LTT License to Thrill GmbH
Gregor-Mendel-Straße 16, 63150 Heusenstamm (DE)

---

(111) **672648**
(822) 20.03.1992 92 411 311 FR
(171) 10 năm
(540)
BACTERIO SOL

(511) 01.

(151) 23.12.1996
(450) 1997/10 Gaz (03.07.1997)
(732) Monsieur Marcel MEZY
Route d'Estaing, F-12340 BOZOULS (FR)

---

(111) **673552**
(822) 23.09.1996 96/643.146 FR
(171) 10 năm
(540)
OSIRIS

(511) 09, 10.

(151) 20.02.1997
(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(732) SANOFI DIAGNOSTICS PASTEUR, société anonyme
Boulevard Raymond Poincaré 3, F-92430 MARNES LA COQUETTE (FR)

---

(111) **673875**
(822) 20.03.1992 92 411 317 FR
(171) 10 năm
(540)
BACTERIO LIT

(511) 01.

(151) 23.12.1996
(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(732) Monsieur Marcel MEZY
Route d'Estaing, F-12340 BOZOULS (FR)

---

(111) **674032**
(822) 26.09.1996 434 438 CH
(171) 10 năm
(540) MILKA

(151) 18.12.1996
(831) 19.06.1998 VN
(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(732) KRAFT FOODS SCHWEIZ HOLDING AG
Bellerivestr. 203, CH-8008 Zürich (CH)

(511) 03, 05, 08, 09, 12, 16, 18, 20, 21, 22, 25, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 39, 41, 42.

---

(111) **674880**
(822) 17.01.1997 396 35 302 DE
(171) 10 năm
(540) HOME BOY loud·couture

(151) 17.01.1997
(831) 18.12.1998 VN
(450) 1997/13 Gaz (14.08.1997)
(531) 26.04.02, 27.01.01, 27.05.01, 28.07.00
(732) LTT License to Thrill GmbH
Gregor-Mendel-Straße 16, 63150 Heusenstamm (DE)

(511) 03, 09, 18, 25.

---

(111) **674880A**
(822) 17.01.1997 396 35 302 DE
(171) 10 năm
(540) HOME BOY loud·couture

(151) 17.01.1997
(450) 2003/12 Gaz, 24.07.2003
(531) 26.04.02, 27.01.01, 27.05.01, 28.07.00
(732) Ombudsman Westernboots GmbH & Co. Schuheinzelhandel KG
Marktplatz 6, 40213 Düsseldorf (DE)

(511) 25.

---

(111) **675740**
(822) 17.09.1996 396 16 936 DE
(171) 10 năm
(540) 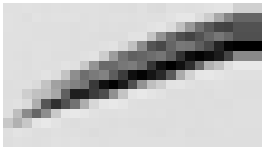

(151) 22.01.1997
(450) 1997/14 Gaz (28.08.1997)
(531) 26.11.02, 26.13.01, 26.04.02
(732) REEMARK Gesellschaft für Markenkooperation mbH
Parkstrasse 49, 22605 Hamburg (DE)

(511) 03, 09, 14, 16, 18, 25, 30, 34, 35, 38, 39, 41, 42.

---

(111) **675772**
(822) 20.10.1995 593.592 BX
(171) 10 năm
(540)

Rubbermaid

(151) 06.02.1997

(450) 1997/14 Gaz, 28.08.1997
(732) RUBBERMAID LUXEMBOURG Sarl
Zone Industrielle Hahneboesch, L-4578 Differdange (LU)

(511) 07, 08, 09, 10, 12, 16, 19, 20, 21, 27, 28.

---

(111) **675775**
(822) 20.10.1995 592.968 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 06.02.1997

(450) 1997/14 Gaz, 28.08.1997
(531) 25.03.01, 27.05.01, 29.01.01
(591) Đỏ
(732) RUBBERMAID LUXEMBOURG Sarl
Zone Industrielle Hahneboesch, L-4578 Differdange (LU)

(511) 07, 08, 09, 10, 12, 16, 19, 20, 21, 27, 28.

---

(111) **676876**
(822) 17.02.1997 395 30 178.5 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 17.02.1997

(450) 1997/15 Gaz (11.09.1997)
(531) 26.04.03, 26.04.07, 27.05.01
(732) Otto Investments Holding S.A.
38-40, rue Sainte Zithe, L-2763 Luxemburg (LU)

(511) 06, 09, 11, 12, 20, 21, 35, 39, 40, 42.

---

(111) **678218**
(822) 09.10.1996 396 37 432 DE
(171) 10 năm
(540)

PROCENTER

(151) 23.01.1997

(450) 1997/17 Gaz (09.10.1997)
(732) Siemens Aktiengesellschaft
Wittelsbacherplatz 2, 80333 München (DE)

(511) 09, 35, 37, 38, 42.

PHẦN VI

SỬA ĐỔI, GIA HẠN, ĐÌNH CHỈ, HUỶ BỎ HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

I - SỬA ĐỔI VĂN BẰNG BẢO HỘ

a - Sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế

Quyết định sửa đổi số: 1807/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(11) Số Văn bằng: 1-0005470 (24) Ngày cấp: 20.02.2006
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) Vestergaard SA (CH)
Chemin Messidor 5-7, Lausanne, Switzerland

Quyết định sửa đổi số: 1943/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(11) Số Văn bằng: 1-0006770 (24) Ngày cấp: 21.12.2007
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) HUNTSMAN ADVANCED MATERIALS (SWITZERLAND) GMBH (CH)
Klybeckstrasse 200, CH-4057 Basel, Switzerland

Quyết định sửa đổi số: 2792/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(11) Số Văn bằng: 1-0004688 (24) Ngày cấp: 07.12.2004
Mục sửa đổi: Sửa đổi khác
Nội dung mới: Sửa đổi yêu cầu bảo hộ

Quyết định sửa đổi số: 2913/QĐ-SHTT, ngày: 21.02.2008

(11) Số Văn bằng	(24) Ngày cấp
1-0000912	04.06.1999
1-0005457	13.02.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) MITSUBISHI SHOJI FOODTECH CO., LTD. (JP)
17, Kanda-Konyacho, Chiyoda-ku, Tokyo 101-0035 Japan

Quyết định sửa đổi số: 2914/QĐ-SHTT, ngày: 21.02.2008

(11) Số Văn bằng: 1-0001986 (24) Ngày cấp: 10.04.2001

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) 1. MITSUBISHI SHOJI FOODTECH CO., LTD. (JP)
17, Kanda-Konyacho, Chiyoda-ku, Tokyo 101-0035 Japan
2. NIKKO RICA CORPORATION (JP)
Tohoseimei Bldg., 4-4-10, Nihonbashi-muromachi, Chuo-ku, Tokyo 103, Japan

---

b - Sửa đổi Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Quyết định sửa đổi số: 1503/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0010300 (15) Ngày cấp: 26.02.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y - THUỶ SẢN MINH DŨNG (VN)
Khu phố Khánh Hội, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 1524/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(11) Số Văn bằng	(15) Ngày cấp
3-0004278	22.07.1998
3-0006440	30.05.2001
3-0008515	05.09.2005
3-0008516	05.09.2005
3-0008517	05.09.2005
3-0008518	05.09.2005
3-0008519	05.09.2005
3-0008520	05.09.2005
3-0009582	07.08.2006
3-0010383	13.03.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CÔNG TY CỔ PHẦN VI NA MIT (VN)
ấp 1, xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Quyết định sửa đổi số: 2550/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(11) Số Văn bằng	(15) Ngày cấp
3-0005142	22.06.1999
3-0005144	22.06.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Ku, Seoul, Republic of Korea

Quyết định sửa đổi số: 2724/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007829 (15) Ngày cấp: 29.07.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2836/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005184 (15) Ngày cấp: 09.07.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

c - Sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa

Quyết định sửa đổi số: 1565/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0067220 (151) Ngày cấp: 12.10.2005

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 1566/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032203 (151) Ngày cấp: 07.10.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH RƯỢU BẠCH MÃ (VN)
40/4A Trần Văn Mười, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1568/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0017557	11.08.1995
4-0071882	10.05.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH HƯƠNG LIỆU - PHỤ GIA THỰC PHẨM HỒNG Á (VN)
114 Lãnh Binh Thăng, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1569/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0039669 (151) Ngày cấp: 10.01.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHÀ HÀNG-KHÁCH SẠN HƯƠNG BIỂN (VN)
Lô H12 khu dân cư Lại An, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

---

Quyết định sửa đổi số: 1570/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0092964 (151) Ngày cấp: 12.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT DỊCH VỤ HÒA THỊNH (VN)
226/51 An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1591/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0029066	19.12.1998
4-0029070	19.12.1998

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TÂY SƠN (VN)
Số 41 ngõ Thái Thịnh I, phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 1593/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0053386 (151) Ngày cấp: 16.03.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) VIỆN CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SÀI GÒN (VN)
287B Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 1594/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0006402	19.09.1992
4-0006403	19.09.1992
4-0007042	19.12.1992
4-0077552	06.12.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) VANITY FAIR, INC. (US)
One Fruit of the Loom Drive, Bowling Green, Kentucky 42103, USA

Quyết định sửa đổi số: 1595/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0052830 (151) Ngày cấp: 17.02.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI DƯƠNG GIA (VN)
Số 18 phố Thể Giao, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 1596/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0011281	10.03.1994
4-0023158	18.11.1996
4-0048101	19.06.2003
4-0056805	01.09.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) NEW ZEALAND MILK BRANDS LIMITED (NZ)
9 Princes Street, Auckland, New Zealand

Quyết định sửa đổi số: 1597/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0012164 (151) Ngày cấp: 08.06.1994
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Northwest Airlines, Inc. (US)
2700 Lone Oak Parkway, Eagan, Minnesota 55121-1534, U.S.A.

Quyết định sửa đổi số: 1598/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0026735 (151) Ngày cấp: 31.03.1998
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Pronova BioPharma Norge AS (NO)
Vollsveien 6, 1366 Lysaker, Norway

Quyết định sửa đổi số: 1599/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0037240 (151) Ngày cấp: 17.05.2001
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) VingCard Elsafe AS (NO)
Sophus Lies vei, 1523 Moss, Norway

Quyết định sửa đổi số: 1600/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0065981 (151) Ngày cấp: 19.08.2005
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) VingCard Elsafe AS (NO)
Sophus Lies vei, 1523 Moss, Norway

Quyết định sửa đổi số: 1601/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0032532 (151) Ngày cấp: 04.11.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM (VN)
180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 1603/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0036739 (151) Ngày cấp: 03.04.2001
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN (VN)
242 Trần Phú, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 1615/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0046601 (151) Ngày cấp: 08.05.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THỜI TRANG THANH HẰNG (VN)
Số 9 Chợ Hôm, phố Huế, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 1616/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030751	24.04.1999
4-0031941	01.09.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) BURLINGTON NETWORKS INC. (US)
440 Exchange Drive, Irvine, California 92602, U.S.A.

Quyết định sửa đổi số: 1618/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0063273	02.06.2005
4-0091728	15.11.2007
4-0091729	15.11.2007
4-0091730	15.11.2007
4-0092026	22.11.2007
4-0092027	22.11.2007
4-0092028	22.11.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM (VN)
70-72 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 1619/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0071298	07.04.2006
4-0071316	11.04.2006
4-0071317	11.04.2006
4-0071318	11.04.2006
4-0071319	11.04.2006
4-0071700	03.05.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Yara Phosyn Ltd. (GB)
Manor Place, Wellington Road, The Industrial Estate, Pocklington, York Y042 1DN, United Kingdom

---

Quyết định sửa đổi số: 1620/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032985 (151) Ngày cấp: 27.12.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH NGỌC (VN)
130 Lò Đúc, phường Đống Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 1622/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0093736 (151) Ngày cấp: 26.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THIÊN PHÚ (VN)
Số 22 Nguyễn Huy Tự, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 1623/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032366 (151) Ngày cấp: 20.10.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE (VN)
Số 6A3, quốc lộ 60, ấp 1, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

---

Quyết định sửa đổi số: 1625/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0047055 (151) Ngày cấp: 29.05.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Sub-Zero, Inc. (US)
4717 Hammersley Road, Madison, Wisconsin 53711, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 1639/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0083325 (151) Ngày cấp: 25.06.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN JIA NON BIOTECH (VN)
B05-2 khu công nghiệp Đức Hoà 1 Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

---

Quyết định sửa đổi số: 1640/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0082220	21.05.2007
4-0086641	20.08.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DUY HOÀNG 07 (VN)
Đường số 2, KCN Tân Đông Hiệp B, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 1641/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0002097	12.01.1991
4-0003540	21.10.1991
4-0005345	01.08.1992
4-0016840	25.05.1995
4-0025811	02.12.1997
4-0031904	26.08.1999
4-0034556	15.08.2000
4-0034557	15.08.2000
4-0034800	05.09.2000
4-0035611	06.12.2000
4-0035890	02.01.2001
4-0037207	16.05.2001
4-0038188	04.09.2001
4-0038686	31.10.2001
4-0038708	01.11.2001
4-0038780	06.11.2001
4-0038900	15.11.2001
4-0039160	10.12.2001
4-0041511	07.06.2002
4-0068047	15.11.2005
4-0074577	22.08.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ ĐỒNG THÁP (VN)

59/4 quốc lộ 80, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Quyết định sửa đổi số: 1643/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0055858 (151) Ngày cấp: 21.07.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN DUY HOÀNG (VN)

323B/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1644/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0036991 (151) Ngày cấp: 02.05.2001

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) GOJO INDUSTRIES, INC (US)
One GOJO Plaza, Suite 500, Akron, Ohio 44311, USA

Quyết định sửa đổi số: 1645/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0029057 (151) Ngày cấp: 17.12.1998

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÙNG THỊ (VN)
772 Nguyễn Chí Thanh, phường 04, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1647/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0052974 (151) Ngày cấp: 24.02.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM (VN)
15 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 1648/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0028337	03.10.1998
4-0036579	19.03.2001
4-0036580	19.03.2001

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Chenfull International Co., Ltd. (TW)
No. 9, Lane 187, Guandong Rd., Hsinchu, Taiwan

Quyết định sửa đổi số: 1650/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0046071 (151) Ngày cấp: 11.04.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) WOCKHARDT LIMITED (IN)

Wockhardt Towers, Bandra-Kurla Complex, Bandra East, Mumbai - 400051, India

---

Quyết định sửa đổi số: 1652/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0000998	10.10.1988
4-0000999	10.10.1988
4-0065200	26.07.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) NEW ZEALAND MILK BRANDS LIMITED (NZ)

9 Princes Street, Auckland, New Zealand

Quyết định sửa đổi số: 1653/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030192 (151) Ngày cấp: 16.03.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) MIDAS INTERNATIONAL CORPORATION (US)

1300 Arlington Heights Road, Itasca, Illinois 60143 USA

Quyết định sửa đổi số: 1655/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034395 (151) Ngày cấp: 17.07.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

Quyết định sửa đổi số: 1656/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0013716 (151) Ngày cấp: 11.10.1994

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CONOPCO INC. (US)

700 Sylvan Avenue, Englewood Cliffs, NJ 07632, USA

Quyết định sửa đổi số: 1657/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034461 (151) Ngày cấp: 27.07.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯƠNG NAM (VN)
Số 184 A Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

---

Quyết định sửa đổi số: 1659/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030911	17.05.1999
4-0030912	17.05.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) SEETEC CO., LTD. (KR)
679, Daejuk-Ri, Daesan-Eup, Sosan-Si, Chungchongnam-Do, the Republic of Korea

---

Quyết định sửa đổi số: 1661/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0040428 (151) Ngày cấp: 25.03.2002

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 1663/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0046890	23.05.2003
4-0050602	21.11.2003
4-0050603	21.11.2003
4-0053259	08.03.2004
4-0059324	27.12.2004
4-0059325	27.12.2004
4-0061157	17.03.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) LUBRIZOL ADVANCED MATERIALS, INC. (US)
9911 Brecksville Road, Cleveland, Ohio 44141-3247, U.S.A

Quyết định sửa đổi số: 1809/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0033892 (151) Ngày cấp: 03.05.2000
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Duracell Batteries BV BA (BE)
Nijverheidslaan 7, B-3200, Aarschot, Belgium

Quyết định sửa đổi số: 1810/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0033418	03.03.2000
4-0038045	21.08.2001
4-0041095	15.05.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CƠ SỞ NGỌC QUYÊN (VN)
Số 391D ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

---

Quyết định sửa đổi số: 1811/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031383 (151) Ngày cấp: 06.07.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ ĐIỆN (VN)

Đường số 9, khu công nghiệp Biên Hoà I, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

---

Quyết định sửa đổi số: 1814/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0028789	21.11.1998
4-0028790	21.11.1998
4-0028976	11.12.1998
4-0031001	18.05.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN (VN)

930 khu công nghiệp Cát Lái cụm II, Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1815/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0019870	29.01.1996
4-0040578	04.04.2002
4-0041656	13.06.2002
4-0041787	25.06.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) 1. CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM TNHH (VN)

Số 8 đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

2. CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM (VN)

Số 8 đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 1816/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0038451 (151) Ngày cấp: 04.10.2001

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ HÀNG BA MIỀN (VN)
120/3 Trần Quốc Thảo, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1817/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0081072 (151) Ngày cấp: 13.04.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) MAN Diesel SE (DE)
StadtbachstraBe 1, 86153 Augsburg, Germany

Quyết định sửa đổi số: 1818/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032800 (151) Ngày cấp: 13.12.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) J.C. PENNEY Corporation, Inc. (US)
6501 Legacy Dr, Plano, Texas 75024-3698 U.S.A.

Quyết định sửa đổi số: 1820/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0091628	13.11.2007
4-0091629	13.11.2007
4-0091630	13.11.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VÀ QUẢNG CÁO VIỆT NAM (VN)
Tầng 5, toà nhà Báo Biên Phòng, số 40A Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà nội

---

Quyết định sửa đổi số: 1821/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0055114	24.06.2004
4-0058849	02.12.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÁP QUỐC (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Quyết định sửa đổi số: 1822/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031673 (151) Ngày cấp: 30.07.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH GIA BẢO (VN)
Km 48, quốc lộ 5, xã Việt Hoà, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 1824/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0089652 (151) Ngày cấp: 01.10.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG TƯ THỤC QUỐC TẾ KINDERWORLD VIỆT NAM (VN)
21-23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 1825/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0049133	20.06.2003
4-0049134	20.06.2003
4-0050577	19.11.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Actavis EAD (BG)
29, Atanas Dukov str, 1407 Sofia Bulgaria

Quyết định sửa đổi số: 1826/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0054856 (151) Ngày cấp: 17.06.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ KIÊM LOAN (VN)

Sạp 3C chợ vật liệu xây dựng, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1827/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0084905 (151) Ngày cấp: 24.07.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI CHỈ MAY THIÊN LONG (VN)

214/6 Hàn Hải Nguyên, phường 9, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1828/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0067880	08.11.2005
4-0069712	19.01.2006
4-0069713	19.01.2006
4-0069714	19.01.2006
4-0074380	14.08.2006
4-0077379	28.11.2006
4-0078380	10.01.2007
4-0086844	21.08.2007
4-0091498	08.11.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH BACONCO (VN)

Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

---

Quyết định sửa đổi số: 1829/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0029678 (151) Ngày cấp: 09.02.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) GOLD ROAST FOOD INDUSTRY PTE. LTD. (SG)
14 Woodlands Link, Singapore 738739

Quyết định sửa đổi số: 1831/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0001255 (151) Ngày cấp: 30.09.1989
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM (VN)
180 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1832/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0009938	09.12.1993
4-0009944	09.12.1993
4-0009946	09.12.1993

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Covidien AG (CH)
Victor von Bruns-Strasse 19, CH 8212 Neuhausen am Rheinfall, Switzerland

---

Quyết định sửa đổi số: 1833/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0087799 (151) Ngày cấp: 07.09.2007
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ NGHĨA HOA (VN)
135 đường số 3, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1834/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0071433 (151) Ngày cấp: 17.04.2006
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) INTERNATIONAL NUTRITION CO., LTD. A/S (DK)
Indiakaj 20, DK-2100 Copenhagen O, Denmark

Quyết định sửa đổi số: 1835/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0030520 (151) Ngày cấp: 30.03.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) AMGEN INC. (US)
One Amgen Center Drive, Thousand Oaks, California 91320-1799, USA

Quyết định sửa đổi số: 1837/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0035553 (151) Ngày cấp: 27.11.2000
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ĐÔNG ĐÔ (VN)
Chùa Dận, xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Quyết định sửa đổi số: 1922/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0019870	29.01.1996
4-0040578	04.04.2002
4-0041656	13.06.2002
4-0041787	25.06.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM (VN)
Số 8 đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 1944/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0006669	28.10.1992
4-0006670	28.10.1992
4-0014814	30.12.1994

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) NISSAN TANAKA CORPORATION (JP)

11, Chikumazawa, Miyoshi-cho, Iruma-gun, Saitama Prefecture, Japan

---

Quyết định sửa đổi số: 1945/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0038314	13.09.2001
4-0038315	13.09.2001
4-0043394	24.09.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT (VN)

Km 9, quốc lộ 5, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

---

Quyết định sửa đổi số: 2007/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0000896	01.08.1988
4-0000905	01.08.1988
4-0000906	01.08.1988
4-0000908	01.08.1988
4-0000945	08.09.1988
4-0031265	19.06.1999
4-0031266	19.06.1999
4-0031728	06.08.1999
4-0032196	05.10.1999
4-0032247	12.10.1999
4-0032254	12.10.1999
4-0039310	19.12.2001

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) SMITHKLINE BEECHAM P.L.C. (GB)
980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS, England

Quyết định sửa đổi số: 2010/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0063560	09.06.2005
4-0065836	12.08.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ANH DUY (VN)
003 lô L, cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2011/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0011485 (151) Ngày cấp: 11.04.1994
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT ĐÔNG NAM (VN)
727 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2012/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0042321 (151) Ngày cấp: 23.07.2002
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HƯNG THÀNH (VN)
218 Trương Vĩnh Ký, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2013/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0092219 (151) Ngày cấp: 28.11.2007
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) BUONGIORNO S.P.A. (IT)
2, Borgo Masnovo, Parma, 43100, Italy

Quyết định sửa đổi số: 2014/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0029181	30.12.1998
4-0035400	08.11.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG (VN)
Lô số 4, đường B, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2015/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0048347 (151) Ngày cấp: 20.06.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT LONG LONG (VN)
14 Trịnh Văn Cấn, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2016/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0053512	23.03.2004
4-0065134	26.07.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT SE CO VI NA (VN)
131/4 Thích Quảng Đức, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2017/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032215 (151) Ngày cấp: 08.10.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ QUỲNH (VN)
220 Bis Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2019/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0090327	12.10.2007
4-0092704	06.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) VANITY FAIR, INC. (US)
One Fruit of the Loom Drive, Bowling Green, Kentucky 42103, USA

Quyết định sửa đổi số: 2020/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0075013 (151) Ngày cấp: 07.09.2006

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 2021/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0075035 (151) Ngày cấp: 08.09.2006

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 2022/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0080821 (151) Ngày cấp: 09.04.2007

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 1986/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0036768 (151) Ngày cấp: 05.04.2001

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ANH DUY (VN)
003 lô L, cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2084/QĐ-SHTT, ngày: 04.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032382 (151) Ngày cấp: 21.10.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Saint-Gobain Technical Fabrics Canada, Ltd. (CA)
201 Hugel Ave., Midland, Ontario, L4R4G1 CANADA

Quyết định sửa đổi số: 2086/QĐ-SHTT, ngày: 04.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0035308 (151) Ngày cấp: 30.10.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) LBB Co., Ltd. (TH)
No. 23 Room No. 101 Soi Ladprol 92 (Lomyen), Wangtonglarng Sub-district (Khwaeng), Wangtonglarng District (Khet), Bangkok, Thailand

---

Quyết định sửa đổi số: 2189/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0092472 (151) Ngày cấp: 04.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN BRANDCO (VN)

Phòng 1201, nhà N2D, khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 2190/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0093183	17.12.2007
4-0094063	04.01.2008
4-0094292	09.01.2008
4-0094293	09.01.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)

166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Quyết định sửa đổi số: 2207/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0038875 (151) Ngày cấp: 13.11.2001

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG - DỊCH VỤ V.T.I.S (VN)

173 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2209/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031583	24.07.1999
4-0031584	24.07.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THÁI TUẤN (VN)

1/148 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2211/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0039065 (151) Ngày cấp: 29.11.2001

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ARECO (VN)

Số 1 đường Trường Sơn, xã An Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 2212/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0010861	25.01.1994
4-0032246	12.10.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) KABUSHIKI KAISHA BANDAI NAMCO Games (NAMCO BANDAI Games Inc.) (JP)

4-5-15, Higashi - shinagawa, Shinagawa - ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 2213/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0071841 (151) Ngày cấp: 08.05.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TRUYỀN THÔNG TRUYỀN HÌNH (COMMUNICATION TELEVISION DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY) (VN)

Số 65 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 2214/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030917 (151) Ngày cấp: 17.05.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CASINO GUICHARD PERRACHON (FR)

1 Esplanade de Frace 42000 SAINT ETIENNE, France

Quyết định sửa đổi số: 2235/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0040034 (151) Ngày cấp: 21.02.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) KT & G CORPORATION (KR)

100, Pyeongchon-dong, Daedeok-gu, Daejeon, Republic of Korea

Quyết định sửa đổi số: 2339/QĐ-SHTT, ngày: 14.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031163 (151) Ngày cấp: 05.06.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRẦN NHI (VN)

Số K63, đường số 6B, khu định cư Bình Hưng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2552/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0045204 (151) Ngày cấp: 17.02.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CƠ SỞ VINH QUANG (VN)

582A Hậu Giang, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 2553/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0093653 (151) Ngày cấp: 25.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG SÀI GÒN (VN)

116/28/26 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2554/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0034085	22.05.2000
4-0034891	18.09.2000
4-0073980	28.07.2006
4-0075031	08.09.2006
4-0075032	08.09.2006
4-0075594	02.10.2006
4-0077049	20.11.2006
4-0077840	18.12.2006
4-0079811	05.03.2007
4-0080472	27.03.2007
4-0081548	02.05.2007
4-0085084	31.07.2007
4-0088161	10.09.2007
4-0091849	16.11.2007
4-0092510	04.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ (VN)
Lô số 2 CN1 cụm công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 2555/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0050380	05.11.2003
4-0092246	29.11.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG (VN)
Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

---

Quyết định sửa đổi số: 2556/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0085421 (151) Ngày cấp: 06.08.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Rosetta Stone Ltd. (US)

135 West Market Street, Harrisonburg, Virginia, 22801, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 2557/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031358	26.06.1999
4-0032611	15.11.1999
4-0032612	15.11.1999
4-0035394	08.11.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Aderans Holdings Co., Ltd. (JP)

1-6-3, Shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 2559/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0026181	17.01.1998
4-0069076	26.12.2005
4-0069077	26.12.2005
4-0069414	09.01.2006
4-0069415	09.01.2006
4-0085819	10.08.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH (VN)

Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 2560/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032373 (151) Ngày cấp: 21.10.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) PALLAS INTERNATIONAL (FAR EAST) PTE. LTD. (SG)
Robinson Road Post Office, PO Box 2861, Singapore 904861

Quyết định sửa đổi số: 2695/QĐ-SHTT, ngày: 19.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0005850	04.09.1992
4-0035831	25.12.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) HARD ROCK LIMITED (UK)
PO Box 344, 5 Castle Street, St Helier, Jersey, JE4 8UW, Channel Islands, United Kingdom

---

Quyết định sửa đổi số: 2696/QĐ-SHTT, ngày: 19.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033210 (151) Ngày cấp: 28.01.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯNHÂN HOÀNG NHUNG (VN)
G27 Bàu Cát 1, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2699/QĐ-SHTT, ngày: 19.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034534 (151) Ngày cấp: 11.08.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯNHÂN PHAN NGỌC (VN)
Số 78 đường Đoàn Thị Nghiệp, khu 2, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 2747/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0036196 (151) Ngày cấp: 08.01.2001
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DASO (VN)
Quốc lộ 13, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Quyết định sửa đổi số: 2748/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0034504 (151) Ngày cấp: 04.08.2000
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DASO (VN)
Quốc lộ 13, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Quyết định sửa đổi số: 2770/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0032167 (151) Ngày cấp: 30.09.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KIM HỒNG (VN)
Chợ Giồng Keo, ấp Tân Thạnh, xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre

---

Quyết định sửa đổi số: 2833/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0091362 (151) Ngày cấp: 08.11.2007
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Kunming Dihon Pharmaceutical Co., Ltd. (CN)
45 Keyi Road Kunming New & High - Tech Industrial Development Zone, Yunnan China

---

Quyết định sửa đổi số: 2837/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0031773 (151) Ngày cấp: 11.08.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI GIÀY DÉP ĐÔ BA (VN)
563 đường 3/2, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 2839/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0079461 (151) Ngày cấp: 13.02.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Mega Lifesciences Ltd. (TH)

384 Soi 6, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280, Thailand

---

Quyết định sửa đổi số: 2840/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033298 (151) Ngày cấp: 21.02.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VINA PHÁT (VN)

58 Trương Đình Hội, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 2842/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0028526	20.10.1998
4-0048174	20.06.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) NEW ZEALAND MILK BRANDS LIMITED (NZ)

9 Princes Street, Auckland, New Zealand

Quyết định sửa đổi số: 2843/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031995 (151) Ngày cấp: 03.09.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY SÀI GÒN (VN)

1/7C Phạm Văn Chiêu, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2844/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0052259	29.01.2004
4-0052260	29.01.2004
4-0080040	15.03.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGUYÊN TÂM (VN)
449/17 Trường Chinh, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2845/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0043162 (151) Ngày cấp: 30.08.2002
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) PHIL INTERNATIONAL CO., LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea

Quyết định sửa đổi số: 2846/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0064698	13.07.2005
4-0070964	28.03.2006
4-0081718	03.05.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HÀ THÁI (VN)
Số 96, đường Nghĩa Tân 6, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 2867/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0049064	20.06.2003
4-0049071	20.06.2003
4-0072671	12.06.2006
4-0073209	27.06.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
33-35 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2868/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0082531 (151) Ngày cấp: 30.05.2007
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH DU LỊCH VĂN HOÁ SUỐI TIÊN (VN)
149C Nguyễn Duy Dương, phường 3, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 2869/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0092142	27.11.2007
4-0092750	07.12.2007
4-0094597	15.01.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Quyết định sửa đổi số: 2909/QĐ-SHTT, ngày: 21.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030771 (151) Ngày cấp: 28.04.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) AGOURON PHARMACEUTICALS, INC. (US)
10777 Science Center Drive, San Diego, California, U.S.A.

Quyết định sửa đổi số: 2947/QĐ-SHTT, ngày: 22.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0055128	24.06.2004
4-0056894	06.09.2004
4-0058179	01.11.2004
4-0061918	15.04.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN SỨ LONG HẦU (VN)
Xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

Quyết định sửa đổi số: 2949/QĐ-SHTT, ngày: 22.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031277	19.06.1999
4-0031279	19.06.1999
4-0033833	24.04.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) DAIO PAPER CORPORATION (JP)
2-60, Mishimakamiya-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime, Japan

II - GIA HẠN HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

a - Gia hạn Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Quyết định gia hạn số: 1604/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0009200 (18) Gia hạn đến ngày: 14.02.2013
(73) Chủ Văn bằng:
HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 1626/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0006417 (18) Gia hạn đến ngày: 10.04.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM (VN)
27 Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

---

Quyết định gia hạn số: 1747/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007551 (18) Gia hạn đến ngày: 14.10.2012
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY ÂU LẠC (VN)
65 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 1748/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007552 (18) Gia hạn đến ngày: 14.10.2012
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY ÂU LẠC (VN)
65 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 1749/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007553 (18) Gia hạn đến ngày: 14.10.2012
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY ÂU LẠC (VN)
65 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 1750/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007565 (18) Gia hạn đến ngày: 14.10.2012
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY ÂU LẠC (VN)
65 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 1751/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007677 (18) Gia hạn đến ngày: 24.01.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)
30-2, Shimomaruko 3-chome, Ohta-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 1752/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0004953 (18) Gia hạn đến ngày: 12.08.2012
(73) Chủ Văn bằng:
TAG HEUER S.A (CH)
14a Avenue des Champs-Montants 2074 Marin Switzerland

Quyết định gia hạn số: 1923/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005975	05.05.2013
3-0006028	05.05.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG (VN)
43/9 Bến Mễ Cốc, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 1924/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0008948 (18) Gia hạn đến ngày: 24.02.2013
(73) Chủ Văn bằng:
Jang, Sang-Bin (KR)
Mokdong Sinsigaji Apt. 907-1403, 313, Sinjeong-Dong, Yangcheon-Ku, Seoul, Republic of Korea

---

Quyết định gia hạn số: 1925/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007882 (18) Gia hạn đến ngày: 08.07.2013
(73) Chủ Văn bằng:
The Gillette Company (US)
Prudential Tower Building, Boston, Massachusetts 02199, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 2009/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007744 (18) Gia hạn đến ngày: 17.02.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CẦN THƠ (VN)
288 Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ

Quyết định gia hạn số: 2187/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007662 (18) Gia hạn đến ngày: 30.01.2013
(73) Chủ Văn bằng:
UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, Netherlands

Quyết định gia hạn số: 2237/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0008637 (18) Gia hạn đến ngày: 28.07.2013
(73) Chủ Văn bằng:
XÍ NGHIỆP NƯỚC GIẢI KHÁT SUỐI XANH (VN)
ấp Ngãi Lợi, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

---

Quyết định gia hạn số: 2238/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005601 (18) Gia hạn đến ngày: 02.11.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN (VN)
C12/21 xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 2239/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005600 (18) Gia hạn đến ngày: 02.11.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN (VN)
C12/21 xã Tân Kiên, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 2240/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005599 (18) Gia hạn đến ngày: 02.11.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN (VN)
C12/21 xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 2241/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005755 (18) Gia hạn đến ngày: 02.11.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN (VN)
C12/21 xã Tân Kiên, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 2242/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005754 (18) Gia hạn đến ngày: 02.11.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN (VN)
C12/21 xã Tân Kiên, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 2243/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005756 (18) Gia hạn đến ngày: 02.11.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN (VN)
C12/21 xã Tân Kiên, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 2551/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005142	15.11.2012
3-0005143	15.11.2012
3-0005144	15.11.2012

(73) Chủ Văn bằng:
ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Ku, Seoul, Republic of Korea

Quyết định gia hạn số: 2562/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005111	24.04.2013
3-0005649	24.04.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ PHƯỚC ÂM (VN)
189 Lê Đại Hành, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 2725/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005469	09.06.2013
3-0005650	02.06.2013
3-0007806	12.05.2013
3-0007829	12.05.2013
3-0007830	12.05.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 2834/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005191	17.01.2013
3-0005192	17.01.2013
3-0005193	17.01.2013
3-0005194	17.01.2013
3-0005195	17.01.2013
3-0005234	17.01.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO (VN)
75 Yên Ninh, quận Ba Đình, Hà Nội

---

b - Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa

Quyết định gia hạn số: 1487/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031767 (186) Gia hạn đến ngày: 19.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨNH TIẾN (VN)
39-41 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30, 42

Quyết định gia hạn số: 1488/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030275 (186) Gia hạn đến ngày: 06.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
HUNTER DOUGLAS INDUSTRIES B.V (NL)
Piekstraat 2, 3071 EL Rotterdam, the Netherlands
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06

Quyết định gia hạn số: 1489/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032073 (186) Gia hạn đến ngày: 25.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUI MIỀN NAM (VN)
321 Trần Hưng Đạo, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 1490/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030732	09.01.2018	05
4-0030733	09.01.2018	05
4-0030734	09.01.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
MORINDA, INC. (US)
333 West River Park Drive, Provo, Utah 84604, U.S.A

Quyết định gia hạn số: 1491/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030268 (186) Gia hạn đến ngày: 05.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
DUPONT TEIJIN FILMS U.S., LIMITED PARTNERSHIP (US)
Rt. 141 and Lancaster Pike, Barley Mill Plaza, Building 27, Wilmington, Delaware 19805, U.S.A
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 17

Quyết định gia hạn số: 1492/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0037380	17.11.2017	05
4-0037381	17.11.2017	29

(732) Chủ Văn bằng:
ABBOTT LABORATORIES (US)
Abbott Park, Illinois 60054 United States of America

Quyết định gia hạn số: 1494/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031663 (186) Gia hạn đến ngày: 08.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
AKZO NOBEL COATINGS INTERNATIONAL B.V. (NL)
Velperweg 76, 6824 BM Arnhem, the Netherlands
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 02

Quyết định gia hạn số: 1495/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033526 (186) Gia hạn đến ngày: 19.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
MAYTAG INTERNATIONAL, INC. (US)
403 West Fourth Street North Newton, Iowa 50208, U.S.A
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07, 11

Quyết định gia hạn số: 1496/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032090 (186) Gia hạn đến ngày: 25.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DELL INC. (US)
One Dell Way, Round Rock, Texas 78682- 2244, U.S.A
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 1497/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031185 (186) Gia hạn đến ngày: 21.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
GLENMARK PHARMACEUTICAL LIMITED (IN)
B/2, Mahalaxmi Chambers, 22 Bhulabhai Desai Road, Mumbai 400 026, India
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1498/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031153	24.03.2018	05
4-0031154	24.03.2018	05
4-0031194	24.03.2018	05
4-0031195	24.03.2018	05
4-0031210	02.04.2018	05
4-0031361	02.04.2018	05
4-0031537	02.04.2018	05
4-0031685	21.05.2018	05
4-0032875	02.04.2018	05
4-0033039	24.03.2018	05
4-0033280	07.04.2018	05
4-0034639	02.04.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SÀI GÒN (SAGOPHA) (VN)
3 Tăng Bạt Hổ, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 1499/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030886 (186) Gia hạn đến ngày: 09.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
AKTIEBOLAGET SKF (SE)
41550 Goteborg, Sweden
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07, 12

Quyết định gia hạn số: 1500/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0037460 (186) Gia hạn đến ngày: 27.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
GLAXO GROUP LIMITED (GB)
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex UB6 ONN, England
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1501/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031426 (186) Gia hạn đến ngày: 11.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
PERFETTI VAN MELLE S.P.A. (IT)
Via XXV Aprile 7, Lainate (Milano)-Italy
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 1502/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030884 (186) Gia hạn đến ngày: 07.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
INTEL CORPORATION (US)
2200 Mission College Boulevard, Santa Clara, California 95052 - 8119, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 1567/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032203 (186) Gia hạn đến ngày: 20.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH RƯỢU BẠCH MÃ (VN)
40/4A Trần Văn Mười, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 33

Quyết định gia hạn số: 1592/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0029066	20.03.2018	16
4-0029070	20.03.2018	16

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TÂY SƠN (VN)
Số 41 ngõ Thái Thịnh I, phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

Quyết định gia hạn số: 1602/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032532 (186) Gia hạn đến ngày: 29.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM (VN)
180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 1605/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031987 (186) Gia hạn đến ngày: 15.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG (VN)
Lô C23a, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06, 19

Quyết định gia hạn số: 1606/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032354 (186) Gia hạn đến ngày: 06.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ ĐÔNG HUÊ (VN)
63 Lãnh Binh Thăng, phường 12, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1607/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032486 (186) Gia hạn đến ngày: 20.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ VĨNH QUANG (VN)
197A/2 Trần Hưng Đạo, ấp thị 1, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1608/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031046 (186) Gia hạn đến ngày: 14.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
BANDO LEPORTS LTD. (KR)
409-3 Chungchun-dong Pupyung-gu, Inchon-city, Republic of Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 28

Quyết định gia hạn số: 1609/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031026 (186) Gia hạn đến ngày: 10.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
SHELL BRANDS INTERNATIONAL AG (CH)
Baarermatte, 6340 Baar, Switzerland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35, 40, 42

Quyết định gia hạn số: 1610/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033148 (186) Gia hạn đến ngày: 11.09.2018
(732) Chủ Văn bằng:
KOREA UNITED PHARM. INC. (KR)
404-10, Nojang-ri, Jeondong-Myeon, Yeongi-kun, Chungnam, Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1611/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030846 (186) Gia hạn đến ngày: 03.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
P.T. BINTANG TOEDJOE (ID)
Jl.Rawa Sumur Barat II Kav.9, Kawasan Industri Pulogadung, Jakarta Timur, Indonesia
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1612/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031296 (186) Gia hạn đến ngày: 07.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
ICHIKOH INDUSTRIES LIMITED (JP)
10-18, Higashigotanda 5-chome, Shinagawa-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11, 12

Quyết định gia hạn số: 1613/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033889 (186) Gia hạn đến ngày: 19.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
Kabushiki Kaisha Hitachi Seisakusho (d/b/a Hitachi, Ltd.) (JP)
6-6, Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 1614/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031577	29.04.2018	25
4-0032443	20.08.2018	25

(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ PHƯỚC CƠ (VN)
C19/43 ấp 3, xã Bình Trị Đông, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 1617/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030751	19.01.2018	36
4-0031941	19.01.2018	39

(732) Chủ Văn bằng:
BURLINGTON NETWORKS INC. (US)
440 Exchange Drive, Irvine, California 92602, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 1621/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032985 (186) Gia hạn đến ngày: 09.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH NGỌC (VN)
130 Lò Đúc, phường Đống Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 02

Quyết định gia hạn số: 1624/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032366 (186) Gia hạn đến ngày: 10.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE (VN)
Số 6A3, quốc lộ 60, ấp 1, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1627/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032591 (186) Gia hạn đến ngày: 15.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM VÀ BÚT BI BẾN NGHÉ (VN)
250 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16, 34

Quyết định gia hạn số: 1628/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032342 (186) Gia hạn đến ngày: 13.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ VĨNH DƯƠNG (VN)
363 Bình Đông, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh và 301F/1A-Bình Đông, phường 14, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 1629/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030847	03.01.2018	21
4-0031529	03.01.2018	21

(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ NGÔ THỤC THIÊM (VN)
36 Lô C đường số 7, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 1630/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030988 (186) Gia hạn đến ngày: 27.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 1, tỉnh Đồng Nai
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 1631/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032343 (186) Gia hạn đến ngày: 13.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
KUMIAI CHEMICAL INDUSTRY CO., LTD. (JP)
4-26, Ikenohata 1-chome, Taito-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1632/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032400 (186) Gia hạn đến ngày: 21.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÚC (VN)
Số 155 Trần Hưng Đạo, phường An Phú, TP. Cần Thơ.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1633/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032405	30.07.2018	05
4-0032406	30.07.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÚC (VN)
155 Trần Hưng Đạo, phường An Phú, TP. Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ

Quyết định gia hạn số: 1634/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031550	13.01.2018	32
4-0031551	13.01.2018	32

(732) Chủ Văn bằng:
ANHEUSER-BUSCH, INCORPORATED (US)
One Busch Place St. Louis, Missouri 63118, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 1635/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032704 (186) Gia hạn đến ngày: 31.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
NHÀ KHÁCH THẮNG LỢI (VN)
14 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 1636/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031917 (186) Gia hạn đến ngày: 02.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU - PHARMEDIC (VN)
367 Nguyễn Trãi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1637/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032159	19.06.2018	05
4-0032162	16.07.2018	05
4-0032229	07.07.2018	05
4-0032230	07.07.2018	05
4-0032237	25.07.2018	05
4-0033218	16.07.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM (VN)
27 Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

---

Quyết định gia hạn số: 1638/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033840 (186) Gia hạn đến ngày: 11.12.2018
(732) Chủ Văn bằng:
PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29, 30

Quyết định gia hạn số: 1642/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031904 (186) Gia hạn đến ngày: 10.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ ĐỒNG THÁP (VN)
59/4 quốc lộ 80, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 34

Quyết định gia hạn số: 1646/QĐ-SHTT, ngày: 28.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0029057 (186) Gia hạn đến ngày: 10.07.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÙNG THỊ (VN)
772 Nguyễn Chí Thanh, phường 04, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 1649/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031164 (186) Gia hạn đến ngày: 17.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TERUMO KABUSHIKI KAISHA (TERUMO CORPORATION) (JP)
44-1, 2-chome, Hatagaya, Shibuya-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05, 09, 10

Quyết định gia hạn số: 1651/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0046071 (186) Gia hạn đến ngày: 16.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
WOCKHARDT LIMITED (IN)
Wockhardt Towers, Bandra-Kurla Complex, Bandra East, Mumbai - 400051, India
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1654/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030192 (186) Gia hạn đến ngày: 31.10.2017
(732) Chủ Văn bằng:
1. MIDAS INTERNATIONAL CORPORATION (US)
225 North Michigan Avenue, Chicago, Illinois 60601-7601, United States of America
2. MIDAS INTERNATIONAL CORPORATION (US)
1300 Arlington Heights Road, Itasca, Illinois 60143 USA
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12, 37

Quyết định gia hạn số: 1658/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031199	07.04.2018	37
4-0031212	07.04.2018	36
4-0031213	07.04.2018	35
4-0031214	07.04.2018	12
4-0033080	07.04.2018	39

(732) Chủ Văn bằng:
GATX CORPORATION (US)
500 West Monroe Street, Chicago, IL 60661 the United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 1660/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030911	24.12.2017	01
4-0030912	24.12.2017	01, 17

(732) Chủ Văn bằng:
HYUNDAI PETROCHEMICAL CO., LTD. (KR)
679, Daejuk-Ri, Daesan-Eup, Sosan-Si, Chungchongnam-Do, the Republic of Korea
2. SEETEC CO., LTD. (KR)
679, Daejuk-Ri, Daesan-Eup, Sosan-Si, Chungchongnam-Do, the Republic of Korea

---

Quyết định gia hạn số: 1662/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031112 (186) Gia hạn đến ngày: 25.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
Orion Corporation (KR)
30-10 Munbae-Dong, Yongsan-Ku, Seoul, Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 1753/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031623 (186) Gia hạn đến ngày: 15.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
PERFETTI VAN MELLE S.P.A. (IT)
Via XXV Aprile 7, Lainate (Milano) - Italy
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 1754/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032129 (186) Gia hạn đến ngày: 13.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ CẨM KÝ (VN)
Số 91 Trần Hưng Đạo, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 1755/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030777 (186) Gia hạn đến ngày: 06.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
LOTTE CO., LTD. (JP)
3-20-1, Nishi-shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 42

Quyết định gia hạn số: 1756/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033752 (186) Gia hạn đến ngày: 08.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
SMITHKLINE BEECHAM CORPORATION (US)
One Franklin Plaza, 200 North 16th Street, Philadelphia, Pennsylvania, 19102 United States
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1757/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031562 (186) Gia hạn đến ngày: 11.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH VINA CHANG TAI (VN)
Khu C ấp Đông An, xã Tân Đông Hiệp, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 1758/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032815 (186) Gia hạn đến ngày: 11.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)
08A quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 34

Quyết định gia hạn số: 1759/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032133 (186) Gia hạn đến ngày: 12.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẾ BIẾN DỊCH VỤ TÂN THUẬN PHONG (VN)
19/32 Tân Kỳ Tân Quý, xã Bình Hưng Hoà, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 1760/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031029	12.01.2018	09, 16, 36
4-0031030	12.01.2018	09, 16, 36
4-0031031	12.01.2018	09, 16, 36

(732) Chủ Văn bằng:
THE MANUFACTURERS LIFE INSURANCE COMPANY (CA)
200 Bloor Street East, NT-10, Toronto, Ontario M4W 1E5, Canada

---

Quyết định gia hạn số: 1781/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030839 (186) Gia hạn đến ngày: 19.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
HUANG CHENG LAO MA FOOD & ENTERTAINMENT CO., LTD. (CN)
Fl. 2, No. 55 Dongchenggen Upper St., Chengdu, P.R. China
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 1802/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0029495	23.08.2017	03, 05
4-0029496	23.08.2017	05

(732) Chủ Văn bằng:
BLACKMORES LIMITED (AU)
23 Roseberry Street, Balgowlah, New South Wales, 2093, Australia

---

Quyết định gia hạn số: 1803/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030700 (186) Gia hạn đến ngày: 05.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
KETTLE FOODS, INC. (US)
P.O. Box 664, Salem, Oregon 97308-0664, U.S.A
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 1804/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031626 (186) Gia hạn đến ngày: 27.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM-SINGAPORE (VIETNAM SINGAPORE INDUSTRIAL PARK JV.CO., LTD.) (VN)
Huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 36, 37, 39, 42

Quyết định gia hạn số: 1805/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030809 (186) Gia hạn đến ngày: 13.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 1, tỉnh Đồng Nai
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 1806/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031071 (186) Gia hạn đến ngày: 14.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH COSMOS KNITTING INTERNATIONAL (COSMOS KNITTING INTERNATIONAL CO., LTD.) (VN)
Lô D11, D12 khu công nghiệp Việt Hương, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 17, 26

Quyết định gia hạn số: 1812/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031383 (186) Gia hạn đến ngày: 09.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ ĐIỆN (VN)
Đường số 9, khu công nghiệp Biên Hoà I, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07, 09

Quyết định gia hạn số: 1813/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0028789	21.06.2017	03
4-0028790	21.06.2017	03
4-0028976	05.07.2017	03
4-0031001	21.11.2017	40, 42

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN (VN)
930 khu công nghiệp Cát Lái cụm II, Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 1819/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032800 (186) Gia hạn đến ngày: 19.09.2018
(732) Chủ Văn bằng:
J.C. PENNEY Corporation, Inc. (US)
6501 Legacy Dr, Plano, Texas 75024-3698 U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 1823/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031673 (186) Gia hạn đến ngày: 09.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH GIA BẢO (VN)
Km 48, quốc lộ 5, xã Việt Hoà, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 1830/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0029678 (186) Gia hạn đến ngày: 27.08.2017
(732) Chủ Văn bằng:
GOLD ROAST FOOD INDUSTRY PTE. LTD. (SG)
14 Woodlands Link, Singapore 738739
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 1836/QĐ-SHTT, ngày: 29.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030520 (186) Gia hạn đến ngày: 08.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
AMGEN INC. (US)
One Amgen Center Drive, Thousand Oaks, California 91320-1799, USA
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1921/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0029304 (186) Gia hạn đến ngày: 16.07.2017
(732) Chủ Văn bằng:
DIAGEO BRANDS B.V. (NL)
Molenwerf 10-12, 1014 BG Amsterdam, The Netherlands.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 33

Quyết định gia hạn số: 1926/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031067 (186) Gia hạn đến ngày: 03.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TEN. ARROWS CO., LTD. (JP)
7-1, Minatojima Naka-machi 7-chome, Chuo-ku, Kobe-shi, Hyogo-ken, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 1927/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031557 (186) Gia hạn đến ngày: 21.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
SIAM FIBERGLASS CO., LTD. (TH)
39 Moo 9, Nong Plakradi Road, Nong Pling Sub-District, Nong Khae District, Saruburi, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 17

Quyết định gia hạn số: 1928/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030861 (186) Gia hạn đến ngày: 03.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
PLAYBOY ENTERPRISES INTERNATIONAL, INC. (US)
680 North Lake Shore Drive, Chicago, Illinois 60611, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 24

Quyết định gia hạn số: 1929/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032485 (186) Gia hạn đến ngày: 24.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIỆT NAM (VN)
126A Trần Quốc Thảo, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35

Quyết định gia hạn số: 1930/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032015 (186) Gia hạn đến ngày: 04.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DFS GROUP L.P. (US)
2255 Kuhio Avenue, 18th Floor, Honolulu, Hawaii, 96815 U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 1931/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030894 (186) Gia hạn đến ngày: 06.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 1932/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032980 (186) Gia hạn đến ngày: 30.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
GOLDEN WISDOM CO., LTD. (TW)
3F-18, No. 61, Sec. 3, Hsin - Sheng N. Road, Taipei, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 1933/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032981 (186) Gia hạn đến ngày: 30.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
GOLDEN WISDOM CO., LTD. (TW)
3F-18, No. 61, Sec. 3, Hsin - Sheng N. Road, Taipei, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 1934/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032219 (186) Gia hạn đến ngày: 13.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
PO WO TONG MEDICINE FACTORY LIMITED (HK)
Flat B14, 11/F., Kailey Industrial Centre, 12 Fung Yip Street, Chai Wan, Hong Kong
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1935/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031129 (186) Gia hạn đến ngày: 18.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
OFFICINE MACCAFERRI S.P.A. (IT)
Bologna (Italy) Via Agresti n.6
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 19

Quyết định gia hạn số: 1936/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0039911 (186) Gia hạn đến ngày: 07.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
U.S. BORAX INC. (US)
26877 Tourney Road Valencia, California 91355-1847, U.S.A
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01, 02, 05

Quyết định gia hạn số: 1937/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030948 (186) Gia hạn đến ngày: 18.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TOSHIBA LIGHTING & TECHNOLOGY CORPORATION (JP)
3-1, Higashishinagawa 4-chome, Shinagawa-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 1938/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0055124 (186) Gia hạn đến ngày: 11.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
PRANDA JEWELRY PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
No. 28, Soi Bang Na-Trad 28, Bang Na Sub-District, Bang Na District, Bangkok Metropolis, Thailand.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 14, 25

Quyết định gia hạn số: 1939/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031457 (186) Gia hạn đến ngày: 18.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
Pennzoil-Quaker State Company (US)
700 Milam, Houston, Texas 77002, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 1940/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030895 (186) Gia hạn đến ngày: 10.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ (INTERFOOD) (VN)
Lô 13, khu công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29, 30, 32

Quyết định gia hạn số: 1941/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032377 (186) Gia hạn đến ngày: 23.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DISNEY ENTERPRISE, INC. (US)
500 South Buena, Vista Street, Burbank, California 91521, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03, 09, 14, 16, 18, 21, 24, 25, 28, 29, 30

Quyết định gia hạn số: 1942/QĐ-SHTT, ngày: 30.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0029540	02.04.2018	05
4-0030763	14.01.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANPHACO (VN)
73 Yên Ninh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Quyết định gia hạn số: 2008/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0000896	03.03.2018	05
4-0000905	03.03.2018	05
4-0000906	03.03.2018	05
4-0000908	03.03.2018	05
4-0000945	11.03.2018	05
4-0031265	24.04.2018	05
4-0031266	24.04.2018	05
4-0031267	24.04.2018	05
4-0031728	13.05.2018	01, 03, 05, 09, 16, 21, 29, 30, 32, 41, 42
4-0032196	16.06.2018	05
4-0032247	26.02.2018	05
4-0032254	19.06.2018	05
4-0039310	26.05.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
SMITHKLINE BEECHAM P.L.C. (GB)
980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS, England

Quyết định gia hạn số: 2018/QĐ-SHTT, ngày: 31.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032215 (186) Gia hạn đến ngày: 06.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ QUỲNH (VN)
220 Bis Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35

Quyết định gia hạn số: 2085/QĐ-SHTT, ngày: 04.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032382 (186) Gia hạn đến ngày: 05.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
Saint-Gobain Technical Fabrics Canada, Ltd. (CA)
201 Hugel Ave., Midland, Ontario, L4R4G1 CANADA
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 17

Quyết định gia hạn số: 2188/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031868 (186) Gia hạn đến ngày: 09.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
NATIONAL STARCH AND CHEMICAL INVESTMENT HOLDING CORPORATION (US)
1000 Uniqema Boulevard, New Castle, Delaware 19720, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05, 30

Quyết định gia hạn số: 2191/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032212 (186) Gia hạn đến ngày: 22.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯNHÂN GIẦY Á CHÂU (VN)
567/K35J Nguyễn Tri Phương, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 2192/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0043392	12.06.2018	05
4-0043393	12.06.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
ALLERGAN, INC. (US)
2525 Dupont Drive, Irvine, California 92612, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 2193/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032056	17.07.2018	34
4-0032718	08.06.2018	34
4-0032719	08.06.2018	34
4-0032720	08.06.2018	34
4-0032930	16.10.2018	34

(732) Chủ Văn bằng:
DUNHILL TOBACCO OF LONDON LIMITED (GB)
1A St. James's Street, London SW1A 1EF, United Kingdom

Quyết định gia hạn số: 2194/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031882	24.01.2018	34
4-0032745	19.09.2018	34

(732) Chủ Văn bằng:
ROTHMANS OF PALL MALL LIMITED (CH)
Zaehlerweg 4, 6300 Zug, Switzerland

Quyết định gia hạn số: 2195/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030766	24.01.2018	34
4-0030767	24.01.2018	34
4-0030768	24.01.2018	34
4-0030769	24.01.2018	34
4-0030873	02.03.2018	34
4-0030874	02.03.2018	34
4-0030875	02.03.2018	34
4-0030876	02.03.2018	34
4-0030877	02.03.2018	34
4-0032744	19.09.2018	34

(732) Chủ Văn bằng:
AMERICAN - CIGARETTE COMPANY (OVERSEAS) LIMITED (CH)
Zaehlerweg 4, 6300 Zug, Switzerland

Quyết định gia hạn số: 2204/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030947 (186) Gia hạn đến ngày: 18.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
SEIKO KABUSHIKI KAISHA (Trading as SEIKO CORPORATION) (JP)
5-11 Ginza 4-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 14

Quyết định gia hạn số: 2205/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031639 (186) Gia hạn đến ngày: 27.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
AKZO NOBEL COATING INTERNATIONAL B.V. (NL)
Velperweg 76, 6824 BM Arnhem, the Netherlands
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 02

Quyết định gia hạn số: 2206/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0001067 (186) Gia hạn đến ngày: 15.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (ALSO TRADING AS TOYOTA MOTOR CORPORATION) (JP)
1, Toyota-cho, Toyota-shi, Aichi-ken, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 2208/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0028250 (186) Gia hạn đến ngày: 29.04.2017
(732) Chủ Văn bằng:
Pharmastra AG (SE)
Gewerbestrasse 12, CH-8132 EGG/ZH, Switzerland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 2210/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031583	21.07.2018	24
4-0031584	21.07.2018	24

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THÁI TUẤN (VN)
1/148 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 2236/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0040034 (186) Gia hạn đến ngày: 03.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
KT & G CORPORATION (KR)
100, Pyeongchon-dong, Daedeok-gu, Daejeon, Republic of Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 34

Quyết định gia hạn số: 2244/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0027187	05.08.2017	05
4-0029743	05.08.2017	05
4-0030007	05.08.2017	05

(732) Chủ Văn bằng:
RAPTAKOS, BRETT & CO., LTD. (IN)
Dr. Annie Besant Road, Worli, Mumbai-400 025, India

Quyết định gia hạn số: 2245/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032592 (186) Gia hạn đến ngày: 30.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
LIH LOONG ELECTRONIC CO., LTD. (TW)
No.118, Hai Bin Rd., Chingshui Cheng, Taichung, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07

Quyết định gia hạn số: 2246/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032434 (186) Gia hạn đến ngày: 27.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
EVEREADY BATTERY COMPANY, INC. (US)
533 Maryville University Drive, St. Louis, Missouri 63141, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 2247/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032232	13.07.2018	02
4-0032233	13.07.2018	02

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH NIPPON PAINT (VIỆT NAM) (VN)
Lô 33 khu công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

---

Quyết định gia hạn số: 2248/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031244	26.02.2018	05
4-0031246	26.02.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
ETHYPHARM, SOCIETE ANONYME (FR)
21 rue Saint Matthieu, 78550 Houdan, France

Quyết định gia hạn số: 2249/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031016 (186) Gia hạn đến ngày: 14.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
IMPERIAL CHEMICAL INDUSTRIES PLC (GB)
20 Manchester Square, London, W1U 3AN, United Kingdom
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 2250/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033443 (186) Gia hạn đến ngày: 20.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DIAGEO NORTH AMERICA, INC. (US)
801 Main Avenue, Norwalk CT 06851-1127, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 33

Quyết định gia hạn số: 2251/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031083	16.02.2018	30
4-0039066	16.02.2018	30

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU (VN)
Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định gia hạn số: 2252/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032380 (186) Gia hạn đến ngày: 03.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TAISHO PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)
24-1, Takata 3-chome, Toshima - ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 32

Quyết định gia hạn số: 2253/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031242	17.02.2018	21
4-0031452	17.02.2018	03, 05, 21

(732) Chủ Văn bằng:
SHISEIDO COMPANY LTD. (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-10, Japan

Quyết định gia hạn số: 2254/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031648 (186) Gia hạn đến ngày: 13.05.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT (VN)
89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 2255/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031975 (186) Gia hạn đến ngày: 27.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
LUCKY FLAME CO., LTD. (TH)
61/1 Moo 12, Kingkaew Rd., Rajatava, Bangplee, Samuthprakarn 10540, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 2256/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033938 (186) Gia hạn đến ngày: 16.12.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ T & T (VN)
63 Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 37

Quyết định gia hạn số: 2257/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033351 (186) Gia hạn đến ngày: 18.11.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI KIM (VN)
06 Thân Nhân Trung, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 2258/QĐ-SHTT, ngày: 13.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032385 (186) Gia hạn đến ngày: 06.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
PEAK INTERNATIONAL LIMITED (BM)
C/O Conyers, Dill & Pearman, Clarendon House, 2 Church Street, Hamilton, Bermuda HM CX
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 20

Quyết định gia hạn số: 2340/QĐ-SHTT, ngày: 14.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031163 (186) Gia hạn đến ngày: 16.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRẦN NHI (VN)
Số K63, đường số 6B, khu định cư Bình Hưng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 2448/QĐ-SHTT, ngày: 15.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030087 (186) Gia hạn đến ngày: 14.10.2017
(732) Chủ Văn bằng:
TAULELL, S.A. (ES)
Partida Benadresa, Cuadra La Torta, s/n 12006 Castellon, Spain
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 19

Quyết định gia hạn số: 2558/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031358	28.02.2018	26
4-0032611	03.03.2018	03, 17, 26, 35, 37, 42
4-0032612	03.03.2018	17, 26
4-0035394	03.03.2018	17, 26

(732) Chủ Văn bằng:
Aderans Holdings Co., Ltd. (JP)
1-6-3, Shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 2561/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032373 (186) Gia hạn đến ngày: 14.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
PALLAS INTERNATIONAL (FAR EAST) PTE. LTD. (SG)
Robinson Road Post Office, PO Box 2861, Singapore 904861
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 2563/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032858 (186) Gia hạn đến ngày: 24.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI QUANG ĐIỆN (VN)
172 Bùi Thị Trường, khóm 4, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 2564/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033262 (186) Gia hạn đến ngày: 16.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG LỢI (VN)
Lô số 8, đường số 4, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 2565/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031883	26.02.2018	05
4-0032226	26.02.2018	05
4-0034680	26.02.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ SONG LONG (VN)
307B Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 2566/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033159 (186) Gia hạn đến ngày: 24.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ PHƯỚC ÂM (VN)
189 Lê Đại Hành, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 2567/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033391 (186) Gia hạn đến ngày: 19.10.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT VIỆT THỐNG NHẤT (VN)
ấp Bình Tiên II, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 2568/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031435 (186) Gia hạn đến ngày: 10.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
ATLAS COPCO AKTIEBOLAG (SE)
S-105 23 Stockholm, Sweden
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07

Quyết định gia hạn số: 2569/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032483 (186) Gia hạn đến ngày: 23.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER - BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 2570/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032395 (186) Gia hạn đến ngày: 12.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
WOLFF WALSRODE AG (DE)
Walsrode, Federal Republic of Germany
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 2571/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032841	15.09.2018	02
4-0032842	15.09.2018	02
4-0032843	15.09.2018	02
4-0032844	15.09.2018	02
4-0035132	15.09.2018	19

(732) Chủ Văn bằng:
TERRACO HOLDING LTD. (CY)
P.O.Box 4092 Limassol Cyprus

Quyết định gia hạn số: 2572/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032884 (186) Gia hạn đến ngày: 28.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ SÀI GÒN MỸ NGÂN (VN)
9/C3 Ni Sư Quỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 2573/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0001068 (186) Gia hạn đến ngày: 15.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (ALSO TRADING AS Toyota CORPORATION) (JP)
1,Toyota-cho, Toyota-shi, Aichi-ken, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 2574/QĐ-SHTT, ngày: 18.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0001015 (186) Gia hạn đến ngày: 08.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI (VN)
Đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 2697/QĐ-SHTT, ngày: 19.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033210 (186) Gia hạn đến ngày: 17.11.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HOÀNG NHUNG (VN)
G27 Bàu Cát 1, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30, 35

Quyết định gia hạn số: 2698/QĐ-SHTT, ngày: 19.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0000958 (186) Gia hạn đến ngày: 15.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
YKK CORPORATION (JP)
I.Kanda Izumi-cho, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 26

Quyết định gia hạn số: 2720/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034534 (186) Gia hạn đến ngày: 16.09.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHAN NGỌC (VN)
Số 78 đường Đoàn Thị Nghiệp, khu 2, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 14

Quyết định gia hạn số: 2721/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030917 (186) Gia hạn đến ngày: 09.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CASINO GUICHARD PERRACHON (FR)
1 Esplanade de Frace 42000 SAINT ETIENNE, France
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 2722/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0000971 (186) Gia hạn đến ngày: 14.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ KIỀN KHÔN (VN)
115/84 đường Lò Siêu, Phường 8, Quận 11, TP Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 2723/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031196	28.03.2018	21
4-0031197	28.03.2018	03
4-0031198	28.03.2018	03
4-0032429	07.03.2018	03
4-0033459	04.02.2018	03
4-0035653	22.04.2018	21
4-0038164	09.05.2018	03

(732) Chủ Văn bằng:
COLGATE - PALMOLIVE COMPANY (US)
300 Park Avenue, New York, New York, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 2726/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032923 (186) Gia hạn đến ngày: 09.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
XILINX INC. (US)
2100 Logic Drive, San Jose, California 95124, USA
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 2749/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0034504	08.04.2018	01, 03, 06, 16, 19, 22, 35, 42
4-0036196	03.01.2018	01, 03, 16, 22, 35, 42

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DASO (VN)
Quốc lộ 13, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Quyết định gia hạn số: 2771/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032167 (186) Gia hạn đến ngày: 30.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KIM HỒNG (VN)
Chợ Giồng Keo, ấp Tân Thạnh, xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 14

Quyết định gia hạn số: 2835/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032075	17.07.2018	05
4-0032076	17.07.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
LEO PHARMACEUTICAL PRODUCTS LTD. A/S (LOVENS KEMISKE FABRIK PRODUKTIONSAKTIESELSKAB) (DK)
Industriparken 55, 2750 Ballerup, Denmark

Quyết định gia hạn số: 2838/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031773 (186) Gia hạn đến ngày: 28.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI GIÀY DÉP ĐÔ BA (VN)
563 đường 3/2, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 39, 42

Quyết định gia hạn số: 2841/QĐ-SHTT, ngày: 20.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033298 (186) Gia hạn đến ngày: 12.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VINA PHÁT (VN)
58 Trương Đình Hội, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 2911/QĐ-SHTT, ngày: 21.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030771 (186) Gia hạn đến ngày: 24.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
AGOURON PHARMACEUTICALS, INC. (US)
10777 Science Center Drive, San Diego, California, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 2912/QĐ-SHTT, ngày: 21.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0025884 (186) Gia hạn đến ngày: 20.09.2016
(732) Chủ Văn bằng:
DAEWOO MOTOR CO., LTD. (KR)
199 Cheongcheon-dong, Bupyung-ku, Incheon, Republic of Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 2948/QĐ-SHTT, ngày: 22.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030772 (186) Gia hạn đến ngày: 26.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
HOME MARK CO., LTD. (TW)
No. 5, Lane 25, Hsin Yi Rd., Tou Nan Chen, Yun Lin Hsien, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 2950/QĐ-SHTT, ngày: 22.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031277	17.02.2018	16
4-0031279	17.02.2018	05
4-0033833	17.02.2018	16

(732) Chủ Văn bằng:
DAIO PAPER CORPORATION (JP)
2-60, Mishimakamiya-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime, Japan

III - ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

Theo Quyết định số 137/QĐ-SHTT, ngày 13 tháng 02 năm 2007

- Đình chỉ một phần hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số: 604935A, bảo hộ nhãn hiệu : "Fresh Breeze", đối với các sản phẩm thuộc nhóm 03 theo đề nghị của Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự.

  Chủ sở hữu :

  CÔNG TY JACECK KOSTECKI
  25a, UI. Krolewieza Jakuba, WARSAW (PL), PL-02-956 National of PL

Theo Quyết định số 219/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 03 năm 2007

- Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 31854, bảo hộ nhãn hiệu : "BANG BANG", đối với sản phẩm "Kẹo cao su, kẹo cao su có thể thổi bong bóng, đường phèn, mứt" thuộc nhóm 30 theo đề nghị của Công ty Vision & Associates.

  Chủ sở hữu :

  CÔNG TY GROWSEED AKTIENGESELLSCHAFT (LI)

  Aeulestrasse 5, LI-9490 Vaduz, Liechtenstein

Theo Quyết định số 221/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 03 năm 2007

- Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 24293, bảo hộ nhãn hiệu : "ANGELO", đối với sản phẩm "Hàng may công nghiệp; quần áo" thuộc nhóm 25 theo đề nghị của Công ty Vision & Associates.

  Chủ sở hữu :

  DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAY PHÙNG HOÀNG (VN)

  159C Đề Thám, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Theo Quyết định số 222/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 03 năm 2007

- Đình chỉ một phần hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số: 451272, bảo hộ nhãn hiệu : "bambi BELVIT", đối với các sản phẩm "bánh bích quy" thuộc nhóm 30 theo đề nghị của Công ty P&TB

  Chủ sở hữu :

  Holding kombani'ja "BAMBI" D.P za proizvodnju prehrambenih proizvoda
  Djure Djakovica bb YU-12000 Pozarevac (YU)

Theo Quyết định số 223/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 03 năm 2007

- Đình chỉ một phần hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số: 286919, bảo hộ nhãn hiệu : "Kaskol, hình", đối với các sản phẩm thuộc nhóm 32 theo đề nghị của Công ty CONCETTI.

  Chủ sở hữu :

  CÔNG TY INTERNATIONAL KAS AG

  Herrengasse 12 FL-9490 VADUZ (LI)

Theo Quyết định số 224/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 03 năm 2007

- Đình chỉ một phần hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số: 660843, bảo hộ nhãn hiệu : "JOJO'S", đối với các sản phẩm thuộc nhóm 30 theo đề nghị của Công ty TNHH AMBYS

  Chủ sở hữu :

  CÔNG TY TF1 ENTREPRISES, Socie'te' Anonyme

  305 Avenue le Jour se leve, F-92100 BOULOGNE (FR)

Theo Quyết định số 225/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 03 năm 2007

- Đình chỉ hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số 566606, bảo hộ nhãn hiệu : "Clinil", đối với các sản phẩm thuộc nhóm 03 theo đề nghị của Công ty Vision & Associates.

  Chủ sở hữu :

  HENKEL KgaA

  67, Henkelstrasse, D40191 DÜSSELDORF (DE)

Theo Quyết định số 249/QĐ-SHTT, ngày 09 tháng 04 năm 2007

- Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 33908, bảo hộ nhãn hiệu : "BANG BANG", đối với sản phẩm "Kẹo cao su, kẹo cao su có thể thổi bong bóng, kẹo mềm, kem caramen, mứt" thuộc nhóm 30 theo đề nghị của Công ty Vision & Associates.

  Chủ sở hữu :

  CÔNG TY GROWSEED AKTIENGESELLSCHAFT (LI)

  Aeulestrasse 5, LI-9490 Vaduz, Liechtenstein

Theo Quyết định số 263/QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 04 năm 2007

- Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 21399, bảo hộ nhãn hiệu : "Nature's Plus, hình", đối với các dịch vụ "Chất và thức ăn kiêng, thành phần bổ sung cho chất dinh dưỡng, vitamin protein" thuộc nhóm 05 theo đề nghị của Công ty Vision & Associates..

  Chủ sở hữu :

  NATURE'S BEST CORP
  1F, 9, Alley 27, Lane 216, Chung Hsiao E.RD., Sec.4, Taipei, Taiwan

---

Theo Quyết định số 264/QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 04 năm 2007

- Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 18914, bảo hộ nhãn hiệu : "ELEN", đối với các sản phẩm "Các loại thuốc chữa bệnh" thuộc nhóm 05 theo đề nghị của Công ty Vision & Associates..

  Chủ sở hữu :

  YAMANOUCHI PHARMACEUTICAL CO., LTD
  3-11, NIHONBASHI-HONCHO 2-CHOME, CHUO-KU, TOKYO, Japan

Theo Quyết định số 266/QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 04 năm 2007

- Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 12529, bảo hộ nhãn hiệu : "TETRAVET", đối với các sản phẩm " thuốc thú y" thuộc nhóm 05 theo đề nghị của Công ty Vision & Associates..

  Chủ sở hữu :

  SANOFI SANTE NUTRITION ANIMALE
  Zone Industrielle de la Ballastiere F-33500 Libourne (France)

Theo Quyết định số 267/QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 04 năm 2007

- Đình chỉ một phần hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số 609598, bảo hộ nhãn hiệu : "BELLVITA", đối với các sản phẩm thuộc nhóm 05. theo đề nghị của Công ty P&TB

  Chủ sở hữu :

  CÔNG TY BELLMIRA COSMETIC GMBH

  33, Otto-Schott-Strasse, D-97877 WERTHEIM (DE)

Theo Quyết định số 268/QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 04 năm 2007

- Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 16576, bảo hộ nhãn hiệu : "THIÊN ÂN, hình", đối với các sản phẩm " thuốc thú y" thuộc nhóm 20 theo đề nghị của Công ty VIPCO.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY TNHH THỦ CÔNG MỸ NGHỆ THIÊN ÂN
319/9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, TP Hồ Chí Minh

---

Theo Quyết định số 269/QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 04 năm 2007

Đình chỉ hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số 749201, bảo hộ nhãn hiệu "CLINETTEN", đối với các sản phẩm thuộc nhóm 01 và 03 theo đề nghị của Công ty Vision & Associates.

Chủ sở hữu :

HENKEL KgaA

D40191 DÜSSELDORF (DE)

Theo Quyết định số 270/QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 04 năm 2007

Đình chỉ hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số: 686084, bảo hộ nhãn hiệu : "CLINETTES" đối với các sản phẩm thuộc nhóm 01 và 03 theo đề nghị của Công ty Vision & Associates.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY HENKEL KgaA
Henkelstrasse 67, D-40191 Dusseldorf (DE)

Theo Quyết định số 285/QĐ-SHTT, ngày 19 tháng 04 năm 2007

Đình chỉ một phần hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số 663961, bảo hộ nhãn hiệu "NEWSTAR" đối với các sản phẩm thuộc nhóm 11 theo đề nghị của Công ty Vision & Associates.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY FRANCISCO BELTRAN BORRAS

C./LEPANTO, 15 BAJO, E-12006 CASTELLON (ES)

Theo Quyết định số 286/QĐ-SHTT, ngày 19 tháng 04 năm 2007

Đình chỉ một phần hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số 284330, bảo hộ nhãn hiệu "ARIEL" đối với các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đề nghị của Công ty WINCO.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY PROCTER & GAMBLE INTERNATIONAL OPERATIONS SA

47, route de Saint Georges CH-1213 Petit-lancy (CH)

Theo Quyết định số 330/QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 05 năm 2007

- Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số: 23947 bảo hộ nhãn hiệu : "WOOD LOCK", đối với các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đề nghị của Công ty Sở hữu trí tuệ INVENCO

Chủ sở hữu :

CÔNG TY CHINA MEDICAL CENTRE

Flat A, 1/F., 152A Prince Edward Road, Mongkok, Kowloon, Hong Kong

---

Theo Quyết định số 405/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 06 năm 2007

Đình chỉ hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số 536670, bảo hộ nhãn hiệu "BERMAN 'S" đối với sản phẩm thuộc nhóm 03, 09, 14, 18, 25 và 28 theo đề nghị của Công ty P&TB

Chủ sở hữu :

CÔNG GILMAR S.P.A

723/725, via Malpasso, I-47048 SAN GIOVANNI IN MARIGNANO (IT)

Theo Quyết định số 406/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 06 năm 2007

- Đình chỉ hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số: 515998, bảo hộ nhãn hiệu : "TESS" đối với các sản phẩm thuộc nhóm 03 theo đề nghị của Công ty INVENCO.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY ANTONIO PUIG, S.A
9, travesera de Gracia, E-08021 BARCELONA (ES)

Theo Quyết định số 407/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 06 năm 2007

Đình chỉ một phần hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá số: 198403, bảo hộ nhãn hiệu : "VITAPLEX" đối với các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đề nghị của Công ty WINCO.

Chủ sở hữu :

CHINOIN GYÓGYSZER ÉS VEGYÉSZETI TERMÉKEK GYÁRA R.T

1-5, Tó u., H-1045 BUDAPEST (HU)

Theo Quyết định số 408/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 06 năm 2007

Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số: 13333, bảo hộ nhãn hiệu : "SHRIRAM" đối với các sản phẩm thuộc nhóm 07 theo đề nghị của Công ty VIPCO.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY CHINAR TRUST

C-37, Connaught Place, New Delhi 110001, India

Theo Quyết định số 409/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 06 năm 2007

Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số: 13334, bảo hộ nhãn hiệu : "USHA SHRIRAM" đối với các sản phẩm thuộc nhóm 09 theo đề nghị của Công ty VIPCO.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY CHINAR TRUST

C-37, Connaught Place, New Delhi 110001, India

Theo Quyết định số 410/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 06 năm 2007

Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số: 13335, bảo hộ nhãn hiệu : "USHA SHRIRAM" đối với các sản phẩm thuộc nhóm 11 theo đề nghị của Công ty VIPCO.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY CHINAR TRUST

C-37, Connaught Place, New Delhi 110001, India

IV - HUỶ BỎ HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

Theo Quyết định số 233/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 02 năm 2008

Hủy bỏ Quyết định số 4852/QĐ-SHTT ngày 24.04.2007veef việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 81460.

Theo Quyết định số 220/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 03 năm 2007

Hủy bỏ một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 35539, bảo hộ nhãn hiệu: "HANSON" đối với phần hình "chú bé" theo đề nghị của Công ty INVESTCONSULT.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VĂN PHÒNG PHẨM THƯƠNG MẠI HÁN SƠN
1549/1-3 đường 3/2, phường 16, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Theo Quyết định số 238/QĐ-SHTT, ngày 30 tháng 03 năm 2007

Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 46338, bảo hộ nhãn hiệu: "KELPAK" cho sản phẩm nhóm 01 (phân bón).

Chủ sở hữu :

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC BẢO
70B 15 Bùi Đình Túy, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

---

Theo Quyết định số 265/QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 04 năm 2007

- Hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 37730, bảo hộ nhãn hiệu "FBT, hình", cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 và 28 theo đề nghị của Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY TNHH ĐỘNG LỰC
Phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội.

Theo Quyết định số 284/QĐ-SHTT, ngày 19 tháng 04 năm 2007

Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 43565, bảo hộ nhãn hiệu "GUO HAO, hình" đối với sản phẩm "Giống cây lương thực" thuộc nhóm 31.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT HOA
109-C9B phố Hoàng Ngọc Phách, Nam Thành Công, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

Theo Quyết định số 411/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 06 năm 2007

Hủy bỏ một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 68405, bảo hộ nhãn hiệu "SGS, SAI GON SEA STAR. CO., hình" đối với phần chử "SGS" theo đề nghị của Công ty Sở hữu công nghiệp INVESTIP.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI-THƯƠNG MẠI NGÔI SAO SÀI GÒN

42/37 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định số 412/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 06 năm 2007

Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 55267, bảo hộ nhãn hiệu "EARTHCARE" đối với các sản phẩm "phân bón" thuộc nhóm 01 theo đề nghị của Công ty VCCI-IP và ông Phan Văn Lợi.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY TNHH ĐẠT NÔNG
67 Phạm Đình Hổ, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định số 413/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 06 năm 2007

Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 54002, bảo hộ nhãn hiệu : "DM, hình" đối với sản phẩm"hàng may mặc(quần, áo, mũ, nón)" thuộc nhóm 25 theo đề nghị của Công ty Sở hữu công nghiệp INVESTIP..

Chủ sở hữu :

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY THANH PHÚ
20B/97 đường 3-2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định số 414/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 6 năm 2007

Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số: 61986, bảo hộ nhãn hiệu : "LaLỉba, hình" đối với phần "băng vệ sinh" thuộc nhóm 05 và dịch vụ "mua bán băng vệ sinh, tã lót" thuộc nhóm 35 theo đề nghị của Công ty Freshview.

Chủ sở hữu :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ VIỆT ÚC

6B tổ 73, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

---

Theo Quyết định số 415/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 6 năm 2007

Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số: 57644, bảo hộ nhãn hiệu : "RANNY, hình" đối với các dịch vụ " lắp ráp bếp ga, lò sưởi, bình nước nóng, van điều áp khí ga" thộc nhóm 37 và " Sản xất thiết bị phụ tùng bếp ga, lò sưởi, bình nước nóng, van điều áp khí gas" thuộc nhóm 40 theo đề nghị của Công ty INVESTIP.

Chủ sở hữu : `-

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH
Số nhà 26A, ngõ 667, phố Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

---

V- CHẤM DỨT HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

Chấm dứt hiêu lực Giấy chứng nhân đăng ký nhãn hiêu hàng hóa

Theo Quyết định số 94/ QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 01 năm 2008

Chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 53256 cấp ngày 08.03.2004 kể từ ngày 12/12/2007.

Theo Quyết định số 95/ QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 01 năm 2008

Chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 70025 cấp ngày 10.02.2006 kể từ ngày 10/12/2007.

Theo Quyết định số 96/ QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 01 năm 2008

Chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 70012 cấp ngày 10.02.2006 kể từ ngày 10/12/2007.

PHẦN VII

CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

I . CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3206/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 36/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 27/10/2007.

Bên chuyển nhượng: CƠ SỞ HIỆP PHÁT (VN)
144 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HÙNG HIỆP HƯNG (VN)
87/7 Tô Hiệu, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	7 SEVEN FOX, hình	37010	02/05/2001	27/12/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3207/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 37/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao.

Ngày ký: 31/12/2006.

Bên chuyển nhượng: REEBOK SPORTS LIMITED (GB)
Moor Lane Mill, Lancaster LA1 1GF, England, United Kingdom.

Bên được chuyển nhượng: REEBOK INTERNATIONAL LIMITED (GB)
Moor Lane Mill, Lancaster LA1 1GF, England, United Kingdom.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu 14 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo 14 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Hình	564	26/11/1986	12/07/2016
2	REEBOK	565	26/11/1986	12/07/2016
3	Hình	4398	18/02/1992	20/08/2011
4	Hình	4399	18/02/1992	20/08/2011
5	J.W. FOSTER	11652	25/04/1994	19/06/2013
6	BOKS	11653	25/04/1994	19/06/2013
7	Hình	11655	25/04/1994	19/06/2013
8	REEBOK	16279	06/04/1995	19/06/2013
9	WEEBOK	16280	06/04/1995	19/06/2013
10	STEP REEBOK	16281	06/04/1995	19/06/2013
11	REEBOK DMX	29964	05/03/1999	29/09/2017
12	Hình	32772	07/12/1999	08/10/2017
13	REEBOK	32773	07/12/1999	08/10/2017
14	Hình	35312	02/11/2000	16/11/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3208/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 38/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 26/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NISSEI ELECTRIC VIỆT NAM (VN)**
Khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung, ấp 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **NISSEI ELECTRIC CO., LTD (JP)**
1509 Okubo-cho, Nishi-ku, Hamamatsu-city, Shizuoka-Pref., 432-8006 Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LIKAL	47664	17/06/2003	10/05/2012
2	HIFLON	54584	03/06/2004	10/05/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3209/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 39/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 09/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG VIỆT (VN)**
27 Nguyễn Chế Nghĩa, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. (Nay ở 54-56 Nguyễn Văn Của, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh).

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT DƯƠNG ĐẠT (VN)**
Phú Lãm, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	YANQ YUEH, chữ Trung Quốc và hình	38825	09/11/2001	16/04/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3210/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 40/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 22/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH AN HÙNG THUỶ (VN)**
121 Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHÁNH THỊNH CƯỜNG (VN)**
13/25 Âu Cơ, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, T.P Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	GIL MAN, hình	82644	04/06/2007	07/04/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3211/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 41/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 24/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3 - CHI NHÁNH HÀ NỘI (VN)**
529B - 95 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÂN Á (TANAPHAR) (VN)**
Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hoà, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	OTIBABY	81283	18/04/2007	27/07/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3212/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 42/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 30/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI PHÚ SĨ SƠN (VN)**
237/79/17 D2 Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT PHÚ SĨ (VN)**
237/79/17 D2 Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	E WATER ELECTRON CHARGE WATER E H2O, hình	71626	27/04/2006	23/08/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3213/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 43/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 20/11/2006.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC KINH (VN)**
Số 2, phố Hàng Giầy, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI LONG THUỶ A.L.T.COM (VN)**
Số 2, phố Hàng Giầy, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	WICE.FOOD, hình	85925	13/08/2007	02/08/2016
2	WICE.TEA, hình	85926	13/08/2007	02/08/2016
3	WICE.COFFEE, hình	85927	13/08/2007	02/08/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3214/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 44/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 02/04/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI G & B (VN)**
97B Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, T.P. Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **TẠ HÙNG QUỐC VIỆT (VN)**
124 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	S ZAGO, hình	46631	12/05/2003	12/08/2012
2	GORZAGO, hình	46632	12/05/2003	12/08/2012
3	BALEENA , hình	46634	12/05/2003	12/08/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3215/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 45/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 24/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI BÌNH HIỀN (VN)**
6/74 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MÊ KÔNG (VN)**
781/C9 Lê Hồng Phong (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MEKO	28190	24/09/1998	06/05/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3216/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 46/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 25/09/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 21/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN MỸ (VN)**
124 Trần Quốc Thảo, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN Y KHOA HOÀN MỸ (VN)**
72/1 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BỆNH VIỆN HOÀN MỸ, hình	83083	13/06/2007	15/08/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3217/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 47/QĐ-SHTT, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 24/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN MỸ (VN)**
124 Trần Quốc Thảo, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN Y KHOA HOÀN MỸ (VN)**
72/1 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số GCN	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HOÀN MỸ, hình	41314	28/05/2002	25/12/2010
2	BỆNH VIỆN HOÀN MỸ CỬU LONG, hình	83084	13/06/2007	15/08/2015
3	BỆNH VIỆN HOÀN MỸ ĐÀ LẠT ĐIỂM ĐẾN CHO SỨC KHOẺ BẠN, hình	88182	10/09/2007	09/09/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3218/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 71/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.

Ngày ký: 25/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CÔNG THƯƠNG ĐỒNG MINH (VN)**
551 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP) (VN)**
Khóm 5, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ theo các Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Xe máy	11063	02/10/2007	27/10/2011
2	Tấm ốp sườn sau xe máy	11064	02/10/2007	27/10/2011
3	Mặt nạ xe máy	11065	02/10/2007	27/10/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3219/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 72/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 18/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LONG ĐẰNG (VN)**
Số 19, đường số 18, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **LAI SHAO HUAI (CN)**
12-1-201 Star River, Dashi, Guangzhou City, Guangdong Province, China.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệuđang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	DOPOD	82457	25/05/2007	18/10/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3220/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 73/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 31/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ THÀNH CÔNG (VN)**
161A Tân Tiến, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
(Nay ở 14/4/16 A Trương Định, phường 13, quận Tân Bình, T.P. Hồ Chí Minh).

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍN VIÊN KIM CƯƠNG (VN)**
396 Tên Lửa, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, T.P. Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TC THÀNH CÔNG BONBI, hình	38594	16/10/2001	22/05/2010

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3221/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 74/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 31/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ THÀNH CÔNG (VN)**
161A Tân Tiến, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. (Nay ở 14/4/16 A, Trương Công Định, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh).

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍN VIÊN KIM CƯƠNG (VN)**
396 Tên Lửa, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TC THÀNH CÔNG, hình	40434	26/03/2002	09/05/2010
2	T & C TC THÀNH CÔNG, hình	43475	26/09/2002	14/12/2010

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3222/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 75/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 25/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH KIM VIỆT NAM (VN)**
65/5 Thuận Kiều, Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO GIANG (VN)**
5 đường C3, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CYCLONE, hình	40912	26/04/2002	17/01/2018

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3223/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 76/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng sáng chế.

Ngày ký: 11/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **ZIMMER AG (DE)**
Borsigallee 1, 60388 Frankfurt am Main, Germany.

Bên được chuyển nhượng: **LURGI ZIMMER GMBH (DE)**
Lurgiallee 5, 60295 Frankfurt am Main, Germany.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp
1	Quy trình và thiết bị để sản xuất liên tục polyeste	6221	12/03/2007

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3224/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 77/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 20/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN AC (VN)**
G7, Khu biệt thự ghép làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢI TOÀN (VN)**
Lô 33, Khu công nghiệp Tam Phước, tỉnh Đồng Nai.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	AC HIGHCLASS ELECTRICAL ACCESSORIES, hình	42103	15/07/2002	04/12/2010
2	AC, hình	43163	30/08/2002	11/06/2011
3	COMET, hình	43742	23/10/2002	11/06/2011
4	Hình	52646	10/02/2004	06/12/2012
5	Q QUSUN, hình	69585	17/01/2006	14/04/2013
6	SLIMAX, hình	74372	14/08/2006	30/05/2015
7	SLIMLINE	74373	14/08/2006	30/05/2015
8	COMET, hình	89399	25/09/2007	19/10/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3225/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 78/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 05/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN AC (VN)**
G7- Khu biệt thự ghép làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢI TOÀN (VN)**
Lô 33, Khu công nghiệp Tam Phước, tỉnh Đồng Nai.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	COMETSET	92440	03/12/2007	15/11/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3226/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 79/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 23/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VIỆT NAM (VN)**
Số 64 tổ 30, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ITCOM (VN)**
P.304, K10A Tập thể Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ theo các Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Máy điện thoại	8589	29/09/2005	19/09/2008
2	Máy điện thoại	8752	21/11/2005	28/01/2010
3	Điện thoại để bàn	8826	15/12/2005	05/10/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3227/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 80/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Thoả thuận về việc chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 25/03/2007.

Bên chuyển nhượng: **UNION PHARMA CO. (US)**
2632 S.Croddy Way, Santa Ana, CA 92704, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **ROBINSON PHARMA INC. (US)**
3330 S. Harbor Blvd, Santa Ana, CA 92704, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	GENTON	41047	08/05/2002	06/02/2011
2	GERITON	42331	24/07/2002	06/02/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3228/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 81/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 08/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VĨNH HÙNG PHONG (VN)**
88-90 Công chúa Ngọc Hân, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH TRƯỜNG VINH (VN)**
Lô N8, đường N7-D4, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ROSE LOVER , hình	77283	24/11/2006	04/10/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3229/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 82/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu.

Ngày ký: 09/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER - BPC. (VN)**
Số 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)**
Unit J,K,M, Valiant Ind. Centre, 2-12 Au Pui Wan St., Fo Tan, Shatin, Hong Kong.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	PARSAVON TOPICAL SOLUTION	53378	15/03/2004	24/02/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3230/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 83/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng thoả thuận chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 09/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI LẠC PHONG (VN)**
32 Lão Tử, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CHÍ MỸ (VN)**
339 An Dương Vương, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	YTB, hình	79964	12/03/2007	25/03/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3231/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 84/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển nhượng sáng chế.

Ngày ký: 28/03/2006.

Bên chuyển nhượng: **ADVANCED ENGINE TECHNOLOGY PTY. LTD. (AU)**
2 Greg Chappell Drive, Burleigh Gardens, Queensland, 4220, Australia.

Bên được chuyển nhượng: **ADVANCE ENGINE TECHNOLOGIES, INC. (US)**
11150 W. Olympic Boulevard, Suite 1050, Los Angeles, California, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các sáng chế đang được bảo hộ theo các Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp
1	Động cơ đốt trong quay có các pít tông dọc trục	2712	09/04/2002
2	Động cơ quay pít tông dọc trục.	3889	27/10/2003

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3232/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 99/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 02/05/2007.

Bên chuyển nhượng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VỊNH LỢI (VN)
6/23 Cư xá Bình Thới, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỄN ĐẠI (VN)
23 Cư xá Bình Thới, đường số 6, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu 9 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo 9 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MIGHKY, chữ Thái và hình	40084	25/02/2002	15/08/2010
2	TOG	40088	25/02/2002	13/10/2010
3	KNIGHT TAI, hình	40536	02/04/2002	13/10/2010
4	TOWER, hình	49525	20/06/2003	06/06/2012
5	YA LAN, hình	49665	20/06/2003	03/06/2012
6	FUJIMOTO, hình	50308	31/10/2003	23/07/2012
7	NEW CENTURY, hình	50319	31/10/2003	19/07/2012
8	YASUSU, hình	52171	16/01/2004	04/09/2012
9	FEDO, hình	64316	01/07/2005	02/03/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3233/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 100/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 02/05/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VỊNH LỢI (VN)**
6/23 Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỄN ĐẠI (VN)**
23 Cư xá Bình Thới, đường số 6, phường 8, quận 11, T.P. Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SEALION	85092	31/07/2007	12/07/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3234/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 101/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 03/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẠI PHONG (VN)**
10 An Điềm, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH BỘT MÌ ĐẠI PHONG (VN)**
Lô 15A, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Hình	37253	17/05/2001	14/01/2010
2	Hình	37254	17/05/2001	14/01/2010
3	Hình	38104	27/08/2001	14/01/2010
4	Hình	38319	13/09/2001	18/05/2010
5	ELEPHANT, hình	40431	26/03/2002	11/02/2010

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3235/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 102/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng thoả thuận chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 24/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT THUẬN TÀI (VN)**
Số 1 đường 6A, khu dân cư An Lạc, xã Bình Trị Đông, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ĐẠI THUẬN TÀI (VN)**
56 đường số 3, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	THUẬN TÀI	44148	25/11/2002	10/10/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3236/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 103/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 24/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ MỸ ÂN (VN)**
127/7 Mai Xuân Thưởng, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU Y MỸ ĐƯỜNG (VN)**
127/7 Mai Xuân Thưởng, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	UPV TRANG MEI	41576	10/06/2002	14/12/2010
2	IVY TRANG MEI, hình	66608	16/09/2005	31/03/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3237/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 104/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI HỒNG SƠN (VN)**
Phòng 39, C12, tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH CÁ THỂ PHẠM THỊ KIM SƠN (VN)**
Phòng 39, C12, tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MaterMity 9 MONTHS, hình	88150	10/09/2007	01/09/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3238/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 105/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 01/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **KIRIN BEER KABUSHIKI KAISHA (JP)**
(ALSO TRADING AS KIRIN BREWERY CO., LTD)
10-1,Shinkawa 2-Chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan.

Bên được chuyển nhượng: **KIRIN PHARMA KABUSHIKI KAISHA (JP)**
(ALSO TRADING AS KIRIN PHARMA COMPANY LIMITED)
26-1, Jingumae 6-Chome, Shibuya-Ku, Tokyo, Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ARANESP	37795	19/07/2001	24/03/2010
2	NESP	61310	24/03/2005	08/08/2013
3	PEGLASTA	72538	02/06/2006	30/11/2014

4	GRAN	77272	24/11/2006	22/06/2014
5	LOGLACT	78402	10/01/2007	26/01/2015
6	LOGLASTA	78403	10/01/2007	26/01/2015
7	NEUGRAN	80795	09/04/2007	01/03/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3239/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 106/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 12/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CỞ SỞ TÂN LẬP (VN)**
969 Tân Khai, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG ÂN (VN)**
968 Tân Khai, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	DEAN, hình	86414	17/08/2007	17/10/2015
2	YATUSY, hình	86493	17/08/2007	17/10/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3240/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 107/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ VÂN ANH (VN)**
168 đại lộ 2, tổ 3, khu phố 3, phường Phước Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIM MINH (VN)**
E33, khu dân cư 586, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ALON, hình	88376	12/09/2007	07/10/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3241/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 108/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VÀ VẬT LIỆU ĐIỆN (VN)**
Số 53 Nguyễn Công Trứ, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THIÊN PHÚ (VN)**
Số 22 Nguyễn Huy Tự, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SMARTDOOR	80750	04/04/2007	22/06/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3242/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 109/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 20/05/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ LÊ VĂN BÌNH (VN)**
786 Hậu Giang, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI HIỆP TÍN (VN)**
134 Tân Thành, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LVB LÊ VĂN BÌNH, hình	36018	30/01/2001	26/04/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3243/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 110/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 22/06/2007.

Bên chuyển nhượng: CIGNA CORPORATION (US)
One Liberty Place, City of Philadelphia, Pennsylvania 19192-1520, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: CIGNA INTELLECTUAL PROPERTY, INC. (US)
590 Naamans Road, Claymont, Delaware 19703, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CIGNA	11799	16/05/1994	22/06/2013
2	CIGNA, hình	11800	16/05/1994	22/06/2013
3	CIGNA-A BUSINESS OF CARING	14531	07/12/1994	17/03/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3244/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 111/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 19/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **KABUSHIKI KAISHA BANDAI (BANDAI CO., LTD.) (JP)**
4-8, Komagata 1-chome, Taito-ku, Tokyo, Japan.

Bên được chuyển nhượng: **KABUSHIKI KAISHA MEGAHOUSE (MEGAHOUSE CORPORATION) (JP)**
5-4, Komagata 2-chome, Taito-ku, Tokyo, Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MH, hình	30970	17/05/1999	15/12/2017
2	MegaHouse	31552	22/07/1999	28/03/2018

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3245/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 112/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu.

Ngày ký: 27/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HOÀNG VŨ (VN)**
7B ngõ Giếng, Đại La, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NHẬT HOA (VN)**
P107-D2, Tập thể Hồ Việt Xô, phố Tây Kết, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ELIVE	82154	16/05/2007	12/08/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3246/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 113/QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 26/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **BINNEY & SMITH INC. (US)**
(NAY LÀ BINNEY & SMITH LLC (US))
1100 Church Lane, Easton, Pennsylvania 18044, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **CRAYOLA PROPERTIES, INC. (US)**
2035 Edgewood Avenue, Easton, Pennsylvania 18042, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CRAYOLA	26602	16/03/1998	04/12/2016
2	V, hình	26603	16/03/1998	04/12/2016
3	Hình.	27615	15/07/1998	04/12/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3247/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 135/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 03/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÂN THIÊN PHÚ (VN)**
06 Nguyễn Thị Định, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THIÊN PHÚ (VN)**
06 Nguyễn Thị Định, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	THIÊN PHÚ XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH THỦY SẢN, hình	81424	23/04/2007	22/09/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3248/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 136/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 30/11/2006; Phụ lục hợp đồng ký ngày 26/07/2007.

Bên chuyển nhượng: RIKER LABORATORRIES INC. (US)
3M Center, 2501 Hudson Road, St. Paul, Minnesota, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: WIRRA IP PTY LIMITED (AU)
Pier 2-3, Suite 7, 13 Hickson, Dawes Point, New South Wales, Australia.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	DIFFLAM	12369	28/06/1994	18/08/2013
2	AIROMIR	12376	28/06/1994	18/08/2013
3	QVAR	14883	31/12/1994	09/05/2014
4	ALDARA	18429	14/10/1995	14/09/2014
5	Hình	27861	06/08/1998	24/03/2017
6	ZIDOVAL	28428	15/10/1998	17/05/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3249/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 137/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 26/06/2004; Phụ lục hợp đồng ký ngày 15/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **LRC PRODUCTS LIMITED (GB)**
Toft Hall, Knutsford, Cheshire WA 16 9PD, United Kingdom.
(Nay ở 35 New Bridge Street, London EC4U 6BW, United Kingdom).

Bên được chuyển nhượng: **REGENT MEDICAL LIMITED (GB)**
1 Silk Street, London EC2Y 8HQ, England.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Hình	50432	10/11/2003	06/08/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3250/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 138/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 06/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **EMI RECORDS LIMITED (GB)**
EMI House, 43 Brook Green, London, W6 7EF, UK.

Bên được chuyển nhượng: **EMI (IP) LIMITED (GB)**
27 Wrights Lane, London, W8 5SW, UK.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ANGEL, hình	11419	02/04/1994	04/06/2013
2	PARLOPHONE	11421	02/04/1994	04/06/2013
3	HARVEST, hình	11422	02/04/1994	04/06/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3251/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 139/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 13/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **ALLIANCE ATLANTIS COMMUNICATIONS INC. (CA)**
121 Bloor Street East, Suite 1500, Toronto, Ontario, Canada, M4W 3M5.

Bên được chuyển nhượng: **ALLIANCE ATLANTIS PRODUCTIONS, INC. (US)**
1543-7th Street, Suite 300, Santa Monica, California, United States 90401.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CSI: CRIME SCENE INVESTIGATION, hình	56126	04/08/2004	04/06/2013
2	CSI:, hình	63926	21/06/2005	04/06/2013
3	CSI:NY, hình	74920	05/09/2006	17/11/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3252/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 140/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 08/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN TỬ HÀ NỘI (VN)**
52 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ HOÀN KIẾM (VN)**
52 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	H HAMEC, hình	83153	18/06/2007	09/09/2015

II . CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP (HỢP ĐỒNG LI-XĂNG)

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1572/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 49/ QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng:	Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá.
Ngày ký:	27/03/2007.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	TRIUMPH INTERNATIONAL SPIESSHOFER & BRAUN (CH) Promenaden Strasse 24, CH-6437 Zurzach, Switzerland
Bên nhận chuyển giao:	CÔNG TY TNHH TRIUMPH INTERNATIONAL (VIỆT NAM) (VN) Số 2, đường số 3, khu công nghiệp Sóng Thần, thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "VALISERE" đang được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế số 226354, đăng ký ngày 08/12/1959.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 10/01/2008 đến ngày 08/12/2009.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1573/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 51/ QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu.
Ngày ký:	02/01/2008.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG (VN) Số 2, An Đà, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Bên nhận chuyển giao:	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM (VN) Khu công nghiệp Đồng An II, xã Hoà Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày ký Quyết định này đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) dưới đây:

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số GCN* *(3)*	Ngày cấp (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	TIFOPLAST TP và hình	3350	13/09/1991	15/07/2011
2	NHỰA TIỀN PHONG	40314	18/03/2002	19/01/2011
3	TIỀN PHONG	44476	17/12/2002	23/04/2011

Phạm vi chuyển giao: khu vực miền trung (từ Đà Nẵng trở vào) và các tỉnh phía Nam lãnh thổ Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1574/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 52/ QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 02/12/2007.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC MẮM MƯỜI THU (VN)
Khu tiểu thủ công nghiệp Bằng Châu, thị trấn Đập Đá,
huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định

Bên nhận chuyển giao: CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC MẮM MƯỜI THU (VN)
Cụm công nghiệp Thanh Liêm, xã Nhơn An, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "MƯỜI THU" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 45804, cấp ngày 28/03/2003.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 02/12/2007 đến ngày 03/12/2011.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1572/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 85/ QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 01/10/2007.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: **TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM (VN)**
25A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ BẮC SƠN (VN)**
Phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "AROMA" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 77727, cấp ngày 14/12/2006.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 01/10/2007 đến ngày 30/09/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1576/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 114/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Phụ lục hợp đồng của hợp đồng li-xăng liên quan tới việc sử dụng các nhãn hiệu UIL.

Ngày ký: Phụ lục hợp đồng ký ngày 18/09/2007. Hợp đồng chính ký ngày 01/05/2002.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: **UNZA INTERNATIONAL LIMITED (VG)**
Craigmuir Chambers, P.O. Box 71 Road Town, Tortola,
The British Virgin Islands

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH UNZA VIỆT NAM (VN)**
7 VSIP, đường số 4, khu công nghiệp Việt Nam Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày ký Quyết định này đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) dưới đây:

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số GCN* *(3)*	Ngày cấp (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	ENCHANTEUR	15825	17/03/1995	21/07/2014
2	UNZA	15829	17/03/1995	21/07/2014
3	UNZA	15830	17/03/1995	21/07/2014
4	Hình	16028	27/03/1995	21/07/2014
5	Hình	16029	27/03/1995	21/07/2014
6	EVERSOFT	18671	26/10/1995	21/07/2014
7	ROMANO	26848	07/04/1998	20/11/2015

Phạm vi chuyển giao: Lãnh thổ Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1577/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 115/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 25/10/2007; Hợp đồng điều chỉnh ký ngày 02/01/2008.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **TRẦN TRỌNG HIẾU (VN)**
66 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển giao: **NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG (VN)**
29 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "BỐ GIÀ" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 38659, cấp ngày 29/10/2001.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 25/01/2008 đến ngày 26/05/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1578/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 116/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu.
Ngày ký:	Hợp đồng chính ký ngày 20/10/2007; Hợp đồng điều chỉnh ký ngày 07/01/2008.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	TRẦN TRỌNG HIẾU (VN) 66 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
Bên nhận chuyển giao:	LÊ THỊ THUỲ NHIÊN (VN) 299 Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, quận Tân Bình, T.P. Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "BỐ GIÀ" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 38659, cấp ngày 29/10/2001.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 25/01/2008 đến ngày 26/05/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1579/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 117/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa.
Ngày ký:	18/09/2007.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THUẬN PHÁT (VN) 176/27A Hoà Bình, phường 20, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
Bên nhận chuyển giao:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐẠI ĐẠI PHÁT (VN) 51/4 đường Hòa Bình, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "SAKANA" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 44683, cấp ngày 31/12/2002.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 25/01/2008 đến ngày 13/09/2011.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1580/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 118/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/04/2006.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **TOYO INK MFG. CO., LTD. (JP)**
3-13, 2-chome, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Japan

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH TOYO INK COMPOUNDS VIỆT NAM (VN)**
Lô G9, khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây cho sản phẩm thuốc màu:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TOYO INK	19485	22/12/1995	25/05/2015
2	Hình	35740	18/12/2000	23/08/2009
3	Chữ Trung Quốc	62395	04/05/2005	24/11/2013
4	DONGYANG	62396	04/05/2005	24/11/2013
5	P và hình	65720	12/08/2005	23/03/2014

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: 01 năm tính từ ngày 25/01/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1581/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 119/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/04/2006.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **TOYO INK MFG. CO., LTD. (JP)**
3-13, 2-chome, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Japan

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH TOYO INK VIỆT NAM (VN)**
Lô 101, đường Amata, khu công nghiệp Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây cho các sản phẩm mực in phủ và vật liệu in (không bao gồm mực cung cấp cho máy in) thuộc nhóm 02:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TOYO INK	19485	22/12/1995	25/05/2015
2	Hình	35740	18/12/2000	23/08/2009
3	Chữ Trung Quốc	62395	04/05/2005	24/11/2013
4	DONGYANG	62396	04/05/2005	24/11/2013

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: 01 năm tính từ 25/01/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1582/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 141/ QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 13/09/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **SIEMENS AKTIENGESELLSCHAFT (DE)**
Wittelsbacherplatz 2, 80333 Munich, Federal Republic of Germany

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH SIEMENS (VN)**
Toà nhà Landmark, tầng 2, 5B đường Tôn Đức Thắng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "SIEMENS" đang được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế số 637074, đăng ký ngày 31/03/1995.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 13/09/2007 đến ngày 31/03/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1583/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 142/ QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 01/04/2007; Hợp đồng bổ sung ký ngày 01/11/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **PUMA AKTIENGESELLSCHAFT RUDOLF DASSLER SPORT (DE)**
Wuerzburger Strasse 13, D-91074 Herzogenaurach, Germany

Bên nhận chuyển giao: **PUMA SPORTS SINGAPORE PTE. LTD. (SG)**
50 Raffles Place, #30-00, Singapore Land Tower, Singapore 048623

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Đăng ký quốc tế tương ứng dưới đây.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 01/04/2007 đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) dưới đây:

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số ĐKQT* *(3)*	Ngày đăng ký (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	Puma	175859	26/03/1954	31/12/2009
2	PUMA	350539A	18/10/1968	18/10/2008
3	Hình	369072	02/05/1970	31/12/2009
4	Puma	369917	29/05/1970	31/12/2009
5	Hình	426712	19/11/1976	31/12/2009
6	PUMA	437626	12/04/1978	12/04/2008
7	Hình	458848	10/03/1981	31/12/2009
8	PUMA	458849	10/03/1981	31/12/2009
9	Hình	480105	30/09/1983	31/12/2009
10	PUMA và hình	480708	30/09/1983	31/12/2009
11	Hình	484788	27/03/1984	31/12/2009
12	Hình	484789	27/03/1984	31/12/2009
13	PUMA	497105	14/10/1985	31/12/2009
14	Hình	497106	14/10/1985	31/12/2009
15	PUMA và hình	582886	22/07/1991	31/12/2009
16	Hình	593987	17/06/1992	31/12/2009

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1584/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 156/ QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 01/11/2004.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **EKA CHEMICALS AB (SE)**
SE-445 80, Bohus, Sweden

Bên nhận chuyển giao: **EKA CHEMICALS (THAILAND) LIMITED (TH)**
10th Floor, Soi Sukhumvit 55, Bangkok 10110, Thailand

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "EKA" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 78335, cấp ngày 09/01/2007.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: theo thoả thuận giữa các bên như nêu tại Điều 6.1 của Hợp đồng nhưng không được vượt quá ngày 17/02/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1585/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 157/ QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng.

Ngày ký: 20/12/2007.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: **SMITHKLINE BEECHAM, P.L.C. (GB)**
980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS, England

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SANOFI-SYNTHELABO VIỆT NAM (VN)**
Số 10 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, T.P. Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	PANADOL	945	08/09/1988	11/03/2018
2	PANADOL	13959	29/10/1994	01/02/2014
3	PANADOL và hình	45709	25/03/2003	07/01/2012

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: theo thoả thuận giữa các bên như nêu tại Điều 13.1 của Hợp đồng.

Ghi nhận sửa đổi nội dung hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Theo Quyết định số 87/ QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 01 năm 2008

Ghi nhận việc sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng li-xăng số 1149/ ĐKHĐLX cấp ngày 30/03/2005 như sau:

- Đối tượng được chuyển giao: Quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa "TOYO INK" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 19485 và nhãn hiệu "hình sư tử và quả địa cầu" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 35740 cho sản phẩm "mực cung cấp cho máy in không bao gồm mực in phủ", thuộc nhóm 2.

Theo Quyết định số 53/ QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 01 năm 2008

Ghi nhận việc sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1481/ ĐKHĐSĐ cấp ngày 20/04/2007 như sau:

- Tên của Bên nhận sửa thành:

  CÔNG TY CỔ PHẦN UNITED MOTOR VIỆT NAM (VN)

Theo Quyết định số 54/ QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 01 năm 2008

Ghi nhận việc sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng li-xăng số 1020/ ĐKHĐLX cấp ngày 23/07/2004 như sau:

- Tên và địa chỉ Bên giao được sửa thành:

  CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SANOFI – SYNTHELABO VIỆT NAM (VN)

  10 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Theo Quyết định số 155/ QĐ-SHTT, ngày 14 tháng 02 năm 2008

Ghi nhận việc sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1564/ ĐKHĐSĐ cấp ngày 10/12/2007 như sau:

- Thời hạn chuyển giao: Từ ngày 27/09/2007 đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) Danh sách kèm theo.

Gia hạn hiệu lực Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Theo Quyết định số 144/ QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 02 năm 2008

Gia hạn thời hạn chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu "CHIVAS REGAL và hình"; "ROYAL SALUTP và hình"; "CHIVAS REGAL và hình" và "ROYAL SALUTP và hình"; đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hành hóa số 30781; 30782; 30783 và 30784 đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng Li-xăng số 1276/ ĐKHĐLX ngày 14/12/2005, đến ngày 30/12/2017.

ĐÍNH CHÍNH

Văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền sáng chế số 6764, cấp ngày 21.12.2007
Nội dung đính chính: Ngày nộp đơn được sửa đổi thành: 04/09/2003

Văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền kiểu dáng số 7551, cấp ngày 16.02.2004
Nội dung đính chính: Tên của Chủ Văn bằng được sửa đổi thành:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT- KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY ÂU LẠC (VN)

Văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền kiểu dáng số 7552, cấp ngày 16.02.2004
Nội dung đính chính: Tên của Chủ Văn bằng được sửa đổi thành:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT- KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY ÂU LẠC (VN)

Văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền kiểu dáng số 7553, cấp ngày 16.02.2004
Nội dung đính chính: Tên của Chủ Văn bằng được sửa đổi thành:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT- KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY ÂU LẠC (VN)

Văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền kiểu dáng số 7565, cấp ngày 16.02.2004
Nội dung đính chính: Tên của Chủ Văn bằng được sửa đổi thành:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT- KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY ÂU LẠC (VN)